

CHƯƠNG 11

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

11.1 Cơ cấu Kế hoạch Hành động

Các Kế hoạch Hành động đã được xây dựng nhằm thực hiện các mục tiêu ban đầu trong các mục tiêu phát triển tổng thể vào năm 2020 mà Quy hoạch Tổng thể đề ra, bao gồm 19 chương trình thuộc 8 lĩnh vực.

Như đã đề cập trong Chương 11, mười chín (19) chương trình đề xuất được chia thành các chương trình thuộc Quy hoạch Tổng thể Tỉnh và các chương trình thuộc Quy hoạch Tổng thể Khu vực. Cơ cấu Kế hoạch Hành động được nêu trong Bảng 11.1.1

Bảng 11.1.1 Cơ cấu Kế hoạch Hành động

	Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Hòa Bình	Tổng
Quy hoạch Tổng thể Tỉnh	11	11	9	9	40
Quy hoạch Tổng thể Khu vực	10				10
Tổng	21	21	19	19	50

Danh sách các Kế hoạch Hành động được trình bày trong Bảng 11.1.2.

11.2 Mô tả Kế hoạch Hành động

Mỗi Kế hoạch Hành động được mô tả theo các khía cạnh sau:

- 1) Thời gian Thực hiện
- 2) Khu vực và Đối tượng hưởng lợi Mục tiêu (Bản đồ Vị trí)
- 3) Cơ quan Thực hiện, Cơ quan Phối hợp (Sơ đồ Tổ chức)
- 4) Mục tiêu
- 5) Tóm tắt Dự án (Mục tiêu Tổng thể, Mục tiêu của Dự án, Kết quả Dự kiến)
- 6) Các hoạt động
- 7) Đầu vào và Báo cáo, Tài liệu
- 8) Khuyến nghị

Dự kiến các Kế hoạch Hành động sẽ được triển khai vào năm 2010 và thực hiện trong thời hạn 5 năm từ 2011-2015 thuộc giai đoạn SEDP (Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội) tiếp theo, chia thành hai (2) pha. Phần lớn các Kế hoạch Hành động đề xuất sẽ được triển khai cùng với các dự án thí điểm trong đó lấy việc hợp lý hóa kỹ thuật và thiết lập tổ chức làm ưu tiên. Công tác tăng cường năng lực cho cán bộ dự án cũng được chú trọng.

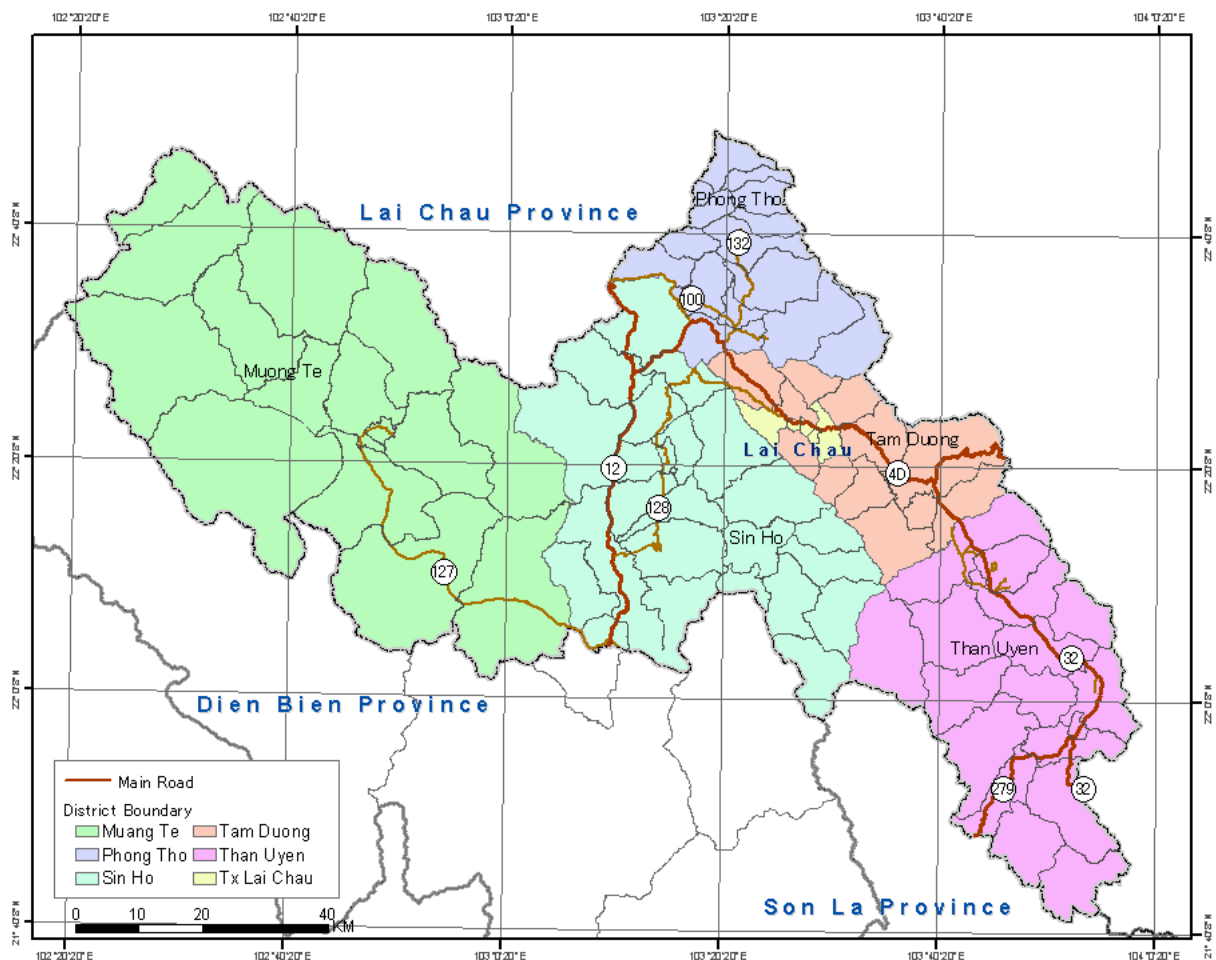
Bảng 11.1.2 Danh sách Kế hoạch Hành động

Lĩnh vực	Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động			
		Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Hòa Bình
1. Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường	1.1 Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương	Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè	Cải tiến Chất lượng và Sản lượng Chè	Cải tiến Chất lượng và Sản lượng Chè	Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè
	1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp	Sản xuất và Marketing Cao su	Cải tiến Chất lượng và Marketing Gạo Điện Biên	Cải tiến Chất lượng Cà phê	
		Sản xuất và Marketing Nấm		Sản xuất và Marketing các Sản phẩm Bơ sữa	Sản xuất Thiết bị và Công cụ Nông nghiệp
	1.3 Chương trình Sản xuất Cây An toàn	Xúc tiến Sản xuất Hoa quả Sạch	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC)	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC)	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC)
1.4 Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới	Phát triển Cơ sở Hạ tầng ở Vùng Biên giới	Phát triển Cơ sở Hạ tầng ở Vùng Biên giới	Phát triển Cơ sở Hạ tầng ở Vùng Biên giới		
2. Cải thiện An ninh Lương thực	2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	Cải thiện Sản xuất Ngô ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa
	2.2 Chương trình Cải thiện Thú y và Chăn nuôi	Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi			
		Phát triển Nông trường Sữa Cộng đồng	Phát triển Nông trường Sữa Cộng đồng		Giới thiệu Giống Trâu Nước Cải tiến
2.3 Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt	Dự án Thí điểm Nuôi Cá trong Ruộng lúa	Dự án Thí điểm Nuôi Cá Ao		Quản lý Nguồn lực Thủy sản ở Hồ Đập Hòa Bình	
3. Hối sinh và Đa dạng hóa các Nguồn Thu nhập	3.1 Chương trình Xúc tiến Lâm sản Ngoài gỗ (NTFP)	Giới thiệu Quản lý Tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ	Đưa các Cây thuốc vào trồng	Quản lý Tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ (NTFP)	Xúc tiến các Cây Đa mục đích và Cây thuốc
	3.2 Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ	Đẩy mạnh Thủ công nghiệp và Chế biến lương thực ở Trung tâm Học tập Cộng đồng	Thủ công Mỹ nghệ & Chế biến Thực phẩm dựa trên Cộng đồng	Xúc tiến các Đặc sản	Chiến dịch Xúc tiến Bán hàng ở các Vị trí Ven đường
	3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn	Xúc tiến Du lịch Xanh	Xúc tiến Làng Du lịch	Xúc tiến Làng Du lịch	Xúc tiến Làng Du lịch
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp			
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới			
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối			
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước (WUO)	Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước (WUO)			
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi			
6. Phát triển Đường Nông thôn	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn			
7. Điện khí hoá Nông thôn	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng tái tạo			
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	Lập Kế hoạch 5 năm về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc			

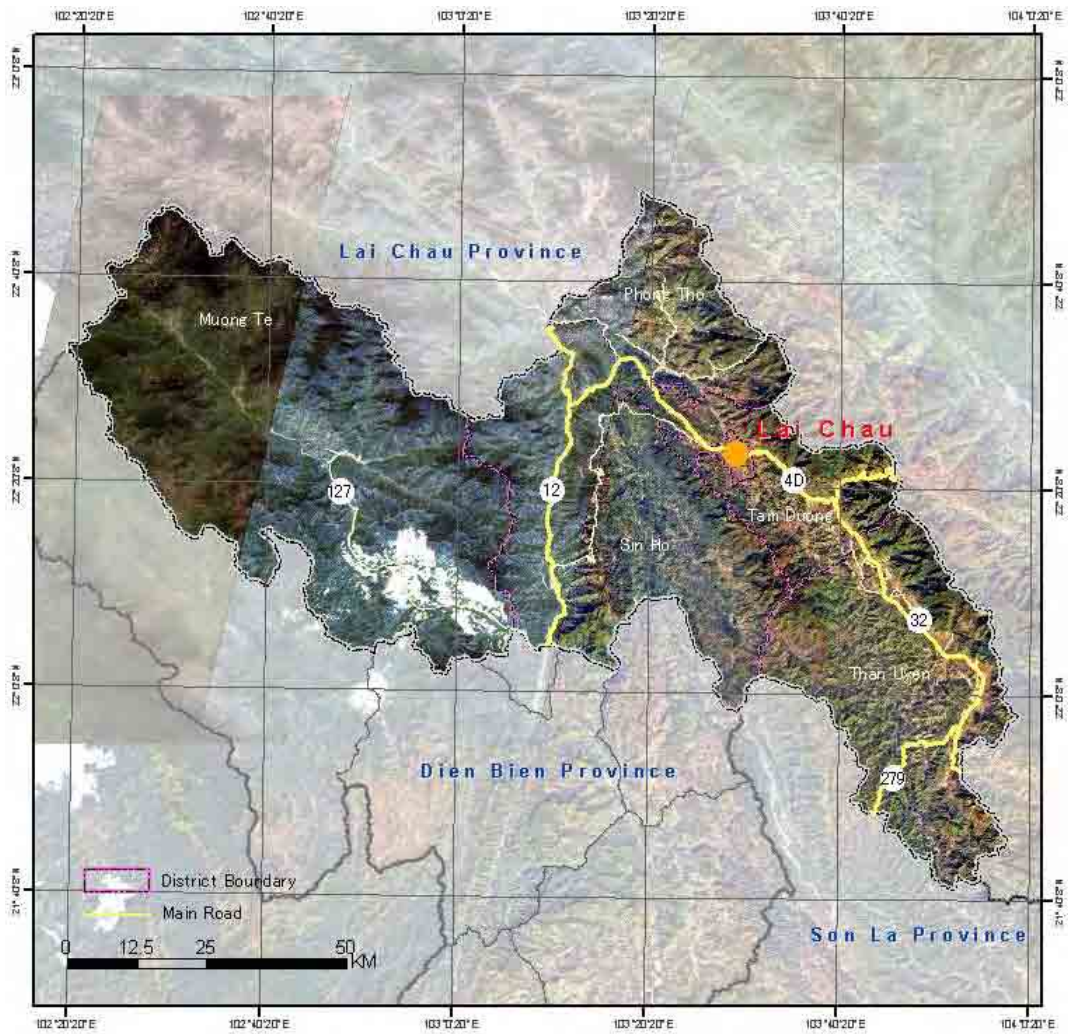
11.3 Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Lai Châu

Tỉnh Lai Châu

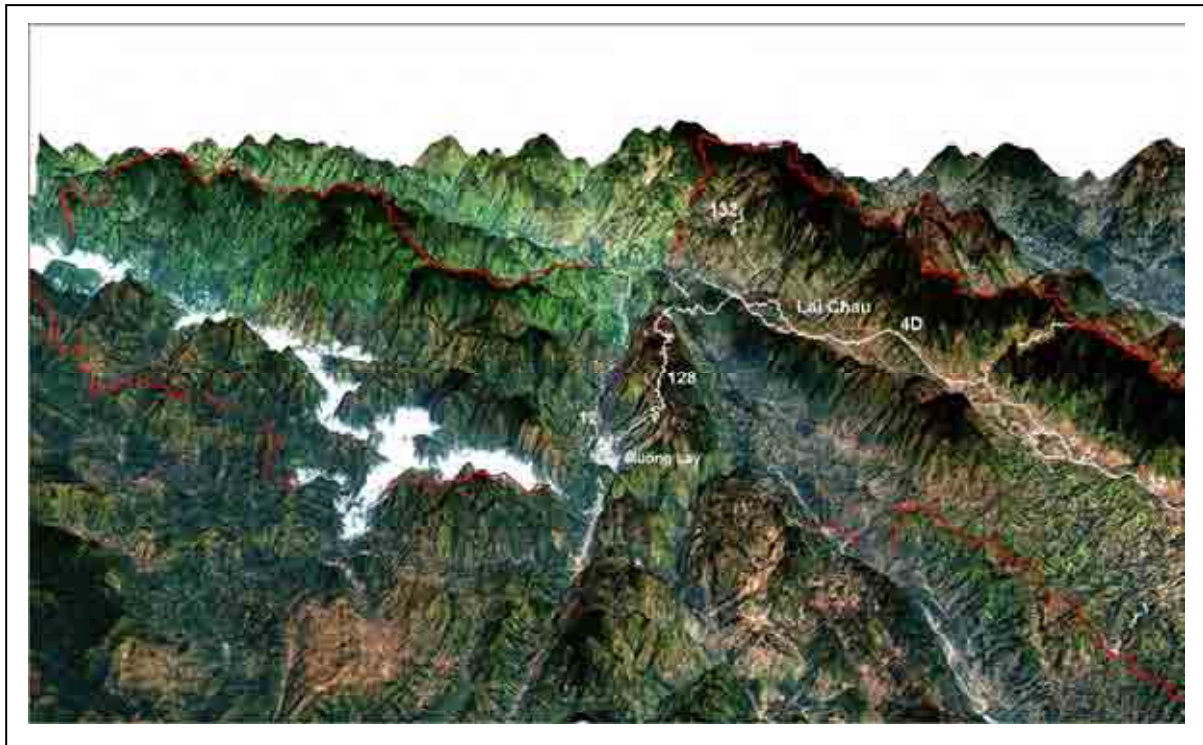
Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể Tỉnh
Các Kế hoạch Hành động (2010-2015)



Ranh giới Hành chính và Mạng lưới Đường Chủ yếu



Toàn Cảnh theo Phân chia Cao độ



Hình ảnh 3D Tỉnh Lai Châu

Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Lai Châu

1. Hiện trạng của tỉnh Lai Châu

Tỉnh Lai Châu nằm ở cực bắc của Vùng Tây Bắc, có diện tích 9.112 km². Dân số là 331.000 người và mật độ là 36 người/ km², thấp nhất trong các tỉnh của Vùng (Mật độ dân số toàn Vùng là 71 người/ km²). Đồng bào thiểu số trong tỉnh bao gồm Thái (chiếm 35% dân số), H' Mông (21%), Kinh (13%), Dao (12%) và Hà Nhì (5%). Tám mươi sáu phần trăm (86%) lực lượng lao động làm nông nghiệp. GDP theo đầu người năm 2005 là US\$212.

Đường từ Hà Nội đi Lai Châu, qua Hòa Bình và Sơn La, có chiều dài 550 km (Quốc lộ No. 6, 279 và 32). Một cách khác đi Lai Châu là chuyến bay từ Hà Nội đi Điện Biên Phủ, và đi Quốc lộ số 12 tới Lai Châu. Cả hai cách đi này, thì các con đường miền núi đều cản trở cho vận chuyển hàng hóa thuận tiện, đây là trở ngại lớn cho phát triển trong khu vực.

Nhiều ngọn núi của Lai Châu có độ cao trên 2.000m, làm cho độ cao trung bình tại đây khá lớn. Sáu mươi chín phần trăm (69%) diện tích tỉnh có độ cao từ 500 đến 1.500m trên mực nước biển. Sáu mươi bảy phần trăm (67%) diện tích có độ dốc trên 30. Tỉnh có địa hình gồ ghề nhất trong Vùng. Hầu hết diện tích tỉnh nằm trong lưu vực sông Đà. Bảo tồn lưu vực là một vấn đề cấp bách vì lý do a) diện tích rừng chỉ còn 37 %, thấp nhất trong các tỉnh thuộc Vùng và b) 30% diện tích toàn tỉnh là thảm thực vật rải rác có nguy cơ xói mòn đất cao.

GDP toàn tỉnh năm 2005 là 1.058 tỷ VND, chiếm khoảng 10% tổng GDP toàn Vùng. Lai Châu phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp do ngành nông nghiệp chiếm tới 46% GDP toàn tỉnh. Diện tích gieo trồng chiếm 8% (78.000 ha) diện tích toàn Vùng. Trong diện tích gieo trồng thì ruộng nương là 57.000 ha, ruộng lúa 14.000 ha và vườn 7.000 ha, lần lượt là 73%, 18% và 9%.

Tổng lượng thóc và lúa nương là 93.000 tấn vào năm 2005. Con số này tương đương với 192 kg gạo trên đầu người. So với số trung bình toàn quốc 168 kg, thì con số này cao hơn. Một số nơi trong tỉnh bị thiếu gạo mà phải bổ sung bằng ngô và cây có củ. Cây trồng có giá trị chủ yếu là chè với diện tích gieo trồng là 4.200 ha; lớn nhất trong các tỉnh trong Vùng. Một số loại chè sản xuất tại Lai Châu đã thành công tạo nên thương hiệu.

2. Các Kế hoạch Hành động được Đề xuất

Gia tăng sản xuất lương thực và cải thiện bữa ăn ở vùng hẻo lánh

An ninh lương thực của Lai Châu là một vấn đề quan trọng vì các con đường trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh đều có điều kiện không tốt. Các kế hoạch hành động đề ra nhằm gia tăng sản xuất lương thực tại các vùng hẻo lánh thông qua a) phát triển thủy lợi quy mô nhỏ trên đất nông nghiệp tại các thung lũng và ruộng bậc thang bằng việc sử dụng các con suối và b) điều phối khuyến nông và cung cấp giống ngô và lúa.

Các nỗ lực làm giàu bữa ăn cho người dân địa phương thông qua hỗ trợ chăn nuôi và thủy sản cũng là cần thiết. Tỉnh Lai Châu có không khí mát mẻ nên các loại trâu được nuôi rộng rãi. Việc gia tăng sản xuất trâu lấy thịt và sữa là cần thiết thông qua a) cải tạo giống và b) nâng cao số lượng trâu lấy thịt và sữa. Việc cải tiến dịch vụ chăm sóc sức khỏe vật nuôi và cung cấp giống ổn định cũng là việc cần thiết.

Các kế hoạch hành động đối với trâu lấy sữa và sản xuất thịt và chăm sóc sức khỏe, đều đã được đề ra.

Nuôi trồng thủy sản quy mô lớn là không phù hợp với Lai Châu vì những khó khăn về nguồn nước và nông nghiệp. Thay vì đó, việc canh tác lúa cho tiêu thụ hộ gia đình cần được tiến hành. Các kế hoạch hành động đã đề ra nhằm thiết lập và mở rộng các kỹ thuật/công nghệ cho ngành nghề phụ giúp đỡ nông dân nghèo và các nhóm phụ nữ.

Áp dụng và mở rộng nông sản cho thương mại biên giới

Tỉnh Lai Châu có chung đường biên giới với tỉnh Vân Nam, Trung quốc. Buôn bán biên giới với Trung quốc thông qua Ma Lò Thành, huyện Phong Thổ. Tổng lượng buôn bán năm 2006 là 3.7 triệu US\$. Góp phần của buôn bán biên giới cho kinh tế tỉnh là không quá nhỏ bé vì lượng này chiếm tới 9.4% GDP của tỉnh. Về cân bằng buôn bán thì lượng xuất của Việt Nam sang Trung quốc là nhiều hơn Trung quốc sang Việt Nam. Các mặt hàng chủ yếu xuất khẩu sang Trung quốc là chè, bạch đậu khấu, măng, và quặng sắt. Lượng chè xuất khẩu sang Trung quốc hiện đang tăng lên. Năm 2006, có 1.900 tấn chè lá đã xuất khẩu sang Trung quốc. Tỉnh còn có cửa khẩu khác là U Ma Tu Khoàng, huyện Mường Tè, mà hiện chưa được mở cửa. Với hai cửa khẩu như vậy, thì buôn bán biên giới chắc chắn đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp của tỉnh. Việc ổn định sinh kế cho người dân vùng biên giới là vấn đề rất quan trọng trong việc thúc đẩy nguồn lợi buôn bán biên giới. Vì lý do như vậy, phát triển cơ sở hạ tầng để cải thiện môi trường sống cho người dân là điều cần thiết.

Cần phải đa dạng hóa các đặc sản theo quan điểm buôn bán biên giới. Nguồn nước và đất sạch là những tài nguyên quan trọng của Vùng. Nông sản an toàn của tỉnh có khả năng cạnh tranh cao. Trong một kế hoạch hành động, việc sản xuất hoa quả được ưu tiên theo hướng mở rộng nông-lâm. Bởi hoa quả phải sau vài năm mới được thu hoạch, một kế hoạch hành động đề xuất việc cải tiến chất lượng chè vì nó mang lại hiệu quả tức thì.

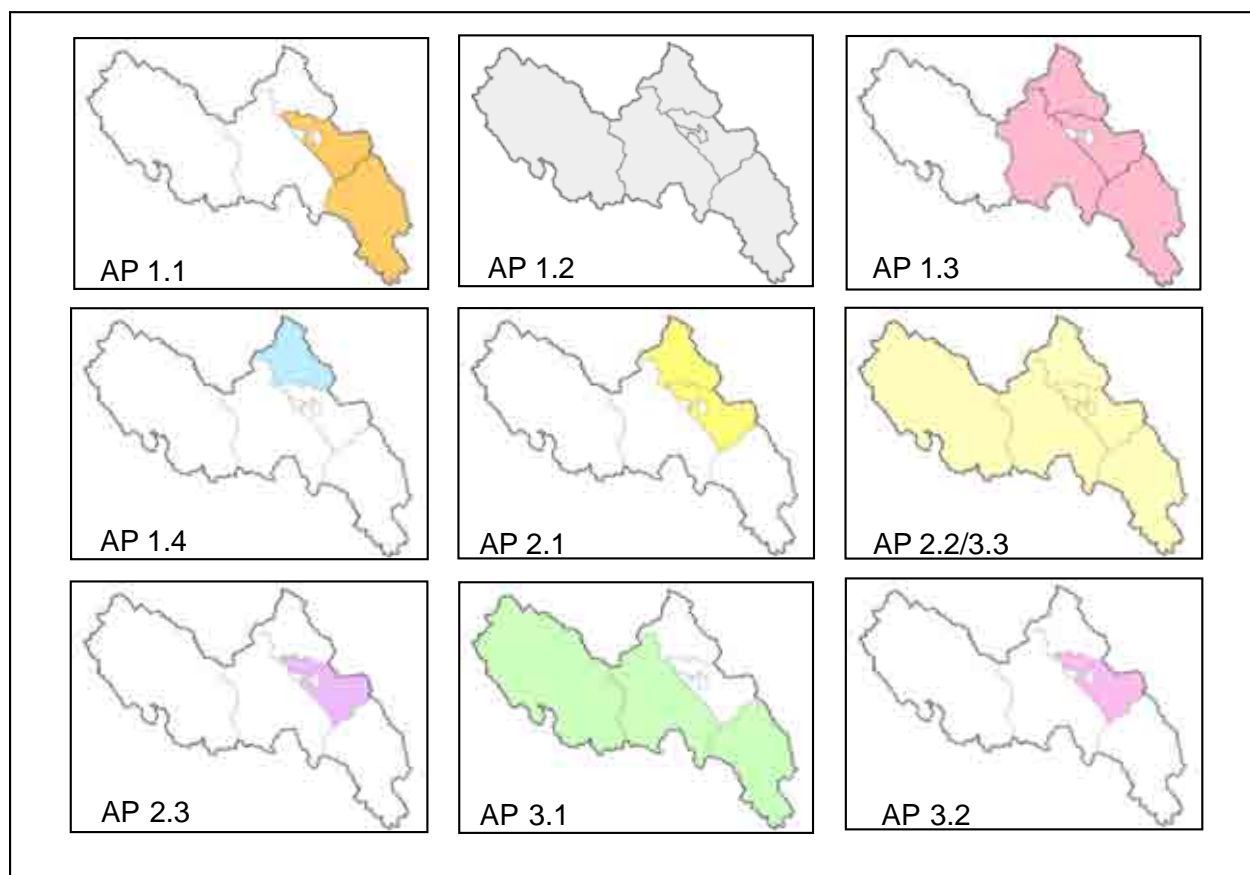
Mặc dầu Lai Châu có bất lợi vì không có hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, nhưng việc khuyến khích kinh doanh nông nghiệp từ năm 2020 trở đi là rất quan trọng. Có một kế hoạch hành động đề xuất sản xuất và buôn bán cao su tự nhiên và nấm như một ngành công nghiệp địa phương dựa trên những đặc tính độc đáo của tỉnh.

Sử dụng tài nguyên rừng và phát triển thủ công nghiệp

Thúc đẩy lâm sản ngoài gỗ (NTFP) là một chủ đề phát triển quan trọng của tỉnh Lai Châu. Bởi vì việc áp dụng và mở rộng những hoạt động này không bị phụ thuộc quá nhiều vào tài nguyên đất. Mây, tre, cánh kiến, cây trầu, v.v.v đang phát triển rộng trong tỉnh, đang đòi hỏi một kế hoạch hành động để hình thành một hệ thống quản lý tổng hợp.

Việc đa dạng hóa các nguồn thu nhập thông qua phát triển thủ công nghiệp và du lịch là cần thiết cho phụ nữ và các hộ nông dân không đủ đất canh tác. Dựa trên các tư liệu ghi chép về giáo dục nông dân đã triển khai tại các Trung tâm Học tập Cộng đồng (CLC), có một kế hoạch hành động đề ra một dự án thí điểm đào tạo các hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ về thủ công và chế biến lương thực. Do Lai Châu có tài nguyên thiên nhiên phong phú, một kế hoạch hành động khác đề ra phát triển các bản văn hóa/du lịch và du lịch xanh với các cán bộ du lịch nắm vững văn hóa và truyền thống của đồng bào thiểu số. Kế hoạch hành động này dựa trên kinh nghiệm và bài học thu được từ phát triển du lịch tại Sa Pa của Lào Cai.

Lĩnh vực	Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động	Trang
Quy hoạch Tổng thể Tỉnh Lai Châu			
1. Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường	1.1 Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp	AP1.1 Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè	11-8
	1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp	AP1.2 Sản xuất và Marketing Cao su	11-10
		AP1.2 Sản xuất và Marketing Nấm	11-12
	1.3 Chương trình Sản xuất Cây An toàn	AP1.3 Xúc tiến Sản xuất Hoa quả Sạch	11-14
2. Cải thiện An ninh Lương thực	2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	AP2.1 Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	11-18
	2.2 Chương trình Cải thiện Thú y và Chăn nuôi	AP2.2 Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi	11-110
		AP2.2 Phát triển Nông trường Sữa Cộng đồng	11-20
	2.3 Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt	AP2.3 Dự án Thí điểm Nuôi cá trong Ruộng lúa	11-22
3. Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn Thu nhập Địa phương	3.1 Chương trình Xúc tiến Lâm sản Ngoài gỗ	AP3.1 Giới thiệu Quản lý tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ	11-24
	3.2 Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ	AP3.2 Đẩy mạnh Thủ công nghiệp và Chế biến lương thực ở Trung tâm Học tập Cộng đồng	11-26
	3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn	AP3.3 Xúc tiến Du lịch Xanh	11-28
Quy hoạch Tổng thể Khu vực			
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	AP4.1 Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp	11-112
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	AP4.2 Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới	11-114
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	AP4.3 Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối	11-116
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	AP5.1 Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	11-118
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	AP5.2 Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi	11-120
6. Phát triển Đường N. thôn	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	AP6.1 Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn	11-122
7. Điện khí hoá Nông thôn	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	AP7.1 Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng Tái tạo	11-124
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	AP8.1 Lập Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 5 năm	11-126
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	AP8.2 Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc	11-128



Bản đồ Kế hoạch Hành động

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	6 năm Pha I: Thực hiện Đề án Thí điểm, Pha II: Mở rộng các đề án phát triển ra toàn tỉnh		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Lai Châu với các khu vực ưu tiên là huyện Tam Đường và huyện Than Uyên. Các nông dân sản xuất chè, các trạm khuyến nông kỹ thuật có liên quan, máy chế biến chè, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Trung tâm Khuyến Nông, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc (Trung tâm Nghiên cứu Chè Việt Nam)

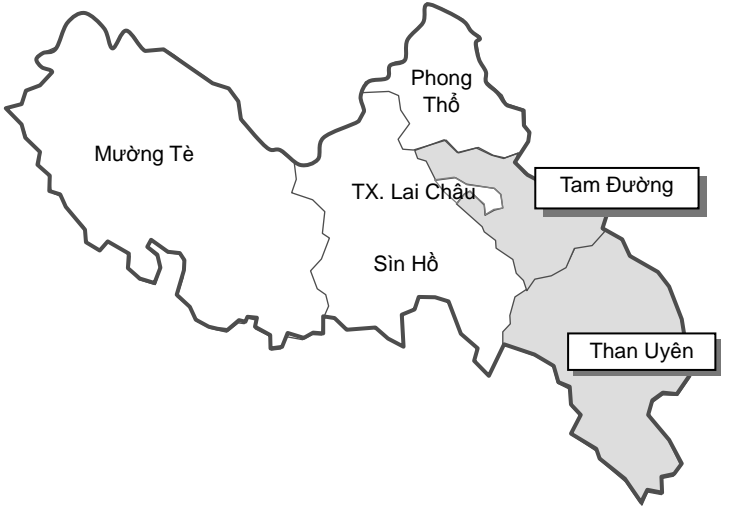
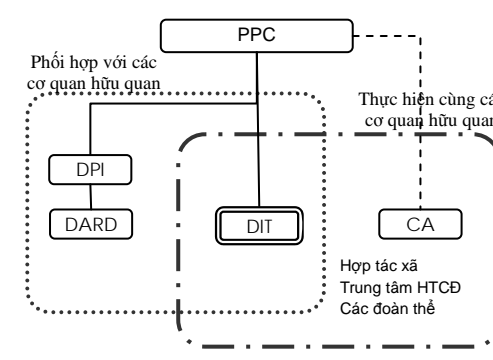
Mục tiêu

Tỉnh Lai Châu nằm trên vị trí cao độ lớn với khí hậu thường mát và ẩm nên trồng giống chè Shan tuyết là thích hợp nhất. Chè là một đặc sản địa phương của tỉnh Lai Châu nơi có diện tích trồng đạt 4.000ha, chiếm gần 40% diện tích canh tác chè ở Khu vực Tây Bắc. Trước đây, nông trường quốc doanh làm công tác sản xuất kinh doanh chè theo đó chè được trồng như một cây thương phẩm, lá chè được chế biến rồi đem bán. Hiện nay, tại Tỉnh có một vài công ty chế biến chè, đa số các công ty này tiến hành sơ chế đợt chè rồi bán đợt chè đã chế biến cho các công ty lớn hơn ở các khu vực khác hoàn thiện sản phẩm chè. Tại Việt Nam, “Chè Lai Châu” đang dần dần được biết đến, mặc dù vậy, cần phải có những nỗ lực hơn nữa để nhãn hiệu được chấp nhận rộng rãi hơn như một đặc sản của Khu vực.


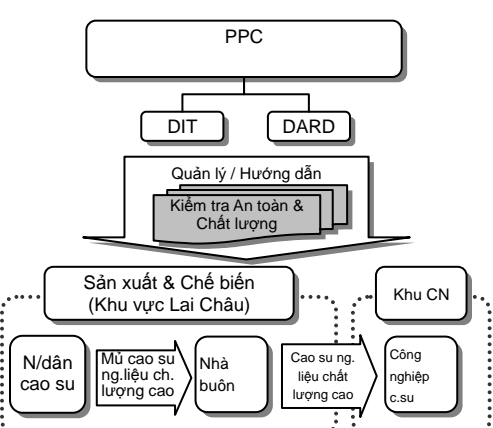
Trừ diện tích trồng chè là đặc điểm chính của nông trường và các cơ sở chế biến, đa số các nông trường chè do nhà nước quản lý được chia thành những ô nhỏ và giao cho các hộ sản xuất. Theo đó, công tác trồng và sản xuất chè hiện nay được hợp đồng cho các hộ này. Bởi vậy, việc sản xuất đợt chè bây giờ được thực hiện theo các thửa ruộng quy mô nhỏ (0,1-0,2ha) bởi các nông hộ cá thể. Về kỹ thuật canh tác chè, các phương pháp canh tác truyền thống được áp dụng và với các nhà máy chè còn thấp kém về trình độ (còn non trẻ), năng suất chè trung bình chỉ vào khoảng 1,2 tấn/ha. Đến nay, việc cải tiến chất lượng cũng còn chậm chạp.

Nhằm cải thiện sản lượng trồng chè, và rồi ổn định sinh kế cho các hộ sản xuất chè theo hướng vững bền, lâu dài, nhất thiết phải cải thiện các phương pháp canh tác như một biện pháp để tăng cường năng suất đơn vị. Để đạt được điều này, đề xuất thay đổi phương pháp trồng từ trồng ổn định bằng một thân cây chè hiện nay (trồng một cây giống/đôi) sang trồng ổn định bằng nhiều thân cây chè (trồng nhiều cây giống/đôi). Tương tự, dáng hình chóp với kiểu thân thấp phẳng dẹt hiện nay nên chuyển sang dáng ngọn kiểu thân cao đỉnh vòm.

Bởi nhu cầu sử dụng lá chè làm thức uống và thuốc đang tăng lên trên thị trường quốc tế, chè có thể được xem như một cây trồng thương mại hứa hẹn. Về tiềm năng xúc tiến ngành chè ở Khu vực Tây Bắc, đây là ngành có thể phát triển quy mô lớn bởi chè có thể được trồng trên các sườn núi nghiêng từ 20 đến 22 độ. Phát triển công tác trồng chè còn bổ sung cho cải thiện thảm thực vật cho những khu vực đất yếu do tập quán canh tác du canh du cư diễn ra trong một thời gian dài. Bởi lý do này, phát triển công tác trồng chè là đóng góp quan trọng cho công tác bảo tồn vùng đầu nguồn.

<p>Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu</p> <p>Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (2 huyện)</p>  <p>The map shows the outline of Lai Chau province. Two districts, Tam Đường and Than Uyên, are highlighted with a grey background and labeled with boxes. Other districts shown include Mường Tè, Phong Thổ, TX. Lai Châu, and Sin Hồ.</p>	<p>Tổ chức</p>  <p>The organizational chart shows a hierarchy starting with PPC (Ủy ban Nhân dân Tỉnh) at the top. Below it are DPI (Sở Kế hoạch & Đầu tư) and DIT (Sở Công Thương). DARD (Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn) is shown as a separate entity. CA (Liên minh Hợp tác xã) is shown as a partner organization. A dashed box encloses DPI, DIT, and CA, with text indicating they are implemented together with relevant agencies. Below this box, it says 'Hợp tác xã Trung tâm HTCD Các đoàn thể'.</p> <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>
---	--

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể Năng suất ngành chè và thu nhập của hộ sản xuất chè đều được nâng lên</p> <p>Mục tiêu của Dự án Chè sản xuất tại tỉnh Lai Châu được xây dựng thành một thương hiệu nổi tiếng ở thị trường trong nước, một đặc sản địa phương của Tỉnh. Thiết lập hệ thống cung cấp chè đáp ứng theo nhu cầu ngay cả đối với thị trường quốc tế.</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng chè thích hợp (các hoạt động thí điểm) Cải thiện chất lượng sản phẩm chè trên toàn Tỉnh Gia tăng sản lượng chè trên toàn Tỉnh
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê</p> <p>1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn)</p> <p>1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của các hộ sản xuất cà phê</p> <p>1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi cà phê trên thị trường trong nước và quốc tế</p> <p>1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục</p> <p>1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và xây dựng sự nhất trí</p> <p>2. Triển khai đề án thí điểm sản xuất cà phê nhân</p> <p>2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/ thực tiễn canh tác, vv...</p> <p>2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc sản xuất cà phê (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...)</p> <p>2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế</p> <p>2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến)</p> <p>2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu Tây Bắc</p> <p>2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động</p> <p>3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cà phê cho cán bộ khuyến nông, vv...</p> <p>3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện</p> <p>3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn các khuyến nông viên và nông dân chủ chốt thông qua việc quản lý nông trang trình diễn</p> <p>3-3 Chuyển giao các kỹ thuật cho các kỹ sư chế biến chè</p> <p>4. Nhân rộng sang các huyện khác</p> <p>4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí với người hưởng lợi về hoạt động tham gia cho việc thực hiện trồng chè</p> <p>4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv...</p> <p>4-3 Thiết lập và quản lý trang trại trình diễn (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>4-5 Củng cố tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính</p> <p>4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm thương mại</p> <p>4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu</p>	<p>- Báo cáo nghiên cứu cơ sở</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê</p> <p>- Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả</p> <p>- Đề xuất hoạt động thí điểm</p> <p>- Hướng dẫn cho chính quyền địa phương</p> <p>- Cây con với các loại giống thích hợp</p> <p>- Tài liệu khuyến nông cho người trồng chè</p> <p>- Tờ rơi hướng dẫn về nông cụ</p> <p>- Nông trang trình diễn</p> <p>- Chiến dịch, băng zôn</p> <p>- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng</p> <p>- Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về năng suất cây trồng</p> <p>- Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến</p> <p>- Báo cáo hàng năm</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Cây công nghiệp (Chè) Kỹ thuật chế biến cà phê Máy chế biến Hệ thống tiếp thị/phân phối Triển khai có sự tham gia Giám sát và đánh giá Giám sát và Đánh giá 	<ol style="list-style-type: none"> Tài liệu và Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật Thiết bị chế biến Xe (trọng tải: 2 tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Việc thiết lập trung tâm sản xuất cà phê không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vì thế, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không tổ chức được người nông dân hay thay đổi được cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng. Mặc dù sản xuất cà phê đã và đang được tiến hành ở tỉnh Lai Châu, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc. Hiện nay, việc cung ứng cây cà phê con cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường cà phê quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây con vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực còn thấp của các vườn ươm. Để khắc phục điều này, các nông dân đang tự sản xuất cây giống bằng kỹ thuật cành giâm. Những cây con này không được khoẻ khoắn và không phải là cây giống con tốt. Việc chuẩn bị cây giống con áp dụng các giống được khuyến cáo và phân phối cây giống đã trở nên bức bách. 	

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Sản xuất và Marketing Cao su ở tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân sản xuất cao su và các nhà kinh doanh cao su có mục tiêu sản xuất và phân phối cao su thiên nhiên		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, DAPSI/MARD
<p>Mục tiêu</p> <p>Phát triển kinh doanh nông nghiệp mà hợp phần chính của nó là chế biến nông sản là điều kiện tất yếu cho quá trình công nghiệp hóa Khu vực Tây Bắc đến năm 2020. Chương trình xúc tiến kinh doanh nông nghiệp đề xuất bởi Quy hoạch Tổng thể là chương trình đặt tiền đề cho việc đưa vốn tư nhân và các công ty khu vực tư nhân có động cơ đầu tư vào Khu vực Tây Bắc là không thể thiếu được. Với sáng kiến đổi mới quản lý mạnh mẽ nhằm phát triển Khu vực Tây Bắc song song với việc làm htoe nguyên tắc hệ thống pháp luật và thiết lập các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân, hy vọng có thể khẳng định mô hình thành công .</p> <p>Tại tỉnh Lai Châu, việc trồng cao su quy mô lớn đã được bắt đầu. Kế hoạch hành động này nhằm hỗ trợ việc trồng cây cao su và quản lý chất lượng mù cao su thu hoạch cho cả người trồng cây cao su và người kinh doanh cao su. Phần lớn tỉnh Lai Châu là diện tích núi non hiểm trở trong khi hạ tầng xã hội lạc hậu. Việc xúc tiến sản xuất nông nghiệp tận dụng môi trường tự nhiên thiên phú mà không gây ra sức ép cho môi trường là điều kiện tất yếu nhằm cải thiện thu nhập và môi trường sống cho người dân địa phương.</p> <p>Gần đây việc trồng sản bị cho là tác nhân gây lở đất, sỏi mòn đất do cách trồng lộn xộn nên việc mở rộng diện tích cây trồng này đã bị nghiêm cấm. Việc mở rộng diện tích canh tác cây cà phê cũng bị cấm bởi nâng cao chất lượng mới là vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay chứ không phải là số lượng. Trong tình đó, vai trò của cây cao su trở nên quan trọng bởi nó chẳng những góp phần đa dạng hóa các thể loại nông sản mà còn giúp phân bổ rủi ro thất bát mùa màng của các cây trồng. Cây cao su có thể được trồng thành rừng ở diện tích đất khá dốc và chu kỳ thu hoạch nó cũng khá chậm. Mặc dù cây cao su không phải là một nông sản truyền thống nhưng khả năng nó sẽ được đồng bào dân tộc tại Khu vực tiếp nhận dễ dàng bởi họ đã quen thuộc với các sản phẩm lâm nghiệp trên núi.</p> <p>Nhu cầu tiêu thụ cao su những năm gần đây đang được tăng cao và vì thế nó là một cây trồng thương phẩm rất hứa hẹn. Mù thô nguyên liệu chiết xuất được có thể bán ngay cho nhà buôn như sản phẩm thô mà không cần quy trình chế biến đặc biệt nào.</p> <p>Qua kế hoạch hành động này, phương pháp trồng và thu hoạch phù hợp sẽ được giới thiệu cho người dân địa phương. Các nhà kinh doanh tư nhân sẽ được giới thiệu đến khu vực trồng và thu gom cao su nguyên liệu từ người nông dân với giá cả thỏa đáng.</p> <p>Qua khảo sát thực chứng, các nông dân trồng cao su sẽ thấy được tầm quan trọng của việc quản lý chất lượng cao su và cao su nguyên liệu chất lượng cao sẽ được bán với giá cao. Trong khi tiến hành các hoạt động này, cán bộ của DARD và trung tâm khuyến nông sẽ trích giảng chủ đề hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp cải thiện chất lượng cao su nguyên liệu. Trong khi đó, MPI-DPI tiến hành các dịch vụ hành chính cần thiết nhằm bảo đảm môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu		Tổ chức	
 <p>Tỉnh Lai Châu</p>		 <p>PPC</p> <p>DIT DARD</p> <p>Quản lý / Hướng dẫn</p> <p>Kiểm tra An toàn & Chất lượng</p> <p>Sản xuất & Chế biến (Khu vực Lai Châu)</p> <p>Khu CN</p> <p>N/dân cao su → Mù cao su ng.liệu ch. lượng cao → Nhà buôn → Cao su ng. liệu chất lượng cao → Công nghiệp c.su</p> <p>DIT: Sở Công Thương DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn</p>	

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																				
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Thu nhập của nông dân trồng cao su sẽ được đa dạng hóa, nâng cao và ổn định</p> <p>Đặc sản khác biệt được sản xuất bằng cách tận dụng những nguồn lực riêng có của khu vực Tây Bắc</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Thu nhập của các nông dân trồng cao su sẽ được tăng lên.</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Với sự ưu đãi của các cơ quan chính quyền đối với người trồng và người kinh doanh cao su, họ có thể canh tác và thu gom cao su nguyên liệu một cách nhiệt tình Kể từ khi cao su thô chất lượng cao sẽ được sản xuất nên thu nhập của cả người sản xuất cũng như nhà kinh doanh cao su sẽ được tăng lên. Từ lúc sự kiểm định chất lượng sẽ được công ty có nghiệp vụ tiến hành kiểm tra, công nghiệp chế biến cao su có thể an tâm về cao su nguyên liệu an toàn chất lượng cao. 																																																																																																																																																																																																			
Các hoạt động	<p>Báo cáo và Tài liệu</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2"></th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán cao su thiên nhiên</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1 Khảo sát thị trường cao su thiên nhiên</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất cao su.</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-3 Sản xuất cao su nguyên liệu</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-4 Xúc tiến bán hàng cho ngành cao su thiên nhiên tại Hà Nội</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-5 Quảng cáo cao su nguyên liệu chất lượng cao</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom cao su thiên nhiên tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1 Biện pháp thay đổi thuế</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng cao su</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2 Cung ứng ổn định cao su giống và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng cao su thiên nhiên</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng cao su, đường đồng, thiết bị thủy lợi...)</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Hướng dẫn quản lý sản xuất cao su nguyên liệu chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-2 Thông nhất chủng loại sản xuất</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch và cất giữ</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của cao su thiên nhiên bởi cơ quan chuyên môn</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-5 Hợp đồng mua bán cao su nguyên liệu giữa nông dân và nhà kinh doanh</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</td> <td></td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Năm						1	2	3	4	5	6	1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán cao su thiên nhiên							1-1 Khảo sát thị trường cao su thiên nhiên	■						1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất cao su.	■						1-3 Sản xuất cao su nguyên liệu		■					1-4 Xúc tiến bán hàng cho ngành cao su thiên nhiên tại Hà Nội		■					1-5 Quảng cáo cao su nguyên liệu chất lượng cao		■					2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom cao su thiên nhiên tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)							2-1 Biện pháp thay đổi thuế		■					2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp		■					2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp		■					2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)		■					3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất cao su							3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng cao su		■					3-2 Cung ứng ổn định cao su giống và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng cao su thiên nhiên		■					3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng cao su, đường đồng, thiết bị thủy lợi...)		■					4. Hướng dẫn quản lý sản xuất cao su nguyên liệu chất lượng cao							4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị		■					4-2 Thông nhất chủng loại sản xuất		■					4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch và cất giữ		■					4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của cao su thiên nhiên bởi cơ quan chuyên môn		■					4-5 Hợp đồng mua bán cao su nguyên liệu giữa nông dân và nhà kinh doanh		■					5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD							5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất		■					5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng		■					5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng		■					5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể		■				
	Năm																																																																																																																																																																																																			
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																														
1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán cao su thiên nhiên																																																																																																																																																																																																				
1-1 Khảo sát thị trường cao su thiên nhiên	■																																																																																																																																																																																																			
1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất cao su.	■																																																																																																																																																																																																			
1-3 Sản xuất cao su nguyên liệu		■																																																																																																																																																																																																		
1-4 Xúc tiến bán hàng cho ngành cao su thiên nhiên tại Hà Nội		■																																																																																																																																																																																																		
1-5 Quảng cáo cao su nguyên liệu chất lượng cao		■																																																																																																																																																																																																		
2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom cao su thiên nhiên tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)																																																																																																																																																																																																				
2-1 Biện pháp thay đổi thuế		■																																																																																																																																																																																																		
2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp		■																																																																																																																																																																																																		
2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp		■																																																																																																																																																																																																		
2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)		■																																																																																																																																																																																																		
3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất cao su																																																																																																																																																																																																				
3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng cao su		■																																																																																																																																																																																																		
3-2 Cung ứng ổn định cao su giống và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng cao su thiên nhiên		■																																																																																																																																																																																																		
3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng cao su, đường đồng, thiết bị thủy lợi...)		■																																																																																																																																																																																																		
4. Hướng dẫn quản lý sản xuất cao su nguyên liệu chất lượng cao																																																																																																																																																																																																				
4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị		■																																																																																																																																																																																																		
4-2 Thông nhất chủng loại sản xuất		■																																																																																																																																																																																																		
4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch và cất giữ		■																																																																																																																																																																																																		
4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của cao su thiên nhiên bởi cơ quan chuyên môn		■																																																																																																																																																																																																		
4-5 Hợp đồng mua bán cao su nguyên liệu giữa nông dân và nhà kinh doanh		■																																																																																																																																																																																																		
5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD																																																																																																																																																																																																				
5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất		■																																																																																																																																																																																																		
5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng		■																																																																																																																																																																																																		
5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng		■																																																																																																																																																																																																		
5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể		■																																																																																																																																																																																																		
Đầu vào																																																																																																																																																																																																				
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia trồng cây cao su Chuyên gia chế biến mủ cao su Chuyên gia phân phối nông sản Chuyên gia hệ thống pháp lý Chuyên gia tài chính & thuế Chuyên gia hợp tác xã nông nghiệp Chuyên gia về sự tham gia của người dân Chuyên gia thẩm định/giám sát dự án 	<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Phương tiện cất trữ mủ cao su Xe tải 4 bánh chủ động thu gom mủ cao su (2tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, phụ kiện 																																																																																																																																																																																																			
Khuyến nghị																																																																																																																																																																																																				
<ol style="list-style-type: none"> Cải thiện hệ thống còn hạn chế về đầu tư và thuế để người nông dân trồng cao su và nhà kinh doanh cao su mong muốn tham gia thực hiện kế hoạch. Trong công tác trồng cao su, canh tác hữu cơ nên được áp dụng càng nhiều càng tốt. Hệ thống giám sát chất lượng và kiểm tra tính an toàn của cao su nguyên liệu bởi cơ quan chuyên môn sẽ được thiết lập. Công tác quản lý chất lượng chặt chẽ cần được thực hiện để tạo ra những thành phẩm chiếm được lòng tin của khách hàng. Phía nhà chức trách chính quyền sẽ đóng vai trò như một cơ quan công bằng để người nông dân trồng cao su và các nhà kinh doanh tư nhân an tâm tham gia thực hiện kế hoạch này. 																																																																																																																																																																																																				

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Sản xuất và Marketing Nấm ở tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân sản xuất nấm và các nhà kinh doanh có mục tiêu sản xuất và phân phối nấm		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, FIRI, GRI

Mục tiêu

Phát triển kinh doanh nông nghiệp mà hợp phần chính của nó là chế biến nông sản là điều kiện tất yếu cho quá trình công nghiệp hóa Khu vực Tây Bắc đến năm 2020. Chương trình xúc tiến kinh doanh nông nghiệp đề xuất bởi Quy hoạch Tổng thể là chương trình đặt tiền đề cho việc đưa vốn tư nhân và các công ty khu vực tư nhân có động cơ đầu tư vào Khu vực Tây Bắc. Với sáng kiến đổi mới quản lý mạnh mẽ nhằm phát triển Khu vực Tây Bắc song song với việc chế hóa hệ thống pháp luật và thiết lập các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân, hi vọng một mô hình thành công sẽ sớm được xác định.

Kế hoạch hành động này hỗ trợ việc sản xuất và quản lý chất lượng nấm nhằm mở rộng tiêu dùng trong thời gian tới. Phần lớn tỉnh Lai Châu là diện tích núi non hiểm trở trong khi hạ tầng xã hội lạc hậu. Việc xúc tiến sản xuất nông nghiệp tận dụng môi trường tự nhiên thiên phú mà không gây ra sức ép cho môi trường là điều kiện tất yếu nhằm cải thiện thu nhập và môi trường sống cho người dân địa phương.

Gần đây việc trồng sản bị cho là tác nhân gây lở đất, sới mòn đất do cách trồng lộn xộn nên việc mở rộng diện tích cây trồng này đã bị nghiêm cấm. Việc mở rộng diện tích canh tác cây cà phê cũng bị cấm bởi nâng cao chất lượng mới là vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay chứ không phải là số lượng. Trong tình đó, vai trò của cây nấm trở nên quan trọng bởi nó chẳng những góp phần đa dạng hóa các thể loại nông sản mà còn giúp phân bổ rủi ro thất bát mùa màng của các cây được trồng do điều kiện thời tiết không thuận lợi, vv...

Hơn nữa, nhu cầu tiêu thụ nấm gần đây đang được tăng cao ở các thành phố lớn như Hà Nội và nấm có thể lưu thông trong nhiệt độ bình thường nếu chế biến khô. Nó chính là một nông sản hứa hẹn đem lại thu nhập cho các khu vực đồi núi.

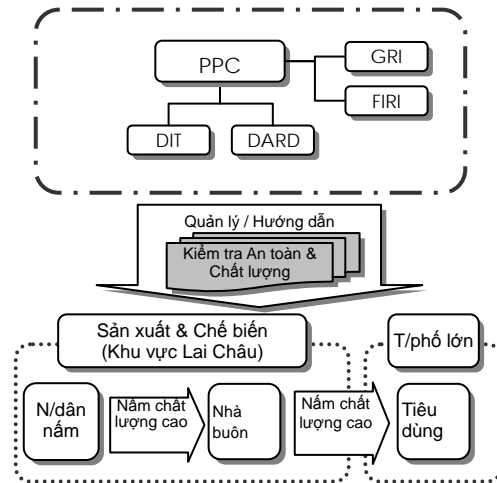
Qua kế hoạch hành động này, phương pháp sản xuất và thu hoạch nấm phù hợp sẽ được giới thiệu cho người dân địa phương. Thành phẩm nấm khô sẽ được giới thiệu cho nhà buôn tư nhân và bán với giá cả thỏa đáng.

Qua khảo sát thực chứng, các nông dân sản xuất nấm sẽ thấy được tầm quan trọng của việc quản lý chất lượng nấm và sản phẩm chất lượng cao sẽ được bán với giá cao. Trong khi tiến hành các hoạt động này, cán bộ của DARD và trung tâm khuyến nông sẽ trích giảng chủ đề hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp cải thiện chất lượng nấm. Trong khi đó, MPI-DPI tiến hành các dịch vụ hành chính cần thiết nhằm bảo đảm môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân.

Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu


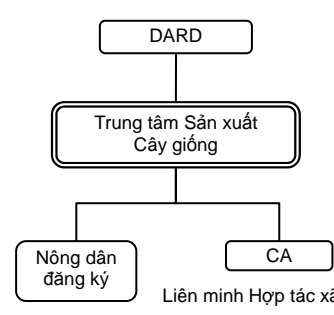


Tổ chức

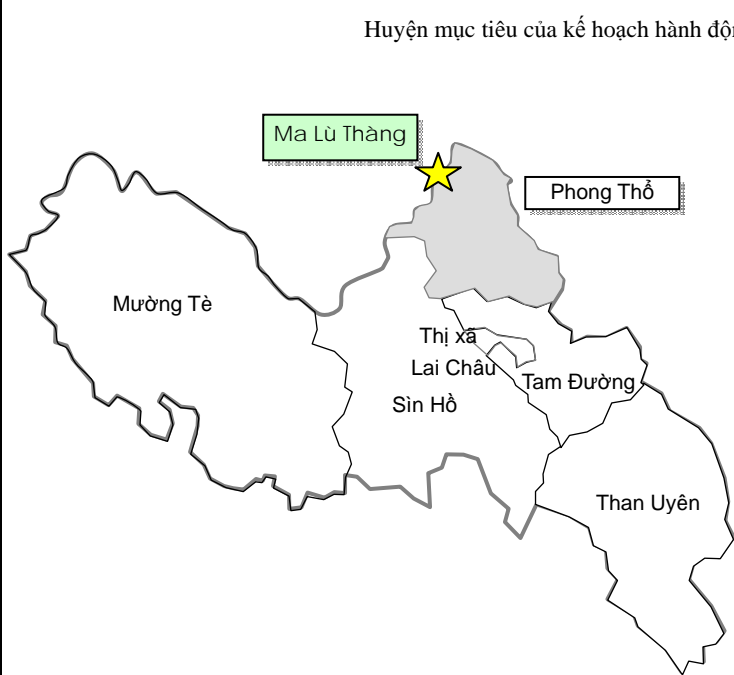
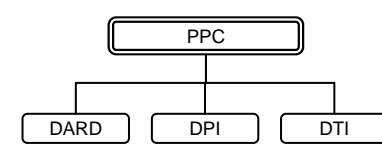


- DIT: Sở Công Thương
- DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
- FIRI: Viện Nghiên cứu Công nghiệp Thực phẩm
- GRI: Viện Tài nguyên Di truyền

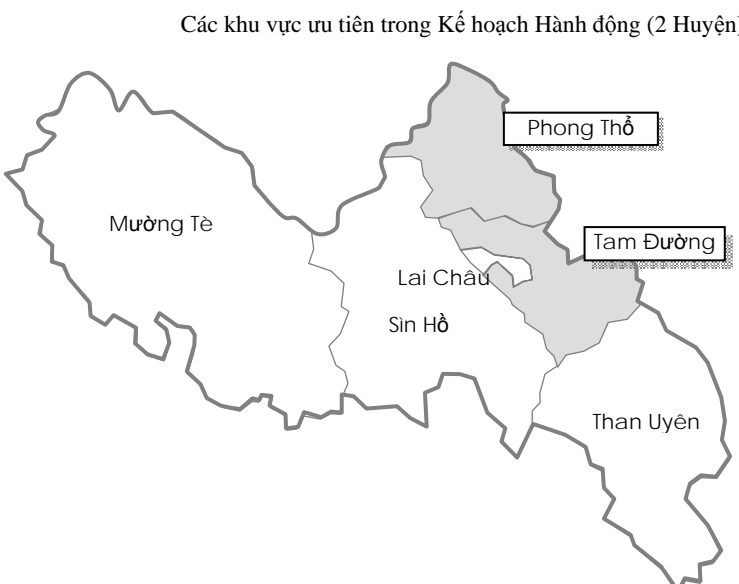
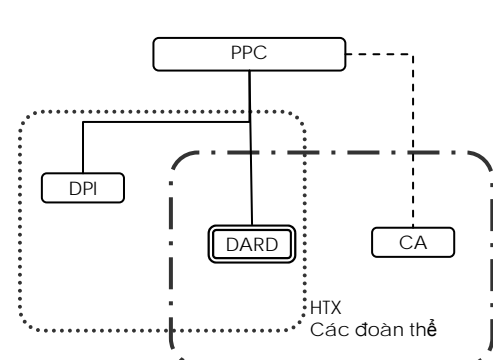
Tóm tắt Dự án																					
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Thu nhập của nông dân sản xuất nấm sẽ được đa dạng hóa, nâng cao và ổn định</p> <p>Đặc sản khác biệt được sản xuất bằng cách tận dụng những nguồn lực riêng có của khu vực Tây Bắc</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Thu nhập của các nông dân sản xuất nấm sẽ được tăng lên</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Với sự ưu đãi của các cơ quan chính quyền đối với người sản xuất nấm và các nhà kinh doanh, họ sẽ hăng hái sản xuất và thu mua nấm. Bờ nấm chất lượng cao sẽ được sản xuất nên thu nhập của cả người sản xuất cũng như nhà kinh doanh nấm sẽ được tăng lên. Vì chất lượng và sự an toàn của sản phẩm sẽ được kiểm tra, giám sát bởi cơ quan chuyên môn, người tiêu dùng có thể an tâm về nấm an toàn chất lượng cao. 																				
Các hoạt động	<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Báo cáo và Tài liệu</th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> <p>1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nấm</p> <p>1-1 Khảo sát thị trường nấm</p> <p>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất nấm.</p> <p>1-3 Sản xuất nấm</p> <p>1-4 Xúc tiến bán nấm tại Hà Nội</p> <p>1-5 Quảng cáo nấm chất lượng cao</p> <p>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom nấm tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)</p> <p>2-1 Biện pháp thay đổi thuế</p> <p>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</p> <p>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</p> <p>2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</p> <p>3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất nấm</p> <p>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-2 Cung ứng ổn định các loại nấm và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (các cơ sở sản xuất nấm...)</p> <p>4. Hướng dẫn quản lý sản xuất nấm chất lượng cao</p> <p>4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị</p> <p>4-2 Thống nhất chủng loại sản xuất (nấm tẻ, nấm nếp)</p> <p>4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch, chế biến và cất giữ</p> <p>4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của nấm bởi cơ quan chuyên môn</p> <p>4-5 Hợp đồng mua bán nấm giữa nông dân và nhà kinh doanh</p> <p>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</p> <p>5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất</p> <p>5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng</p> <p>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</p> <p>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</p> </td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Báo cáo và Tài liệu	Năm						1	2	3	4	5	6	<p>1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nấm</p> <p>1-1 Khảo sát thị trường nấm</p> <p>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất nấm.</p> <p>1-3 Sản xuất nấm</p> <p>1-4 Xúc tiến bán nấm tại Hà Nội</p> <p>1-5 Quảng cáo nấm chất lượng cao</p> <p>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom nấm tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)</p> <p>2-1 Biện pháp thay đổi thuế</p> <p>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</p> <p>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</p> <p>2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</p> <p>3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất nấm</p> <p>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-2 Cung ứng ổn định các loại nấm và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (các cơ sở sản xuất nấm...)</p> <p>4. Hướng dẫn quản lý sản xuất nấm chất lượng cao</p> <p>4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị</p> <p>4-2 Thống nhất chủng loại sản xuất (nấm tẻ, nấm nếp)</p> <p>4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch, chế biến và cất giữ</p> <p>4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của nấm bởi cơ quan chuyên môn</p> <p>4-5 Hợp đồng mua bán nấm giữa nông dân và nhà kinh doanh</p> <p>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</p> <p>5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất</p> <p>5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng</p> <p>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</p> <p>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</p>						
Báo cáo và Tài liệu	Năm																				
	1	2	3	4	5	6															
<p>1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nấm</p> <p>1-1 Khảo sát thị trường nấm</p> <p>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất nấm.</p> <p>1-3 Sản xuất nấm</p> <p>1-4 Xúc tiến bán nấm tại Hà Nội</p> <p>1-5 Quảng cáo nấm chất lượng cao</p> <p>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận kinh doanh/thu gom nấm tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)</p> <p>2-1 Biện pháp thay đổi thuế</p> <p>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</p> <p>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</p> <p>2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</p> <p>3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất nấm</p> <p>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-2 Cung ứng ổn định các loại nấm và thiết bị sản xuất với giá thấp cho nông dân trồng nấm</p> <p>3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (các cơ sở sản xuất nấm...)</p> <p>4. Hướng dẫn quản lý sản xuất nấm chất lượng cao</p> <p>4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị</p> <p>4-2 Thống nhất chủng loại sản xuất (nấm tẻ, nấm nếp)</p> <p>4-3 Hợp lý hóa công tác sản xuất, thu hoạch, chế biến và cất giữ</p> <p>4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của nấm bởi cơ quan chuyên môn</p> <p>4-5 Hợp đồng mua bán nấm giữa nông dân và nhà kinh doanh</p> <p>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</p> <p>5-1 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất</p> <p>5-2 Hướng dẫn về công nghệ thu hoạch và kiểm tra chất lượng</p> <p>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</p> <p>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</p>																					
Đầu vào	<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia sản xuất nấm Chuyên gia chế biến nấm Chuyên gia phân phối nông sản Chuyên gia hệ thống pháp lý Chuyên gia tài chính & thuế Chuyên gia hợp tác xã nông nghiệp Chuyên gia về sự tham gia của người dân Chuyên gia thẩm định/giám sát dự án Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Máy sấy nấm và phương tiện cất giữ Xe tải 4 bánh chủ động thu gom nấm (2tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, phụ kiện 																				
Khuyến nghị																					
<ol style="list-style-type: none"> Cải thiện hệ thống còn hạn chế về đầu tư và thuế để người nông dân sản xuất nấm và nhà kinh doanh nấm tư nhân mong muốn tham gia thực hiện kế hoạch. Giống cây trồng sẽ được lựa chọn từ các loại giống truyền thống để người nông dân có thể tiếp tục tiến hành hệ thống sản xuất truyền thống không gặp trở ngại nào. Sau một vài năm, các giống mới sẽ được đưa vào. Các giống mới đưa vào sản xuất nên được lựa chọn từ các giống được bảo tồn tại Viện Tài nguyên Di truyền Hà Nội, các giống truyền thống của Việt Nam được khuyến nghị áp dụng. Trong sản xuất nấm, nên áp dụng canh tác hữu cơ càng nhiều càng tốt và quảng cáo “Nông sản an toàn (Nấm)” cho khách hàng tại các thành phố lớn. Hệ thống giám sát chất lượng và kiểm tra tính an toàn của nấm bởi cơ quan chuyên môn sẽ được thiết lập. Công tác quản lý chất lượng chặt chẽ cần được thực hiện để tạo ra những thành phẩm chiếm được lòng tin của khách hàng. Phía nhà chức trách chính quyền sẽ đóng vai trò như một cơ quan công bằng để người nông dân sản xuất nấm và các nhà kinh doanh tư nhân an tâm tham gia thực hiện kế hoạch này. 																					

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây An toàn		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến Sản xuất Hoa quả Sạch ở tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các huyện Sìn Hồ, Tam Đường, Phong Thổ và Than Uyên tỉnh Lai Châu		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Cục Trồng trọt (MARD), Trung tâm Khuyến nông, vv...
<p>Mục tiêu</p> <p>Đồng bằng sông Mê Kông là khu sản xuất hoa quả chính ở Việt Nam, chiếm 40% diện tích sản xuất của cả nước. Sản xuất hoa quả ở khu vực miền núi phía bắc gần đây đang ngày một tăng nhanh, chiếm trên 20% diện tích sản xuất của cả nước. Điều này xuất phát từ thực tế nhu cầu cung cấp hoa quả cho Hà Nội và Trung Quốc đang tăng lên. Trong các loại hoa quả, tỷ lệ tăng các đồng hoa quả thuộc họ vải (vải, nhãn, chôm chôm) và họ cam quýt (quýt, cam sành) đặc biệt cao. Trong khi đó, xuất khẩu chuối chững lại và sản xuất dứa giảm xuống trong những năm 1990.</p> <p>Vải được trồng rộng rãi ở tỉnh Lai Châu và xu hướng xuất khẩu quả vải sang Trung Quốc ngày một mở rộng. Về mặt hoạt động của nông nghiệp địa phương, cần thiết phải xem xét nâng cao sản lượng và cải thiện chất lượng hoa quả. Cần tăng lượng hàng cho thủ đô Hà Nội và phát triển thị trường ở Sapa – một điểm du lịch ngay kề Lai Châu, và Điện Biên, theo đó là đòi hỏi đa dạng hóa các loại mận, mơ, nhãn, việt quất, hồng vàng... và cải thiện chất lượng.</p> <p>Sau khi trồng cây ăn quả giống, phải mất ít nhất 3 năm cây mới đi vào tạo quả. Vì vậy, các hoạt động khuyến nông cần tập trung không chỉ vào việc trồng cây ăn quả. Thay vào đó mà cần kết hợp với việc hỗ trợ sản xuất cây lương thực (hoặc các cây đặc sản của địa phương như cây gia vị, cây thuốc, vv...) để thu nhập của nông hộ được cải thiện trong ngắn hạn. Nên tiến hành phối hợp công, nông nghiệp, xen lẫn cây ăn quả với cây thông thường nhằm bảo tồn diện tích đất trồng vốn sử dụng cho canh tác du mục trước đây. Xúc tiến cách trồng cây ăn quả như vậy sẽ là một biện pháp hữu hiệu. Tận dụng đất cộng đồng cho công tác nông lâm (lấy lá dụng làm phân bón) cũng rất hiệu quả, vì thế rất nên xem xét áp dụng hoạt động này như một biện pháp phát triển cộng đồng.</p> <p>Kế hoạch hành động này nhằm 1) sản xuất và phân phối cây giống nhằm đa dạng hóa các loại cây ăn quả và 2) giới thiệu kỹ thuật trồng trọt hữu cơ trong giai đoạn 2010-2012 để tỉnh Lai Châu sẽ trở thành khu vực sản xuất lớn về hoa quả hữu cơ, ít hóa chất vào năm 2020. Sản xuất cây giống không nên tiến hành riêng biệt mà kết hợp với các chương trình về trồng rừng cao su hoặc bảo tồn vùng đầu nguồn. Điều này giúp nâng cao hiệu quả chi phí. Kế hoạch hành động này xúc tiến sản xuất hoa quả sạch thông qua việc áp dụng và phát triển kỹ thuật canh tác hữu cơ, nhờ đó, hoa quả sản xuất tại Lai Châu sẽ vượt trội hoa quả sản xuất ở các khu vực khác. Hướng dẫn sử dụng phân bón và các biện pháp bảo vệ thực vật chống sâu bệnh tấn công, như phun dầu thực vật và dầu Neem, sẽ được cung cấp cho bà con nông dân. Bà con cũng sẽ được chuyển giao kỹ thuật ghép cây để họ có thể tự chuẩn bị cây giống.</p> <p>Vườn ươm sẽ do DARD trực tiếp quản lý. Việc thử nghiệm giao công tác quản lý vườn ươm cho một tổ chức phi chính phủ hay công ty tư nhân trong 3 năm sau khi triển khai các hoạt động sẽ được xem xét.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu		Tổ chức	
<p>Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (4 huyện)</p> 		 <p>DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

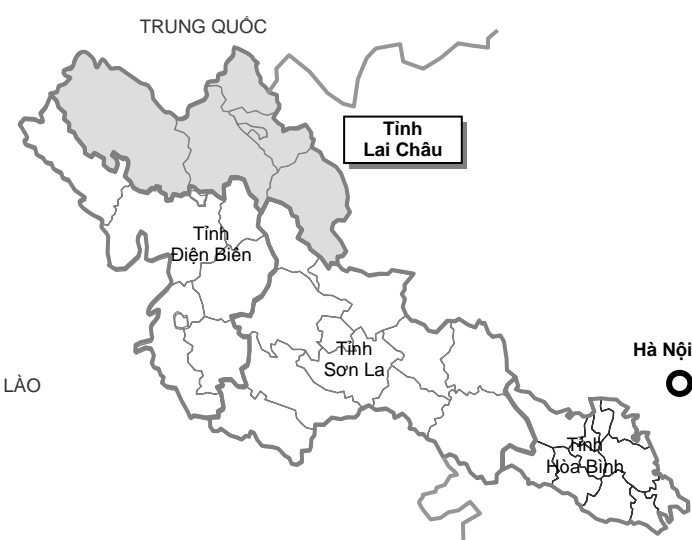
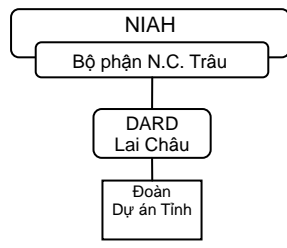
Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể			Kết quả Dự kiến (Thành quả)			
Thu nhập của các hộ sản xuất hoa quả ở tỉnh Lai Châu tăng lên và hoa quả sạch góp phần làm tăng trưởng kinh tế địa phương			1. Cây ăn quả giống được sản xuất và phân phối			
Mục tiêu của Dự án			2. Số cây ăn quả ở các địa bàn mục tiêu tăng lên			
Đa dạng hóa các loại quả, sản lượng hoa quả sạch tăng lên			3. Khối lượng sản xuất cây lương thực của hộ trồng cây ăn quả tăng lên			
			4. Diện tích công nông nghiệp mở rộng			
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
1. Sản xuất và phân phối cây giống				1	2	3
1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất hoa quả tại các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ và Than Uyên		- Báo cáo nghiên cứu cơ sở		█		
1-2 Lựa chọn 5 bản (tổng số 20 bản) và lên danh sách hộ tham gia (tổng số 1.000 hộ)		- Danh sách nông dân đăng ký		█		
1-3 Thiết lập Trung tâm Cây giống Bản		- Biên bản họp, ghi chép thỏa thuận (văn bản)		█		
1-4 Sản xuất và phân phối cây ăn quả giống		- Ghi chép phân phối		█		
2. Sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ						
2-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân ủ/phân hữu cơ cho nông dân		- Ghi chép công tác trên đồng ruộng		█		
2-2 Hướng dẫn hệ thống VAC		- Ghi chép công tác trên đồng ruộng		█		
2-3 Sản xuất và phân phối cây giấm, và/hoặc nhựa cây/ chiết xuất các loại vi sinh vật hữu hiệu				█		
2-4 Xúc tiến trồng Neem và cỏ chanh như những biện pháp trừ sâu hữu hiệu				█		
3. Trồng và quản lý giống cây ăn quả						
3-1 Chuẩn bị đất				█		
3-2 Áp dụng phân hữu cơ				█		
3-3 Trồng cây giống, lập hàng rào bảo vệ				█		
3-4 Chăm sóc cây giống con, phòng trừ sâu bệnh				█		
3-5 Gieo trồng, chăm bón và thu hoạch cây trồng xen (ngô, đậu tương...)				█		
4. Trồng rừng bằng cây nông lâm						
4-1 Tăng ngâm nước, mương tiêu và các biện pháp bảo tồn đất khác				█		
4-2 Làm đất, trồng cây, hàng rào bảo vệ				█		
4-3 Trồng xen với cây cao su và các cây khác				█		
5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến tiếp thị		- Bảng zon, tờ rơi để quảng cáo		█		
5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về thương hiệu Tây Bắc		- Báo cáo giám sát		█		
5-2 Giám sát và thẩm định các hoạt động				█		
Đầu vào						
1. Chuyên gia về			2. Thiết bị			
1-1 Trồng cây ăn quả			2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật			
1-2 Phát triển cộng đồng			2-2 Thiết bị chế biến			
1-3 Nghiên cứu bệnh cây trồng			2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn)			
1-4 Tiếp thị và phân phối			3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...			
1-5 Giám sát và thẩm định			4. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo			
Khuyến nghị						
1. Trung tâm Tình nguyện viên Quốc tế Nhật Bản (JVC) đã và đang quản lý một vườn ươm và đang triển khai các hoạt động khuyến nông kỹ thuật trồng trọt ở bản Coma tỉnh Sơn La. Hợp tác với Công ty Liên doanh có thể rất hiệu quả.						
2. Đối với công tác tập huấn và hướng dẫn cho nông dân sản xuất hoa quả sạch, vv..., sử dụng Trung tâm học tập cộng đồng sẽ hiệu quả.						
3. Khoảng 10 loại cây ăn quả sẽ được lựa chọn bao gồm các cây sinh trưởng khá nhanh (đu đủ, việt quất...). Việc lựa chọn sẽ được thực hiện dựa trên ý kiến của MARD và nghiên cứu thị trường.						

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới		
Kế hoạch Hành động	Phát triển Cơ sở hạ tầng ở Vùng Biên giới Tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu		
Cơ quan thực hiện	PPC	Cơ quan hữu quan	MIT, MARD, MPI
<p>Mục tiêu</p> <p>Tỉnh Lai Châu có một tuyến buôn bán thương mại sang Trung Quốc tại cửa khẩu Ma Lù Thàng, Huyện Phong Thổ. Để nâng cao buôn bán thương mại biên giới, các đặc sản địa phương cần được phát triển. Ở Vùng Tây Bắc nơi có tốc độ công nghiệp hoá chậm, các sản phẩm trồng trọt và nông sản chế biến nên được xem là các hạng mục xuất khẩu chính hiện nay. Trong Xúc tiến Nông nghiệp theo Định hướng Thị trường, các nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm nông sản và làm ra các đặc sản địa phương trong số các mặt hàng xuất khẩu trong tương lai là rất cần thiết.</p> <p>Bên cạnh việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu, phát triển ổn định buôn bán thương mại biên giới đòi hỏi phải bảo vệ đời sống của những người sống ở vùng biên giới và xây dựng/phát triển các chương trình cộng đồng bền vững. Cần sắp xếp để việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được tiến hành ở các vùng biên giới trong sự phối kết hợp với các dự án giảm nghèo khác. Cải tạo nâng cấp đường và áp dụng phương tiện giao thông công cộng nên được ưu tiên với việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng về cấp nước nông thôn, giáo dục, y tế, truyền thông, v.v. Những cơ hội nhằm tăng nhận thức về phòng chống lây nhiễm và mắc bệnh (HIV-AIDS, sốt rét, bại liệt) và xoá bỏ thuốc phiện cần được gia tăng để bảo đảm cuộc sống lành mạnh của người dân địa phương. Kết hợp với 2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa, gia tăng sản xuất lương thực ở các địa phương sẽ được thúc đẩy. Nếu động lực đầu tư cho vùng biên giới còn thấp, việc xây dựng các nhà máy xay sát, xay bột mỳ, kho dự trữ ngũ cốc và chợ sẽ được xem xét như một phần dịch vụ công cộng của chính quyền địa phương.</p> <p>Buôn bán thương mại ở Vùng Tây Bắc bao gồm không chỉ các hoạt động kinh tế. Nó còn phục vụ cho trao đổi văn hoá của các nhóm dân tộc sống ở cả hai phía biên giới. Các hoạt động chia sẻ các giá trị cần được đưa ra xem xét đối với người dân địa phương, và bảo tồn các nguồn lực của địa phương và đó là cơ sở nền tảng của sự phát triển địa phương. Các vùng du lịch tiềm năng có thể được xem là các nguồn lực phát triển địa phương của Tây Bắc, nằm rải rác ở các vùng biên giới do đó việc thực hiện Chương trình Xúc tiến Buôn bán Thương mại Biên giới sẽ đóng góp cho việc phát triển thành công 3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn.</p> <p>Trong kế hoạch hành động này, cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn được tiến hành nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng cho việc phân phối ở Ma Lù Thàng, Huyện Phong Thổ, cụ thể là cải tạo đường, giao thông công cộng, truyền thông, kho chứa hàng, các trung tâm phân phối, nơi ăn ở cho lái xe đường dài v.v. và giảm nghèo ở Huyện Phong Thổ. Ngoài ra, các hoạt động trợ giúp cần được tiến hành nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và nông sản chế biến của Vùng Tây Bắc bao gồm quảng cáo/xúc tiến các sản phẩm nông sản của Vùng Tây Bắc sang Côn Minh, Trung Quốc và nghiên cứu thị trường để phát triển các sản phẩm thương mại mới.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu		Tổ chức	
<p>Huyện mục tiêu của kế hoạch hành động</p> 		 <p>DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư DTI: Sở Công Thương DARD: Sở NN và PTNT</p>	

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)				
Ở các vùng biên giới của Tỉnh Lai Châu, tiến độ giảm nghèo và buôn bán thương mại với Trung Quốc tăng		1. Các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc được biết đến ở các chợ ở Trung Quốc				
Mục tiêu của Dự án		2. Cơ sở vật chất và hạ tầng ở biên giới cho việc phân phối ở Ma Lù Thàng được nâng cấp cải tạo				
Khối lượng buôn bán thương mại tại cửa khẩu Ma Lù Thàng tăng		3. Việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn được nâng lên ở Huyện Phong Thổ				
Tỷ lệ nghèo ở Huyện Phong Thổ giảm						
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
				1	2	3
1. Tăng cường buôn bán thương mại biên giới						
1-1 Thiết lập trung tâm thông tin/quảng cáo để thúc đẩy buôn bán thương mại biên giới (trung bày các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và thiết lập các cửa hàng)		- Triển lãm, khu bán hàng		■	■	■
1-2 Chiến dịch xúc tiến buôn bán thương mại biên giới của chính phủ (Internet/HP (website), báo, TV, sổ sách nhỏ, tạp chí thông tin địa phương)		- Internet/HP (website), báo chí, v.v.		■	■	■
1-3 Chuyển tải thông tin qua biên giới sang Trung Quốc (các chiến dịch cho sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và bảo tồn môi trường)		- Sách nhỏ và áp phích cho Trung Quốc		■		
1-4 Hội trợ/Trung bày sản phẩm để khám phá các sản phẩm đặc sản địa phương (Hệ thống giải thưởng, Quan hệ Quần chúng (PR) với các công ty thương mại, v.v.)		- Hồ sơ ghi chép hội chợ/trung bày sản phẩm		■		
1-5 Các sự kiện để trao đổi với Trung Quốc (các sự kiện trao đổi văn hoá, bảo tồn môi trường)		- Tài liệu, báo cáo kế hoạch về các sự kiện		■		
2. Cải thiện môi trường sống ở vùng biên giới						
2-1 Nghiên cứu cơ bản để hiểu điều kiện sống của người dân địa phương (Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS)		- Báo cáo nghiên cứu cơ bản		■		
2-2 Cải tạo các phương tiện giao thông (cải tạo đường có xét tới sự kết nối với cửa khẩu, hoạt động giao thông công cộng)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động cải tạo đường		■	■	■
2-3 Tăng điện khí hoá nông thôn (Đội hỏi duy trì an ninh/hoà bình, sử dụng năng lượng có thể tái tạo cần được xem xét)		- Ghi chép/ghi lại giao thông công cộng		■	■	■
2-4 Xây dựng trường học và xúc tiến giáo dục tiêu học và giáo dục cấp hai, cấp ba (kết hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động điện khí hoá		■	■	■
2-5 Cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất y tế và cải thiện y tế công cộng (kết hợp với Bộ Y tế)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động giáo dục		■	■	■
2-6 Cải tạo các phương tiện truyền thông (Mở rộng vùng dịch vụ điện thoại di động)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động truyền thông		■	■	■
2-7 Tiến hành các biện pháp nâng cao an ninh (Xoá bỏ thuốc phiện, ma tuý, cấm người lạ không có giấy tờ và di cư vào biên giới quốc gia)				■	■	■
3. Bảo tồn môi trường ở vùng biên giới						
3-1 Cải tạo các công trình cơ sở ở vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên (tăng cường củng cố trung tâm du lịch)				■	■	■
3-2 Tăng cường hệ thống theo dõi giám sát để ngăn chặn làm thiệt hại môi trường (kết hợp với tuần tra/công an biên giới)				■	■	■
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị và tài liệu				
1-1 Phát triển Khu vực		2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho giáo dục và tập huấn kỹ sư				
1-2 Cơ sở hạ tầng nông thôn		2-2 Thiết bị để quản lý trang trại trình diễn (thiết bị nghe nhìn, v.v.)				
1-3 Thị trường và phân phối		2-3 Công cụ nông nghiệp và thiết bị quản lý trang trại trình diễn				
1-4 Phát triển cộng đồng		3. Chi phí cho hội thảo và đào tạo, vv...				
1-5 Giám sát và Đánh giá Dự án		4. Sổ tay và thiết bị giảng dạy				
Khuyến nghị						
1. Để cửa khẩu Ma Lù Thàng của huyện Phong Thổ không chỉ đóng vai trò như một tuyến thương mại (điểm giao cắt), mà còn làm thương mại biên giới ở đây đem lại những tác động tích cực tới nền kinh tế địa phương, cần cải thiện sinh kế cho người dân địa phương song với việc tạo cơ hội cho họ tham gia vào các hoạt động kinh tế. Việc ổn định sinh kế của người dân đòi hỏi phải nâng cao an ninh lương thực, thực hiện tích cực 2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa sẽ mang lại hiệu quả.						
2. Xúc tiến phát triển sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường Trung Quốc là rất cần thiết. Việc xúc tiến như vậy có thể được tiến hành trong 1.1 Chương trình Tăng cường Phát triển Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương, 1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh nông nghiệp và 1.3 Chương trình Sản xuất Cây trồng An toàn trong vấn đề phát triển về Xúc tiến Nông nghiệp theo Định hướng Thị trường.						
3. Bối cảnh nhiều cơ quan khác nhau liên quan tới việc xúc tiến buôn bán thương mại biên giới, một hệ thống thực hiện hiệu quả và nhịp nhàng sẽ được thiết lập nếu 1) chương trình này bắt đầu dưới lãnh đạo của Sở Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 2) mỗi hợp phần chương trình có cơ quan thực hiện riêng để tiến hành các hoạt động.						
4. Trung Quốc đang giúp Tỉnh Lai Châu mở rộng mạng lưới đường. Do vậy, cần thiết phải biết kế hoạch trợ giúp của Trung Quốc bao gồm các cơ sở hạ tầng khác.						
5. Vùng biên giới quốc gia ở phía bắc của Tỉnh Lai Châu có rất nhiều dân tộc thiểu số và cảnh quan đẹp của rừng tự nhiên. Tiềm năng phát triển du lịch rất cao bao gồm du lịch đi bộ và câu cá, v.v... Do vậy kết hợp với 3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn sẽ rất hiệu quả.						

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa		
Kế hoạch Hành động	Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	2010 - 2015		
Mục tiêu / Khu vực	Các khu vực ở tỉnh Lai Châu nơi chưa tự cung đủ gạo, địa bàn ưu tiên là 2 huyện Tam Đường, Phong Thổ		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DPI, Trung tâm Khuyến Nông, vv...
<p>Mục tiêu</p> <p>Tổng diện tích trồng lúa ở tỉnh Lai Châu là 21.000ha, tương đương với 0,07ha trên đầu người. Sản lượng lúa trung bình tỉnh Lai Châu là 4,7 tấn/ha (2005). Cũng như 3 tỉnh Tây Bắc khác, khối lượng nhỏ về sản xuất lúa thường được bổ sung bằng lúa nương. Ở những khu vực miền núi nơi khó làm đồng lúa, lúa nương được trồng phổ biến. Tổng diện tích canh tác lúa nương tại tỉnh là 93.000ha nhưng sản lượng lúa nương chỉ đạt 1,0 tấn/ha, tức là chỉ bằng một phần tư so với lúa thông thường. Tổng sản lượng lúa bao gồm cả lúa thường và lúa nương tại tỉnh là 93.000 tấn. Khối lượng lúa cung trung bình đầu người mỗi năm là 290kg (tương đương 180kg gạo chế biến), vượt xa mức trung bình quốc gia. Tuy nhiên, đây chỉ là con số dựa trên tính toán sơ bộ về cân bằng cán cân cung cầu. Trên thực tế tồn tại khoảng cách giữa các khu vực khác nhau. Ở các xã nơi điều kiện địa hình khó tiếp cận và hệ thống phân phối chưa phát triển, nguồn cung gạo vẫn thiếu.</p> <p>Tại các khu vực miền núi còn thiếu cung gạo, người dân bù đắp phần thiếu hụt bằng cách ăn ngô, khoai, sắn... Để bảo đảm an ninh lương thực, việc tăng cường sản xuất cây lương thực sẽ được thúc đẩy với sự chú trọng đặc biệt đến tính thích hợp của đất đai với cây trồng cũng như khả năng thích ứng của cây trồng với các điều kiện của địa phương. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm ở Lai Châu là 2,2%, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ trung bình quốc gia (1,2%). Với tỷ lệ tăng như vậy, một số xã và huyện có thể mất khả năng đảm bảo đủ lương thực. Vì thế, tăng sản lượng các cây lương thực là một thách thức lớn của Tỉnh.</p> <p>Về công tác sản xuất lương thực ở Tây Bắc, các nhóm dân tộc khác nhau có các cây trồng khác nhau tùy theo môi trường sống của họ. Thí dụ, người Thái (30% dân số Tây Bắc) và người Mường (23%) sống chủ yếu ở vùng đất thấp thì trồng lúa trong khi người H' mông và người Dao (15% tổng số) sống ở vùng núi non lại trồng lúa, ngô nương trên nương rẫy. Tăng cường sản xuất gạo, loại lương thực chủ đạo, nên là mục tiêu chính nhưng đồng thời cũng phải nghiên cứu để cân bằng cung lương thực thông qua việc đa dạng hóa các loại cây trồng và xem xét kỹ thuật trồng ngô, khoai, sắn, đậu đỗ... Đề xuất giảm bớt sản xuất lúa nương bởi các lý do a) khả năng tăng cường năng suất nhỏ và b) bất lợi cho việc bảo tồn vùng đầu nguồn và nên được chuyển sang trồng ngô và các cây có giá trị kinh tế khác.</p> <p>Để tăng bền vững sản lượng lương thực cần những nỗ lực phát triển cải tiến các phương pháp canh tác hiện trạng và hạ tầng (phát triển thủy lợi, tạo ruộng lúa bậc thang và ruộng nương...). Các biện pháp có thể áp dụng ngay là thay đổi các phương pháp canh tác truyền thống bằng cách 1) mở rộng các loại giống tiên tiến chất lượng tốt, 2) mở rộng kỹ thuật sử dụng vật tư nông nghiệp hợp lý, 3) tinh giản/hợp lý hóa công tác nông nghiệp, thâm canh hệ thống trồng trọt và 4) phát triển nông cụ thích hợp. Trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, nhất thiết phải tạo ruộng lúa bậc thang. Nếu công tác tạo ruộng bậc thang được phối hợp với công tác phát triển thủy lợi, ruộng bậc thang sẽ đem lại hiệu suất lớn. Về công tác mở rộng kỹ thuật nông nghiệp, các khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và những người thuộc hợp tác xã, đoàn thành niên... sẽ được tập huấn để nâng cao năng lực kỹ thuật cho đội ngũ này và thiết lập hệ thống chuyển giao kỹ thuật nhịp nhàng, hiệu quả.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu		Tổ chức	
<p>Các khu vực ưu tiên trong Kế hoạch Hành động (2 Huyện)</p> 		 <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án	
Mục tiêu tổng thể Thiết lập hệ thống an ninh lương thực bền vững ở tỉnh Lai Châu Mục tiêu của Dự án 1. Sản lượng của các cây lương thực chính tăng lên ổn định 2. Chất lượng sản phẩm thặng dư cho mục đích thương mại được cải thiện	Kết quả Dự kiến (Thành quả) 3. Tăng ổn định sản lượng gạo 4. Xóa sổ các xã thiếu lương thực bằng cách tăng sản xuất các cây lương thực khác ngoài gạo 5. Thương mại hóa sản phẩm thặng dư thông qua việc cải tiến chất lượng
Các hoạt động 1. Nghiên cứu cơ sở cho các Hoạt động Thí điểm 1-1 Lựa chọn địa bàn bởi DARD 1-2 Nghiên cứu cơ sở các hoạt động hỗ trợ nông nghiệp, khuyến nông 1-3 Rà soát kỹ thuật trồng cây lương thực, xem xét kỹ thuật thích hợp 1-4 Nghiên cứu tổ chức của nông dân, hoạt động của các tổ chức này 1-5 Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm 1-6 Giải trình kế hoạch cho người dân ở các địa bàn lựa chọn và xây dựng sự nhất trí 2. Các hoạt động thí điểm nhằm tự cung đủ lương thực lấy cây lúa làm trung tâm 2-1 Tập huấn, hướng dẫn nhân viên khuyến nông ở tỉnh và các huyện 2-1-1 Lập kế hoạch thực hiện 2-1-2 Tập huấn và hướng dẫn cán bộ khuyến nông 2-1-3 Tăng cường phương tiện đi lại cho cán bộ khuyến nông và lập quỹ hoạt động cho họ 2-1-4 Thiết lập và quản lý ruộng trình diễn 2-2 Củng cố tổ chức của người nông dân (hợp tác xã nông nghiệp) và tăng cường các hoạt động của họ 2-2-1 Phát triển nhân lực về quản lý tổ chức (chương trình tập huấn và hướng dẫn) 2-2-2 Thiết lập hợp tác xã nông nghiệp 2-2-3 Mua nguyên liệu sản xuất và bán sản phẩm thặng dư 2-3 Biện pháp tăng cường sản xuất gạo và chế biến sau thu hoạch 2-3-1 Tạo ruộng lúa bậc thang (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 7 độ) 2-3-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-3-3 Cải tiến phương pháp canh tác, tình gián và thâm canh hệ thống canh tác 2-3-4 Giới thiệu/áp dụng và phát triển nông nghiệp hữu cơ 2-3-5 Phát triển nông cụ thích hợp (thuốc cây lúa, máy quay trừ cỏ, máy tuốt lúa...) 2-3-6 Cải tiến máy sấy thóc và các đơn vị chế biến gạo (quản lý bởi hợp tác xã) 2-4 Biện pháp tăng cường sản xuất lương thực bao gồm ngô và các cây nương khác 2-4-1 Tạo ruộng lúa bậc thang (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 15 độ) 2-3-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-3-3 Cải tiến phương pháp canh tác 2-3-4 Tình gián hệ thống canh tác và thâm canh công tác nương rẫy (áp dụng hai vụ) 2-3-5 Phát triển nông cụ và thiết bị thích hợp (cuốc làm cỏ, liềm, máy tuốt hạt, ...) 3. Mở rộng kỹ thuật tăng cường sản xuất lúa ra các khu vực khác	Báo cáo và Tài liệu <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách địa bàn lựa chọn - Báo cáo nghiên cứu cơ sở - Sổ tay phương pháp canh tác thích hợp - Kế hoạch hoạt động thí điểm - Văn bản thỏa thuận thực hiện hoạt động - Văn bản kế hoạch thực hiện - Ghi chép tập huấn - Văn bản ngân sách - Sơ đồ tổ chức, văn bản bố trí nhân sự - Sổ tay hoạt động hợp tác xã - Văn bản lập kế hoạch hoạt động của hợp tác xã - Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng ruộng lúa bậc thang - Sổ tay thực hành trồng lúa - Sổ tay nông nghiệp hữu cơ - Sổ tay sử dụng nông cụ - Nghiên cứu chất lượng gạo chế biến - Canh tác an toàn và hiệu quả của việc bảo tồn tiềm năng của đất - Phân phối hạt giống lai thể hệ thứ nhất - Hợp lý hóa quản lý độ màu của đất và hiệu quả của việc tăng cường sản xuất - Cải thiện năng suất đất và đa dạng hóa các loại cây trồng - Hiệu quả của việc cải thiện năng suất lao động
	Năm 1 2 3 4 5 6
Đầu vào 1. Chuyên gia về 1-1 Thủy lợi, trồng lúa 1-3 Trồng cây nương 1-5 Hợp tác xã nông nghiệp 1-6 Phát triển cố sự tham gia 1-7 Giám sát và thẩm định	2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Thiết bị quản lý ruộng trình diễn 2-2 Thiết bị tập huấn và hướng dẫn nhân viên kỹ thuật 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Chi phí hội thảo, tập huấn, vv... 5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn, thiết bị tập huấn
Khuyến nghị 1. Mặc dù một số nông dân đã sử dụng các giống lúa lai từ Trung Quốc, các giống này rất đắt, là gánh nặng tài chính đối với các nông hộ. Việc trồng các giống lúa lai chỉ nên triển khai khi các giống này được sản xuất ngay trong nước và hệ thống marketing hạt giống giá rẻ thuận tiện đã được xây dựng. Trong thời điểm hiện nay, các biện pháp tăng cường sản lượng nên bắt đầu bằng việc chọn các giống thích hợp từ các giống thường được cải tiến đồng thời cải thiện phương pháp canh tác. 2. Các giống dài ngày hiện nay của địa phương (5 tháng) nên được đổi sang các giống cải tiến (4 tháng) để thời gian canh tác vụ đông xuân chuyển thành từ tháng 12 đến tháng 3. Sự thay đổi thời gian canh tác này là biện pháp nhằm a) phòng ngừa thiệt hại do nhiệt độ thấp trong giai đoạn vườn ươm và b) mang lại hiệu quả thâm canh cây lúa qua xen canh cây trồng khác. 3. Để cải tiến phương pháp canh tác như một cách thức nhằm tăng sản lượng lúa, phương pháp gieo thẳng hiện tại sẽ được thay đổi sang phương pháp cấy. Đối với phương pháp cấy hiện nay, mật độ trồng cây cần thay đổi từ dày sang mức độ thích hợp. Cây mạ mang cấy nên ở độ tuổi 18-20 ngày với 4,5 lá. Thông qua các biện pháp này, việc quản lý tổng thể công tác trồng lúa sẽ được hợp lý hóa. 4. Thâm canh trồng lúa đòi hỏi việc cải thiện cơ sở hạ tầng, là việc cần được thực hiện chu đáo đồng thời lưu ý một thực tế rằng đầu tư phát triển sẽ tập trung vào các nông hộ trồng lúa và hiệu quả chi phí của công tác xây dựng cũng như số nông dân hưởng lợi là có giới hạn. Đặc điểm địa hình của Khu vực Tây Bắc đòi hỏi các hệ thống thủy lợi quy mô rất nhỏ. Những hệ thống này nên được xây dựng theo phương pháp tiếp cận từ dưới lên trong đó các hộ hưởng lợi đóng vai trò trung tâm	

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Thú Y và Chăn Nuôi		
Kế hoạch Hành động	Phát triển Nông trường Sữa Cộng đồng ở Tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân chăn nuôi ở Lai Châu		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Hợp tác xã của người sản xuất
<p>Mục tiêu</p> <p>Số lượng trâu ở Khu vực Tây Bắc chiếm 16% tổng số tại Việt Nam (MARD 2007). Số trâu ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu ít hơn ở hai tỉnh còn lại trong Khu vực. Về bò thịt, số lượng bò thịt ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu chiếm 15% tổng số của Khu vực Tây Bắc. Trung bình mỗi hộ có từ 3 đến 5 con (bò thịt). Chính phủ Việt Nam cung cấp vắc xin định kỳ chống bệnh lở mồm long móng. Bởi tỉnh Lai Châu điều kiện tiếp cận khó khăn lại thiếu cán bộ NN-PTNT nên hệ thống phòng bệnh tại Tỉnh còn yếu.</p> <p>Tỉnh Lai Châu cho phép chăn nuôi gia súc thả rông vào ban ngày như một cách thúc đẩy hệ thống ngân hàng gia súc của tỉnh. Trong hệ thống này, tối thiểu 5 gia súc được cho vay, khi một con bê/ghé ra đời, người nông dân trả bê/ghé cho DARD. Trong kế hoạch hành động này, DARD thiết lập một hợp tác xã nông trường sữa trâu với các thành viên là người dân tộc. Theo đó, công tác quản lý tập thể đàn trâu phân bổ rải rác được thực hiện và việc giáo dục, đào tạo nông dân về quản lý chăn nuôi gia súc được tiến hành. Nông trường sữa này sẽ được biết đến như một nông trường mẫu nơi triển khai các biện pháp chống bệnh lở mồm long móng. Nông trường sẽ có chức năng như một đại lý cung cấp các sản phẩm vật nuôi an toàn.</p> <p>Trong hợp tác xã nông trường trâu, việc tập huấn kỹ thuật sẽ được đưa ra bao gồm a) biogas làm từ chất thải vật nuôi b) sản xuất phân hữu cơ. Với việc cung cấp phân bón cho các hộ trồng trọt kế bên, nông trường này sẽ đóng vai trò như một nông trường trình diễn về sản xuất nông nghiệp có lợi cho môi trường.</p> <p>Một loạt các hoạt động tập huấn ngắn hạn sẽ được cung cấp để nhiều thành viên có thể nhận được lợi ích từ dự án. Chức năng của nông trường như một nông trường thí điểm quy mô lớn sẽ được cải thiện. Các dịch vụ sẽ được cung cấp cho nhiều hộ chăn nuôi. Việc thiết lập hợp tác xã nông trường sữa quy mô nhỏ ở cấp huyện sẽ được xem xét.</p> <p>Thiết lập hợp tác xã nông trường sữa trâu nhằm cải thiện công tác quản lý chăn nuôi ở khu vực đồi núi theo Chiến lược Phát triển Chăn nuôi đến năm 2020 (Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg).</p>			
Khu vực Mục tiêu: Tỉnh Lai Châu		Sơ đồ Tổ chức	
		 <pre> graph TD NIAH[NIAH] --> NCS[Bộ phận N.C. Trâu] NCS --> DARD[DARD Lai Châu] DARD --> DDT[Đoàn Dự án Tỉnh] </pre> <p>NIAR: Viện Chăn nuôi Quốc gia DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn</p>	

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu Tổng thể Số lượng vật nuôi nhai loại lớn ở khu vực mục tiêu tăng lên.		Kết quả 1. Dịch vụ vật nuôi của chính quyền địa phương trở nên phổ biến 2. Tỷ lệ bệnh dịch trong vật nuôi nhai lại cỡ lớn giảm xuống 3. Nền nông nghiệp tốt cho môi trường được thiết lập vững chắc					
Mục tiêu Dự án Thu nhập của những nông dân nhỏ ở khu vực mục tiêu tăng lên. Dịch vụ vật nuôi của chính quyền địa phương ở Khu vực Tây Bắc cải thiện.							
Hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
1. Thiết lập hợp tác xã nông trường sữa vật nuôi nhai lại cỡ lớn (bò và trâu) 1-1 Thiết lập ủy ban kiểm tra hợp tác xã nông trường sữa bởi DARD 1-1-1 Lựa chọn địa điểm nông trường 1-1-2 Rà soát quy mô nông trường (quy mô đầu vào) 1-1-3 Lấy ý kiến từ huyện, xã và giải thích các hoạt động 1-1-4 Thiết lập phương pháp quản lý và luật lệ địa phương 1-1-5 Học tập và tập huấn cán bộ DARD 1-2 Cung cấp dịch vụ vật nuôi cấp chính quyền địa phương 1-2-1 Xây dựng nông trường sữa 1-2-2 Tập huấn và đào tạo tại chỗ về kỹ thuật quản lý vật nuôi 1-2-3 Vắc xin phòng bệnh dịch 1-2-4 Tập huấn và đào tạo tại chỗ các biện pháp phòng bệnh 1-2-5 Cung cấp dịch vụ thụ tinh nhân tạo 1-2-6 Hướng dẫn quản lý chăn nuôi thân thiện môi trường 1-2-7 Quản lý chi phí vận hành nông trường 1-3 Hỗ trợ bởi chính quyền địa phương 1-3-1 Giới thiệu hoạt động cho các công ty tư nhân và thu hút đầu tư 2. Quản lý đoàn thể 2-1 Hoạt động của các hộ chăn nuôi 2-1-1 Lập kế hoạch quản lý 2-1-2 Quản lý cơ sở vật chất nông trường 2-1-3 Quản lý tài chính 2-1-4 Mua thức ăn và phân phối phân bón 2-2 Phát triển sản phẩm trong sự phối hợp với chính quyền địa phương 2-2-1 Sử dụng sản phẩm phụ từ các công trình phụ trợ của nông trường và nghiên cứu thị trường	- Cơ sở dữ liệu - Cơ sở dữ liệu - Hướng dẫn - Điều khoản đoàn thể - Báo cáo của cán bộ đi học - Xây dựng - Ghi chép tập huấn - Sách ghi chép - Thiết bị tập huấn - Sách ghi chép - Sổ tay - Bản quyết toán - Website của DARD, vv... - Biên bản - Ghi chép quản lý - Bản quyết toán - Ghi chép quản lý - Ghi chép bán hàng, ghi chép nghiên cứu						
Đầu vào							
1. Chuyên gia về 1-1 Quản lý chăn nuôi 1-2 Chế biến thực phẩm 1-3 Nhân giống vật nuôi 1-4 Bệnh dịch ở vật nuôi 1-5 Phát triển cộng đồng 1-6 Phát triển môi trường		2. Thiết bị và vật liệu 2-1 Thiết bị quản lý nông trường 2-2 Thiết bị Bio-Gas 2-3 Máy chế biến thức ăn 3. Chi phí hội thảo và đào tạo 4. Sổ tay và tài liệu giảng dạy 5. Máy tính cá nhân, thiết bị Internet					
Khuyến nghị							
1. Ở những khu vực nơi nền kinh tế tiền tệ còn kém phát triển, cần nâng cao nhận thức của người dân để công tác chăn nuôi có thể cải thiện sinh kế cho họ. 2. Người chăn nuôi cần hiểu rằng chăn nuôi luôn có nguy cơ đi kèm với bệnh dịch và vật nuôi của họ có thể chính là nguồn lây bệnh. 3. Nông trường sữa cần được quản lý trên cơ sở xem xét tập quán, thói quen của các nhóm dân tộc khác nhau. 4. Chăn nuôi thâm canh có nguy cơ bị dịch bệnh nhiều hơn. Việc phòng chống bệnh dịch phải luôn được tiến hành. 5. Nông trường sữa nên được quản lý theo tập thể bởi các nông dân thành viên. Nhà chức trách địa phương sẽ kiểm tra tổ chức này và tham gia quản lý khi cần thiết để bảo đảm tính bền vững. 6. Nông trường bò sữa không nên chỉ là một nơi để các thành viên sử dụng. Nó cần là nơi để giới thiệu công nghệ thích hợp cho chính quyền địa phương.							

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt		
Kế hoạch Hành động	Dự án Thí điểm Nuôi cá trong Ruộng lúa ở tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	2010–2015		
Mục tiêu / Khu vực	Xã Bản Giang: 9 thôn bản, 628 hộ , 3.100 người , Huyện Tam Đường Các cán bộ thủy sản của Huyện Tam Đường và Tỉnh		
Cơ quan thực hiện	Phòng thủy sản, DARD	Cơ quan hữu quan	Hội nông dân; hội phụ nữ; đoàn thanh niên; hội cựu chiến binh

Mục tiêu

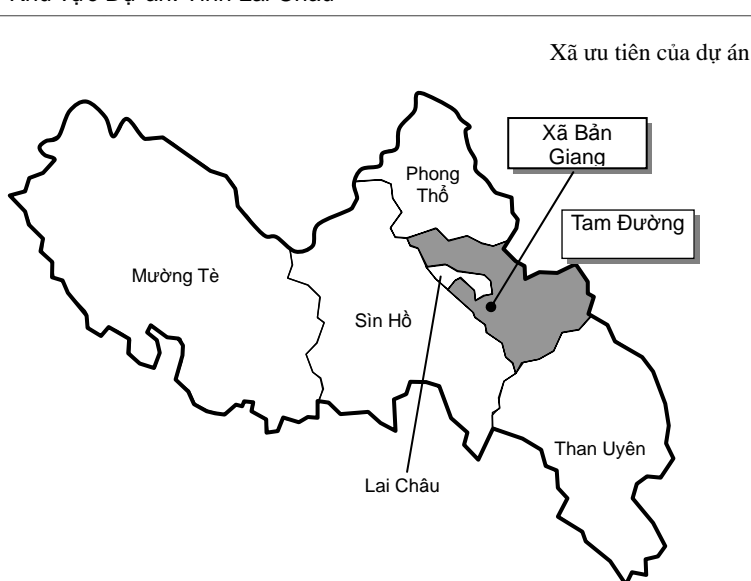
Phát triển nghề cá nước ngọt ở Tỉnh Lai Châu là nhiệm vụ rất cần thiết để đảm bảo tăng nguồn dinh dưỡng và thu nhập cho người dân địa phương. Chính vì vậy, nhiệm vụ này có liên quan đến việc thúc đẩy dự án nuôi thủy sản trong ruộng lúa cùng với chương trình hỗ trợ cho ngành nông nghiệp và chăn nuôi. Để nâng mức tiêu thụ thủy sản theo đầu người từ 2kg ở thời điểm hiện tại lên tới 4kg thì tỷ lệ ao nuôi trồng thủy sản của người nông dân cũng tăng lên từ 6% ở thời điểm hiện tại đến 20% và số trại giống cũng phải tăng lên để cung cấp đủ con giống cho người nông dân. Tuy nhiên, vùng này không thích hợp xây dựng trại giống vì tại thời điểm này kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và công tác khuyến ngư chưa được tốt. Thực hiện nuôi cá trong ruộng lúa tại tỉnh sẽ phù hợp hơn bởi ở đây có lượng nước phong phú trong khi quỹ đất bị giới hạn trong lưu vực nhỏ.

Kế hoạch hành động này là kế hoạch chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản số 1 (nuôi thủy sản trong ruộng lúa, các năm từ 2010 đến 2015) và thu hút sự tham gia của UNND xã và các tổ chức đoàn thể (Hội nông dân; Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh) để thực hiện dự án thí điểm đầu tiên này. Đồng thời dự án chú trọng nâng cao năng lực quản lý và nâng cao trình độ cho các kỹ thuật viên cấp địa phương. Chương trình này đặc biệt liên quan tới chương trình hỗ trợ của các dự án nông nghiệp, chăn nuôi, và dự án nuôi trồng thủy sản này sẽ được xây dựng và thúc đẩy tại tỉnh Lai Châu theo các phương pháp độc đáo. Kế hoạch dài hạn đến 2010 như sau:

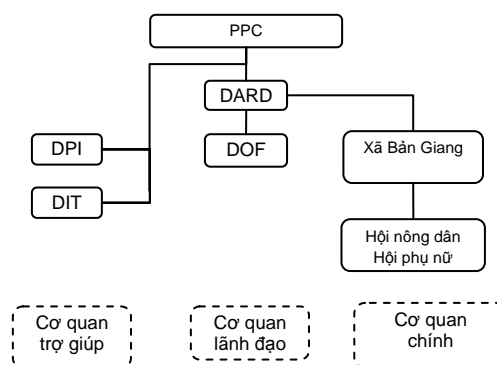
1. Thảo luận chi tiết kế hoạch của dự án với ủy ban nhân dân xã Bản Giang.
2. Nghiên cứu về số lượng, kích cỡ và tổng diện tích trồng lúa hiện có
3. Khảo sát hiện trạng trữ lượng nước trong ao, hồ và đánh giá trữ lượng nước cần trong tương lai
4. Tính toán số lượng cá giống cần thiết
5. Xác định cấu trúc và quy mô (tỉ lệ) của các trại giống và chỉ định các cán bộ chuyên môn
6. Nghiên cứu xu hướng thị trường và thành lập chương trình tập huấn cho người dân trong xã và các cán bộ thủy sản
7. Hỗ trợ tất cả các hộ nông dân những người muốn tham gia nuôi thủy sản trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng và xây mới ao nuôi theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật khuyến ngư địa phương
8. Dự án thí điểm đầu tiên trong xã nhằm mục đích xác định sự phát triển nuôi cá ở ruộng lúa trong tương lai
9. Nghiên cứu nhu cầu tiêu thụ của sản phẩm và thành lập chương trình tập huấn cho người dân trong xã và các cán bộ thủy sản
10. Quản lý điều kiện môi trường xung quanh cánh đồng lúa và thành lập mô hình Nuôi trồng thủy sản bền vững theo tiêu chuẩn thế giới

Kế hoạch hành động này phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển ngành thủy sản cũng như được sự chấp thuận của Thứ trưởng Bộ NN&PTNT và các dự án liên quan với dự án SUDA (Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững) của DANIDA.

Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu

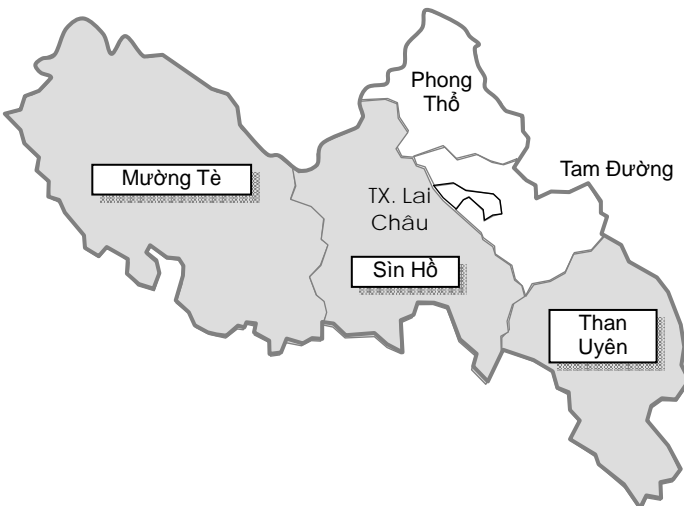
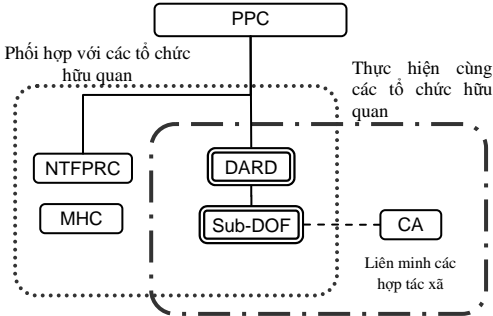


Tổ chức



PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
 DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 DOF: Trung tâm Thủy sản
 DPI: Sở Kế hoạch Đầu tư
 DIT: Sở Công Thương

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể 1. Thu nhập của người nông dân đa dạng và tăng lên 2. Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững không gây hại môi trường Mục tiêu của Dự án 1. Phát triển nuôi trồng thủy sản tại vùng mục tiêu của chương trình 2. Phát triển kết hợp nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong vùng mục tiêu		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Điều tra rõ số lượng và diện tích ao nuôi trồng thủy sản 2. Các trại ương được xây dựng để cấp cá giống nội bộ 3. Những người nông dân người mà muốn thực hiện nuôi trồng thủy sản sẽ được hỗ trợ bằng việc mở rộng ao nuôi và được cán bộ kỹ thuật của địa phương hướng dẫn về kỹ thuật 4. Nông dân và cán bộ thủy sản được tập huấn để nâng cao kiến thức và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
1. Điều tra điều kiện hiện trạng của các cánh đồng lúa và hệ thống cung cấp nước 1-1 Điều tra các cánh đồng lúa 1-1-1 Tỷ lệ, số lượng và tổng diện tích ruộng lúa hiện có 1-1-2 Đánh giá khả năng sử dụng nước 1-2 Hệ thống cấp nước cho nuôi trồng thủy sản trong các cánh đồng lúa 1-2-1 Tính toán khối lượng nước cấp cho các cánh đồng lúa 1-2-2 Thông tin mang tính hệ thống về nước cấp trong các lưu vực 2. Thành lập cơ sở ương nuôi cá giống 2-1 Sản xuất cá giống 2-1-1 Lựa chọn các loài mục tiêu cho Nuôi trồng thủy sản 2-1-2 Xác định tỷ lệ của trại giống 2-1-3 Chỉ định số lượng nhân kỹ thuật cho cơ sở ương giống 2-1-4 Xây dựng cơ sở ương giống 3. Mở rộng dự án nuôi trồng thủy sản trên cánh đồng lúa 3-1 Nhu cầu của nông dân những người có kế hoạch bắt đầu nuôi trồng thủy sản trên cánh đồng lúa 3-1-1 Lựa chọn các hộ nông dân điển hình cho việc trợ cấp 3-1-2 Tập huấn và hướng dẫn dự án Nuôi trồng thủy sản 3-1-3 Bắt đầu dự án Nuôi trồng thủy sản 3-2 Điều tra về xu hướng của thị trường 3-2-1 Khảo sát xu hướng thị trường hiện nay, phát triển xu hướng thị trường mới bao gồm cả xuất khẩu 3-2-2 Tham quan học tập tại vùng phát triển (Vân Nam) 3-3 Biện pháp phòng trừ dịch bệnh 3-3-1 Hướng dẫn của cố vấn chuyên về dịch bệnh thủy sản 3-3-2 Kết quả đạt được và khối lượng của thuốc chữa bệnh thủy sản 4. Cân nhắc về tài chính vi mô 4-1 Đánh giá công tác quản lý Nuôi trồng thủy sản 4-1-1 Đánh giá chi phí điều hành 4-1-2 Thu nhập từ sản phẩm 4-2 Khả năng tài chính vi mô 4-2-1 Nghiên cứu kinh nghiệm trước đây về thành công và thất bại 4-2-2 Cấu trúc của hệ thống tài chính vi mô 5. Nâng cao năng lực cho cán bộ thủy sản, DARD 5-1 Tập huấn cho cán bộ thủy sản về hướng dẫn kỹ thuật công nghệ Nuôi trồng thủy sản 5-1-1 Tập huấn về kỹ thuật Nuôi trồng thủy sản 5-1-2 Tập huấn về bệnh dịch thủy sản 5-1-3 Tập huấn về phương pháp bảo quản thủy sản 5-1-4 Tập huấn về chế biến thủy sản và thị trường 6. Phát triển Nuôi trồng thủy sản bền vững 6-1 Quản lý môi trường 6-1-1 Quản lý điều kiện môi trường xung quanh 6-2 Cân nhắc về việc nuôi trồng thủy sản bền vững 6-2-1 Tiên bộ về nuôi trồng thủy sản bền vững 6-2-2 Thành lập mô hình Nuôi trồng thủy sản bền vững 6-2-3 Phát chương trình về nuôi trồng thủy sản bền vững		- Cơ sở dữ liệu - Cơ sở dữ liệu - Thống kê - Sơ đồ cấp nước - Hướng dẫn lựa chọn - Hướng dẫn kỹ thuật - Danh sách cán bộ - Hướng dẫn công nghệ - Hướng dẫn lựa chọn - Tài liệu tập huấn - Thống kê sản lượng - Sơ đồ thị trường - Báo cáo kết quả học tập - Hướng dẫn dịch bệnh thủy sản - Danh sách thuốc chữa bệnh - Hướng dẫn Nuôi trồng thủy sản - Bản quyết toán - Hướng dẫn tài chính vi mô - Bản quyết toán - Bản hướng dẫn - Bản hướng dẫn - Bản hướng dẫn - Bản hướng dẫn - Bản hướng dẫn - Bản hướng dẫn - Mô hình công nghiệp - Trang chủ		1	2	3	4	5	6
Đầu vào									
1. Chuyên gia về 1-1 Quản lý dự án 1-2 Sản xuất giống thủy sản nước ngọt 1-3 Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và dịch bệnh thủy sản 1-4 Tiếp thị 1-5 Bảo tồn môi trường		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Trại ương giống cá, trung tâm nghiên cứu bệnh về cá 2-2 Nguyên vật liệu để xây ao 2-3 Nguyên vật liệu để sản xuất giống 2-4 Thuốc chữa bệnh cho cá 2-5 Sổ tay và sách							
Khuyến nghị									
1. Chương trình này phải được nhất quán phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản nước ngọt cả nước và của 4 tỉnh trên 2. Sau khi đánh giá chi tiết về những thất bại, trường dự án nên được hỗ trợ về kỹ thuật và trang thiết bị để dự án thành công 3. Dưới xu hướng nuôi trồng thủy sản như hiện nay, nuôi trồng thủy sản bền vững được bắt đầu với 4 nhân tố chính: Nuôi trồng thủy sản ở tầng dinh dưỡng thấp; Sử dụng thực vật làm thức ăn cho thủy sản; Nuôi trồng thủy sản kết hợp với chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp; và Nuôi quảng canh với tỷ lệ nhỏ. Chương trình này nhằm hướng theo xu hướng của thế giới. 4. Chương trình này phải được kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể có liên quan của địa phương, các truyền thống văn hoá của các xã phải được quan tâm sâu sắc ở cấp cơ sở. 5. Sự mất cân đối về rủi ro và lợi nhuận giữa các nhóm dân tộc thiểu số nên được tránh thông qua nghiên cứu xã hội.									

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Lâm sản ngoài gỗ (NTFP)		
Kế hoạch Hành động	Giới thiệu Quản lý Tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ cho tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Mường Tè, Sìn Hồ và Than Uyên. Cán bộ DARD và cán bộ huyện liên quan tới chương trình và các hợp tác xã liên quan tới quá trình sản xuất và chế biến lâm sản ngoài gỗ.		
Cơ quan thực hiện	DARD (Chi Cục lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan	Trung tâm nghiên cứu NTFP, Liên minh hợp tác xã v.v.
<p>Mục tiêu</p> <p>Các lâm sản ngoài gỗ chính tại tỉnh Lai Châu là tre, nứa, song, mây, cây gia vị, cây thuốc. Các cây thuộc họ tre nứa không chỉ được dùng làm thực phẩm mà còn được sử dụng làm nguyên liệu thô cho xây dựng, làm hàng thủ công, v.v. Khối lượng sản xuất của các lâm sản ngoài gỗ, kể cả cây gia vị và làm thuốc được trồng trên đất canh tác và thu hoạch từ rừng phòng hộ không đủ xuất ra bên ngoài mà chỉ đủ tiêu dùng trong tỉnh. Một trong những lý do khiến ít lâm sản ngoài gỗ được xuất ra ngoài tỉnh là do kỹ thuật bảo quản kém. Theo kết quả trồng thử nghiệm các cây gỗ đa tác dụng và các loại thảo dược, các loại cây làm thuốc của Dự án RENFODA do JICA tài trợ tại tỉnh Hòa Bình (dự tính sẽ kết thúc vào cuối tháng 9 năm 2008) thì một số loại cây lâm sản ngoài gỗ mới nên được đưa vào trồng ở vùng Tây Bắc.</p> <p>Theo hiện trạng sản xuất lâm sản ngoài gỗ ở tỉnh Lai Châu và những kết quả trồng thử nghiệm của Dự án RENFODA nêu trên thì những hỗ trợ cho các hoạt động như: 1) Nấm bắt, đánh giá trữ lượng tài nguyên các lâm sản ngoài gỗ, 2) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, 3) Cải tiến các kỹ thuật chế biến, 4) Tìm thị trường tiêu thụ mới và 5) Xây dựng các hợp tác xã sản xuất, sẽ được thực hiện trên đối tượng những cây lâm sản ngoài gỗ dưới đây ở các huyện Mường Tè, Sìn Hồ và Than Uyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây thuốc (Sa nhân, Thảo quả): Mường Tè, Sìn Hồ và Than Uyên - Tre nứa, luồng: Mường Tè - Song, mây: Mường Tè và Sìn Hồ - Cánh kiến: Mường Tè và Sìn Hồ - Cây lấy dầu (Trầu): Mường Tè và Sìn Hồ <p>Đặc biệt, các hệ thống quản lý tổng hợp nên được tăng cường, bao gồm các kỹ thuật bảo quản, sản xuất, chế biến và vận chuyển.</p> <p>Liên quan tới nội dung 6) Đưa vào trồng các cây lâm sản ngoài gỗ mới, các cây đa tác dụng như sấu, trám (Trám chim, Trám trắng, Trám đen) và cây thuốc (Giôi, Ba Kích) cũng cần được xem xét.</p>			
<p>Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu</p> <p>Các huyện ưu tiên cho dự án: 3 huyện</p> 		<p>Tổ chức</p>  <p>PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh DARD: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp thuộc DARD NTFPRC: Trung tâm Nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ của FSIV MHC: Bộ y tế CA: Liên minh hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án		Kết quả Dự kiến (Thành quả)					
Mục tiêu tổng thể Đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng thu nhập cho người dân. Các sản phẩm tận dụng nguồn tài nguyên nội địa ở vùng Tây Bắc sẽ được tăng lên.		1. Năm bắt thị trường ổn định và khối lượng sản xuất các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ 2. Sản xuất ổn định sản phẩm lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện 3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện và thị trường dành cho lâm sản ngoài gỗ sẽ được đa dạng hóa. 4. Các liên minh hợp tác xã về lâm sản ngoài gỗ sẽ được tổ chức. 5. Kiến thức/kỹ thuật của các cán bộ sẽ được nâng cao nhờ các khóa tập huấn 6. Các cây lâm sản ngoài gỗ mới sẽ được đưa vào trồng					
Mục tiêu của Dự án Phát triển các ngành liên quan tới lâm sản ngoài gỗ tại những vùng mục tiêu của dự án Phát triển và sản xuất các loại lâm sản ngoài gỗ mới tại vùng mục tiêu của dự án.							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu					
		Năm					
		1	2	3	4	5	6
1. Năm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-1 Năm bắt thị trường ổn định lâm sản ngoài gỗ hiện có 1-1-1 Hỗ trợ cho việc năm bắt thị trường ổn định và khối lượng sử dụng 1-2 Giám sát việc điều tra, năm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-2-1 Giám sát việc năm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ		- Cơ sở dữ liệu - Báo cáo giám sát					
2. Xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-1 Sản xuất cây giống 2-1-1 Tìm kiếm/Phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ phù hợp với tỉnh Lai Châu 2-1-2 Xây dựng/mở rộng vườn ươm cây giống 2-1-3 Sản xuất cây giống con 2-1-4 Khoanh vùng trồng và vùng sản xuất 2-1-5 Trồng cây con 2-2 Sản xuất/trữ kho nguyên liệu thô của lâm sản ngoài gỗ 2-2-1 Quản lý/chăm sóc các vùng sản xuất hiện có 2-2-2 Quản lý và chăm sóc các vùng đang trồng 2-2-3 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/trữ kho tại các vùng sản xuất hiện có 2-2-4 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/trữ kho tại các vùng sản xuất mới 2-2-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 2-3 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-3-1 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ		- Cơ sở dữ liệu/ sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Vườn ươm - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Khu vực trồng / sản xuất - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Báo cáo thẩm quan thực tế					
3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ và tiếp thị 3-1 Cải tiến các kỹ thuật chế biến lâm sản ngoài gỗ 3-1-1 Năm bắt các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-2 Đổi mới các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-3 Phát triển các kỹ thuật chế biến mới 3-1-4 Đổi mới/ xây dựng mới các cơ sở chế biến 3-1-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-2 Đa dạng hóa thị trường lâm sản ngoài gỗ 3-2-1 Năm bắt các thị trường hiện có 3-2-2 Khai phá các thị trường mới 3-2-3 Xây dựng mạng lưới với các công ty nội địa và nước ngoài. 3-2-4 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-3 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới 3-3-1 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới		- Báo cáo giám sát - Cơ sở dữ liệu - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Các cơ sở chế biến - Báo cáo thẩm quan thực tế					
4. Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1 Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1-1 Mở rộng/tăng tính cần thiết của các hợp tác xã 4-1-2 Thiết lập các tổ chức mới 4-2 Đảm bảo sự chặt chẽ của các qui định về lâm sản ngoài gỗ 4-2-1 Năm bắt các hệ thống pháp lý hiện hành về lâm sản ngoài gỗ 4-2-2 Các kiến nghị đề xuất đối với các hệ thống pháp lý về lâm sản ngoài gỗ 4-3 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ 4-3-1 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ		- Văn bản Phản hồi - Sổ tay - Các tổ chức mới - Cơ sở dữ liệu - Các đề xuất - Báo cáo giám sát					
5. Phát triển năng lực của các cán bộ của tỉnh Lai Châu 5-1 Tập huấn cho các cán bộ làm công tác chuyển giao kỹ thuật 5-1-1 Tập huấn kỹ thuật về năm bắt khối lượng sử dụng và có khả năng thu mua 5-1-2 Tập huấn kỹ thuật về sản xuất cây giống 5-1-3 Tập huấn kỹ thuật về quản lý sản xuất nguyên liệu thô 5-1-4 Tập huấn kỹ thuật về chế biến lâm sản ngoài gỗ 5-1-5 Tập huấn kỹ thuật về tiếp thị		- Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn					
6. Đưa vào trồng các loài cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-1 Kiểm tra các loài mới, kể cả nghiên cứu tiềm năng thị trường 6-2 Sản xuất giống, chống và chăm sóc cây con 6-3 Chế biến các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-4 Khai phá thị trường cho các cây lâm sản ngoài gỗ mới		- Các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Cơ sở dữ liệu, danh sách khách hàng					
Đầu vào 1. Chuyên gia về 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Chế biến sản phẩm/Chế biến thực phẩm 1-3 Lâm nghiệp/ lâm sản ngoài gỗ 1-4 Tiếp thị 1-5 Xây dựng các tổ chức		1-6 Lập kế hoạch đào tạo 1-7 Lâm sản ngoài gỗ có chỉ định (ngắn hạn) 2. Nguyên liệu sản xuất, cơ sở hỗ trợ, các hỗ trợ khác 2-1 Nguyên liệu cho trồng cây 2-2 Nguyên liệu cho sản xuất cây giống 2-3 Bảo quản/ chế biến lâm sản ngoài gỗ		3. Các công trình (bao gồm công trình tạm) 3-1 Vườn ươm 3-2 Các công trình chế biến lâm sản ngoài gỗ 4 Các tài liệu khác 4-1 Nghiên cứu khối lượng hiện trạng của Lâm sản ngoài gỗ 5 Sổ tay/Hướng dẫn 6. Máy tính cá nhân			
Khuyến nghị 1. Việc hợp tác với các tổ chức và cán bộ liên quan cần được xem xét để có sự giúp đỡ tổng hợp cho dự án. 2. Việc phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ bản địa và trồng mới các loại lâm sản ngoài gỗ mới nên được tiến hành nhằm đa dạng hóa các loại cây lâm sản ngoài gỗ. Phương pháp có sự tham gia nên được chú trọng để tiến hành dự án khi mà cần có sự đồng lòng cũng như độc lập của các hộ dân là cần thiết cho việc quản lý tài nguyên một cách bền vững. 3. Các hoạt động sản xuất định hướng người sản xuất nên được xúc tiến bằng cách thành lập các hợp tác xã, tăng cường các tổ chức và nguồn nhân lực hiện trạng, tăng cường quan hệ với khách hàng. 4. Sự hỗ trợ đầy đủ, ví dụ như cử chuyên gia về từng loài lâm sản ngoài gỗ, dựa trên đánh giá của chuyên gia, cũng như các phương pháp khác cần được áp dụng cho từng loài lâm sản ngoài gỗ trong cạnh tác, chăm sóc và chế biến. 5. Nên xem xét sự gắn kết với Quy hoạch toàn quốc về Phát triển và Bảo tồn lâm sản ngoài gỗ (2005-2020) và kết quả của dự án RENFODA.							

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thủ công mỹ nghệ		
Kế hoạch Hành động	Đẩy mạnh Thủ công nghiệp và Chế biến lương thực ở Trung tâm Học tập Cộng đồng (CLC) tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha 1: Dự án Thí điểm; Pha 2: Mở rộng ra toàn khu vực)		
Mục tiêu / Khu vực	Cán bộ liên quan đến CLC ở huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và các Tổ chức Xã hội (các Hợp tác xã, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên).		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Khuyến Nông v.v.

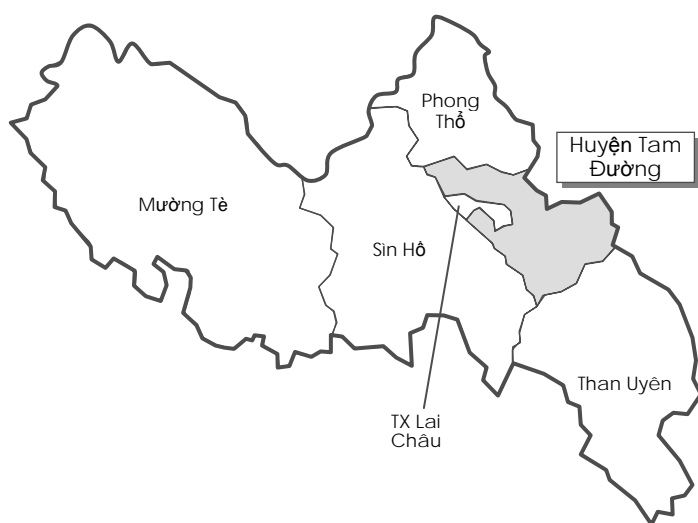
Mục tiêu

Kế hoạch hành động bao gồm hai pha 1 và 2 này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm trong đó lấy các đơn vị kinh doanh và các tổ chức hiện tại như các hợp tác xã, các đoàn thể làm đối tượng mục tiêu. Trọng tâm của Kế hoạch hành động là phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương và các cán bộ kỹ thuật khuyến nông.

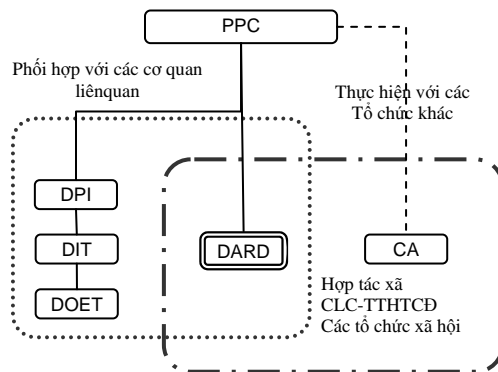
Các khoá đào tạo và hội thảo về sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp, chế biến lương thực cho nông dân trong thời gian nông nhàn và phụ nữ đã được hướng dẫn ở CLC tỉnh Lai Châu. Gần đây, các nhu cầu của người dân địa phương đối với các hoạt động của CLC đang được đa dạng và đi vào chiều sâu nhưng về quản lý thì đang gặp trở ngại là chuyên môn thấp và kinh phí hạn chế. Mục tiêu của kế hoạch hành động này là CLC ở xã Bản Bo, huyện Tam Đường. Ở giai đoạn I, hướng dẫn kỹ thuật để đa dạng hoá sản phẩm và tìm kiếm nguồn nguyên liệu ổn định. Giai đoạn II sẽ hỗ trợ về marketing.

Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu

Huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động (1 huyện)



Tổ chức



PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh
DARD: Sở Nông nghiệp & PTNT
DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
DIT: Sở Công nghiệp & Thương mại
DOET: Sở Giáo dục & Đào tạo
CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể Đa dạng và tăng nguồn thu nhập bằng tiền của nông hộ Tăng thêm các đặc sản của Vùng Tây Bắc Mục tiêu của Dự án Phát triển công nghiệp địa phương trong các vùng của Chương trình Sản xuất và phát triển các đặc sản của vùng		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Tiến hành TOT (Đào tạo cho các giảng viên) nhằm phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương về hỗ trợ sản xuất, đẩy mạnh tiếp thị và tăng cường các dịch vụ tại địa phương. 2. Sản xuất đa dạng các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp và chế biến thực phẩm tại trung tâm học tập cộng đồng 3. Các hoạt động sản xuất của các hợp tác xã được khuyến khích 4. Các kênh thị trường của các sản phẩm từ CLC được mở rộng.							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
[Phát triển năng lực cho cán bộ tỉnh Lai Châu.] 1 Đào tạo hướng dẫn cho cán bộ huyện về kỹ thuật khuyến nông 1-1 Phát triển năng lực về lập kế hoạch (hội thảo cho người dân địa phương) 1-2 Hỗ trợ marketing (trực tiếp từ người sản xuất) 1-3 Thiết lập mạng lưới địa phương để thúc đẩy việc bán hàng [Đẩy mạnh sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp và chế biến thực phẩm] 2 Mở rộng việc cải tiến sản xuất và phương pháp sản xuất 2-1 Đào tạo kỹ thuật về cách chế biến các cây trồng, lâm sản ngoài gỗ, lương thực, vv... 2-2 Đào tạo kỹ thuật về nghề dệt truyền thống. 2-3 Giới thiệu máy đóng gói và cải tiến thiết kế bao bì 2-4 Tham quan nghiên cứu ở vùng phát triển 3 Cải tiến thu mua nguyên vật liệu 3-1 Trồng rừng & canh tác sản xuất nguyên liệu NTFP 3-2 Đào tạo kỹ thuật cho các hộ về làm vườn (rau, cây ăn quả). 3-3 Đào tạo về phát triển sản xuất chăn nuôi (vật nuôi, thú y sản, nuôi tằm, và nuôi ong v.v.... 4 Thúc đẩy việc bán sản phẩm 4-1 Lựa chọn các trung tâm marketing (khách sạn, nhà hàng, các điểm du lịch chính) 4-2 Đào tạo để thúc đẩy marketing/sales (hướng dẫn dịch vụ khách hàng, kế toán, sử dụng máy tính) 4-3 Làm logo và nhãn mác 4-4 Hội chợ /giới thiệu sản phẩm và tập hợp để thi nếm thực phẩm nhằm tăng cường hoạt động. 5 Đào tạo người hướng dẫn kỹ thuật khuyến nông 5-1 Lựa chọn người hướng dẫn 5-2 Đào tạo kỹ thuật khuyến nông kỹ thuật 5-3 Thăm học tập vùng phát triển hơn 6 Mở rộng kỹ thuật sang các huyện khác 6-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự đồng thuận với những người hưởng lợi về hoạt động có sự tham gia 6-2 Chuyển giao kỹ thuật và đào tạo thực tế cho cán bộ/nhân viên khuyến nông 6-3 Hội thảo chuyên đề cho các xã viên 6-4 Thăm quan học tập vùng tiên tiến hơn		- Sổ tay hướng dẫn - File dữ liệu về thị trường - Danh sách các khách hàng - Ghi chép các khoá đào tạo cho nông dân - Tài liệu khuyến khích kỹ thuật truyền thống - Tài liệu quản lý tài nguyên - Các mô hình trang trại - Khuyến khích các kỹ thuật sản xuất phù hợp - Cải tiến kỹ thuật đóng gói - Đào tạo/Hợp nông dân - Cải tiến kỹ thuật đóng gói - Tập hợp các thực phẩm để bán, tập hợp để dùng thử. - Sổ tay		1	2	3	4	5	6
Đầu vào									
1. Chuyên gia về 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Nông nghiệp & chế biến lương thực 1-3 Thủ công nghiệp 1-4 Canh tác rau 1-5 Lâm nghiệp và NTFP 1-6 Nông sản, chế biến thực phẩm, thủ công, vv...		2. Thiết bị cho sản xuất 2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho nghề dệt 3. Thiết bị đóng gói (máy đóng gói chân không, máy in nhãn và ngày sản xuất) 4. Sổ tay, tài liệu giảng dạy 5. Máy tính cá nhân, thiết bị internet 6. Chi phí đào tạo và quan sát.							
Khuyến nghị									
1. Các cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với các sở và các tổ chức liên quan để có sự hỗ trợ toàn diện. 2. Đối với đa dạng hoá sản phẩm, các phương pháp sản xuất mới nên được giới thiệu và mở rộng việc sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương 3. Các nhu cầu quản lý tài nguyên bền vững đòi hỏi những người dân địa phương phải chủ động và có nhất trí cao, các hoạt động được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp phát triển có sự tham gia của người dân. 4. Mỗi sản phẩm và hoạt động yêu cầu phương pháp hỗ trợ khác nhau nên sự hỗ trợ phù hợp sẽ được đưa ra qua nhận xét của các chuyên gia. 5. Các hoạt động tiếp theo của Chương trình 2-1 được thực hiện trong giai đoạn II.									

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập		
Chương trình	Chương trình Du lịch Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến Du lịch Xanh ở Tỉnh Lai Châu		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Cán bộ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST), Người dân các huyện Than Uyên, Mường Tè, Sin Hồ và Tam Đường		
Cơ quan thực hiện	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST)	Cơ quan hữu quan	DPI, DIT, DARD, Liên minh Hợp tác xã, v.v.

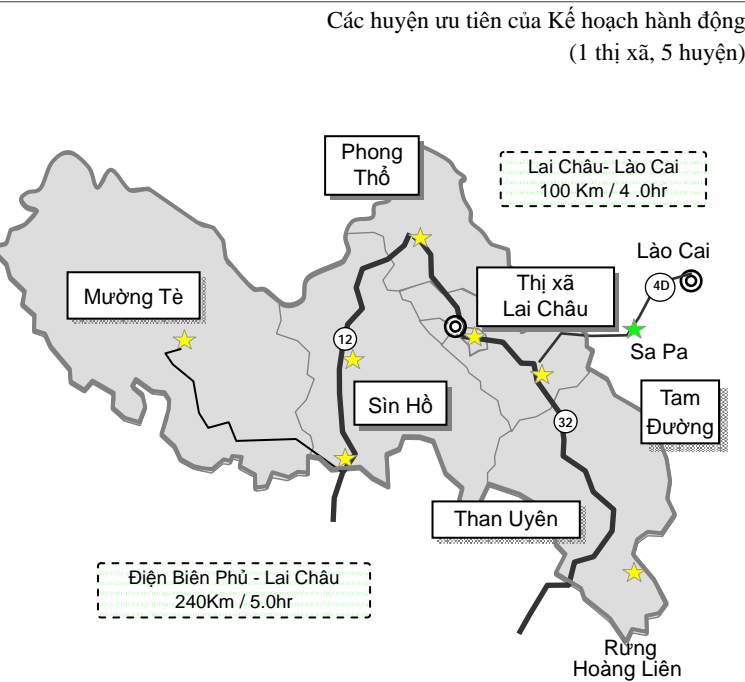
Mục tiêu

Dưới sự cải tổ của Chính phủ Việt Nam, ngành du lịch của Bộ Thương mại và Du lịch được chuyển sang Bộ Văn hoá và Thể thao vào tháng 8 năm 2007. Như vậy là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh là tổ chức có trách nhiệm về phát triển du lịch ở cấp tỉnh. Sở VH TT & DL chưa phát triển đầy đủ về năng lực hành chính và quản lý về du lịch. Kế hoạch hành động này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm về phát triển du lịch tại từng tỉnh trong 4 tỉnh vùng Tây Bắc chú trọng tới tăng cường tổ chức của Sở VH TT & DL. Kế hoạch hành động chú trọng tới việc chuyển giao suôn sẻ những bí quyết và công nghệ của Sở Thương mại và Công nghiệp, Sở có nhiều kinh nghiệm với nghiên cứu quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia (2004) cho Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch. Đối với các hoạt động PR (Quan hệ Quần chúng) về du lịch, các hoạt động xúc tiến quảng cáo sẽ được tiến hành không chỉ bởi từng tỉnh mà sẽ bởi Vùng Tây Bắc để quảng cáo toàn vùng.

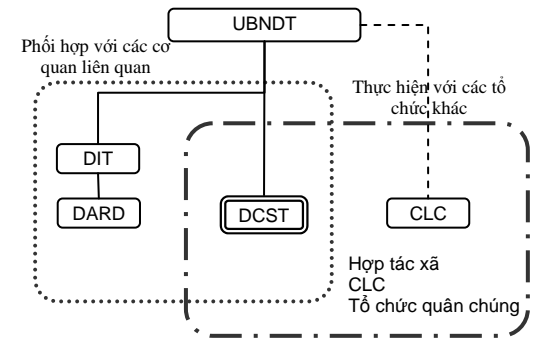
Tỉnh Lai Châu nằm giữa Điện Biên Phủ ở tỉnh Điện Biên và Sa Pa ở Tỉnh Lào Cai, cả hai điểm này đều là những điểm du lịch chính ở miền Bắc Việt Nam. Mặc dù Tỉnh Lai Châu có nguồn du lịch tuyệt vời bao gồm các cảnh quan đẹp và những nền văn hoá đa dạng của các nhóm dân tộc miền núi, nhưng không nhiều khách du lịch tới tỉnh do tiến độ cải tạo đường giao thông chậm. Phát triển các làng du lịch cho du lịch xanh sẽ trở nên hiệu quả để thu hút nhiều khách du lịch hơn. Từ bây giờ việc cải tạo và mở rộng mạng lưới đường với tầm nhìn phát triển du lịch là rất cần thiết.

Trong kế hoạch hành động này, phát triển nguồn nhân lực về du lịch xanh cần được tiến hành trong các làng du lịch được lựa chọn bởi từng huyện. Kết hợp với Chương trình Xúc tiến Nghề Thủ công Mỹ nghệ, các làng du lịch nơi người dân có kinh nghiệm dệt thổ cẩm và làm đồ gốm thủ công cần được thiết lập, theo đó các sản phẩm thủ công mỹ nghệ trang trọng với các mẫu mã truyền thống của các nhóm dân tộc thiểu số sẽ được phát triển. Thông qua việc giới thiệu các nhà hàng món ăn dân tộc và các cửa hàng đồ lưu niệm, cơ hội cho người dân địa phương tham gia vào công nghiệp du lịch sẽ được tạo mở. Các hoạt động làm sâu sắc hơn nhận biết của khách du lịch về các dân tộc thiểu số trong vùng và góp phần bảo tồn văn hoá truyền thống của họ cũng sẽ được bao gồm trong kế hoạch hành động. Ở Sa Pa, chính quyền địa phương đang thúc đẩy việc cải thiện hệ thống pháp lý liên quan tới phát triển du lịch, trợ giúp kinh doanh và các hoạt động của các Tổ chức Phi Chính phủ. Các bài học kinh nghiệm rút ra từ các hoạt động này cần được sử dụng một cách hiệu quả. Để phát triển lâu dài, việc cải tạo cơ sở hạ tầng cơ bản, các sở y tế, du lịch cũng như các biện pháp duy trì an ninh và hoà bình sẽ rất cần thiết.

Khu vực Dự án: Tỉnh Lai Châu



Tổ chức



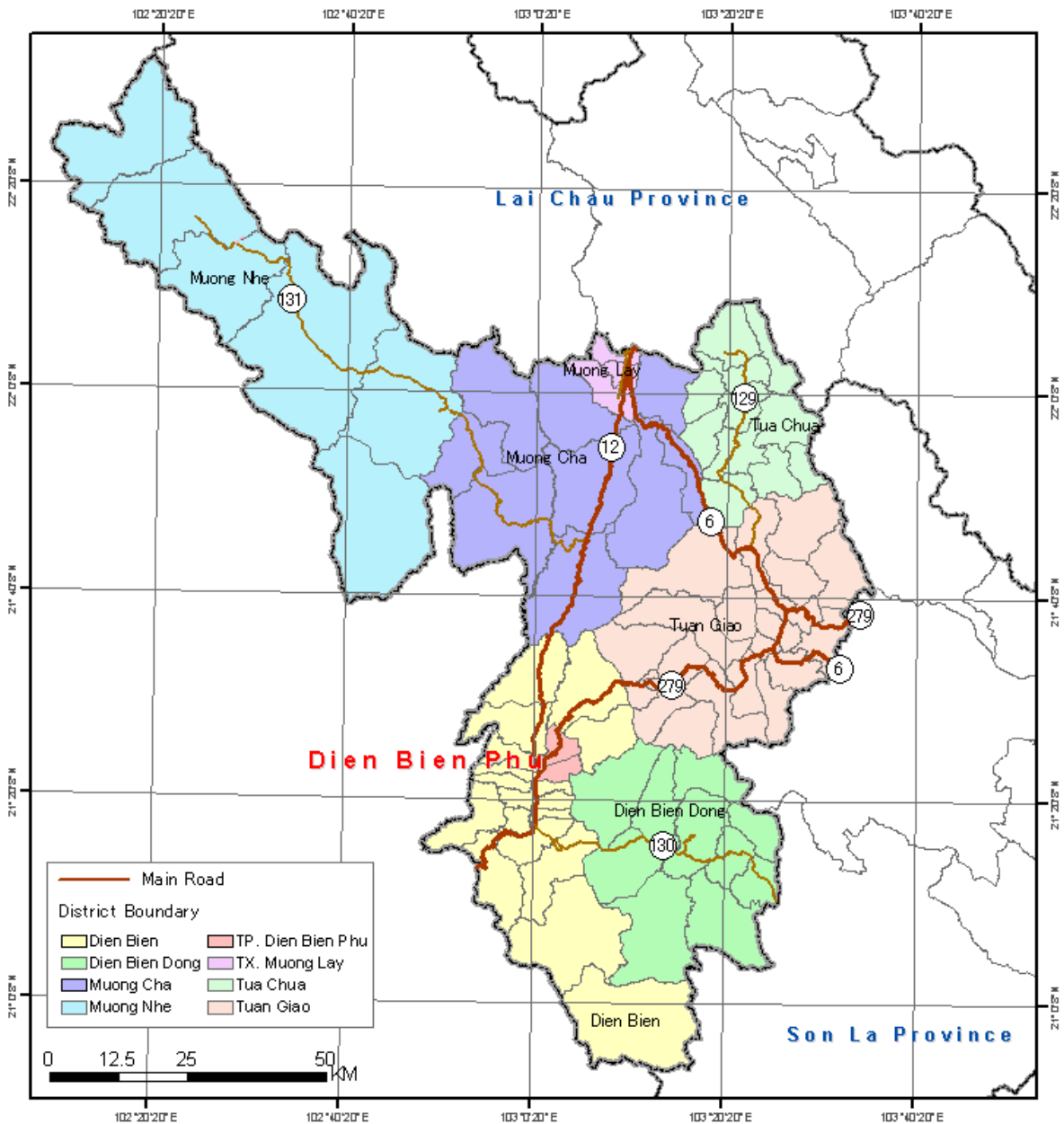
- DCST: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
- DIT: Sở Công Thương
- DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- CA: Liên minh Hợp tác xã
- CLC: Trung tâm Học tập Cộng đồng

Tóm tắt Dự án								
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)						
<p>Khi du lịch ở Vùng Tây Bắc được tăng cường, nguồn thu nhập của nông hộ được đa dạng hoá với thu nhập tăng.</p>		<p>1. Năng lực của Sở VHHT&DL về phát triển du lịch được nâng cao</p> <p>2. Du lịch nông thôn và du lịch xanh được tiến hành (các hoạt động thí điểm)</p> <p>3. Tiếp thị các khách du lịch mục tiêu được tiến hành</p> <p>4. Du lịch ở Vùng Tây Bắc được thúc đẩy</p> <p>5. Kế hoạch PPP nhằm phát triển cơ sở hạ tầng du lịch được nghiên cứu</p>						
Mục tiêu của Dự án								
<p>Du lịch được tăng cường trong vùng mục tiêu của Chương trình.</p> <p>Lượng khách du lịch trong vùng mục tiêu của Chương trình tăng.</p>								
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu	Năm					
			1	2	3	4	5	6
1. Phát triển năng lực của cán bộ Sở VHHT&DL								
1-1 Xây dựng hướng dẫn về phát triển du lịch nông thôn		- Hướng dẫn cho các tỉnh						
1-2 Thu thập số liệu về phát triển du lịch trong tỉnh		- Báo cáo nghiên cứu cơ bản						
1-3 Phát triển năng lực về du lịch nông thôn thông qua sự tham gia của người dân địa phương		- Ghi chép đào tạo tập huấn						
1-4 Tăng cường sự hợp tác với các cơ quan khác (Sở Giao thông, Sở NN&PTNT, Sở Thương mại và Công nghiệp)		- Biên bản cuộc họp tham vấn						
2. Phát triển nguồn nhân lực về du lịch nông thôn và du lịch xanh								
2-1 Cuộc họp giải thích về du lịch nông thôn, và nghiên cứu nhận biết thông qua hội thảo		- Biên bản hội thảo						
2-2 Lựa chọn vùng mục tiêu, và xây dựng sự đồng lòng giữa người dân địa phương liên quan tới việc thực hiện		- Bài học ngôn ngữ						
2-3 Các bài học ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Việt)		- Sổ tay, tài liệu giảng dạy						
2-4 Hướng dẫn về quản lý nhà khách, nhà hàng, v.v..		- Sổ tay, tài liệu giảng dạy						
2-5 Thiết lập tổ chức để bắt đầu kinh doanh về các món ăn dân tộc, nghệ thuật biểu diễn, v.v. và đào tạo tập huấn								
2-6 Đào tạo tập huấn về các hướng dẫn cho du lịch xanh								
3. Xúc tiến du lịch								
3-1 Thành lập trung tâm thông tin tại Hà Nội và Điện Biên		- Trung tâm thông tin						
3-2 Tạo lập thông tin quảng cáo, các cuốn sách nhỏ và bản đồ du lịch		- Sách nhỏ						
3-3 Hội chợ triển lãm/trưng bày sản phẩm và tập trung để thử nếm lương thực và xúc tiến bán hàng		- Chiến dịch						
3-4 Tổ chức các sự kiện dưới chủ đề văn hoá dân tộc		- Các sự kiện						
3-5 Thiết lập các bảng thông tin/giải thích		- Bảng thông tin cho du lịch						
4. Cải tạo cơ sở hạ tầng để mở rộng du lịch								
4-1 Xem xét để chạy xe buýt nhằm cho phép một tuyến xuyên suốt giữa các điểm du lịch		- Xe buýt để tạo một tuyến xuyên suốt						
4-2 Thiết lập các chuyến du lịch cho xe máy và các trạm nhiên liệu		- Xe máy, trạm nhiên liệu						
4-3 Cải thiện môi trường truyền thông (cột radio, internet)		- Cột Radio, Máy tính						
Đầu vào								
1. Chuyên gia về		2. Trang thiết bị và nguyên liệu cho các hoạt động thí điểm						
1-1 Du lịch		2-1 Thiết bị cho cải tạo cơ sở hạ tầng						
1-2 Phát triển xã hội		3 Chi phí cho hội thảo và tập huấn						
1-3 Kinh tế xã hội.		4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...						
1-4 Nghề thủ công và chế biến lương thực								
1-5 Tiếp thị và phân phối								
Khuyến nghị								
1. Giám sát ý thức của người dân địa phương, sự tự nguyện và sự nhạy cảm của người dân địa phương rất cần thiết đối với phát triển du lịch nông thôn. Xây dựng sự đồng thuận và sự tham gia tích cực của người dân cũng rất cần thiết. Đối với các hoạt động này, cần thực hiện việc thúc đẩy các biện pháp có sự tham gia.								
2. Phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương là một mấu chốt của sự thành công trong phát triển du lịch nông thôn: sản phẩm lương thực từ sữa (kem, sữa chua), thịt và cá được chế biến (giăm bông, xúc xích, thịt hun khói), đồ uống có cồn (bia, rượu)								
3. Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn dựa vào môi trường tự nhiên và những văn hoá độc đáo của các dân tộc thiểu số cần được thực hiện. Các mối liên kết với ngành nghề cơ bản cần được tăng cường.								
4. Phối hợp với các sở ban ngành và các cơ quan liên quan cũng như các tỉnh khác để có sự trợ giúp tổng hợp.								

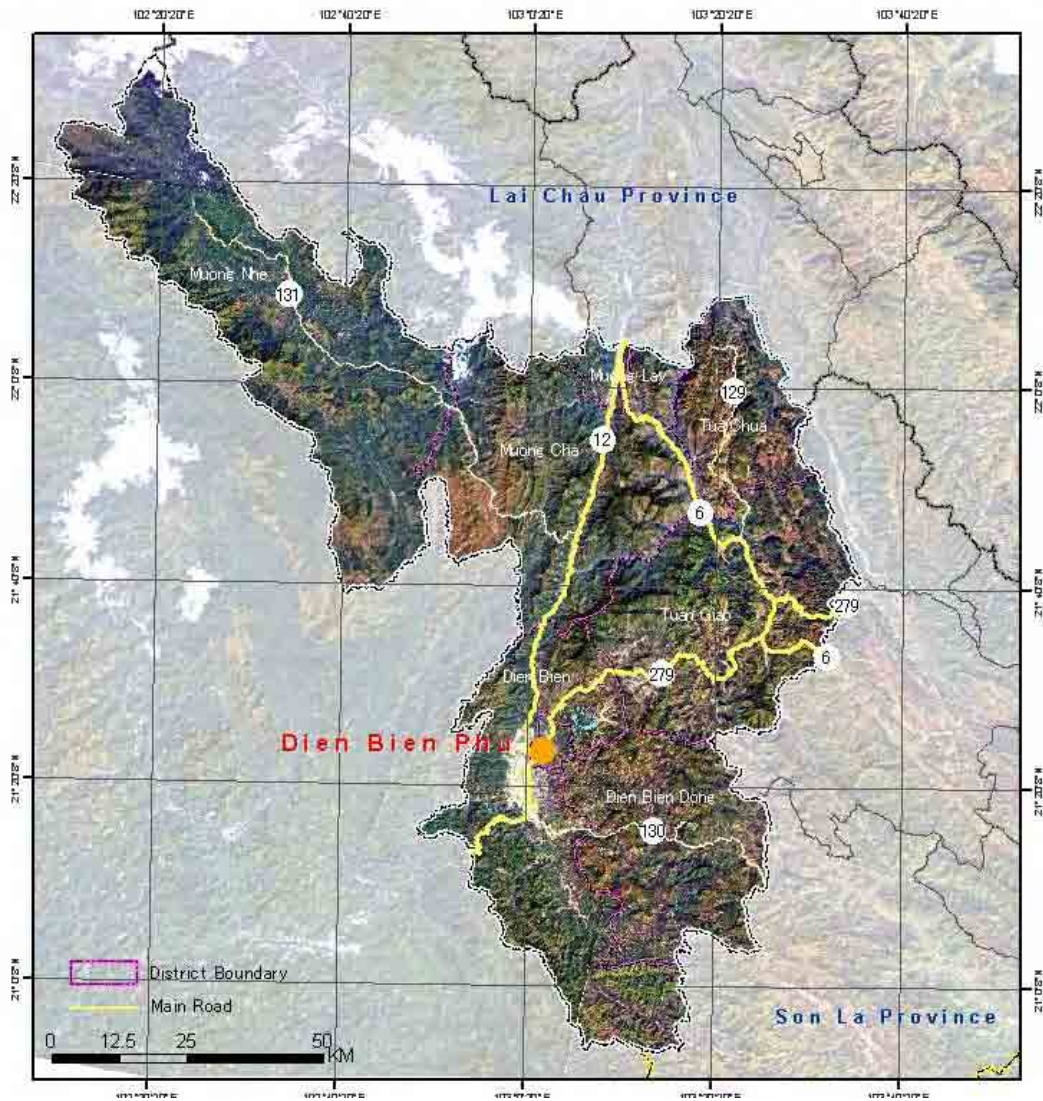
11.4 Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Điện Biên

Tỉnh Điện Biên

Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể Tỉnh
Các Kế hoạch Hành động(2010-2015)



Ranh giới Hành chính và Mạng lưới Đường Chủ yếu



Toàn Cảnh theo Phân chia Cao độ



Hình ảnh 3D Tỉnh Điện Biên

Các Kế hoạch Hành động của tỉnh Điện Biên

1. Hiện trạng của tỉnh Điện Biên

Tỉnh Điện Biên được thành lập từ năm 2004. Trước đó, tỉnh là một phần của tỉnh Lai Châu. Tỉnh có diện tích 9.563 km². Dân số là 468.000 người mật độ dân số thấp (49 người/km²). (Mật độ dân số Vùng là 71 người/ km²). Đồng bào dân tộc bao gồm Thái (40% dân số tỉnh), H'Mông (31%), Kinh (20%), Khơ Mú (4%) và Lào (1%). Bảy mươi chín phần trăm (79%) lực lượng lao động làm nông nghiệp. GDP theo đầu người năm 2005 là 273 US\$, cao nhất trong các tỉnh của Vùng.

Đường từ Hà Nội tới Điện Biên, đi qua Hòa Bình và Sơn La, có chiều dài 470 km (Quốc lộ 6 và 279). Mất khoảng một giờ đi máy bay tới Điện Biên Phủ (2 chuyến trong ngày), và tỉnh được hưởng điều kiện tiếp cận tốt nhất. Vào khoảng 200.000 du khách Việt Nam và nước ngoài hàng năm tới Điện Biên Phủ để thăm quan các di tích lịch sử.

Giống như Lai Châu, tỉnh có độ cao lớn. Chín mươi một phần trăm (91%) diện tích tỉnh ở độ cao từ 500 tới 1.500 m trên mực nước biển. Năm mươi tư phần trăm (54%) diện tích có độ dốc trên 30 độ. Tỉnh có ba sông chính kể cả sông Đà. Vào khoảng 60% diện tích tỉnh nằm trong lưu vực sông Đà. Sông Mã và sông Nura, là nhánh của sông Mê Kông, bắt nguồn từ tỉnh. Bảo tồn khu vực đầu nguồn là vấn đề cấp thiết vì tỷ lệ diện tích rừng chỉ còn 39 %.

GDP của tỉnh năm 2005 là 1.951 tỷ VND, tương đương 18% tổng GDP của Vùng. Ngành công nghiệp cơ bản chiếm khoảng 37% GDP. Đây là tỉnh ít lệ thuộc nông nghiệp nhất trong các tỉnh thuộc Vùng. Diện tích gieo trồng chiếm 12% (118.000 ha) toàn tỉnh. Trong các diện tích gieo trồng thì ruộng nương 100.000 ha, ruộng lúa 14.000 ha và vườn v.v.v 4.000 ha, tỷ lệ lần lượt là 85%, 12% và 3%.

Tổng lượng thóc và lúa nương năm 2005 là 128.000 tấn. Con số này tương đương 185 kg gạo theo đầu người, vượt trên mức trung bình toàn quốc là 168 kg. Một số nơi trong tỉnh bị thiếu gạo phải bổ sung bằng ngô và cây có củ. Có nhiều loại cây công nghiệp như chè, cà phê và đậu đang được canh tác. Gạo Điện Biên là đặc sản nổi tiếng của tỉnh.

2. Các Kế hoạch Hành động được Đề xuất

Hình thành mô hình sản xuất rau an toàn trong Vùng

Ngoại trừ các cây trồng nông nghiệp và gạo, tỉnh Điện Biên hiện chưa có những cây trồng thương mại có giá trị gia tăng cao được phát triển thành thương hiệu. Những thách thức trong tương lai đối với tỉnh bao gồm việc tìm ra và áp dụng những cây trồng công nghiệp mà chúng có đóng góp lớn cho phát triển vùng. Nếu có một cây trồng, mà giá bán có thể tương quan với chi phí hàng không giữa Điện Biên Phủ và Hà Nội, được tìm ra và sản xuất, thì đây sẽ là một thí dụ về mô hình nông nghiệp hiện đại có giá trị gia tăng cao không chỉ cho Điện Biên mà còn cả Vùng.

Dựa trên nhu cầu tăng cao về nông sản an toàn tại Hà Nội, có một kế hoạch hành động đề ra hỗ trợ cho sản xuất rau sạch. Việc sản xuất và bán rau sạch được đề ra không chỉ cho kinh doanh nông nghiệp, mà còn là cách để a) giảm chi phí sản xuất thông qua cắt giảm sử dụng phân hóa học và hóa chất nông nghiệp và b) thúc đẩy nhận thức về lương thực an toàn. Để cho nông dân chấp nhận kỹ thuật canh tác nông nghiệp mới thì cam kết của chính phủ là cần thiết. Có một kế hoạch hành động đề ra việc sản xuất phân hữu cơ do chính phủ chủ trì mà sử dụng các phụ phẩm từ công nghiệp chế biến nông nghiệp và chất thải chăn nuôi.

Kinh doanh nông nghiệp có hiệu quả tức thì: Cải tiến xay xát gạo

Kinh doanh nông nghiệp đang diễn ra tại Điện Biên bao gồm sản xuất dầu ăn, bột sắn, măng tre, sản phẩm đậu và chế biến cà phê. Có một kế hoạch hành động tập trung vào tăng giá trị bổ sung cho gạo Điện Biên, mà vốn đã có thương hiệu. Để cải tiến chất lượng gạo xay thì có một số vấn đề cần phải làm a) giảm lượng thóc cất trữ do quá trình sấy khô chưa hoàn thiện và b) tăng tỷ lệ gạo gãy do chế biến gạo bị kém. Trừ phi những điều này được thực hiện, thì nông dân trồng lúa không thể thu được lợi nhuận hoàn toàn từ loại gạo chất lượng cao. Cần thiết lập dây chuyền giá trị thông qua sự hợp tác giữa các nhà máy tư nhân và nông dân. Vì lý do này, việc xay sát gạo thông qua sử dụng thí điểm máy xay gạo cao cấp là cần thiết để nắm bắt phản ứng của thị trường. Có một kế hoạch hành động đề ra một dự án thí điểm về vấn đề này dưới sự dẫn dắt của chính quyền địa phương. Kế hoạch này chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả tức thì.

Gia tăng sản xuất lương thực và cải thiện bữa ăn tại vùng hẻo lánh

An ninh lương thực của Điện Biên là một trong những vấn đề quan trọng vì các con đường trong và ngoài tỉnh đều có điều kiện không tốt. Theo quan điểm an ninh lương thực, nền nông nghiệp phải được phát triển theo chủ đề “sản xuất địa phương phục vụ tiêu dùng địa phương”. Có một kế hoạch hành động được đề ra để gia tăng sản xuất lương thực trong các vùng hẻo lánh thông qua sự kết hợp của a) phát triển thủy lợi quy mô nhỏ trên đất nông nghiệp ở các thung lũng và ruộng bậc thang và b) cung cấp giống có chất lượng.

Chăn nuôi như bò thịt, trâu, lợn, gà, v.v.v đang được triển khai rộng rãi ở Điện Biên. Vì gần biên giới nên việc ngăn chặn bệnh tật cho vật nuôi là một trong những thách thức lớn trong tỉnh. Việc tăng cường các dịch vụ sức khỏe vật nuôi đã được đề xuất như một kế hoạch hành động quy mô toàn vùng mà nó cần tiến hành tại từng tỉnh trong Vùng. Để tiến hành dịch vụ tại địa phương thì việc khuyến khích chăn nuôi cần thực hiện quy mô toàn tỉnh. Trong quá trình khuyến khích, cần thiết lập các cơ sở vật nuôi cấp xã tận dụng đất nhàn rỗi để cung cấp thức ăn và các dịch vụ vật nuôi.

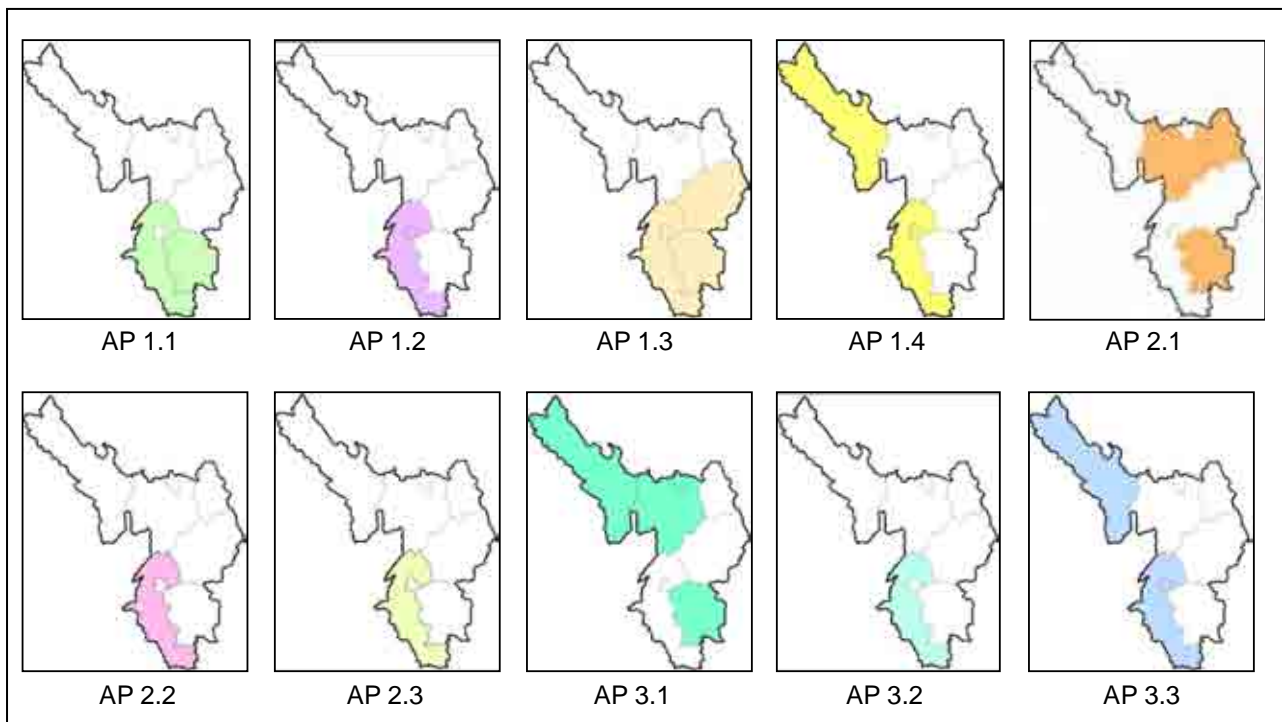
Tại Điện Biên, nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ cho tiêu dùng hộ gia đình được tiến hành tại những nơi nguồn đất và nước cho phép. Do cá bột chất lượng còn ít, nên một kế hoạch hành động đưa ra một dự án thí điểm hình thành trạm ương giống và tăng cường kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trong ao.

Phát triển đa dạng các ngành nghề địa phương

Tại Điện Biên, những hoạt động sản xuất mà không quá phụ thuộc vào tài nguyên đất thì cần áp dụng và khuyến khích. Vì lý do này, việc khuyến khích lâm sản ngoài gỗ (NTFP) là rất quan trọng. Một kế hoạch hành động đưa ra nhằm tăng cường hệ thống quản lý tổng hợp NTFP như thảo dược, gia vị, mây, cánh kiến và tre.

Tỉnh Điện Biên có số lượng lớn nhất về tài nguyên du lịch trong Vùng. Phát triển du lịch dẫn tới không chỉ làm hồi sinh khu vực (phát triển khu vực) mà còn tạo ra những cơ hội kinh doanh cho các ngành công nghiệp liên quan. Vì lý do như vậy, sự phối hợp về phát triển du lịch và khuyến khích công nghiệp địa phương tại các vùng nông thôn chắc chắn sẽ rất quan trọng. Tập trung vào sản xuất thủ công và chế biến lương thực, các kế hoạch hành động nhằm tới hỗ trợ phát triển đồ kỷ niệm cho du khách và hình thành các kênh tiếp thị như các nghề phụ cho nông dân và các nhóm phụ nữ. Các hoạt động bảo tồn văn hóa và truyền thống của dân tộc thiểu số cũng sẽ được đề ra.

Lĩnh vực	Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động	Trang
Quy hoạch Tổng thể Tỉnh Điện Biên			
1. Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường	1.1 Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp	AP1.1 Cải tiến Chất lượng và Sản lượng Chè	11-36
		AP1.1 Cải tiến Chất lượng Cà phê	11-38
	1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp	AP1.2 Cải tiến Chất lượng và Marketing Gạo Điện Biên	11-40
	1.3 Chương trình Sản xuất Cây An toàn	AP1.3 Thiết lập Trung tâm Rau Sạch	11-42
2. Cải thiện An ninh Lương thực	1.4 Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới	AP1.4 Phát triển Hạ tầng ở Vùng Biên giới	11-44
	2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	AP2.1 Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	11-46
	2.2 Chương trình Cải thiện Thú y và Chăn nuôi	AP2.2 Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi	11-110
		AP2.2 Phát triển Nông trường Sửa Cộng đồng	11-48
3. Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn Thu nhập Địa phương	2.3 Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt	AP2.3 Dự án Thí điểm Nuôi Cá Ao	11-50
	3.1 Chương trình Xúc tiến Lâm sản Ngoài gỗ	AP3.1 Đưa các Cây thuốc vào trồng	11-52
	3.2 Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ	AP3.2 Thủ công mỹ nghệ và Chế biến Thực phẩm dựa trên Cộng đồng	11-54
	3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn	AP3.3 Xúc tiến Làng Du lịch	11-56
Quy hoạch Tổng thể Khu vực			
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	AP4.1 Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp	11-112
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	AP4.2 Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới	11-114
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	AP4.3 Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối	11-116
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	AP5.1 Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	11-118
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	AP5.2 Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi	11-120
6. Phát triển Đường N. thôn	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	AP6.1 Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn	11-122
7. Điện khí hoá Nông thôn	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	AP7.1 Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng Tái tạo	11-124
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	AP8.1 Lập Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 5 năm	11-126
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	AP8.2 Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc	11-128



Bản đồ Kế hoạch Hành động

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm Pha I: Thực hiện Đề án Thí điểm, Pha II: Mở rộng các đề án phát triển ra toàn tỉnh		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Điện Biên. Các nông dân sản xuất chè, các trạm khuyến nông kỹ thuật có liên quan, máy chế biến chè, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Trung tâm Khuyến Nông, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc (Trung tâm Nghiên cứu Chè Việt Nam)

Mục tiêu

Tổng diện tích trồng chè ở tỉnh Điện Biên chỉ đạt 200ha, thấp hơn nhiều so với ba tỉnh còn lại trong Khu vực. Tuy nhiên, nhờ có địa hình cao hơn, điều kiện tự nhiên của tỉnh Điện Biên rất thích hợp cho việc trồng loại chè Shan Tuyết nổi tiếng. DARD Điện Biên dự kiến triển mở rộng việc trồng chè tại Tỉnh hơn nữa với sự khuếch trương nhanh chóng của giá trị thương hiệu chè khu vực Tây Bắc. Đáng lưu ý là trước đây tại Tỉnh đã từng có công ty chè Nhà nước hoạt động, trồng, chế biến và marketing chè.

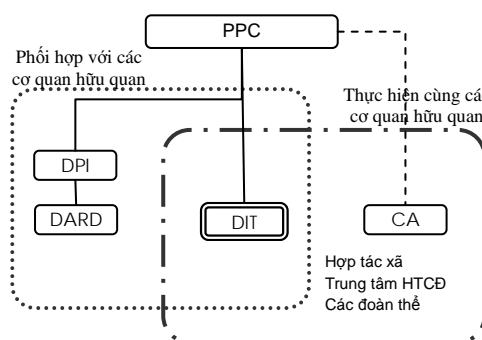
Trong những năm gần đây, số lượng các nông hộ nhỏ lẻ có diện tích trồng từ 0,1 ha đến 0,2 ha mỗi hộ đã tăng lên. Họ thường áp dụng các kỹ thuật canh tác truyền thống nên sản lượng đơn vị thường chỉ đạt dưới 1,2 tấn/ha trung bình và chất lượng lá chè cũng thấp. Tăng sản lượng lá chè bằng nỗ lực cung cấp các dịch vụ khuyến nông là vô cùng cần thiết.

Cây chè của Khu vực được kỳ vọng lớn sẽ tiếp tục là cây công nghiệp đại diện cho Khu vực bởi nhu cầu sử dụng chè không chỉ như thức uống mà còn làm thảo dược đang lên. Thêm vào đó, việc trồng chè là hình thức sử dụng đất hiệu quả xét về khía cạnh bảo tồn đất dốc, mà sau cùng chính là góp phần cho việc quản lý vùng đầu nguồn sông Đà và sông Nura nói chung.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên



Tổ chức



- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
 DIT: Sở Công Thương
 DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
 DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
 CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu tổng thể Năng suất ngành chè và thu nhập của hộ sản xuất chè đều được nâng lên Mục tiêu của Dự án Chè sản xuất tại tỉnh Lai Châu được xây dựng thành một thương hiệu nổi tiếng ở thị trường trong nước, một đặc sản địa phương của Tỉnh. Thiết lập hệ thống cung cấp chè đáp ứng theo nhu cầu ngay cả đối với thị trường quốc tế.		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng chè thích hợp (các hoạt động thí điểm) 2. Cải thiện chất lượng sản phẩm chè trên toàn Tỉnh 3. Gia tăng sản lượng chè trên toàn Tỉnh					
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê 1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn) 1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của các hộ sản xuất cà phê 1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi cà phê trên thị trường trong nước và quốc tế 1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục 1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và xây dựng sự nhất trí 2. Triển khai đề án thí điểm sản xuất cà phê nhân 2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/Thực tiễn canh tác, vv... 2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...) 2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...) 2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc sản xuất cà phê (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...) 2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế 2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến) 2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu Tây Bắc 2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động 3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cà phê cho cán bộ khuyến nông, vv... 3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện 3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn các khuyến nông viên và nông dân chủ chốt thông qua việc quản lý nông trang trình diễn 3-3 Chuyển giao các kỹ thuật cho các kỹ sư chế biến chè 4. Nhân rộng sang các huyện khác 4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí với người hưởng lợi về hoạt động tham gia cho việc thực hiện trồng chè 4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv... 4-3 Thiết lập và quản lý trang trại trình diễn (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...) 4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...) 4-5 Củng cố tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính 4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm thương mại 4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu		- Báo cáo nghiên cứu cơ sở - Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê - Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả - Đề xuất hoạt động thí điểm - Hướng dẫn cho chính quyền địa phương - Cây con với các loại giống thích hợp - Tài liệu khuyến nông cho người trồng chè - Tờ rơi hướng dẫn về nông cụ - Nông trang trình diễn - Chiến dịch, băng zôn - Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng - Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về năng suất cây trồng - Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến - Báo cáo hàng năm					
Đầu vào 1. Chuyên gia về 1-1 Cây công nghiệp (Chè) 1-2 Kỹ thuật chế biến cà phê 1-3 Máy chế biến 1-4 Hệ thống tiếp thị/phân phối 1-5 Triển khai có sự tham gia 1-6 Giám sát và đánh giá 1-7 Giám sát và Đánh giá		2. Tài liệu và Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật 2-2 Thiết bị chế biến 2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn) 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo					
Khuyến nghị 1. Việc thiết lập trung tâm sản xuất cà phê không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vì thế, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không tổ chức được người nông dân hay thay đổi được cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng. 2. Mặc dù sản xuất cà phê đã và đang được tiến hành ở tỉnh Lai Châu, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc. 3. Hiện nay, việc cung ứng cây cà phê con cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường cà phê quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây con vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực còn thấp của các vườn ươm. Để khắc phục điều này, các nông dân đang tự sản xuất cây giống bằng kỹ thuật cành giâm. Những cây con này không được khoẻ khoắn và không phải là cây giống con tốt. Việc chuẩn bị cây giống con áp dụng các giống được khuyến cáo và phân phối cây giống đã trở nên bức bách.							

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng Cà phê tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha I: Các hoạt động Thí điểm, Pha II: Mở rộng các hoạt động ra toàn tỉnh)		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Điện Biên với các khu vực ưu tiên là huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên. Các nông dân sản xuất cà phê, cán bộ khuyến nông kỹ thuật có liên quan, đơn vị chế biến cà phê, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, Trung tâm Khuyến Nông

Mục tiêu

Cây cà phê mới được trồng ở tỉnh Điện Biên. Diện tích trồng cà phê tại Tỉnh vào khoảng 320ha, chiếm 10% sản lượng cà phê Khu vực Tây Bắc. Bộ Nông nghiệp và PTNT (MARD) đã ban hành chính sách ưu tiên cải thiện chất lượng cà phê. Theo chính sách này, tổng diện tích trồng cà phê của cả nước sẽ được duy trì ở 0,5 triệu ha trong khi giá trị gia tăng của cây cà phê sẽ được nâng lên. Đồng thời dự kiến sản xuất cây cà phê hữu cơ nhằm phát triển thị trường cà phê mới. Chuyển đổi các diện tích trồng cà phê kém hiệu quả sang trồng rừng cao su. Dựa trên sự tìm hiểu thấu đáo về nhu cầu thị trường, kế hoạch hành động này nhằm mở rộng các kênh thị trường cho cà phê sản xuất ở Khu vực Tây Bắc đồng thời chú trọng vào công tác cải thiện chất lượng.

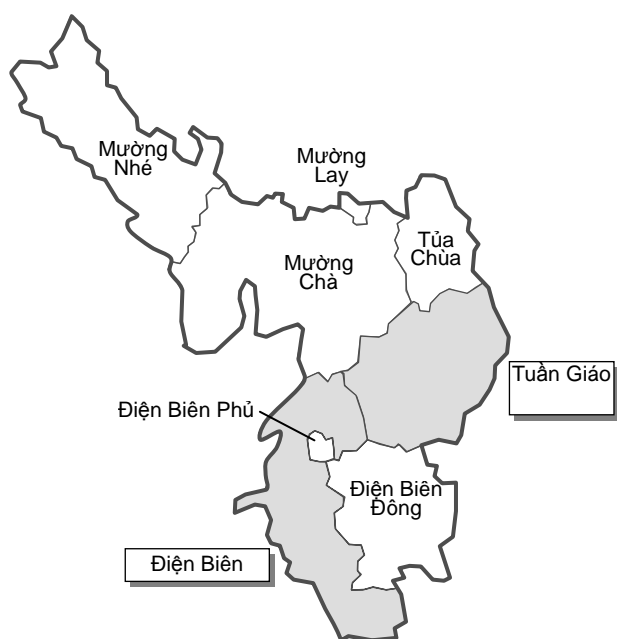
Tây Nguyên là khu vực sản xuất cà phê chính ở Việt Nam với sản phẩm cây cà phê vối (robusta). Ở Khu vực Tây Bắc, cây cà phê vối được thay bằng cà phê chè (Arabica) nhằm tạo ra một đặc sản địa phương. Tại một nhà máy chế biến cà phê tỉnh Sơn La, công việc sấy và xát vỏ đang được thực hiện để chế biến cà phê nhân. Hơn nữa, việc phân loại hạt thô (hạt xanh) và phơi nắng được lặp đi lặp lại để độ ẩm giảm xuống (tới 10-12%) nhờ thế chỉ những nhân cà phê xanh chất lượng tốt được phân phối cho các nhà buôn cà phê lớn. Vì thế mà cà phê sản xuất ở Điện Biên chưa tạo ra được một thương hiệu riêng, và đây chính là một thách thức trong việc mở rộng các kênh thị trường.

Bế tắc lớn nhất của ngành cà phê Điện Biên là khối lượng mua cà phê nhân của các nhà máy không ổn định. Sự bất ổn định ấy khiến cho các nông dân cà phê bất an, lo lắng. Theo một nghiên cứu mới đây, khối lượng cà phê nhân được mua bởi nhà máy chỉ phục vụ cho 30% công suất hoạt động đầy đủ của nhà máy. Nguyên nhân là do nhà máy thiếu vốn mua cà phê nhân và chất lượng cà phê xanh trong tỉnh không đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

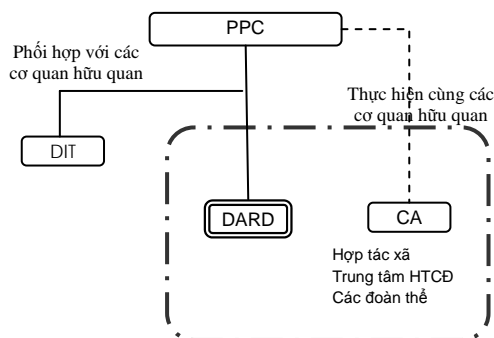
Kế hoạch hành động này rà soát lại ngành cà phê ở Khu vực Tây Bắc nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho cây cà phê thông qua việc cải thiện chất lượng và thiết lập một thương hiệu địa phương theo quan điểm mở rộng thị trường trong tương lai.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên

Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (2 huyện)

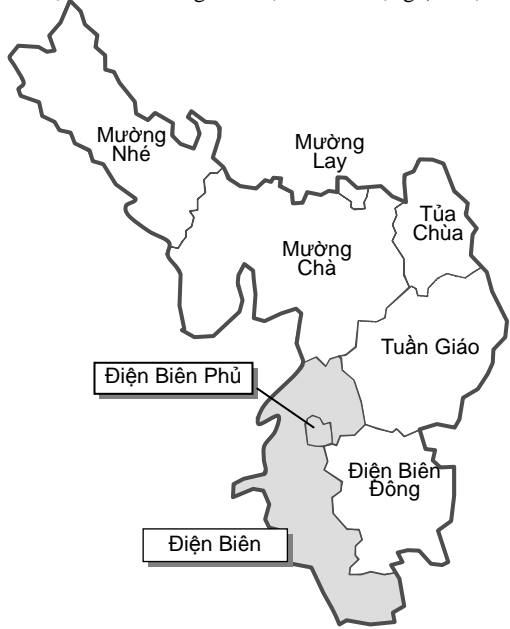
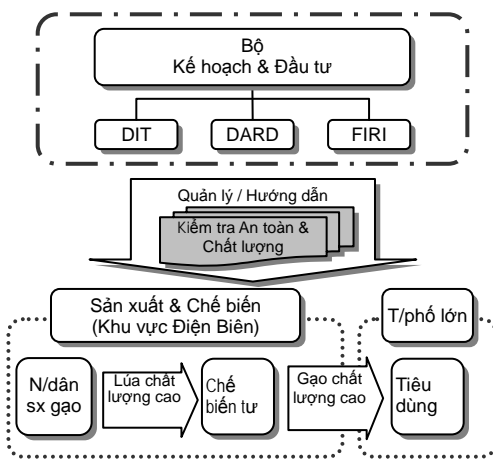


Tổ chức



- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
- DIT: Sở Công Thương
- DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
- DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
- CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án								
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Giá trị gia tăng của cà phê sản xuất ở Điện Biên và thu nhập của hộ sản xuất cà phê được nâng lên</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Cà phê sản xuất ở Điện Biên tạo lập được một thương hiệu riêng trên thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời xây dựng hệ thống cung cấp đáp ứng theo nhu cầu</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng cà phê thích hợp (các hoạt động thí điểm) Thiết lập và trình diễn kỹ thuật chế biến cà phê thích hợp (các hoạt động thí điểm) Cải thiện chất lượng cà phê tại Tỉnh Gia tăng khối lượng sản lượng cà phê tại Tỉnh. 							
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm						
		1	2	3	4	5	6	
<p>Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê</p> <p>1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn)</p> <p>1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của những người sản xuất cà phê</p> <p>1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi cà phê trên thị trường trong nước và quốc tế</p> <p>1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục</p> <p>1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và đạt được sự đồng thuận</p> <p>2. Triển khai đề án thí điểm sản xuất cà phê nhân</p> <p>2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây giống chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv...</p> <p>2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc sản xuất cà phê (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...)</p> <p>2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế</p> <p>2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến)</p> <p>2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu Tây Bắc</p> <p>2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động</p> <p>3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cà phê cho cán bộ khuyến nông, vv...</p> <p>3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện</p> <p>3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn khuyến nông viên và nông dân chủ chốt qua việc vận hành và quản lý nông trang trình diễn</p> <p>3-3 Chuyển giao các kỹ thuật nghiệp vụ chế biến cà phê thích hợp cho các kỹ sư chế biến</p> <p>4. Nhân rộng sang các huyện khác</p> <p>4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí về việc triển khai hoạt động</p> <p>4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv...</p> <p>4-3 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>4-5 Củng cố tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính</p> <p>4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm thương mại</p> <p>4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu</p>		<p>- Báo cáo nghiên cứu cơ sở</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê</p> <p>- Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả</p> <p>- Đề xuất hoạt động thí điểm</p> <p>- Hướng dẫn cho chính quyền địa phương</p> <p>- Cây con các loại giống thích hợp</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn nông dân cà phê</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn về nông cụ</p> <p>- Nông trang trình diễn</p> <p>- Chiên dịch, băng zone</p> <p>- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng</p> <p>- Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về sản lượng hoa màu</p> <p>- Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến</p> <p>- Báo cáo hàng năm</p>						
<p>Đầu vào</p> <ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Cây công nghiệp (Cà phê) Kỹ thuật chế biến cà phê Máy chế biến Hệ thống thị trường/phân phối Hợp tác xã nông nghiệp Giám sát và đánh giá Nguyên vật liệu và Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Nguyên vật liệu và Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật Thiết bị chế biến Xe (trọng tải: 2 tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo 								
<p>Khuyến nghị</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc thiết lập trung tâm sản xuất cà phê không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vào đó, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không đưa được người nông dân vào tổ chức hay thay đổi được cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng. Mặc dù sản xuất cà phê đã và đang được tiến hành ở tỉnh Điện Biên, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc. Hiện nay, việc cung ứng cây giống cà phê cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường cà phê quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây giống vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực của các vườn ươm còn thấp. Để khắc phục tình trạng này, các nông dân đang tự sản xuất cây giống. Những cây giống này không được cắt đồng đều (kích thước khác nhau), vì vậy cây giống không đảm bảo chất lượng. Việc chuẩn bị cây giống áp dụng các giống được khuyến cáo/giống tốt và việc phân phối cây giống đang trở nên cấp thiết. 								

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng và Marketing Gạo Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Khu vực tư nhân và các nông dân trồng lúa có mục tiêu sản xuất và phân phối gạo Điện Biên chất lượng cao.		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, DARD, DAPSI
<p>Mục tiêu</p> <p>Phát triển kinh doanh nông nghiệp mà hợp phần chính của nó là chế biến nông sản là điều kiện tất yếu cho quá trình công nghiệp hóa Khu vực Tây Bắc đến năm 2020. Chương trình xúc tiến kinh doanh nông nghiệp đề xuất bởi Quy hoạch Tổng thể là chương trình đặt tiền đề cho việc đưa vốn tư nhân và các công ty khu vực tư nhân có động cơ đầu tư vào Khu vực Tây Bắc. Với sáng kiến đổi mới quản lý mạnh mẽ nhằm phát triển Khu vực Tây Bắc song song với việc quy tắc hóa hệ thống pháp luật và thiết lập các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân, hi vọng một mô hình thành công sẽ sớm được xác định.</p> <p>Với kế hoạch hành động này, sự hỗ trợ quản lý chất lượng sẽ được thực hiện cho cả nhà chế biến gạo, nhà kinh doanh gạo và người sản xuất gạo nguyên liệu, những người đang có mục tiêu nâng cao chất lượng gạo Điện Biên – một đặc sản của tỉnh Điện Biên. Tại các khu ngoại vi Điện Biên Phủ với nguồn nước dồi dào cho người nông dân thu hoạch lúa gạo chất lượng cao. Tuy nhiên, quy trình phơi sấy và cất trữ chưa thích hợp, làm hao hụt một khối lượng lớn thóc và gạo. Các cơ sở chế biến gạo tư nhân cũng đã lạc hậu nên sản lượng và chất lượng chế biến gạo còn thấp.</p> <p>Giá bán lẻ gạo Điện Biên là 16.900 VND/kg, cao hơn 1,6 lần so với giá gạo thông thường là 11.000 VND/kg. Thực tế này cho thấy gạo Điện Biên đã là một nhãn hiệu thành công. Gạo nếp, loại lương thực chủ yếu của một bộ phận dân tộc ở Tây Bắc, có giá 17.500 VND/kg.</p> <p>Kế hoạch hành động này nhằm cải thiện và sản xuất gạo Điện Biên chất lượng cao hơn để bán cho các nhóm đối tượng giàu có với giá cao, đem lại giá trị gia tăng lớn cho gạo. Qua khảo sát thực chứng, các nông dân trồng lúa sẽ thấy được tầm quan trọng của việc quản lý chất lượng lúa gạo và các nhà chế biến gạo sẽ thấy được gạo chế biến chất lượng cao tạo thêm giá trị mới như thế nào. Trong khi tiến hành các hoạt động này, cán bộ của Sở NN-PTNT (DARD) và trung tâm khuyến nông sẽ trích giảng chủ đề hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp cải thiện chất lượng lúa gạo. Mặt khác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) - Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI) tiến hành các dịch vụ hành chính cần thiết nhằm bảo đảm môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên		Tổ chức	
<p>Các khu vực ưu tiên trong Kế hoạch Hành động (1 Thị xã và 1 Huyện)</p> 		 <p>DIT: Sở Công Thương DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn FIRI: Viện Nghiên cứu Công nghiệp Thực phẩm</p>	

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																																																
Mục tiêu tổng thể <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu nhập của nông dân sẽ được đa dạng hóa, nâng cao và ổn định 2. Đặc sản khác biệt được sản xuất bằng cách tận dụng những nguồn lực riêng có của khu vực Tây Bắc Mục tiêu của Dự án <ol style="list-style-type: none"> 1. Gạo Điện Biên chất lượng cao sẽ được phát triển và sản xuất bởi các nhà chế biến gạo tư nhân. 2. Thu nhập của các nông dân sản xuất gạo sẽ được tăng lên. 	Kết quả Dự kiến (Thành quả) <ol style="list-style-type: none"> 1. Với sự ưu đãi của các cơ quan chính quyền đối với người sản xuất gạo và nhà chế biến gạo tư nhân, họ sẽ hăng hái sản xuất và chế biến. 2. Do gạo thương hiệu chất lượng cao sẽ được sản xuất nên thu nhập của cả người sản xuất gạo cũng như nhà chế biến tư nhân sẽ được tăng lên. 3. Do việc giám sát chất lượng và chứng nhận tính an toàn của sản phẩm sẽ một cơ quan chuyên môn tiến hành, người tiêu dùng có thể an tâm về gạo an toàn chất lượng cao. 4. Thực hiện nhất quán từ khâu gieo trồng đến chế biến sau thu hoạch theo công nghệ thích hợp, hao hụt trong sản xuất và chế biến sẽ được giảm trong toàn quy trình. 																																																																																																																																																																																																																															
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2"></th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Khảo sát chứng thực việc sản xuất và buôn bán gạo chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1 Khảo sát thị trường gạo chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất gạo.</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-3 Trồng lúa gạo chất lượng cao (Cải thiện canh tác và sau thu hoạch)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-4 Giới thiệu máy chế biến gạo hiện đại thí điểm (công suất dưới 1 tấn/h)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-5 Chế biến và sản xuất gạo chế biến chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-6 Phát triển đóng gói</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-7 Xúc tiến bán hàng tại các quầy bán lẻ ở Hà Nội</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-8 Quảng cáo gạo Điện Biên chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận chế biến tư nhân (cần có nghiên cứu ở cấp Bộ Kế hoạch và Đầu tư - MPI)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1 Giải pháp hoàn thuế</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-4 Xúc tiến duy tu, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân trồng lúa gạo</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa gạo</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2 Cung ứng ổn định hạt giống và thiết bị trồng trọt với giá thấp cho nông dân trồng lúa gạo</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Hướng dẫn quản lý sản xuất gạo chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-2 Thống nhất chủng loại giống trong sản xuất (gao tẻ, gạo nếp)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-3 Hợp lý hóa công tác trồng trọt, phơi sấy và lưu kho</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-4 Giám sát chất lượng và xác nhận tính an toàn của gạo bởi cơ quan chuyên môn</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-5 Hợp đồng mua bán gạo chất lượng cao giữa nông dân và nhà chế biến</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-6 Việc tiếp nhận thóc của nhà chế biến</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Năm						1	2	3	4	5	6	1. Khảo sát chứng thực việc sản xuất và buôn bán gạo chất lượng cao							1-1 Khảo sát thị trường gạo chất lượng cao							1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất gạo.							1-3 Trồng lúa gạo chất lượng cao (Cải thiện canh tác và sau thu hoạch)							1-4 Giới thiệu máy chế biến gạo hiện đại thí điểm (công suất dưới 1 tấn/h)							1-5 Chế biến và sản xuất gạo chế biến chất lượng cao							1-6 Phát triển đóng gói							1-7 Xúc tiến bán hàng tại các quầy bán lẻ ở Hà Nội							1-8 Quảng cáo gạo Điện Biên chất lượng cao							2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận chế biến tư nhân (cần có nghiên cứu ở cấp Bộ Kế hoạch và Đầu tư - MPI)							2-1 Giải pháp hoàn thuế							2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp							2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp							2-4 Xúc tiến duy tu, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)							3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân trồng lúa gạo							3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa gạo							3-2 Cung ứng ổn định hạt giống và thiết bị trồng trọt với giá thấp cho nông dân trồng lúa gạo							3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)							4. Hướng dẫn quản lý sản xuất gạo chất lượng cao							4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị							4-2 Thống nhất chủng loại giống trong sản xuất (gao tẻ, gạo nếp)							4-3 Hợp lý hóa công tác trồng trọt, phơi sấy và lưu kho							4-4 Giám sát chất lượng và xác nhận tính an toàn của gạo bởi cơ quan chuyên môn							4-5 Hợp đồng mua bán gạo chất lượng cao giữa nông dân và nhà chế biến							4-6 Việc tiếp nhận thóc của nhà chế biến							5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD							5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt							5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng							5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng							5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể						
	Năm																																																																																																																																																																																																																															
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																																																										
1. Khảo sát chứng thực việc sản xuất và buôn bán gạo chất lượng cao																																																																																																																																																																																																																																
1-1 Khảo sát thị trường gạo chất lượng cao																																																																																																																																																																																																																																
1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất gạo.																																																																																																																																																																																																																																
1-3 Trồng lúa gạo chất lượng cao (Cải thiện canh tác và sau thu hoạch)																																																																																																																																																																																																																																
1-4 Giới thiệu máy chế biến gạo hiện đại thí điểm (công suất dưới 1 tấn/h)																																																																																																																																																																																																																																
1-5 Chế biến và sản xuất gạo chế biến chất lượng cao																																																																																																																																																																																																																																
1-6 Phát triển đóng gói																																																																																																																																																																																																																																
1-7 Xúc tiến bán hàng tại các quầy bán lẻ ở Hà Nội																																																																																																																																																																																																																																
1-8 Quảng cáo gạo Điện Biên chất lượng cao																																																																																																																																																																																																																																
2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận chế biến tư nhân (cần có nghiên cứu ở cấp Bộ Kế hoạch và Đầu tư - MPI)																																																																																																																																																																																																																																
2-1 Giải pháp hoàn thuế																																																																																																																																																																																																																																
2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp																																																																																																																																																																																																																																
2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp																																																																																																																																																																																																																																
2-4 Xúc tiến duy tu, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)																																																																																																																																																																																																																																
3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân trồng lúa gạo																																																																																																																																																																																																																																
3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa gạo																																																																																																																																																																																																																																
3-2 Cung ứng ổn định hạt giống và thiết bị trồng trọt với giá thấp cho nông dân trồng lúa gạo																																																																																																																																																																																																																																
3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)																																																																																																																																																																																																																																
4. Hướng dẫn quản lý sản xuất gạo chất lượng cao																																																																																																																																																																																																																																
4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị																																																																																																																																																																																																																																
4-2 Thống nhất chủng loại giống trong sản xuất (gao tẻ, gạo nếp)																																																																																																																																																																																																																																
4-3 Hợp lý hóa công tác trồng trọt, phơi sấy và lưu kho																																																																																																																																																																																																																																
4-4 Giám sát chất lượng và xác nhận tính an toàn của gạo bởi cơ quan chuyên môn																																																																																																																																																																																																																																
4-5 Hợp đồng mua bán gạo chất lượng cao giữa nông dân và nhà chế biến																																																																																																																																																																																																																																
4-6 Việc tiếp nhận thóc của nhà chế biến																																																																																																																																																																																																																																
5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD																																																																																																																																																																																																																																
5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt																																																																																																																																																																																																																																
5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng																																																																																																																																																																																																																																
5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng																																																																																																																																																																																																																																
5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể																																																																																																																																																																																																																																
Đầu vào	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Chuyên gia trồng lúa gạo 1-2 Chuyên gia chế biến gạo sau thu hoạch 1-3 Chuyên gia phân phối nông sản 1-4 Chuyên gia hệ thống pháp lý 1-5 Chuyên gia tài chính & thuế 1-6 Chuyên gia hợp tác xã nông nghiệp 1-7 Chuyên gia thẩm định/giám sát dự án 2. Thiết bị cho dự án thí điểm <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Máy sấy thóc và thiết bị chứa 2-2 Máy chế biến gạo hiện đại (công suất nhỏ) 2-3 Xe tải hai cầu thu gom thóc & phân phối gạo (2tấn) 3. Chi phí cho hội thảo và tập huấn, v.v... 4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 																																																																																																																																																																																																																															
Khuyến nghị	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cải thiện hệ thống đầu tư và thuế hiện còn hạn chế để người nông dân trồng lúa gạo và nhà chế biến gạo tư nhân mong muốn tham gia thực hiện kế hoạch. 2. Giống cây trồng sẽ được lựa chọn từ các loại giống truyền thống để người nông dân có thể tiếp tục tiến hành hệ thống nông nghiệp truyền thống không gặp trở ngại nào. Sau một vài năm, các giống mới sẽ được đưa vào. 3. Quy mô chế biến gạo thí điểm nên được thiết kế sao cho không tạo ra sức ép đối với các nhà máy chế biến tư nhân hiện trạng và nhà máy thí điểm nên do một ban bao gồm các nhà quản lý của các nhà máy chế biến tư nhân điều hành. 4. Trong sản xuất gạo nhãn hiệu chất lượng cao, nên áp dụng canh tác hữu cơ càng nhiều càng tốt và quảng cáo “Gạo An toàn” cho khách hàng tại các thành phố lớn. 5. Hệ thống giám sát chất lượng và chứng nhận tính an toàn của gạo bởi cơ quan chuyên môn sẽ được thiết lập. Công tác quản lý chất lượng chặt chẽ cần được thực hiện để tạo ra những thành phẩm chiếm được lòng tin của khách hàng. 6. Chính quyền sẽ đóng vai trò như một cơ quan công bằng để người nông dân trồng lúa gạo và bộ phận tư nhân an tâm tham gia thực hiện kế hoạch này. 																																																																																																																																																																																																																															

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây An toàn		
Kế hoạch Hành động	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) ở tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các hộ sản xuất rau ở tỉnh Điện Biên		
Cơ quan thực hiện	Sở NN-PTNT (DARD)	Cơ quan hữu quan	Cục Trồng trọt (MARD) , Trung tâm Khuyến nông, vv...
<p>Mục tiêu</p> <p>Dựa trên nhu cầu về thực phẩm an toàn, năm 2006 Bộ NN-PTNT (MARD) bắt đầu triển khai hướng dẫn sản xuất rau an toàn trên 28 tỉnh thành của Việt Nam. Cũng từ đó công tác sản xuất rau an toàn và nông nghiệp hữu cơ được tiến hành. Kết quả là thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng – địa bàn sản xuất rau hàng đầu ở Việt Nam đã trở thành trung tâm sản xuất rau an toàn cho thị trường ngoài nước. Khối lượng xuất khẩu rau từ Đà Lạt đang mỗi năm một tăng lên. Thực tế những sản phẩm rau của Đà Lạt được bán ở thị trường nội địa như tại thành phố Hồ Chí Minh có giá 15% cao hơn thông thường cho thấy giá trị gia tăng của thực phẩm an toàn đang được công nhận ở Việt Nam. Sau khi gia nhập WTO, MARD đã và đang thực thi chính sách nhằm sản xuất cây an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn ASEANGAP (GAP: Thực hành Nông nghiệp Tốt) cho 10 nước ASEAN. MARD đang xây dựng tiêu chuẩn VIETGAP cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Theo đó, vấn đề cây an toàn đang ngày càng được chú trọng.</p> <p>Quan tâm đặc biệt đến vấn đề rau an toàn, Sở NN-PTNT (DARD) tỉnh Điện Biên đã triển khai các hoạt động xúc tiến sản xuất rau an toàn. Chi cục Bảo vệ Thực vật trực thuộc DARD đã xây dựng nông trường rau an toàn (70) ở ngoại vi Điện Biên Phủ và triển khai hướng dẫn sản xuất rau an toàn cho nông dân. Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập trung tâm sản xuất cây trồng an toàn (đặc biệt là rau) với sự tham gia của các công ty tư nhân. Bởi việc trồng rau an toàn theo phương pháp nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi nhiều công sức quản lý ruộng đồng hơn (chẳng hạn, việc làm cỏ sẽ vất vả hơn nhiều khi không sử dụng thuốc trừ cỏ), những người nông dân cần có hiểu biết thấu đáo về ý nghĩa và tầm quan trọng của rau an toàn mới có thể tiến hành sản xuất bền vững. Chỉ khi những người nông dân nhận thức được nhu cầu thị trường về rau an toàn đang lên và thực sự được hưởng lợi thể giá cả từ sức lao động của mình thì động lực sản xuất của người nông dân mới được duy trì. Với việc sử dụng nông trường rau an toàn trên để hình thành kỹ năng sản xuất và hỗ trợ thiết lập các kênh thị trường, các tổ chức công nên phát triển sản xuất và marketing rau an toàn để rau an toàn có sức hút đối với cả người sản xuất và người tiêu dùng.</p> <p>Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) tại nông trường rau an toàn để thực hiện nhiệm vụ nêu trên (phát triển sản xuất và marketing rau an toàn). Trung tâm này gồm 3 bộ phận: a) khuyến nông kỹ thuật, b) sản xuất phân hữu cơ và c) phân tích hóa chất. Bộ phận khuyến nông kỹ thuật sẽ xây dựng và phát triển công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Bộ phận sản xuất phân hữu cơ sẽ sản xuất phân hữu cơ tận dụng các phụ phẩm trong kinh doanh nông nghiệp và chăn nuôi để bán. Bộ phận phân tích hóa chất sẽ kiểm tra hàm lượng phân hữu cơ trong một thời gian nhất định. Về hệ thống triển khai hoạt động, DARD Điện Biên và Trung tâm Khuyến Nông tỉnh sẽ cùng quản lý đồng thời với sự hỗ trợ của Cục Trồng trọt (MARD) - cơ quan chịu trách nhiệm xúc tiến tiêu chuẩn GAP.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên		Tổ chức	
<p>Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (3 huyện)</p> <p>Khu vực mục tiêu là ngoại vi Điện Biên Phủ</p> <p>Mường Nhé, Mường Lay, Mường Chà, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông</p>		<pre> graph TD DARD[DARD] --- CVC[Trung tâm Rau Sạch (CVC)] CVC --- ND[Nông dân đăng ký] CVC --- CA[CA] ND --- LM[Liên minh Hợp tác xã] CA --- LM </pre> <p>DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CVC: Trung tâm Rau Sạch CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																									
Mục tiêu tổng thể Khu sản xuất rau an toàn được thiết lập ở Điện Biên với sự tham gia của các công ty tư nhân (Điện Biên trở nên nổi tiếng về công tác sản xuất rau với sự tham gia của các công ty tư nhân) Mục tiêu của Dự án Kỹ thuật sản xuất rau sạch được thực hành rộng rãi bởi người nông dân và thu nhập của các hộ sản xuất rau an toàn tăng lên	Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Trung tâm Rau Sạch (CVC) được thiết lập 2. Kỹ thuật canh tác rau an toàn thích hợp được xây dựng và trình diễn 3. Số hộ sản xuất rau sử dụng phân hữu cơ tăng lên																																																																																																																																																																								
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="6">1. Hình thành kế hoạch thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) và công tác xây dựng</td> </tr> <tr> <td>1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất rau ở ngoại vi Điện Biên Phủ</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Thăm quan khu sản xuất rau an toàn ở Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhằm quan sát, trao đổi thông tin</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-3 Xem xét phạm vi thiết lập CVC và đạt được sự đồng thuận với UBND tỉnh</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-4 Soạn báo cáo lập kế hoạch thiết lập CVC</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-5 Xây dựng cơ sở CVC và lắp đặt trang thiết bị</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="6">2. Phát triển kỹ thuật trồng rau hữu cơ (năm đầu tiên)</td> </tr> <tr> <td>2-1 Hình thành và triển khai kế hoạch sản xuất</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Thiết lập trang trại trình diễn, xây dựng và phân phát tài liệu khuyến nông tiêu chuẩn GAP</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-3 Lên danh sách hợp tác xã và các nông hộ muốn sản xuất rau hữu cơ</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-4 Mua vật tư nông nghiệp theo nhóm (hạt giống, hóa chất)</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-5 Trồng rau hữu cơ ở trang trại trình diễn, tiến hành bởi các nông hộ đã đăng ký (hồ sơ nông nghiệp)</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-6 Bán sản phẩm theo nhóm (ở CVC)</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="6">3. Xúc tiến sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ</td> </tr> <tr> <td>3-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân trộn/phân chuồng ở cấp nông hộ</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2 Hướng dẫn hệ thống VAC</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-3 Sản xuất và phân phối dầu dấm, các loại vi sinh vật hữu hiệu</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-4 Xúc tiến trồng Neem (xoan chịu hạn) và xạ như những chất trừ sâu hữu hiệu</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-5 Giới thiệu cây trồng kèm</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="6">4. Sản xuất thử và phân phối phân hữu cơ bởi CVC</td> </tr> <tr> <td>4-1 Nghiên cứu mua nguyên liệu thô và tiến hành mua</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-2 Sản xuất thử phân hữu cơ</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-3 Thử nghiệm áp dụng phân hữu cơ ở nông trường trình diễn</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="6">5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến bán hàng</td> </tr> <tr> <td>5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về nhãn hiệu Tây Bắc</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-2 Giám sát và đánh giá các hoạt động</td> <td>-</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Năm						1	2	3	4	5	6	1. Hình thành kế hoạch thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) và công tác xây dựng						1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất rau ở ngoại vi Điện Biên Phủ	-					1-2 Thăm quan khu sản xuất rau an toàn ở Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhằm quan sát, trao đổi thông tin	-					1-3 Xem xét phạm vi thiết lập CVC và đạt được sự đồng thuận với UBND tỉnh	-					1-4 Soạn báo cáo lập kế hoạch thiết lập CVC	-					1-5 Xây dựng cơ sở CVC và lắp đặt trang thiết bị	-					2. Phát triển kỹ thuật trồng rau hữu cơ (năm đầu tiên)						2-1 Hình thành và triển khai kế hoạch sản xuất	-					2-2 Thiết lập trang trại trình diễn, xây dựng và phân phát tài liệu khuyến nông tiêu chuẩn GAP	-					2-3 Lên danh sách hợp tác xã và các nông hộ muốn sản xuất rau hữu cơ	-					2-4 Mua vật tư nông nghiệp theo nhóm (hạt giống, hóa chất)	-					2-5 Trồng rau hữu cơ ở trang trại trình diễn, tiến hành bởi các nông hộ đã đăng ký (hồ sơ nông nghiệp)	-					2-6 Bán sản phẩm theo nhóm (ở CVC)	-					3. Xúc tiến sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ						3-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân trộn/phân chuồng ở cấp nông hộ	-					3-2 Hướng dẫn hệ thống VAC	-					3-3 Sản xuất và phân phối dầu dấm, các loại vi sinh vật hữu hiệu	-					3-4 Xúc tiến trồng Neem (xoan chịu hạn) và xạ như những chất trừ sâu hữu hiệu	-					3-5 Giới thiệu cây trồng kèm	-					4. Sản xuất thử và phân phối phân hữu cơ bởi CVC						4-1 Nghiên cứu mua nguyên liệu thô và tiến hành mua	-					4-2 Sản xuất thử phân hữu cơ	-					4-3 Thử nghiệm áp dụng phân hữu cơ ở nông trường trình diễn	-					5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến bán hàng						5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về nhãn hiệu Tây Bắc	-					5-2 Giám sát và đánh giá các hoạt động	-				
Năm																																																																																																																																																																									
1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																				
1. Hình thành kế hoạch thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) và công tác xây dựng																																																																																																																																																																									
1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất rau ở ngoại vi Điện Biên Phủ	-																																																																																																																																																																								
1-2 Thăm quan khu sản xuất rau an toàn ở Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhằm quan sát, trao đổi thông tin	-																																																																																																																																																																								
1-3 Xem xét phạm vi thiết lập CVC và đạt được sự đồng thuận với UBND tỉnh	-																																																																																																																																																																								
1-4 Soạn báo cáo lập kế hoạch thiết lập CVC	-																																																																																																																																																																								
1-5 Xây dựng cơ sở CVC và lắp đặt trang thiết bị	-																																																																																																																																																																								
2. Phát triển kỹ thuật trồng rau hữu cơ (năm đầu tiên)																																																																																																																																																																									
2-1 Hình thành và triển khai kế hoạch sản xuất	-																																																																																																																																																																								
2-2 Thiết lập trang trại trình diễn, xây dựng và phân phát tài liệu khuyến nông tiêu chuẩn GAP	-																																																																																																																																																																								
2-3 Lên danh sách hợp tác xã và các nông hộ muốn sản xuất rau hữu cơ	-																																																																																																																																																																								
2-4 Mua vật tư nông nghiệp theo nhóm (hạt giống, hóa chất)	-																																																																																																																																																																								
2-5 Trồng rau hữu cơ ở trang trại trình diễn, tiến hành bởi các nông hộ đã đăng ký (hồ sơ nông nghiệp)	-																																																																																																																																																																								
2-6 Bán sản phẩm theo nhóm (ở CVC)	-																																																																																																																																																																								
3. Xúc tiến sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ																																																																																																																																																																									
3-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân trộn/phân chuồng ở cấp nông hộ	-																																																																																																																																																																								
3-2 Hướng dẫn hệ thống VAC	-																																																																																																																																																																								
3-3 Sản xuất và phân phối dầu dấm, các loại vi sinh vật hữu hiệu	-																																																																																																																																																																								
3-4 Xúc tiến trồng Neem (xoan chịu hạn) và xạ như những chất trừ sâu hữu hiệu	-																																																																																																																																																																								
3-5 Giới thiệu cây trồng kèm	-																																																																																																																																																																								
4. Sản xuất thử và phân phối phân hữu cơ bởi CVC																																																																																																																																																																									
4-1 Nghiên cứu mua nguyên liệu thô và tiến hành mua	-																																																																																																																																																																								
4-2 Sản xuất thử phân hữu cơ	-																																																																																																																																																																								
4-3 Thử nghiệm áp dụng phân hữu cơ ở nông trường trình diễn	-																																																																																																																																																																								
5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến bán hàng																																																																																																																																																																									
5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về nhãn hiệu Tây Bắc	-																																																																																																																																																																								
5-2 Giám sát và đánh giá các hoạt động	-																																																																																																																																																																								
Đầu vào	1. Chuyên gia về 1-1 Trồng trọt 1-2 Phát triển cộng đồng 1-3 Nghiên cứu bệnh cây trồng 1-4 Marketing và phân phối 1-5 Giám sát và đánh giá 2. Thiết bị cho Trung tâm rau sạch 2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật 2-2 Thiết bị chế biến 2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn) 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Chi phí cho hội thảo, tập huấn, v.v... 5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn, cho tập huấn																																																																																																																																																																								
Khuyến nghị	1. Nhất thiết phải chỉ dẫn cho nông dân cách sản xuất rau an toàn ở nông trường trình diễn bởi họ cần hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp hữu cơ (như thực phẩm an toàn và việc giảm chi phí sản xuất) trước khi có đầy đủ động lực sản xuất rau an toàn. Phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng ở đây là cần thiết. 2. Trung tâm Trồng trọt Đa năng (MCC) thuộc Khoa Nông nghiệp Đại học Chiang Mai ở Bắc Thái Lan là một mô hình tốt về CVC. JICA đã tiến hành một dự án hỗ trợ kỹ thuật 3 năm kể từ năm 2003 mang tên "Dự án Công nghệ Thích Hợp Giảm Sử dụng Hóa chất Nông nghiệp ở miền Bắc Thái Lan (ATTRACT)" tại Đại học Chiang Mai. Những kinh nghiệm và bài học rút ra từ dự án này sẽ được tận dụng hiệu quả. 3. Tại CVC, việc quản lý bộ phận sản xuất phân hữu cơ nên được chia sẻ với các công ty tư nhân để tận dụng bí quyết của họ vào vấn đề này. 4. Tham vấn các cơ quan hữu quan của MARD và nghiên cứu marketing phải được thực hiện thấu đáo bởi việc lựa chọn cây trồng sẽ là yếu tố then chốt. Các cây triển vọng trong thời gian hiện nay là ngô bao tử, măng tây, cải xanh, cà chua tiêu muối, bí, củ cải trắng, họ tây, tỏi, củ cải đỏ, khoai lang, vv... 5. Không cần dùng thiết bị tưới quy mô lớn. Phương pháp tưới cơ bản sẽ là dùng bình tưới tay. Các hộ nông dân ở xa nguồn nước nên dùng thiết bị bơm đập chân.																																																																																																																																																																								

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới		
Kế hoạch Hành động	Phát triển Cơ sở hạ tầng ở Vùng Biên giới Tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên		
Cơ quan thực hiện	PPC	Cơ quan hữu quan	MIT, MARD, MPI

Mục tiêu

Tỉnh Điện Biên có biên giới chung với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Thương mại biên giới đã chính thức diễn ra tại cửa khẩu Tây Trang tỉnh Điện Biên, cạnh nước Lào. Tổng khối lượng thương mại tại đây năm 2006 đạt 1,4 triệu USD, còn rất nhỏ về quy mô. Huổi Puốc – huyện Điện Biên và A Pa Chải – huyện Mường Nhé là các cửa khẩu biên giới tương ứng của tỉnh với các nước Lào và Trung Quốc. Mặc dù đều đã có đường sang các nước bạn, các cửa khẩu này hiện chưa được mở.

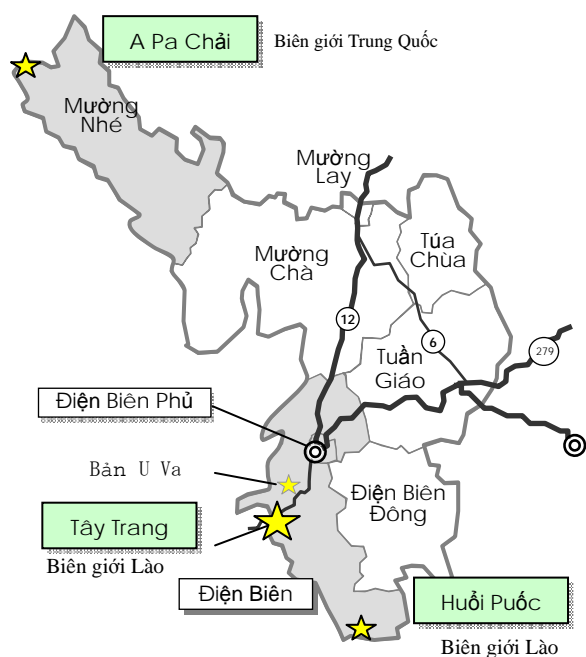
Để nâng cao giao dịch thương mại biên giới, các đặc sản địa phương vùng biên với Trung Quốc và Lào cần được phát triển. Các nông sản sẽ trở thành các đặc sản địa phương theo các chương trình đề xuất trong Quy hoạch Tổng thể như Chương trình Phát triển Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương (1.1), Chương trình Xúc tiến Kinh doanh nông nghiệp (1.2) và Chương trình Sản xuất Cây trồng An toàn (1.3). Một số trong các đặc sản địa phương này nên được phát triển thành các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trong thương mại biên giới với Trung Quốc trong tương lai.

Bên cạnh việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu, phát triển ổn định thương mại biên giới đòi hỏi phải a) bảo vệ đời sống của những người sống ở vùng biên giới và b) xây dựng/phát triển các chương trình cộng đồng bền vững. So với các khu vực khác, các vùng biên giới ở khu vực Tây Bắc có tỷ lệ đói nghèo cao và môi trường sống kém phát triển. Bởi vậy, cần sắp xếp để việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được tiến hành ở các vùng biên giới trong sự phối kết hợp với các dự án giảm nghèo khác. Cải tạo nâng cấp đường và áp dụng phương tiện giao thông công cộng nên được ưu tiên với việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng về cấp nước nông thôn, giáo dục, y tế, truyền thông, v.v... Những cơ hội nhằm tăng nhận thức về phòng chống lây nhiễm và mắc bệnh (HIV-AIDS, sốt rét, bại liệt) và xoá bỏ thuốc phiện cần được gia tăng để bảo đảm cuộc sống lành mạnh của người dân địa phương. Kết hợp với Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa (2.1), gia tăng sản xuất lương thực ở các địa phương sẽ được thúc đẩy. Việc xây dựng các nhà máy xay xát, xay bột mỳ, kho dự trữ ngũ cốc và chợ sẽ được xem xét là một phần dịch vụ công cộng của chính quyền địa phương. Việc cải thiện cơ sở vật chất biên giới cho mục đích an ninh biên giới, quản lý xuất nhập cảnh, dịch vụ hải quan và dịch vụ giám sát sức khỏe cây trồng, vật nuôi ở Tây Trang cũng rất cần thiết.

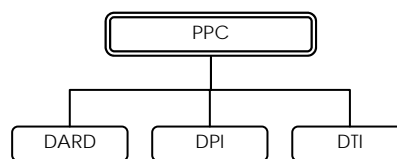
Trong kế hoạch hành động này, cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn được tiến hành nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng cho việc phân phối ở Tây Trang, Huyện Điện Biên, cụ thể là cải tạo đường, phương tiện giao thông công cộng, truyền thông, kho chứa hàng, các trung tâm phân phối, nơi ăn ở cho lái xe đường dài v.v. và giảm nghèo ở Huyện Điện Biên nơi có cửa khẩu Tây Trang. Ngoài ra, các hoạt động trợ giúp cần được tiến hành nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và nông sản chế biến của Vùng Tây Bắc bao gồm quảng cáo/xúc tiến các sản phẩm nông sản của Vùng Tây Bắc sang Lào và nghiên cứu thị trường để phát triển các sản phẩm thương mại mới.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên

Các huyện mục tiêu của Kế hoạch Hành động


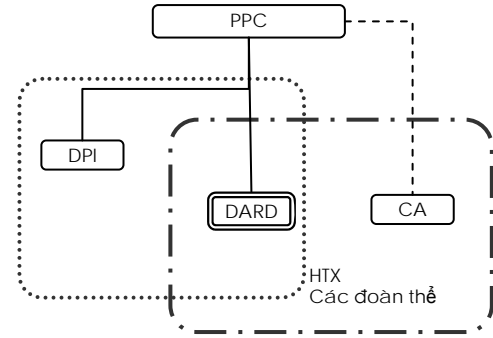


Tổ chức


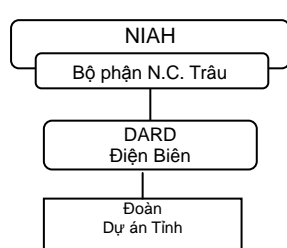


DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư
 DTI: Sở Công Thương
 DARD: Sở NN và PTNT

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)				
Ở các vùng biên giới của Tỉnh Điện Biên, tiến độ giảm nghèo và thương mại biên giới với Trung Quốc tăng		1. Các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc được công nhận ở các chợ ở Trung Quốc				
Mục tiêu của Dự án		2. Cơ sở vật chất và hạ tầng ở biên giới cho việc lưu thông phân phối ở Tây Trang, huyện Điện Biên được nâng cấp cải tạo				
Khối lượng thương mại tại cửa khẩu Tây Trang với Lào tăng		3. Việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn được nâng lên ở Huyện Điện Biên				
Tỷ lệ nghèo ở Huyện Điện Biên giảm						
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
				1	2	3
1. Gia tăng buôn bán thương mại biên giới						
1-1 Thiết lập trung tâm thông tin/quảng cáo để thúc đẩy thương mại biên giới (trưng bày các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và thiết lập các cửa hàng)		- Triển lãm, cửa hàng				
1-2 Chiến dịch xúc tiến thương mại biên giới của chính phủ (Internet/HP, báo chí, TV, sổ sách nhỏ, tạp chí thông tin địa phương)		- Internet/HP, báo chí, v.v.				
1-3 Chuyển tải thông tin qua biên giới sang Trung Quốc (các chiến dịch cho sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và bảo tồn môi trường)		- Sách nhỏ và áp phích cho Trung Quốc				
1-4 Hội chợ/Trưng bày sản phẩm để khám phá các sản phẩm đặc sản địa phương (Hệ thống giải thưởng, Quan hệ công chúng (PR) với các công ty thương mại, v.v.)		- Hồ sơ ghi chép hội chợ/trưng bày sản phẩm				
1-5 Các sự kiện để trao đổi với Trung Quốc (các sự kiện trao đổi văn hoá, bảo tồn môi trường)		- Tài liệu, báo cáo kế hoạch về các sự kiện				
2. Cải thiện môi trường sống ở vùng biên giới						
2-1 Nghiên cứu cơ bản để hiểu điều kiện sống của người dân địa phương (Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS)		- Báo cáo nghiên cứu cơ bản				
2-2 Cải tạo các phương tiện giao thông (cải tạo đường có xét tới sự kết nối với cửa khẩu, hoạt động giao thông công cộng)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động cải tạo đường				
2-3 Tăng điện khí hoá nông thôn (Đòi hỏi duy trì an ninh/hoà bình, sử dụng năng lượng tái tạo cần được xem xét)		- Ghi chép/ghi lại giao thông công cộng				
2-4 Xây dựng trường học và xúc tiến giáo dục tiểu học và giáo dục cho người lớn (kết hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động điện khí hoá				
2-5 Cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất y tế và cải thiện y tế công cộng (kết hợp với Bộ Y tế)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động giáo dục				
2-6 Cải tạo các phương tiện truyền thông (Mở rộng vùng dịch vụ điện thoại di động)		- Báo cáo hàng năm về các hoạt động truyền thông				
2-7 Tiến hành các biện pháp nâng cao an ninh (Xoá bỏ thuốc phiện, ma tuý, cấm người lạ không có giấy tờ và di cư vào biên giới quốc gia)						
3. Bảo tồn môi trường ở vùng biên giới						
3-1 Cải tạo các công trình ở vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên (tăng cường củng cố trung tâm du lịch)						
3-2 Tăng cường hệ thống theo dõi giám sát để ngăn chặn thiệt hại tới môi trường (kết hợp với tuần tra/công an biên giới)						
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị và nguyên vật liệu				
1-1 Phát triển Khu vực		2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho giáo dục và tập huấn kỹ sư				
1-2 Cơ sở hạ tầng nông thôn		2-2 Thiết bị để quản lý trang trại trình diễn (thiết bị nghe nhìn, v.v...)				
1-3 Thị trường và phân phối		2-3 Công cụ nông nghiệp và thiết bị quản lý trang trại trình diễn				
1-4 Phát triển cộng đồng		3. Chi phí hội thảo và tập huấn				
1-5 Giám sát và Đánh giá Dự án		5. Tài liệu và trang thiết bị giảng dạy, v.v...				
Khuyến nghị						
1. Để cửa khẩu Tây Trang của huyện Điện Biên không chỉ đóng vai trò như một tuyến thương mại (điểm giao cắt), mà thương mại biên giới ở đây còn đem lại những tác động tích cực tới nền kinh tế địa phương, cần cải thiện sinh kế cho người dân địa phương song song với việc tạo cơ hội cho họ tham gia vào các hoạt động kinh tế. Việc ổn định sinh kế của người dân đòi hỏi phải nâng cao an ninh lương thực, thực hiện tích cực Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa (2.1) sẽ mang lại hiệu quả.						
2. Bởi có nhiều cơ quan khác nhau liên quan tới việc xúc tiến thương mại biên giới, một hệ thống thực hiện hiệu quả và nhịp nhàng sẽ được thiết lập nếu 1) chương trình này bắt đầu dưới lãnh đạo của Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 2) mỗi hợp phần chương trình có cơ quan thực hiện riêng để tiến hành các hoạt động.						
3. Vùng biên giới quốc gia ở phía tây của Tỉnh Điện Biên có rất nhiều dân tộc thiểu số. Nơi đây có nhiều điểm du lịch hấp dẫn như suối nước nóng ở bản U Va và các hang động đá vôi. Do vậy kết hợp với Chương trình Du lịch Nông thôn (3.3) sẽ rất hiệu quả.						

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Vùng Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa		
Kế hoạch Hành động	Cải thiện Sản xuất Gạo làm lương thực ở tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các khu vực ở tỉnh Điện Biên nơi chưa tự cung đủ gạo, địa bàn ưu tiên là 3 huyện Mường Chà, Tủa Chùa, Điện Biên Đông		
Cơ quan thực hiện	Sở NN-PTNT và các phòng NN-PTNT huyện	Cơ quan hữu quan	DPI, Trung tâm Khuyến Nông
<p>Mục tiêu</p> <p>Năng suất lúa trung bình tỉnh Điện Biên là 4,7 tấn/ha (2005), đạt cao nhất trong các tỉnh Tây Bắc. Tổng diện tích trồng lúa nước ở tỉnh Điện Biên là 22.000ha, tương đương với 0,05ha trên đầu người. Cũng như 3 tỉnh Tây Bắc khác, sản lượng lúa nước hạn chế được bù vào bằng lúa nương. Ở những khu vực miền núi nơi khó làm ruộng lúa nước, lúa nương được trồng phổ biến. Tổng diện tích canh tác lúa nương tại tỉnh là 18.000ha nhưng năng suất lúa nương chỉ đạt 1,2 tấn/ha, tức là chỉ bằng một phần tư so với lúa nước. Tổng sản lượng lúa bao gồm cả lúa nước và lúa nương tại tỉnh là 128.000 tấn. Sản lượng thóc trung bình đầu người mỗi năm là 280kg (tương đương 180kg gạo), vượt xa mức trung bình quốc gia. Tuy nhiên, đây chỉ là con số dựa trên tính toán đơn giản về cân bằng cung và cầu. Trên thực tế tồn tại khoảng cách giữa các khu vực khác nhau. Ở các xã nơi điều kiện địa hình khó tiếp cận và hệ thống phân phối chưa phát triển, nguồn cung gạo vẫn thiếu.</p> <p>Tại các khu vực miền núi còn thiếu cung gạo, người dân bù đắp phần thiếu hụt bằng cách ăn ngô, khoai, sắn... Để bảo đảm an ninh lương thực, việc tăng cường sản xuất cây lương thực sẽ được thúc đẩy với sự chú trọng đặc biệt đến tính thích hợp của đất đối với cây trồng cũng như khả năng thích ứng của cây trồng với các điều kiện của địa phương. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm ở Điện Biên là 2,2%, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ trung bình quốc gia (1,2%). Với tỷ lệ tăng như vậy, một số xã và huyện có thể mất khả năng đảm bảo đủ lương thực. Vì thế, tăng sản lượng các cây lương thực là một thách thức lớn của Tỉnh.</p> <p>Về sản xuất lương thực ở Tây Bắc, các nhóm dân tộc khác nhau có các cây trồng khác nhau tùy theo môi trường sống của họ. Thí dụ, người Thái (30% dân số Tây Bắc) và người Mường (23%) sống chủ yếu ở vùng đất thấp thì trồng lúa nước trong khi người H'mông và người Dao (15% tổng số) sống ở vùng núi cao lại trồng lúa nương, ngô nương trên nương rẫy. Tăng cường sản xuất gạo, loại lương thực chủ đạo, nên là mục tiêu chính nhưng đồng thời cũng phải nghiên cứu để cân bằng cung lương thực thông qua việc đa dạng hóa các loại cây trồng và xem xét kỹ thuật trồng ngô, khoai, sắn, đậu đỗ... Đề xuất giảm bớt sản xuất lúa nương bởi các lý do a) khả năng tăng năng suất là nhỏ và b) bất lợi cho việc bảo tồn vùng đầu nguồn và nên được chuyển sang trồng ngô và các cây có giá trị kinh tế khác.</p> <p>Để tăng bền vững sản lượng lương thực cần những nỗ lực phát triển cải tiến các phương pháp canh tác hiện nay và cơ sở hạ tầng (phát triển thủy lợi, tạo ruộng lúa bậc thang và nương bậc thang, v.v...). Các biện pháp có thể áp dụng ngay là thay đổi các phương pháp canh tác truyền thống bằng cách 1) hướng dẫn áp dụng các loại giống tiên tiến chất lượng tốt, 2) chuyển giao kỹ thuật sử dụng vật tư nông nghiệp hợp lý, 3) tinh giản/hợp lý hóa công tác nông nghiệp, thâm canh hệ thống trồng trọt và 4) phát triển nông cụ thích hợp. Trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, nhất thiết phải tạo ruộng lúa bậc thang. Nếu công tác tạo ruộng bậc thang được phối hợp với công tác phát triển thủy lợi, ruộng bậc thang sẽ đem lại hiệu suất lớn. Về công tác chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp, các khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và những người thuộc hợp tác xã, đoàn thành niên... sẽ được tập huấn để nâng cao năng lực và thiết lập hệ thống chuyển giao kỹ thuật nhịp nhàng, hiệu quả.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên		Tổ chức	
<p>Các khu vực ưu tiên trong Kế hoạch Hành động (3 Huyện)</p> 		 <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể Thiết lập hệ thống an ninh lương thực bền vững ở tỉnh Điện Biên		Kết quả Dự kiến (Thành quả)							
Mục tiêu của Dự án Sản lượng của các cây lương thực chính tăng lên ổn định Chất lượng sản phẩm thặng dư cho mục đích thương mại được cải thiện		<ol style="list-style-type: none"> Tăng ổn định sản lượng gạo Xóa các xã thiếu lương thực bằng cách tăng sản xuất các cây lương thực khác ngoài gạo Thương mại hóa sản phẩm thặng dư thông qua việc cải tiến chất lượng 							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
				1	2	3	4	5	6
1. Nghiên cứu cơ sở cho các Hoạt động Thí điểm 1-1 Lựa chọn địa bàn bởi DARD 1-2 Nghiên cứu cơ sở về các hoạt động hỗ trợ nông nghiệp và khuyến nông 1-3 Rà soát kỹ thuật trồng cây lương thực và xem xét kỹ thuật thích hợp 1-4 Nghiên cứu tổ chức của nông dân và hoạt động của các tổ chức này 1-5 Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm 1-6 Giải thích kế hoạch cho người dân ở các địa bàn lựa chọn và đạt được sự đồng thuận 2. Các hoạt động thí điểm nhằm tự cung cấp đủ lương thực lấy cây lúa làm trung tâm 2-1 Tập huấn và hướng dẫn nhân viên khuyến nông ở tỉnh và các huyện 2-1-1 Lập kế hoạch thực hiện 2-1-2 Tập huấn và hướng dẫn cán bộ khuyến nông 2-1-3 Tăng cường phương tiện đi lại cho cán bộ khuyến nông và lập quỹ hoạt động cho họ 2-1-4 Thiết lập và quản lý ruộng trình diễn 2-2 Củng cố tổ chức của người nông dân (hợp tác xã nông nghiệp) và tăng cường các hoạt động của họ 2-2-1 Phát triển nhân lực về quản lý tổ chức (chương trình tập huấn và hướng dẫn) 2-2-2 Thiết lập hợp tác xã nông nghiệp 2-2-3 Mua nguyên liệu sản xuất và bán sản phẩm thặng dư 2-3 Biện pháp tăng cường sản xuất gạo và chế biến sau thu hoạch 2-3-1 Tạo ruộng lúa bậc thang (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 7 độ) 2-3-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-3-3 Cải tiến phương pháp canh tác, tính gián và thâm canh hệ thống canh tác 2-3-4 Giới thiệu/áp dụng và phát triển nông nghiệp hữu cơ 2-3-5 Phát triển nông cụ thích hợp (thuốc cây lúa, máy quay trừ cỏ, máy tuốt lúa...) 2-3-6 Cải tiến máy sấy thóc và các đơn vị chế biến gạo (quản lý bởi hợp tác xã) 2-4 Biện pháp tăng cường sản xuất lương thực bao gồm ngô và các cây nương khác 2-4-1 Tạo nương bậc thang không trồng lúa (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 15 độ) 2-4-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-4-3 Cải tiến phương pháp canh tác 2-4-4 Tinh giản hệ thống canh tác và thâm canh đối với nương rẫy (áp dụng hai vụ) 2-4-5 Phát triển nông cụ và thiết bị thích hợp (cuộc làm cỏ, liềm, máy tuốt hạt, ...) 3. Chuyển giao kỹ thuật tăng cường sản xuất lúa sang các khu vực khác		- Danh sách địa bàn lựa chọn - Báo cáo nghiên cứu cơ sở - Sổ tay phương pháp canh tác thích hợp - Kế hoạch hoạt động thí điểm - Văn bản thỏa thuận thực hiện hoạt động - Văn bản kế hoạch thực hiện - Ghi chép tập huấn - Văn bản ngân sách - Sơ đồ tổ chức, văn bản bố trí nhân sự - Sổ tay hoạt động hợp tác xã - Văn bản lập kế hoạch hoạt động của hợp tác xã - Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng ruộng lúa bậc thang - Sổ tay thực hành trồng lúa - Sổ tay nông nghiệp hữu cơ - Sổ tay sử dụng nông cụ - Nghiên cứu chất lượng gạo chế biến - Canh tác an toàn và hiệu quả của việc bảo tồn tiềm năng của đất - Phân phối giống lai thế hệ thứ nhất - Hợp lý hóa quản lý độ màu của đất và hiệu quả của việc tăng cường sản xuất - Cải thiện năng suất đất và đa dạng hóa các loại cây trồng - Hiệu quả của việc cải thiện năng suất lao động							
Đầu vào									
1. Chuyên gia về 1-1 Công tác thủy lợi, trồng lúa nước 1-2 Trồng cây trồng cạn 1-3 Hợp tác xã nông nghiệp 1-4 Phát triển có sự tham gia 1-5 Giám sát và đánh giá		2. Thiết bị 2-1 Thiết bị cho các trang trại trình diễn 2-2 Thiết bị tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Chi phí cho hội thảo, tập huấn, v.v... 5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và tập huấn							
Khuyến nghị		<ol style="list-style-type: none"> Mặc dù một số nông dân đã sử dụng các giống lúa lai của Trung Quốc, các giống này rất đắt, là gánh nặng tài chính đối với các nông hộ. Việc trồng các giống lúa lai chỉ nên triển khai khi các giống này được sản xuất ngay trong nước và hệ thống marketing hạt giống giá rẻ thuận tiện được xây dựng. Trong thời điểm hiện nay, các biện pháp tăng cường sản lượng nên bắt đầu bằng việc chọn các giống thích hợp từ các giống thường đã được cải tiến đồng thời cải thiện phương pháp canh tác. Để cải tiến phương pháp canh tác như một cách thức nhằm tăng sản lượng lúa, phương pháp gieo thẳng hiện tại sẽ được thay đổi sang phương pháp cấy. Đối với phương pháp cấy hiện nay, mật độ trồng cây cần thay đổi từ dày sang mức độ thích hợp. Cây mạ mang cấy nên ở độ tuổi 18-20 ngày với 4,5 lá. Thông qua các biện pháp này, việc quản lý tổng thể việc trồng lúa sẽ được hợp lý hóa. Thâm canh lúa nước đòi hỏi việc cải thiện cơ sở hạ tầng, là việc cần được thực hiện chu đáo đồng thời lưu ý một thực tế rằng đầu tư phát triển sẽ tập trung vào các nông hộ trồng lúa và hiệu quả chi phí của công tác xây dựng cũng như số nông dân hưởng lợi là có giới hạn. Đặc điểm địa hình của Vùng Tây Bắc đòi hỏi các hệ thống thủy lợi quy mô rất nhỏ. Những hệ thống này nên được xây dựng theo phương pháp tiếp cận từ dưới lên trong đó các hộ hưởng lợi đóng vai trò trung tâm 							

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Thú Y và Chăn Nuôi		
Kế hoạch Hành động	Phát triển Nông trường Sữa Cộng đồng ở tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân chăn nuôi ở Điện Biên		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Hợp tác xã của người sản xuất
<p>Mục tiêu</p> <p>Số lượng trâu ở Vùng Tây Bắc chiếm 16% tổng số tại Việt Nam (MARD 2007). Số trâu ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu ít hơn ở hai tỉnh còn lại trong Vùng. Về bò thịt, số lượng bò thịt ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu chiếm 15% tổng số của Vùng Tây Bắc. Trung bình mỗi hộ có từ 3 đến 5 con (bò thịt). Chính phủ Việt Nam cung cấp vắc xin định kỳ chống bệnh lở mồm long móng. Bởi tỉnh Điện Biên điều kiện tiếp cận khó khăn lại thiếu cán bộ NN-PTNT nên hệ thống phòng bệnh tại Tỉnh còn yếu.</p> <p>Trong kế hoạch hành động này, hợp tác xã nông trường sữa trâu ở tỉnh Lai Châu (dự án ưu tiên) sẽ được xem như một mô hình mẫu. Tại tỉnh Điện Biên, DARD thiết lập một hợp tác xã nông trường sữa trâu với các thành viên là người dân tộc. Theo đó, công tác quản lý tập thể đàn trâu phân bố rải rác được thực hiện và việc giáo dục, đào tạo nông dân về quản lý chăn nuôi gia súc được tiến hành. Nông trường sữa này sẽ được biết đến như một nông trường mẫu nơi triển khai các biện pháp chống bệnh lở mồm long móng. Nông trường sẽ có chức năng như một đại lý cung cấp các sản phẩm vật nuôi an toàn.</p> <p>Trong hợp tác xã nông trường sữa trâu, việc tập huấn kỹ thuật sẽ được đưa ra bao gồm a) biogas làm từ chất thải vật nuôi b) sản xuất phân hữu cơ. Với việc cung cấp phân bón cho các hộ trồng trọt kế bên, nông trường này sẽ đóng vai trò như một nông trường trình diễn về sản xuất nông nghiệp có lợi cho môi trường.</p> <p>Một loạt các hoạt động tập huấn ngắn hạn sẽ được cung cấp để nhiều thành viên có thể nhận được lợi ích từ dự án. Chức năng của nông trường như một nông trường thí điểm quy mô lớn sẽ được cải thiện. Các dịch vụ sẽ được cung cấp cho nhiều hộ chăn nuôi. Việc thiết lập hợp tác xã nông trường sữa quy mô nhỏ ở cấp huyện sẽ được xem xét.</p> <p>Thiết lập hợp tác xã nông trường sữa trâu nhằm cải thiện công tác quản lý chăn nuôi ở khu vực đồi núi theo Chiến lược Phát triển Chăn nuôi đến năm 2020 (Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg).</p>			
Khu vực Mục tiêu: Tỉnh Điện Biên		Sơ đồ Tổ chức	
		 <pre> graph TD NIAH --> BPNCT[Bộ phận N.C. Trâu] BPNCT --> DARD[ĐARD Điện Biên] DARD --> DOT[Đoàn Dự án Tỉnh] </pre> <p>NIAR: Viện Chăn nuôi Quốc gia DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn</p>	

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu Tổng thể Số lượng vật nuôi nhai lại loại lớn ở khu vực mục tiêu tăng lên. Mục tiêu Dự án Thu nhập của những nông dân nhỏ ở khu vực mục tiêu tăng lên. Dịch vụ vật nuôi của chính quyền địa phương ở Vùng Tây Bắc cải thiện.		Kết quả 1. Dịch vụ vật nuôi của chính quyền địa phương trở nên phổ biến 2. Tỷ lệ bệnh dịch trong vật nuôi nhai lại cỡ lớn giảm xuống 3. Nền nông nghiệp tốt cho môi trường được thiết lập vững chắc					
Hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
1. Thiết lập hợp tác xã nông trường sữa vật nuôi nhai lại cỡ lớn (bò và trâu) 1-1 Thiết lập ủy ban kiểm tra hợp tác xã nông trường xã bởi DARD 1-1-1 Lựa chọn địa điểm nông trường 1-1-2 Rà soát quy mô nông trường (quy mô đầu vào) 1-1-3 Lấy ý kiến từ huyện, xã và giải thích các hoạt động 1-1-4 Thiết lập phương pháp quản lý và quy định 1-1-5 Nghiên cứu và tập huấn cán bộ DARD 1-2 Cung cấp dịch vụ vật nuôi cấp do chính quyền địa phương 1-2-1 Xây dựng nông trường sữa 1-2-2 Tập huấn và đào tạo tại chỗ về kỹ thuật quản lý vật nuôi 1-2-3 Vắc xin phòng bệnh dịch 1-2-4 Tập huấn và đào tạo tại chỗ các biện pháp phòng bệnh 1-2-5 Cung cấp dịch vụ thụ tinh nhân tạo 1-2-6 Hướng dẫn quản lý chăn nuôi thân thiện môi trường 1-2-7 Quản lý chi phí vận hành nông trường 1-3 Hỗ trợ bởi chính quyền địa phương 1-3-1 Giới thiệu hoạt động cho các công ty tư nhân và thu hút đầu tư 2. Quản lý đoàn thể 2-1 Hoạt động của các hộ chăn nuôi 2-1-1 Lập kế hoạch quản lý 2-1-2 Quản lý cơ sở vật chất nông trường 2-1-3 Quản lý tài chính 2-1-4 Mua thức ăn và phối trộn phân bón 2-2 Phát triển sản phẩm trong sự phối hợp với chính quyền địa phương 2-2-1 Sử dụng phụ phẩm từ các cơ sở liên quan của nông trường và nghiên cứu thị trường	- Cơ sở dữ liệu - Cơ sở dữ liệu - Hướng dẫn - Điều khoản hợp tác - Báo cáo của cán bộ đi học - Xây dựng - Ghi chép tập huấn - Sổ ghi chép - Thiết bị tập huấn - Sổ ghi chép - Sổ tay - Bản quyết toán - Website của DARD, vv... - Biên bản - Ghi chép quản lý - Bản quyết toán - Ghi chép quản lý - Ghi chép bán hàng, ghi chép nghiên cứu						
Đầu vào							
1. Chuyên gia về 1-1 Quản lý chăn nuôi 1-2 Chế biến thực phẩm 1-3 Nhân giống vật nuôi 1-4 Bệnh dịch ở vật nuôi 1-5 Phát triển cộng đồng 1-6 Phát triển môi trường		2. Thiết bị và vật liệu 2-1 Thiết bị quản lý nông trường 2-2 Thiết bị Bio-Gas 2-3 Máy chế biến thực phẩm 3. Chi phí hội thảo và đào tạo 4. Sổ tay và tài liệu giảng dạy 5. Máy tính cá nhân, thiết bị Internet					
Khuyến nghị							
1. Ở những khu vực nơi nền kinh tế tiền tệ còn kém phát triển, cần nâng cao nhận thức của người dân để công tác chăn nuôi có thể cải thiện sinh kế cho họ. 2. Các nông dân chăn nuôi cần hiểu rằng chăn nuôi luôn có nguy cơ đi kèm với bệnh dịch và vật nuôi của họ có thể chính là nguồn lây bệnh. 3. Nông trường sữa cần được quản lý trên cơ sở xem xét tập quán, thói quen của các nhóm dân tộc khác nhau. 4. Chăn nuôi thâm canh có nguy cơ bị dịch bệnh nhiều hơn. Việc phòng chống bệnh dịch phải luôn được tiến hành. 5. Nông trường sữa nên được quản lý theo tập thể bởi các nông dân thành viên. Nhà chức trách địa phương sẽ kiểm tra tổ chức này và tham gia quản lý khi cần thiết để bảo đảm tính bền vững. 6. Nông trường sữa không nên chỉ là một nơi để các thành viên sử dụng. Nó còn cần là nơi để giới thiệu công nghệ thích hợp cho chính quyền địa phương.							

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Vùng Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt		
Kế hoạch Hành động	Dự án Thí điểm Nuôi cá Ao ở tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Xã Mường Phăng, 47 thôn bản, 1.564 hộ, 4.200 người, Huyện Điện Biên Các cán bộ thủy sản của Huyện Điện Biên và Tỉnh Điện Biên		
Cơ quan thực hiện	Phòng thủy sản, DARD	Cơ quan hữu quan	Hội nông dân; Hội phụ nữ; Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh

Mục tiêu

Phát triển nghề cá nước ngọt ở Tỉnh Điện Biên là nhiệm vụ rất cần thiết để đảm bảo tăng nguồn dinh dưỡng và thu nhập cho người dân địa phương. Chính vì vậy, nhiệm vụ này có liên quan đến việc thúc đẩy dự án NTTS (nuôi trồng thủy sản) cùng với chương trình hỗ trợ cho ngành nông nghiệp và chăn nuôi. Để nâng mức tiêu thụ thủy sản theo đầu người từ 2kg ở thời điểm hiện tại lên tới 4kg thì diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) của các hộ nông dân có ao cũng phải tăng tỷ lệ từ 20% ở thời điểm hiện nay đến 50% và các trại giống cũng phải có nhiều hơn để cung cấp đủ con giống cho người nông dân.

Kế hoạch hành động này là kế hoạch chương trình phát triển NTTS số 1 (ao nuôi thủy sản, các năm từ 2010 đến 2015) và nó thu hút sự tham gia của UNND xã và các tổ chức đoàn thể (Hội nông dân; Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) để thử nghiệm dự án thí điểm đầu tiên này. Đồng thời chú trọng việc nâng cao năng lực quản lý và nâng cao trình độ cho các kỹ thuật viên địa phương. Chương trình này liên quan đặc biệt tới chương trình hỗ trợ của các dự án nông nghiệp, chăn nuôi, và dự án thủy sản này sẽ được xây dựng và thúc đẩy tại tỉnh Điện Biên theo phương pháp độc đáo. Kế hoạch dài hạn của dự án đến 2015 như sau:

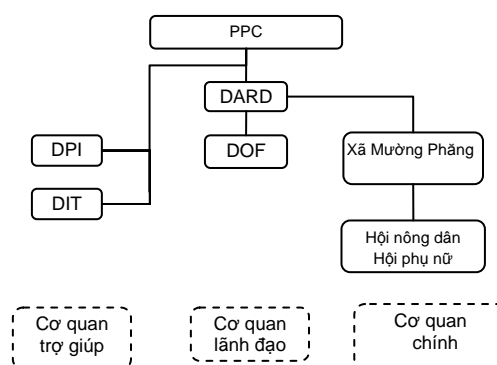
1. Thảo luận chi tiết kế hoạch của dự án với Ủy ban nhân dân xã Mường Phăng
2. Nghiên cứu về số lượng, kích thước và tổng diện tích các ao NTTS hiện có
3. Khảo sát hiện trạng trữ lượng nước trong ao, hồ và đánh giá trữ lượng nước cần cho NTTS trong tương lai
4. Tính toán số lượng con giống cần thiết
5. Xác định cấu trúc và quy mô (tỉ lệ) của các trại giống và chỉ định các cán bộ chuyên môn
6. Xây dựng trại giống và cung cấp cá giống cho các hộ nông dân
7. Hỗ trợ tất cả các hộ nông dân, những người muốn tham gia nuôi thủy sản trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng ao nuôi theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật khuyến ngư địa phương
8. Dự án thí điểm đầu tiên trong xã nhằm mục đích xác định sự phát triển của các ao NTTS trong tương lai
9. Nghiên cứu nhu cầu tiêu thụ của sản phẩm và thành lập chương trình tập huấn cho người dân trong xã và các cán bộ thủy sản
10. Quản lý điều kiện môi trường xung quanh các ao NTTS và thành lập mô hình NTTS bền vững theo tiêu chuẩn thế giới

Kế hoạch hành động này phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển ngành thủy sản cũng như được sự phê duyệt của Thủ tướng và liên quan tới dự án SUDA (Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững) của DANIDA.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên



Tổ chức



DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 DOF: Chi cục thủy sản
 DPI: Sở kế hoạch Đầu tư
 DIT: Sở Công Thương

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																											
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu nhập của người nông dân đa dạng và tăng lên 2. Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững không gây hại môi trường <p>Mục tiêu của Dự án</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát triển nuôi trồng thủy sản tại vùng mục tiêu của chương trình 2. Phát triển kết hợp nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong vùng mục tiêu 	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra rõ số lượng và diện tích ao nuôi trồng thủy sản 2. Các trại ương được xây dựng để cấp cá giống nội bộ 3. Các mức nước cấp tới các ao phù hợp, theo hệ thống 4. Duy trì sản xuất nuôi trồng thủy sản có tính bảo tồn tự nhiên 5. Nông dân và cán bộ thủy sản được tập huấn để nâng cao kiến thức và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản 6. Mức tiêu thụ thủy sản trên đầu người được tăng lên 7. Thu nhập của nông dân tăng lên 																																																																																																																																																																																																										
<p>Các hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra điều kiện hiện trạng của ao NTTS và hệ thống cung cấp nước <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Điều tra các ao NTTS <ol style="list-style-type: none"> 1-1-1 Quy mô, số lượng và tổng diện tích ao NTTS hiện có 1-1-2 Đánh giá khả năng sử dụng nước 1-2 Hệ thống cấp nước cho nuôi thủy sản trong ao NTTS <ol style="list-style-type: none"> 1-2-1 Tính toán khối lượng nước cấp cho ao NTTS 1-2-2 Thông tin mang tính hệ thống về nước cấp trong các lưu vực 2. Thành lập cơ sở ương nuôi cá giống <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Sản xuất cá giống <ol style="list-style-type: none"> 2-1-1 Lựa chọn các loài mục tiêu cho Nuôi trồng thủy sản 2-1-2 Xác định quy mô của trại giống 2-1-3 Chi định số lượng nhân kỹ thuật cho cơ sở ương giống 2-1-4 Xây dựng cơ sở ương giống 3. Mở rộng dự án ao nuôi trồng thủy sản <ol style="list-style-type: none"> 3-1 Nhu cầu của nông dân những người có kế hoạch thực hiện nuôi cá cao <ol style="list-style-type: none"> 3-1-1 Lựa chọn các hộ nông dân điển hình để hỗ trợ 3-1-2 Tập huấn và hướng dẫn dự án Nuôi trồng thủy sản 3-1-3 Bắt đầu dự án Nuôi trồng thủy sản 3-2 Điều tra về xu hướng của thị trường <ol style="list-style-type: none"> 3-2-1 Khảo sát xu hướng thị trường hiện nay, phát triển thị trường mới bao gồm cả xuất khẩu 3-2-2 Tham quan học tập tại vùng phát triển 3-3 Biện pháp phòng trừ dịch bệnh <ol style="list-style-type: none"> 3-3-1 Hướng dẫn của cố vấn chuyên về dịch bệnh thủy sản 3-3-2 Mua và lưu giữ thuốc chữa bệnh thủy sản 4. Cân nhắc về tài chính vi mô <ol style="list-style-type: none"> 4-1 Đánh giá công tác quản lý Nuôi trồng thủy sản <ol style="list-style-type: none"> 4-1-1 Ước tính chi phí thực hiện 4-1-2 Thu nhập từ sản phẩm 4-2 Khả năng tài chính vi mô <ol style="list-style-type: none"> 4-2-1 Nghiên cứu kinh nghiệm trước đây về thành công và thất bại 4-2-2 Xây dựng hệ thống tài chính vi mô 5. Nâng cao năng lực cho cán bộ thủy sản, DARD <ol style="list-style-type: none"> 5-1 Tập huấn cho cán bộ thủy sản về hướng dẫn kỹ thuật công nghệ Nuôi trồng thủy sản <ol style="list-style-type: none"> 5-1-1 Tập huấn về kỹ thuật Nuôi trồng thủy sản 5-1-2 Tập huấn về bệnh dịch cá 5-1-3 Tập huấn về phương pháp lưu giữ cá 5-1-4 Tập huấn về chế biến và marketing thủy sản 6. Phát triển Nuôi trồng thủy sản bền vững <ol style="list-style-type: none"> 6-1 Quản lý môi trường <ol style="list-style-type: none"> 6-1-1 Quản lý điều kiện môi trường xung quanh 6-2 Cân nhắc về việc nuôi trồng thủy sản bền vững <ol style="list-style-type: none"> 6-2-1 Tiến bộ về nuôi trồng thủy sản bền vững 6-2-2 Thành lập mô hình Nuôi trồng thủy sản bền vững 6-3-1 Tuyên truyền nuôi trồng thủy sản bền vững 	<p>Báo cáo và Tài liệu</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2"></th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Cơ sở dữ liệu</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Cơ sở dữ liệu</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Thống kê</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Sơ đồ cấp nước</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn lựa chọn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn kỹ thuật</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Danh sách cán bộ</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn kỹ thuật</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn lựa chọn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Tài liệu tập huấn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Thống kê sản lượng</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Sơ đồ thị trường</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn kỹ thuật</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Báo cáo kết quả đào tạo</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn dịch bệnh thủy sản</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Danh sách thuốc chữa bệnh</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn NTTS</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản quyết toán</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Hướng dẫn tài chính vi mô</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản quyết toán</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Bản hướng dẫn</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Trang chủ</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Năm						1	2	3	4	5	6	- Cơ sở dữ liệu	■						- Cơ sở dữ liệu	■						- Thống kê	■						- Sơ đồ cấp nước	■	■	■	■			- Hướng dẫn lựa chọn	■						- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■			- Danh sách cán bộ	■						- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■			- Hướng dẫn lựa chọn	■						- Tài liệu tập huấn	■	■	■	■			- Thống kê sản lượng	■						- Sơ đồ thị trường	■	■	■	■			- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■			- Báo cáo kết quả đào tạo	■	■	■	■			- Hướng dẫn dịch bệnh thủy sản	■						- Danh sách thuốc chữa bệnh	■	■	■	■			- Hướng dẫn NTTS	■						- Bản quyết toán	■	■	■	■			- Hướng dẫn tài chính vi mô	■						- Bản quyết toán	■	■	■	■			- Bản hướng dẫn	■						- Bản hướng dẫn	■	■	■	■			- Bản hướng dẫn	■						- Bản hướng dẫn	■	■	■	■			- Bản hướng dẫn	■						- Bản hướng dẫn	■						- Trang chủ	■					
	Năm																																																																																																																																																																																																										
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																																					
- Cơ sở dữ liệu	■																																																																																																																																																																																																										
- Cơ sở dữ liệu	■																																																																																																																																																																																																										
- Thống kê	■																																																																																																																																																																																																										
- Sơ đồ cấp nước	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn lựa chọn	■																																																																																																																																																																																																										
- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Danh sách cán bộ	■																																																																																																																																																																																																										
- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn lựa chọn	■																																																																																																																																																																																																										
- Tài liệu tập huấn	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Thống kê sản lượng	■																																																																																																																																																																																																										
- Sơ đồ thị trường	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn kỹ thuật	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Báo cáo kết quả đào tạo	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn dịch bệnh thủy sản	■																																																																																																																																																																																																										
- Danh sách thuốc chữa bệnh	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn NTTS	■																																																																																																																																																																																																										
- Bản quyết toán	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Hướng dẫn tài chính vi mô	■																																																																																																																																																																																																										
- Bản quyết toán	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Bản hướng dẫn	■																																																																																																																																																																																																										
- Bản hướng dẫn	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Bản hướng dẫn	■																																																																																																																																																																																																										
- Bản hướng dẫn	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																							
- Bản hướng dẫn	■																																																																																																																																																																																																										
- Bản hướng dẫn	■																																																																																																																																																																																																										
- Trang chủ	■																																																																																																																																																																																																										
<p>Đầu vào</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Quản lý dự án 1-2 Sản xuất giống thủy sản nước ngọt 1-3 Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và dịch bệnh thủy sản 1-4 Thị trường 1-5 Bảo tồn môi trường 2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Trại giống, Trung tâm nghiên cứu dịch bệnh cá 2-2 Nguyên vật liệu làm ao cá 2-3 Nguyên liệu cho sản xuất con giống 2-4 Thuốc chữa bệnh cá 2-5 Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn 																																																																																																																																																																																																											
<p>Khuyến nghị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình này phải được nhất quán phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản nước ngọt cả nước và của 4 tỉnh trên 2. Sau khi đánh giá chi tiết về những thất bại, các cán bộ chủ chốt của dự án cần được những hỗ trợ về kỹ thuật và trang thiết bị để dự án thành công 3. Dưới xu hướng nuôi trồng thủy sản như hiện nay, nuôi trồng thủy sản bền vững được bắt đầu với 4 nhân tố chính: Nuôi cá có mức dinh dưỡng thấp; Sử dụng thực vật làm thức ăn cho thủy sản; Nuôi trồng thủy sản kết hợp với chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp; và Nuôi quảng canh với tỷ lệ nhỏ. Chương trình này nhằm hướng theo xu hướng của thế giới. Cần chú ý đến bảo tồn đa dạng sinh học. Các giống lai và cá hồi nước ngọt không được áp dụng cho dự án này. 4. Chương trình này phải được kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể có liên quan của địa phương, các truyền thống văn hoá của các xã phải được quan tâm sâu sắc ở cấp cơ sở. 5. Sự mất cân đối về rủi ro và lợi nhuận giữa các nhóm dân tộc thiểu số nên được tránh thông qua nghiên cứu xã hội 																																																																																																																																																																																																											

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình xúc tiến Lâm sản ngoài gỗ (NTFPs)		
Kế hoạch Hành động	Đưa các loại cây thuốc vào trồng tại tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà, huyện Mường Nhé. Cán bộ DARD và cán bộ huyện về NTFP cùng các Hợp tác xã liên quan tới quá trình sản xuất và chế biến NTFP.		
Cơ quan thực hiện	DARD (Chi Cục lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan	Trung tâm nghiên cứu NTFP, Liên minh hợp tác xã, v.v...

Mục tiêu

Các lâm sản ngoài gỗ được sản xuất tại tỉnh Điện Biên gồm tre, nứa, song, mây và nhựa cánh kiến. Các cây thuộc họ tre, nứa không chỉ được dùng làm thực phẩm mà còn được sử dụng làm nguyên liệu thô cho xây dựng, làm hàng thủ công, làm giấy. Nhựa cánh kiến được xuất khẩu sang các tỉnh khác và sang Trung Quốc dưới dạng nguyên liệu thô để làm sơn mài và mỹ phẩm. Sản lượng của các lâm sản ngoài gỗ được trồng trên đất canh tác và thu hoạch từ rừng tự nhiên khác không đủ xuất ra bên ngoài mà chỉ đủ tiêu dùng trong tỉnh. Tại một số địa bàn của tỉnh Điện Biên, việc trồng thực vật làm thuốc được lên kế hoạch thực hiện dưới hình thức ký hợp đồng với công ty sản xuất thuốc của Việt Nam. Theo kết quả trồng thử nghiệm các cây gỗ đa tác dụng và các loại thảo dược, các loại cây làm thuốc của Dự án RENFODA do JICA tài trợ tại tỉnh Hòa Bình (dự tính sẽ kết thúc vào cuối tháng 9 năm 2008) thì một số loại cây lâm sản ngoài gỗ mới nên được đưa vào trồng ở vùng Tây Bắc.

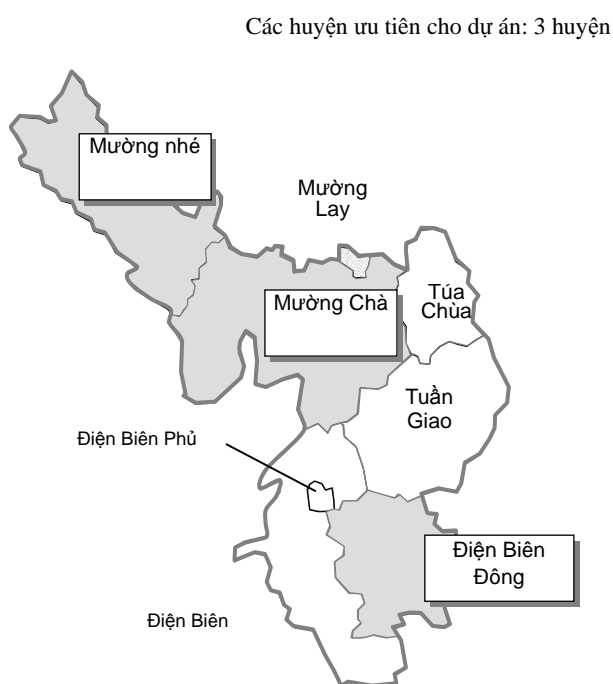
Theo hiện trạng sản xuất lâm sản ngoài gỗ ở tỉnh Điện Biên và những kết quả trồng thử nghiệm của Dự án RENFODA nêu trên thì những hỗ trợ cho các hoạt động như: 1) Nắm bắt, đánh giá trữ lượng tài nguyên các lâm sản ngoài gỗ, 2) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, 3) Cải tiến các kỹ thuật chế biến, 4) Tìm thị trường tiêu thụ mới và 5) Xây dựng các hợp tác xã sản xuất, sẽ được thực hiện trên đối tượng những cây lâm sản ngoài gỗ dưới đây ở các huyện Điện Biên Đông, Mường Chà và Mường Nhé.

- Cây thuốc (Khúc khắc, Guột lá, Cu li, Huyết giác, Thiên niên kiện): các huyện Mường Chà và Mường Nhé
- Cánh kiến: Mường Chà
- Tre nứa, luồng: Điện Biên Đông, Mường Chà và Mường Nhé
- Song, mây: Điện Biên Đông, Mường Chà và Mường Nhé

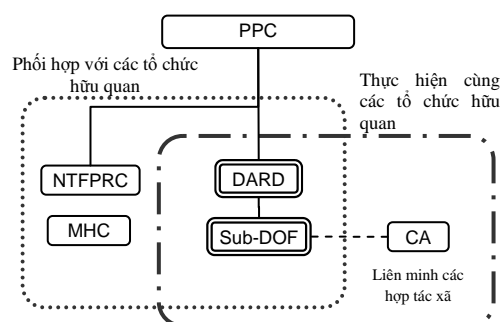
Đặc biệt, những sản phẩm có giá trị kinh tế cao nên được xem xét để đưa vào bằng hình thức sản xuất cây thuốc và dược thảo, vị thảo.

Liên quan tới nội dung 6) Đưa vào trồng các cây lâm sản ngoài gỗ mới, các cây đa tác dụng như sấu, trám (Trám chim, Trám trắng, Trám đen) và cây thuốc (Giỏi, Ba Kích) cũng cần được xem xét.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên

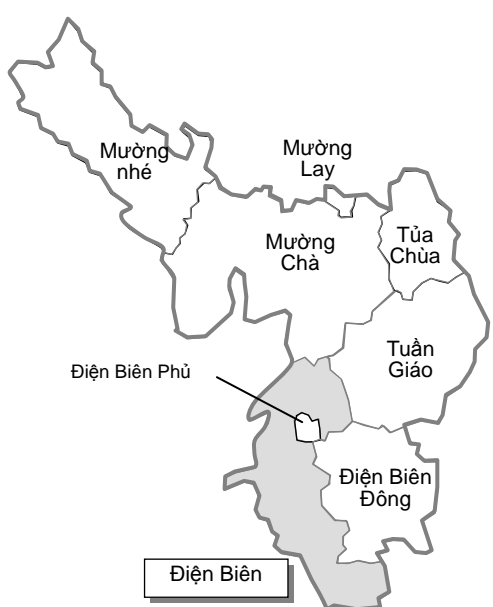
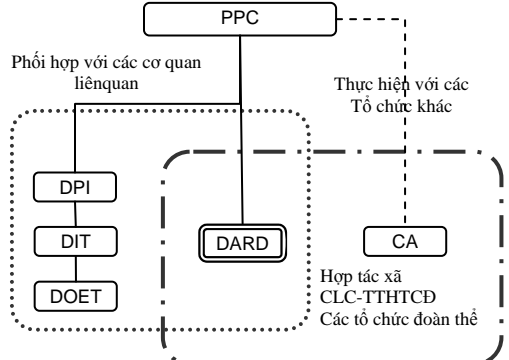


Tổ chức



- PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh
DARD: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp thuộc DARD
NTFPRC: Trung tâm Nghiên cứu lâm đặc sản của FSIV
MHC: Bộ y tế
CA: Liên minh hợp tác xã

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể Đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng thu nhập cho người dân. Các sản phẩm tận dụng nguồn tài nguyên nội địa ở vùng Tây Bắc sẽ được tăng lên.		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Nắm bắt trữ lượng hiện có và khối lượng sản xuất các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ 2. Sản xuất ổn định sản phẩm lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện 3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện và thị trường dành cho lâm sản ngoài gỗ sẽ được đa dạng hóa. 4. Các liên minh hợp tác xã về lâm sản ngoài gỗ sẽ được tổ chức. 5. Kiến thức/kỹ thuật của các cán bộ sẽ được nâng cao nhờ các khóa tập huấn 6. Các cây lâm sản ngoài gỗ mới sẽ được đưa vào trồng							
Mục tiêu của Dự án Phát triển các ngành liên quan tới lâm sản ngoài gỗ tại những vùng mục tiêu của dự án Phát triển và sản xuất các loại lâm sản ngoài gỗ mới tại vùng mục tiêu của dự án									
Các hoạt động		Bảo cáo và Tài liệu		Năm					
				1	2	3	4	5	6
1. Nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-1 Nắm bắt nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện có 1-1-1 Hỗ trợ cho việc nắm bắt nguồn hiện có và khối lượng sử dụng 1-2 Giám sát việc điều tra, nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-2-1 Giám sát việc nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 2. Xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-1 Sản xuất cây giống 2-1-1 Phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ phù hợp với tỉnh Điện Biên 2-1-2 Xây dựng/mở rộng vườn ươm cây giống 2-1-3 Sản xuất giống 2-1-4 Khoanh vùng trồng và vùng sản xuất 2-1-5 Trồng cây con 2-2 Sản xuất/trữ kho nguyên liệu thô của lâm sản ngoài gỗ 2-2-1 Quản lý/chăm sóc các vùng sản xuất hiện có 2-2-2 Quản lý và chăm sóc các vùng đang trồng 2-2-3 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/trữ kho tại các vùng sản xuất hiện có 2-2-4 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/trữ kho tại các vùng sản xuất mới 2-2-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 2-3 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-3-1 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ và tiếp thị 3-1 Cải tiến các kỹ thuật chế biến lâm sản ngoài gỗ 3-1-1 Nắm bắt các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-2 Đổi mới các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-3 Phát triển các kỹ thuật chế biến mới 3-1-4 Đổi mới/xây dựng mới các cơ sở chế biến 3-1-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-2 Đa dạng hóa thị trường lâm sản ngoài gỗ 3-2-1 Nắm bắt các thị trường hiện có 3-2-2 Khai phá các thị trường mới 3-2-3 Xây dựng mạng lưới với các công ty nội địa và nước ngoài. 3-2-4 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-3 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới 3-3-1 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới 4. Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1 Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1-1 Mở rộng/tăng tính cần thiết của các hợp tác xã 4-1-2 Thiết lập các tổ chức mới 4-2 Đảm bảo sự chặt chẽ của các qui định về lâm sản ngoài gỗ 4-2-1 Nắm bắt các hệ thống pháp lý hiện hành về lâm sản ngoài gỗ 4-2-2 Các kiến nghị đề xuất đối với các hệ thống pháp lý về lâm sản ngoài gỗ 4-3 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ 4-3-1 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ 5. Phát triển năng lực của các cán bộ ở tỉnh Điện Biên 5-1 Tập huấn cho các cán bộ làm công tác chuyển giao kỹ thuật 5-1-1 Tập huấn kỹ thuật về nắm bắt trữ lượng/ khối lượng sử dụng 5-1-2 Tập huấn kỹ thuật về sản xuất cây giống 5-1-3 Tập huấn kỹ thuật về quản lý sản xuất nguyên liệu thô 5-1-4 Tập huấn kỹ thuật về chế biến lâm sản ngoài gỗ 5-1-5 Tập huấn kỹ thuật về tiếp thị 6. Đưa vào trồng các loài cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-1 Kiểm tra các loài mới, kể cả nghiên cứu tiềm năng thị trường 6-2 Sản xuất giống, chăm sóc và chăm sóc cây con 6-3 Chế biến các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-4 Khai phá thị trường cho các cây lâm sản ngoài gỗ mới		- Cơ sở dữ liệu - Báo cáo giám sát - Cơ sở dữ liệu/ số tay hướng dẫn kỹ thuật - Vườn ươm - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Khu vực trồng / sản xuất - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Báo cáo thăm quan thực tế - Báo cáo giám sát - Cơ sở dữ liệu - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Báo cáo thăm quan thực tế - Cơ sở dữ liệu - Danh sách khách hàng - Mạng lưới - Báo cáo thăm quan thực tế - Văn bản Phân hội - Sổ tay - Các tổ chức mới - Cơ sở dữ liệu - Các đề xuất - Báo cáo giám sát - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Sổ tay tập huấn - Các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật - Cơ sở dữ liệu, danh sách khách hàng							
Đầu vào 1. Chuyên gia về 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Chế biến sản phẩm/Chế biến thực phẩm 1-3 Lâm nghiệp/ lâm sản ngoài gỗ 1-4 Marketing 1-5 Xây dựng các tổ chức 1-6 Lập kế hoạch đào tạo 1-7 Lâm sản ngoài gỗ cụ thể (ngắn hạn) 2. Nguyên liệu sản xuất 2-1 Nguyên liệu cho trồng cây 2-2 Nguyên liệu cho sản xuất cây giống 2-3 Bảo quản/ chế biến lâm sản ngoài gỗ 3. Các cơ sở, phương tiện (kể cả các cơ sở tạm) 3-1 Vườn ươm 3-2 Các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ 4. Các nguyên vật liệu khác 4-1 Nghiên cứu trữ lượng lâm sản ngoài gỗ hiện có 5. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 6. Máy tính cá nhân									
Khuyến nghị 1. Việc hợp tác với các tổ chức và cán bộ liên quan cần được xem xét để có sự giúp đỡ tổng hợp cho dự án. 2. Việc phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ bản địa và trồng mới các loại lâm sản ngoài gỗ mới nên được tiến hành nhằm đa dạng hóa các loại cây lâm sản ngoài gỗ. Phương pháp có sự tham gia nên được chú trọng để tiến hành dự án khi mà cần có sự đồng lòng cũng như độc lập của các hộ dân là cần thiết cho việc quản lý tài nguyên một cách bền vững. 3. Các hoạt động sản xuất định hướng người sản xuất nên được xúc tiến bằng cách thành lập các hợp tác xã, tăng cường các tổ chức và nguồn nhân lực hiện trạng, tăng cường quan hệ với khách hàng. 4. Sự hỗ trợ đầy đủ, ví dụ như cử chuyên gia về từng loài lâm sản ngoài gỗ, dựa trên đánh giá của chuyên gia, cũng như các phương pháp khác cần được áp dụng cho từng loài lâm sản ngoài gỗ trong canh tác, chăm sóc và chế biến. 5. Nên xem xét sự gắn kết với Quy hoạch toàn quốc về Phát triển và Bảo tồn lâm sản ngoài gỗ (2005-2020) và kết quả của dự án RENFODA.									

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ		
Kế hoạch Hành động	Hỗ trợ cho các Hợp tác xã Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp & chế biến lương thực ở tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha 1: Dự án Thí điểm; Pha 2: Mở rộng ra toàn Vùng)		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Các Hợp tác xã sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp & chế biến lương thực)		
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công Thương (với sự điều phối của UBND Tỉnh)	Cơ quan hữu quan	Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Khuyến nông v.v...
<p>Mục tiêu</p> <p>Kế hoạch hành động này bao gồm Pha 1 và Pha 2, sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm trong đó lấy các đơn vị kinh doanh và các tổ chức hiện tại như các hợp tác xã, các đoàn thể làm đối tượng mục tiêu. Trọng tâm của Kế hoạch hành động là phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương và các cán bộ kỹ thuật khuyến nông.</p> <p>Ở tỉnh Điện Biên, a) phát triển các sản phẩm phục vụ du lịch và b) hỗ trợ để tăng cường bán lẻ và các ngành công nghiệp dịch vụ bằng cách tiến hành khai thác tiềm năng du lịch. Hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy marketing phối hợp với các chương trình phát triển du lịch. Ở Pha I, hướng dẫn để phát triển sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp & chế biến lương thực để phục vụ du lịch được thực hiện ở huyện Điện Biên, bao gồm bản U Va (suối nước nóng), gần với biên giới Lào - Việt Nam. Ở Pha II, hỗ trợ để mở rộng các kênh thị trường, mặt khác nâng cao chất lượng sản phẩm.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên		Tổ chức	
<p>Các huyện ưu tiên cho dự án: 1 huyện</p> 		 <p>PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh DARD: Sở Nông nghiệp & PTNT DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DIT: Sở Công Thương DOET: Sở Giáo dục & Đào tạo CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể Đa dạng và tăng nguồn thu nhập bằng tiền của nông hộ Tăng thêm các đặc sản của Vùng Tây Bắc Mục tiêu của Dự án Phát triển công nghiệp địa phương trong các vùng của Chương trình Sản xuất và phát triển các đặc sản của vùng		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Tiến hành TOT (Đào tạo cho các giảng viên) nhằm phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương về hỗ trợ sản xuất, đẩy mạnh thị trường và củng cố các dịch vụ tại địa phương. 2. Sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp và thực phẩm chế biến được đa dạng hóa 3. Các hoạt động sản xuất của các hợp tác xã được khuyến khích 4. Các kênh thị trường được mở rộng				
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
[Phát triển năng lực cho các cán bộ tỉnh Điện Biên] 1 Đào tạo hướng dẫn cho các cán bộ kỹ thuật khuyến nông. 1-1 Tăng cường năng lực lập kế hoạch (hội thảo cho người dân địa phương) 1-2 Hỗ trợ marketing (trực tiếp từ người sản xuất) 1-3 Thiết lập mạng lưới địa phương để đẩy mạnh việc bán hàng [Hỗ trợ các hợp tác xã sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp & chế biến lương thực] 2 Cải tiến sản phẩm 2-1 Đào tạo kỹ thuật về nghề dệt truyền thống 2-2 Nâng cao chất lượng trong chế biến lương thực 2-3 Giới thiệu các máy đóng gói và cải tiến thiết kế bao gói 2-4 Đào tạo về quản lý (thu mua vật liệu, quản lý kinh phí) 3 Nâng cao các hoạt động cho các hợp tác xã 3-1 Làm logo và nhãn mác 3-2 Thiết lập hệ thống phân phối sản xuất và bao gói 3-3 Hội chợ/giới thiệu sản phẩm và tập hợp sản phẩm để nâng cao chất lượng thực phẩm 3-4 Tham quan nghiên cứu đến các vùng phát triển 4-1 Đẩy mạnh các trung tâm tiếp thị để mở rộng thị trường 4-1 Lựa chọn các trung tâm tiếp thị (khách sạn, nhà hàng, các nơi du lịch chính) 4-2 Đào tạo để đẩy mạnh marketing/bán hàng (hướng dẫn dịch vụ khách hàng, kế toán, ngoại ngữ, sử dụng máy tính) 4-3 Cải thiện môi trường tiếp thị (internet, tham quan du lịch v.v...) 4-4 Đẩy mạnh việc bán hàng cho các khách du lịch. 5. Mở rộng kỹ thuật sang các huyện khác 5-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự đồng thuận với những người hưởng lợi về hoạt động có sự tham gia 5-2 Chuyên giao kỹ thuật và đào tạo thực tế cho cán bộ/nhân viên khuyến nông 5-3 Hội thảo chuyên đề cho các xã viên 5-4 Thăm quan học tập vùng tiên tiến hơn		- Sổ tay hướng dẫn - File dữ liệu về thị trường - Danh sách khách hàng - Mở rộng kỹ thuật truyền thống - Đào tạo cho nông dân - Nâng cao kỹ thuật đóng gói - Thiết lập ý tưởng kinh doanh - Bắt đầu thiết lập một chi nhánh - Phát triển các sản phẩm đặc biệt thông qua cộng tác - Hội chợ/giới thiệu sản phẩm và tập hợp thực phẩm - Du lịch tham quan, đào tạo - Cơ sở dữ liệu - Sổ tay, tài liệu giảng dạy 1 - Trang chủ, mở rộng PC (máy tính) và internet - Tập hợp sản phẩm để bán, chiến dịch				
Đầu vào						
1. Chuyên gia về 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Nông nghiệp & chế biến lương thực, thực phẩm 1-3 Tiêu thủ công nghiệp 1-4 Canh tác rau 1-5 Lâm nghiệp và NTFP 1-6 Nông sản, chế biến thực phẩm, thủ công, vv...		2. Thiết bị cho sản xuất 2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho nghề dệt 3. Thiết bị đóng gói (máy đóng gói chân không, máy in nhãn và ngày sản xuất) 4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 5. Máy tính cá nhân, thiết bị internet 6. Chi phí đào tạo và quan sát.				
Khuyến nghị						
1. Các cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với các Sở & các Tổ chức liên quan để được hỗ trợ toàn diện. 2. Thông qua các hoạt động nâng cao năng lực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, các cơ quan thực hiện dự án nên tăng cường phối hợp để thực hiện các hoạt động dự án theo tư duy kinh doanh. 3. Vì mỗi sản phẩm và hoạt động yêu cầu một phương pháp hỗ trợ khác nhau nên sự hỗ trợ phù hợp nên được duyệt bởi các chuyên gia tư vấn. 4. Các cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với ngành công nghiệp du lịch để tạo cơ hội cho người dân bắt đầu kinh doanh.						

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Du lịch Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến Làng Du lịch ở Tỉnh Điện Biên		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Cán bộ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST), Người dân Xã Noong Luồng và Xã Mường Phăng ở Huyện Điện Biên, Hội Phụ nữ và các nhóm khác về dệt thổ cẩm truyền thống		
Cơ quan thực hiện	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST)	Cơ quan hữu quan	DPI, DIT, DARD, Liên minh Hợp tác xã, v.v.

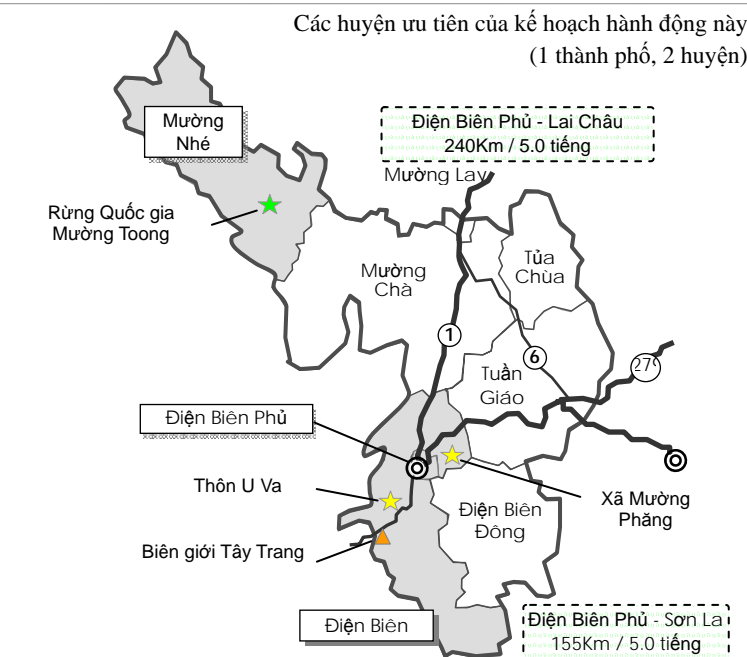
Mục tiêu

Dưới sự cơ cấu lại của Chính phủ Việt Nam, ngành du lịch của Bộ Thương mại và Du lịch được chuyển sang Bộ Văn hoá & Thể thao vào tháng 8 năm 2007. Như vậy là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh là tổ chức có trách nhiệm về phát triển du lịch ở cấp tỉnh. Sở VH TT & DL chưa phát triển đầy đủ về năng lực hành chính và quản lý về du lịch. Kế hoạch hành động này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm về phát triển du lịch tại từng tỉnh trong 4 tỉnh vùng Tây Bắc chú trọng tới tăng cường tổ chức của Sở VH TT & DL. Kế hoạch hành động chú trọng tới việc chuyển giao suôn sẻ những bí quyết và công nghệ của Sở Công Thương, Sở có nhiều kinh nghiệm với nghiên cứu quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia (2004) cho Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch. Đối với các hoạt động PR (Quan hệ Quần chúng) về du lịch, các hoạt động xúc tiến quảng cáo sẽ được tiến hành không chỉ bởi từng tỉnh mà sẽ bởi Vùng Tây Bắc để quảng cáo toàn vùng.

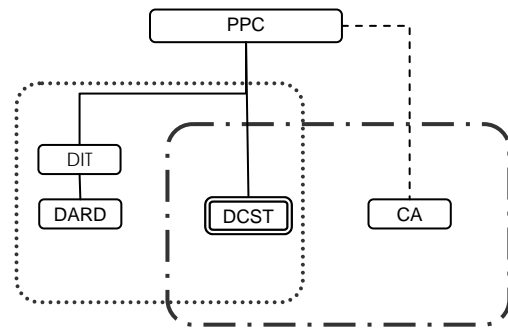
Tỉnh Điện Biên có mạng lưới giao thông tốt. Tỉnh có một sân bay ở Điện Biên Phủ, thủ phủ của tỉnh, có thể đến Hà Nội chỉ trong 1 giờ bằng máy bay. Hàng năm, trên 200.000 khách du lịch đến thăm Tỉnh Điện Biên với các điểm đến chính là chiến trường lịch sử ở Điện Biên Phủ, rừng tự nhiên ở Mường Nhé, Hồ Pa Khoang, suối nước nóng, v.v. Chín mươi phần trăm (90%) khách du lịch là người từ các tỉnh khác ở Việt Nam cho thấy du lịch ở Tỉnh Điện Biên chưa phát triển để thu hút được ngoại tệ. Tỉnh Lào Cai, nằm liền kề với Tỉnh Lai Châu, tỉnh lân cận của Tỉnh Điện Biên, có Sa Pa, điểm đến du lịch nổi tiếng nhất ở Miền Bắc Việt Nam. Hàng năm một phần tư triệu du khách nước ngoài và 70.000 khách du lịch nội địa đến Sa Pa để nghỉ ngơi trên vùng cao nguyên nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống này. Điện Biên, có điều kiện địa lý tương tự như Sa Pa, đã và đang giành được nhiều sự quan tâm do vậy du lịch sẽ giúp cho việc kích hoạt vùng này.

Để phát triển du lịch ở Tỉnh Điện Biên, cần có những cách đối đãi khác nhau đối với khách du lịch nội địa và khách ngoại quốc. Các chuyến du lịch như chuyến du lịch mang tính giáo dục và các chuyến trọn gói, mục tiêu là người dân ở mọi lứa tuổi và rất cần thiết đối với khách du lịch nội địa. Du lịch xanh như các chuyến dã ngoại đi chuyển lên các vùng miền núi biên giới quốc gia sẽ rất phổ biến đối với khách du lịch ngoại quốc. Các loại hình du lịch mới nên được đề xuất cho khách du lịch ngoại quốc bao gồm câu cá, đốt lửa trại trong rừng, thử làm nông nghiệp trong các vườn cây và trại chăn nuôi, v.v. Thông qua kế hoạch hành động này, a) các làng du lịch nơi người dân có kinh nghiệm dệt thổ cẩm và làm đồ gốm thủ công, và b) các sản phẩm thủ công mỹ nghệ trang trọng với các mẫu mã truyền thống của các nhóm dân tộc thiểu số sẽ được phát triển kết hợp với Chương trình Xúc tiến Nghệ Thủ công Mỹ nghệ. Đồng thời, các cơ hội cho người dân địa phương bước vào công nghiệp du lịch sẽ được tạo ra, bao gồm mở nhà hàng các món ăn dân tộc địa phương và các cửa hàng đồ lưu niệm. Các hoạt động làm sâu sắc hơn nhận biết của khách du lịch về các dân tộc thiểu số ở trong vùng và góp phần bảo tồn văn hoá truyền thống của họ cũng sẽ được bao gồm trong Kế hoạch Hành động. Trong tương lai việc xây dựng khách sạn, nhà hàng để đáp ứng nhu cầu của số khách du lịch gia tăng là rất cần thiết trong khi đó cũng cần cải thiện điều kiện kinh doanh nhằm thúc đẩy sự đầu tư từ bên ngoài tỉnh.

Khu vực Dự án: Tỉnh Điện Biên



Tổ chức



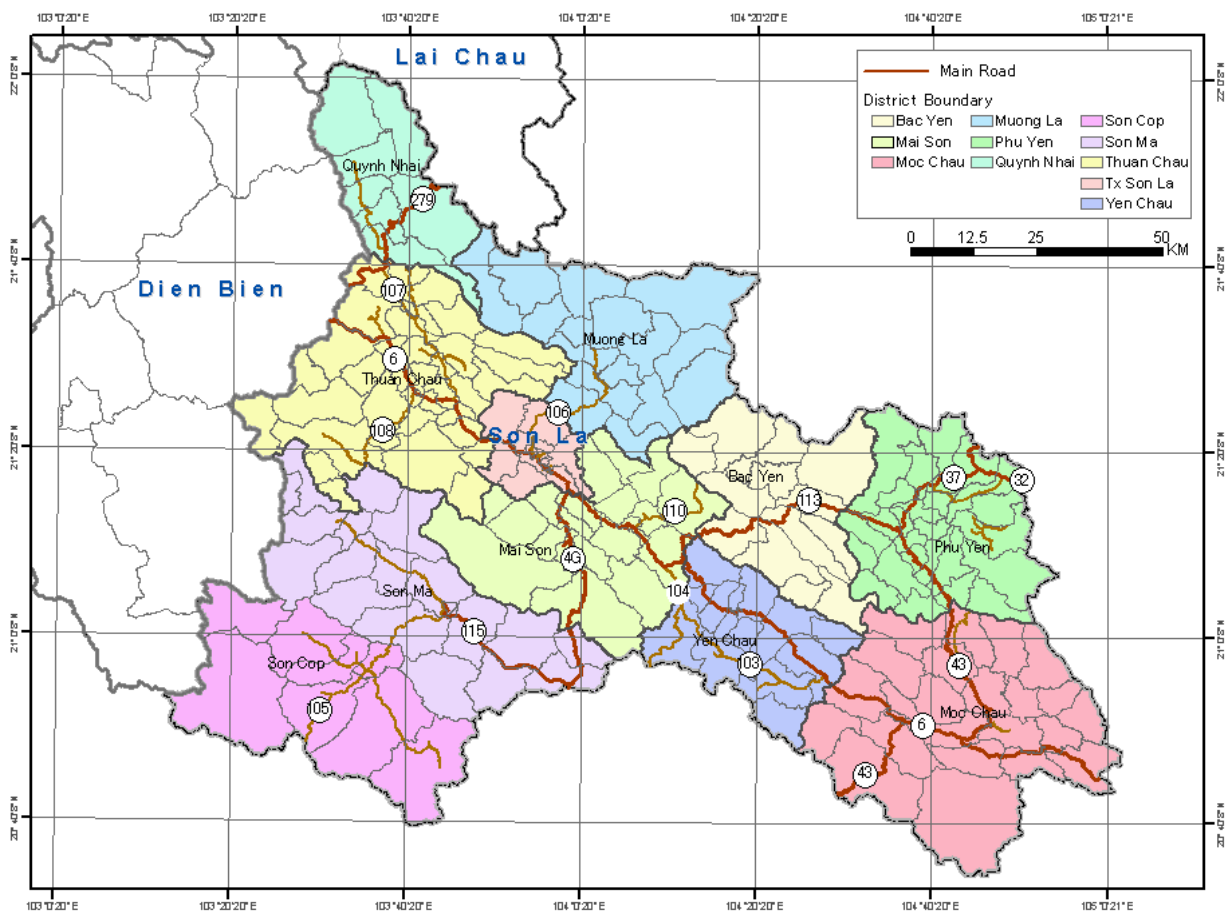
- DCST: Sở VH TT & DL
- DIT: Sở Công Thương
- DARD: Sở NN và PTNT
- CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Khi du lịch ở Vùng Tây Bắc được kích hoạt, nguồn thu nhập của nông hộ được đa dạng hoá với thu nhập tăng.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Du lịch được kích hoạt trong vùng mục tiêu của Chương trình.</p> <p>Lượng khách du lịch trong vùng mục tiêu của Chương trình tăng</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Năng lực của Sở VH TT&DL về phát triển du lịch được nâng cao Du lịch nông thôn và du lịch xanh được tiến hành (các hoạt động thí điểm) Tiếp thị các khách du lịch mục tiêu được tiến hành Du lịch ở Vùng Tây Bắc được thúc đẩy Kế hoạch PPP nhằm phát triển cơ sở hạ tầng du lịch được nghiên cứu
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>1. Phát triển năng lực của cán bộ Sở VH TT&DL</p> <p>1-1 Xây dựng hướng dẫn về phát triển du lịch nông thôn</p> <p>1-2 Thu thập số liệu về phát triển du lịch trong tỉnh</p> <p>1-3 Phát triển năng lực về du lịch nông thôn thông qua sự tham gia của người dân địa phương</p> <p>1-4 Tăng cường sự hợp tác với các cơ quan khác (Sở Giao thông, Sở NN&PTNT, Sở Công Thương)</p> <p>2. Phát triển nguồn nhân lực về du lịch nông thôn và du lịch xanh</p> <p>2-1 Cuộc họp giải thích về du lịch nông thôn, và nghiên cứu nhận biết thông qua hội thảo</p> <p>2-2 Lựa chọn vùng mục tiêu, và xây dựng sự đồng lòng giữa người dân địa phương liên quan tới việc thực hiện</p> <p>2-3 Các bài học ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Việt)</p> <p>2-4 Hướng dẫn về quản lý nhà khách, nhà hàng, v.v..</p> <p>2-5 Thiết lập tổ chức để bắt đầu kinh doanh về các món ăn dân tộc, nghệ thuật biểu diễn, v.v., và đào tạo tập huấn</p> <p>2-6 Đào tạo tập huấn về các hướng dẫn cho du lịch xanh</p> <p>3. Tiếp thị du lịch nông thôn (phản hồi cho các chương trình khác)</p> <p>3-1 Tạo bảng câu hỏi cho khách du lịch</p> <p>3-2 Cuộc họp nghiên cứu của các nhà sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và lương thực chế biến</p> <p>3-3 Thiết lập các hộp thư ý kiến /góp ý (làng du lịch, khách sạn, nhà hàng, sân bay)</p> <p>3-4 Tổ chức các điểm bán hàng và tập trung để thử nếm lương thực</p> <p>4. Xúc tiến du lịch</p> <p>4-1 Mở rộng cơ sở sản xuất và thiết lập trung tâm thông tin</p> <p>4-2 Tạo lập thông tin quảng cáo, các cuốn sách nhỏ và bản đồ du lịch</p> <p>4-3 Xây dựng bảo tàng bản hoá Dân tộc</p> <p>4-4 Hội chợ triển lãm/trung bày sản phẩm và tập trung để thử nếm lương thực và xúc tiến bán hàng</p> <p>4-5 Tổ chức các sự kiện dưới chủ đề văn hoá dân tộc</p> <p>4-6 Thiết lập các bảng thông tin/giải thích</p> <p>5. Cải tạo cơ sở hạ tầng để xúc tiến du lịch</p> <p>5-1 Xem xét để chạy xe buýt nhằm cho phép một tuyến xuyên suốt giữa các điểm du lịch</p> <p>5-2 Các cuộc họp giải thích và nghiên cứu về các kế hoạch PPP kinh doanh/doanh nghiệp mục tiêu</p> <p>5-3 Đào tạo tập huấn các khoá học về kế hoạch quan hệ đối tác nhà nước-tư nhân (PPP)</p>	<p>- Hướng dẫn cho các tỉnh</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu cơ bản</p> <p>- Ghi chép đào tạo tập huấn</p> <p>- Biên bản cuộc họp tham vấn</p> <p>- Ghi chép hội thảo</p> <p>- Bài học ngôn ngữ</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy</p> <p>- Chương trình giảng dạy/tập huấn, sổ tay</p> <p>- Bảng câu hỏi</p> <p>- Ghi chép cuộc họp nghiên cứu</p> <p>- Hộp ý kiến/góp ý</p> <p>- Chiến dịch, áp phích quảng cáo</p> <p>- Trung tâm thông tin</p> <p>- Sách nhỏ</p> <p>- Bảo tàng dân tộc</p> <p>- Chiến dịch</p> <p>- Các sự kiện</p> <p>- Bảng thông tin cho du lịch</p> <p>- Hướng dẫn</p> <p>- Hội họp nghiên cứu</p> <p>- Thăm để quan sát</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Du lịch Phát triển xã hội Kinh tế xã hội. Nghề thủ công và chế biến lương thực Thị trường và phân phối 	<ol style="list-style-type: none"> Trang thiết bị và nguyên liệu cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho cải tạo cơ sở hạ tầng Chi phí cho hội thảo và tập huấn Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Giám sát ý thức của người dân địa phương, sự tự nguyện và sự nhạy cảm của người dân địa phương rất cần thiết đối với phát triển du lịch nông thôn. Xây dựng sự đồng thuận và sự tham gia tích cực của người dân cũng rất cần thiết. Đối với các hoạt động này, cần thực hiện việc thúc đẩy các biện pháp có sự tham gia. Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn dựa vào môi trường tự nhiên và những văn hoá độc đáo của các dân tộc thiểu số cần được thực hiện. Các mối liên kết với ngành nghề cơ bản cần được tăng cường. Phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương là một mấu chốt của sự thành công trong phát triển du lịch nông thôn: sản phẩm lương thực từ sữa (kem, sữa chua), thịt và cá được chế biến (giảm bông, xúc xích, thịt hun khói), đồ uống có cồn (bia, rượu) Phối hợp với các sở ban ngành và các cơ quan liên quan cũng như các tỉnh khác là rất cần thiết để tiến hành hoạt động PR một cách toàn diện của Vùng Tây Bắc. Các kế hoạch quan hệ đối tác nhà nước-tư nhân (PPP) cần phải có một hệ thống trong đó các hoạt động mới về nơi nghỉ trọ, trang trại du lịch, trung tâm du lịch, bảng thông tin du lịch, v.v. có thể được đề xuất. 	

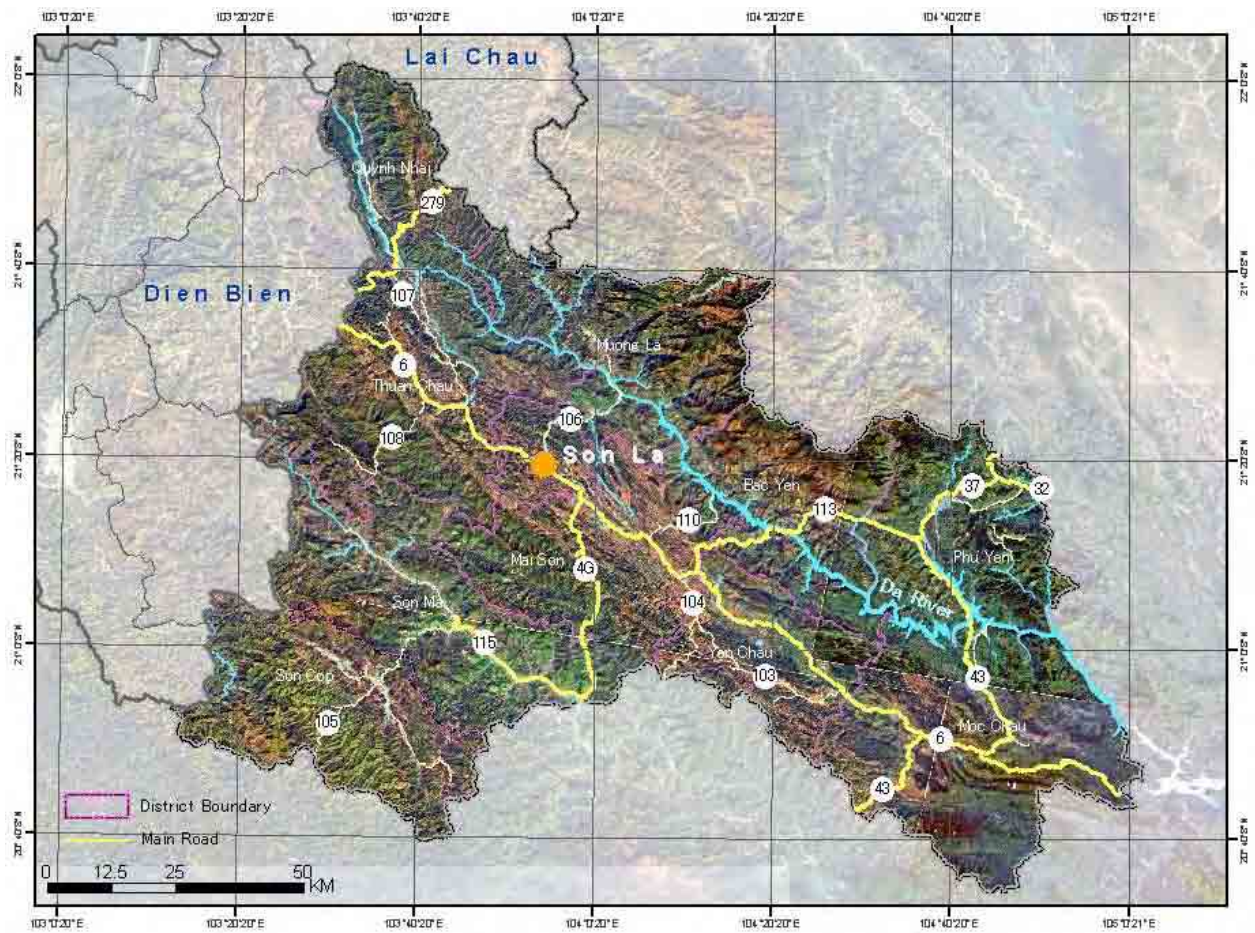
11.5 Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Sơn La

Tỉnh Sơn La

Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể Tỉnh
Các Kế hoạch Hành động(2010-2015)



Ranh giới Hành chính và Mạng lưới Đường Chủ yếu



Toàn Cảnh theo Phân chia Cao độ



Hình ảnh 3D Tỉnh Sơn La

Các Kế hoạch Hành động của tỉnh Sơn La

1. Hiện trạng của tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh lớn nhất trong Vùng Tây Bắc, có diện tích 14.174 km². Dân số là 1,024 triệu người. Cả dân số và diện tích đều bằng 38% của toàn Vùng. Mật độ dân số là 72 người/ km². (Mật độ dân số toàn Vùng là 71 người/ km²). Dân tộc thiểu số trong tỉnh bao gồm Thái (55% dân số toàn tỉnh), Kinh (17%), H' Mông (13%), và Mường (8%). Tám mươi bảy phần trăm (87%) lực lượng lao động làm nông nghiệp. GDP theo đầu người năm 2005 là 266 US\$.

Đường đi từ Hà Nội tới Sơn La, đi qua Hòa Bình, có chiều dài 315 (Quốc lộ No. 6). Huyện Mộc Châu nằm ở cực bắc của Tỉnh cách Hà Nội 200 km (5 giờ đi ô tô).

So với Lai Châu và Điện Biên, thì độ cao của Sơn La thấp hơn. Bảy mươi phần trăm (70%) diện tích Tỉnh nằm giữa độ cao 100 và 1.000m trên mực nước biển. Tỉnh có địa hình gồ ghề giống như Lai Châu và Điện Biên. Năm mươi bảy phần trăm (57%) diện tích đất có độ dốc trên 30 độ. Trong tỉnh có 2 sông chính. Sáu mươi tư phần trăm (64%) diện tích tỉnh nằm trong lưu vực sông Đà còn 35% trong lưu vực sông Mã.

GDP toàn tỉnh năm 2005 là 4.177 tỷ VND, tương đương 39% tổng GDP toàn Vùng. Ngành công nghiệp cơ bản chiếm 43% của GDP. Tỉnh vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp. Diện tích gieo trồng chiếm 18% (254.000 ha) toàn tỉnh. Trong diện tích gieo trồng ruộng nương 198.000 ha, ruộng lúa 14.000 ha và vườn 42.000 ha, tỷ lệ lần lượt là 78%, 6% và 16%. Trong khi tỷ lệ ruộng nương khá thấp thì tỷ lệ diện tích vườn lại khá cao.

Tổng sản lượng thóc và lúa nương năm 2005 là 128.000 tấn. Con số này tương đương 85 kg gạo theo đầu người, chỉ bằng 51% của trung bình toàn quốc là 168 kg. Lượng sản xuất gạo theo đầu người thấp là do phân bố không cân đối về tài nguyên đất và nước, tức là khả năng mở rộng ruộng lúa là bị hạn chế. Ngô là cây trồng được canh tác thay thế lúa. Lượng sản xuất ngô trong tỉnh là 288.000 tấn, tương đương 57% của toàn Vùng. Các cây trồng công nghiệp chủ yếu là chè, cà phê, bông, đậu, v.v. Huyện Mộc Châu nổi tiếng nhất về nông nghiệp trong tỉnh không chỉ có chè mà còn sản phẩm sữa và rau cao cấp cho thị trường Hà Nội.

2. Các Kế hoạch Hành động được Đề xuất

Gia tăng sản xuất lương thực và cải thiện bữa ăn

Mặc dù sự thiếu gạo tại Sơn La được bù đắp bằng gạo tiếp thị từ các nơi khác, việc đạt được an toàn lương thực thông qua cung cấp ổn định gạo vẫn là một vấn đề cơ bản đối với chính sách lương thực của Tỉnh. Cần thực hiện thâm canh lúa thông qua gia tăng sản xuất và cải tạo tỷ lệ canh tác. Do các cơ hội về phát triển thủy lợi, vấn đề này cần các nỗ lực tổng hợp.

Do một phần thiếu hụt gạo được bù đắp bằng ngô, một kế hoạch hành động nhằm mục tiêu cải tiến sản xuất ngô. Đường xá trong tỉnh Sơn La không tốt. Trong mùa mưa, có nhiều nơi ô tô không tới được. Do nhu cầu đòi hỏi cải tạo đường đi, nên việc cải tạo và vận hành-duy tu đường nông thôn trở nên cơ bản. Sự phát triển ngành nông nghiệp theo chủ đề “sản xuất địa phương phục vụ tiêu dùng địa phương” cũng rất quan trọng. Một kế hoạch hành động có đề xuất nâng cao sản xuất lương thực tại các

vùng hẻo lánh thông qua sự kết hợp phát triển thủy lợi quy mô nhỏ tại các ruộng và ruộng bậc thang và cung cấp giống có chất lượng.

Hỗ trợ sản xuất rau an toàn

Sơn La là nơi sản xuất chè và cà phê chủ yếu. Chè của Sơn La đã hình thành thương hiệu một cách thành công. Một kế hoạch hành động đưa ra đề xuất dự án thí điểm thúc đẩy cải tạo chất lượng chè và cà phê. Cần thực hiện các nỗ lực trong việc tìm kiếm và áp dụng các cây trồng thương mại góp phần tích cực vào sự phát triển của địa phương. Như một lựa chọn cho các cây trồng thương mại, việc sản xuất rau an toàn được đưa vào kế hoạch hành động. Tại huyện Mộc Châu, những ngành nông nghiệp như vậy được phát triển do sự tiếp cận dễ dàng tới Hà Nội, canh tác bền vững bằng nhà kính được các công ty tư nhân đảm nhận. Những công ty này không chỉ chuyên về sản xuất rau an toàn. Họ sẽ chuyển rau trực tiếp tới các siêu thị lớn tại Hà Nội. Một kế hoạch hành động đề xuất hướng dẫn về kỹ thuật nông nghiệp do chính quyền địa phương đảm nhận, và việc sản xuất phân hữu cơ để học kinh nghiệm từ Đà Lạt, Lâm Đồng, hỗ trợ các nỗ lực tự túc của các công ty tư nhân, và cho nông dân các cơ hội tham gia trong sản xuất rau an toàn.

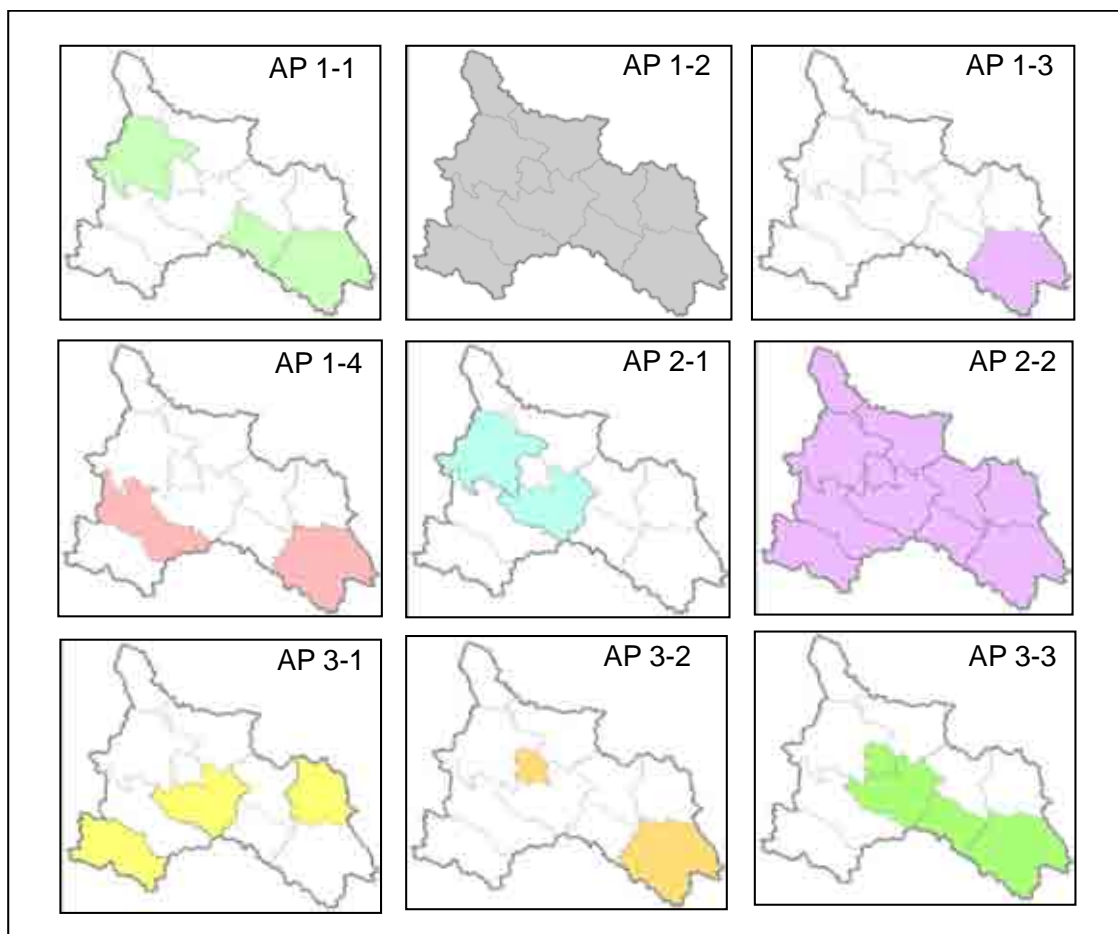
Bảo tồn và sử dụng tài nguyên rừng

Trồng rừng cao su đang diễn ra tại Sơn La trên đất trống với độ cao dưới 600m và độ dốc dưới 30 độ. Như sẽ được giải thích sau đây, các kế hoạch hành động đề ra việc bảo tồn lưu vực và phát triển năng lượng sinh học. Các kế hoạch này nhằm phát triển các hoạt động quy mô vùng và áp dụng những cây trồng năng lượng như Jatropha. Hệ thống quản lý tổng hợp về NTFP bao gồm thảo dược, gia vị, mây, cánh kiến, và tre sẽ được phát triển vì các hoạt động sản xuất không quá phụ thuộc vào tài nguyên đất.

Xúc tiến các đặc sản của Sơn La và du lịch nông thôn

Tại Sơn La, các sản phẩm khác nhau đã có mặt trên thị trường nhờ sự phát triển của Chính phủ về các đặc sản. Tập trung vào thủ công và chế biến, một kế hoạch hành động đưa ra hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương, phát triển sản phẩm và các kênh tiếp thị. Trong du lịch nông thôn, việc phát triển công nghiệp quy mô nhỏ tại các vùng xung quanh hồ chứa của Đập Sơn La mà sẽ hoàn tất vào năm 2012, sẽ là vấn đề cơ bản.

Lĩnh vực	Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động	Trang
Quy hoạch Tổng thể Tỉnh Sơn La			
1. Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường	1.1 Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp	AP1.1 Cải tiến Chất lượng và Sản lượng Chè	11-64
		AP1.1 Cải tiến Chất lượng Cà phê	11-66
	1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp	AP1.2 Sản xuất và Marketing các Sản phẩm Bơ sữa Chất lượng Cao	11-68
	1.3 Chương trình Sản xuất Cây An toàn	AP1.3 Thiết lập Trung tâm Rau Sạch	11-70
	1.4 Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới	AP1.4 Phát triển Hạ tầng ở Vùng Biên giới	11-72
2. Cải thiện An ninh Lương thực	2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	AP2.1 Cải thiện Sản xuất Ngô ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	11-74
	2.2 Chương trình Cải thiện Thú y và Chăn nuôi	AP2.2 Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi	11-110
	2.3 Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt		
3. Hội sinh và Đa dạng hóa các Nguồn Thu nhập Địa	3.1 Chương trình Xúc tiến Lâm sản Ngoài gỗ	AP3.1 Quản lý Tổng hợp NTFP	11-76
	3.2 Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ	AP3.2 Xúc tiến các Đặc sản	11-78
	3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn	AP3.3 Xúc tiến Làng Du lịch	11-80
Quy hoạch Tổng thể Khu vực			
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	AP4.1 Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp	11-112
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	AP4.2 Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới	11-114
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	AP4.3 Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối	11-116
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	AP5.1 Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	11-118
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	AP5.2 Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi	11-120
6. Phát triển Đường N. thôn	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	AP6.1 Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn	11-122
7. Điện khí hoá Nông	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	AP7.1 Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng Tái tạo	11-124
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	AP8.1 Lập Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 5 năm	11-126
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	AP8.2 Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc	11-128



Bản đồ Kế hoạch Hành động

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng và Sản lượng Chè tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm Pha I: Thực hiện Đề án Thí điểm, Pha II: Mở rộng các đề án phát triển ra toàn tỉnh		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Sơn La với các khu vực ưu tiên là huyện Mộc Châu, Thuận Châu và Yên Châu. Các nông dân sản xuất chè, cán bộ khuyến nông về kỹ thuật có liên quan, đơn vị chế biến chè, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc (Trung tâm Nghiên cứu Chè Việt Nam), Trung tâm Khuyến nông, vv...

Mục tiêu

Tỉnh Sơn La nằm trên vị trí cao độ lớn với khí hậu thường mát và ẩm nên trồng chè là thích hợp nhất. Chè là một đặc sản địa phương của tỉnh Sơn La nơi có diện tích trồng đạt 4.000ha, chiếm gần 80% sản lượng chè ở Khu vực Tây Bắc. Tại tỉnh có Công ty Chè Mộc Châu, là thành viên của Tổng Công ty Chè Việt Nam, chuyên sản xuất và bán các sản phẩm chè chất lượng cao. Chè Mộc Châu đã xâm nhập vào cả thị trường trong và ngoài nước như một thương hiệu lớn.

Nhằm cải thiện năng suất trồng chè, theo đó ổn định sinh kế cho các hộ sản xuất chè về lâu dài, nhất thiết phải cải thiện các phương pháp canh tác như một biện pháp để tăng cường năng suất đơn vị. Tương tự, dáng ngọn kiểu thân thấp phẳng dẹt hiện nay nên chuyển sang dáng ngọn kiểu thân cao đỉnh vòm.

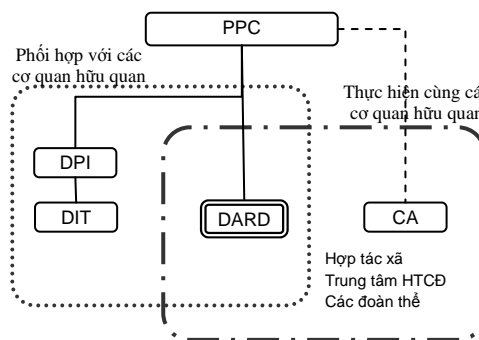
Bởi nhu cầu sử dụng lá chè làm thức uống và thuốc đang tăng lên trên thị trường quốc tế, chè có thể được xem như một cây trồng thương mại hứa hẹn. Về tiềm năng xúc tiến ngành chè ở Khu vực Tây Bắc, đây là ngành có thể phát triển quy mô lớn bởi chè có thể được trồng trên các sườn núi nghiêng từ 20 đến 22 độ. Phát triển công tác trồng chè còn góp phần cải thiện thâm thực vật cho những khu vực đất yếu do tập quán canh tác du mục diễn ra trong một thời gian dài. Bởi lý do này, phát triển công tác trồng chè là đóng góp quan trọng cho công tác bảo tồn vùng đầu nguồn.

Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La

Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (3 huyện)




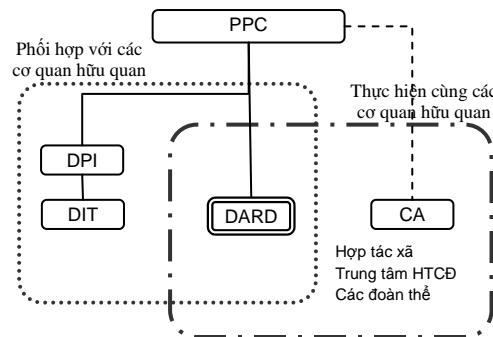
Tổ chức




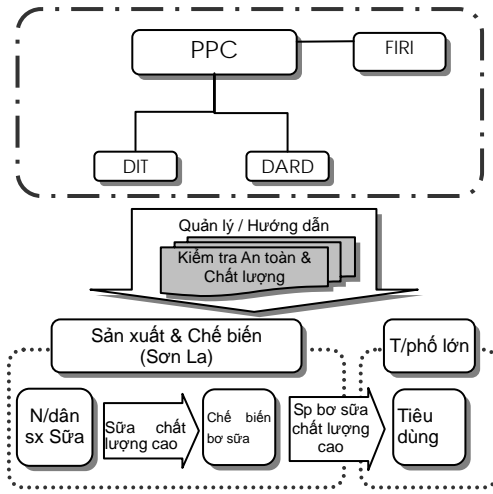
PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
DIT: Sở Công Thương
DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Năng suất ngành chè và thu nhập của hộ sản xuất chè đều được nâng lên.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Chè sản xuất tại tỉnh Sơn La được xây dựng thành một thương hiệu nổi tiếng ở thị trường trong nước, một đặc sản địa phương của Tỉnh. Thiết lập hệ thống cung cấp chè đáp ứng theo nhu cầu ngay cả đối với thị trường quốc tế.</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng chè thích hợp (các hoạt động thí điểm) Cải thiện chất lượng sản phẩm chè trên toàn Tỉnh Gia tăng sản lượng chè trên toàn Tỉnh
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê</p> <p>1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn)</p> <p>1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của những người sản xuất chè</p> <p>1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi chè trên thị trường trong nước và quốc tế</p> <p>1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục</p> <p>1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và xây dựng sự nhất trí với các nông dân hưởng lợi (người tham gia)</p> <p>2. Triển khai đề án thí điểm trồng chè</p> <p>2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/tập quán canh tác, vv...</p> <p>2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc trồng chè (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...)</p> <p>2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế</p> <p>2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến)</p> <p>2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu chè Tây Bắc (Chè Sơn La)</p> <p>2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động</p> <p>3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất chè đợt tươi cho cán bộ khuyến nông, vv...</p> <p>3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện</p> <p>3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn các khuyến nông viên và nông dân trồng chè chủ chốt thông qua việc vận hành và quản lý nông trang trình diễn</p> <p>3-3 Chuyển giao các kỹ thuật cho các kỹ sư chế biến chè</p> <p>4. Khuyến nông kỹ thuật/Nhân rộng đề án chè sang các huyện khác</p> <p>4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí với người hưởng lợi về hoạt động tham gia thực hiện đề án chè</p> <p>4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/tập quán canh tác, vv...</p> <p>4-3 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp/tập quán canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>4-5 Cung cấp tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính</p> <p>4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm chè thương mại</p> <p>4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu</p>	<p>- Báo cáo nghiên cứu cơ sở</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê</p> <p>- Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả</p> <p>- Đề xuất hoạt động thí điểm</p> <p>- Hướng dẫn cho chính quyền địa phương</p> <p>- Cây con các loại giống thích hợp</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn nông dân cà phê</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn về nông cụ</p> <p>- Nông trang trình diễn</p> <p>- Chiến dịch, băng zôn</p> <p>- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng</p> <p>- Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về năng suất cây trồng</p> <p>- Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến</p> <p>- Báo cáo hàng năm</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Cây công nghiệp (Chè) Kỹ thuật chế biến cà phê Máy chế biến Hệ thống thị trường/phân phối Phát triển cơ sở tham gia Giám sát và đánh giá 	<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật Thiết bị chế biến Xe (trọng tải: 2 tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Việc thiết lập trung tâm sản xuất không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vì thế, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không đưa được người nông dân vào tổ chức hay thay đổi cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng. Mặc dù sản xuất chè đợt tươi đã và đang được tiến hành ở tỉnh Sơn La, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án chè thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc. Hiện nay, việc cung ứng cây con cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường chè quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây con vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực hoạt động của các vườn ươm còn thấp. Để khắc phục tình trạng này, các nông dân đang tự sản xuất cây con bằng kỹ thuật hom cây. Những cây con này không được đồng đều và đảm bảo chất lượng. Việc chuẩn bị cây giống con áp dụng các loại giống có chất lượng/ được khuyến cáo và phân phối cây giống đã trở nên bức bách. 	

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Nâng cao Chất lượng Cà phê tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha I: Các hoạt động Thí điểm, Pha II: Mở rộng hoạt động ra toàn tỉnh)		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Sơn La với các khu vực ưu tiên là huyện Quỳnh Nhai và huyện Mai Sơn. Các nông dân sản xuất cà phê, cán bộ khuyến nông về kỹ thuật có liên quan, đơn vị chế biến cà phê, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD,	Cơ quan hữu quan	DIT, Trung tâm Khuyến nông, vv...
<p>Mục tiêu</p> <p>Diện tích trồng cà phê tại tỉnh Sơn La vào khoảng 2.900ha, chiếm 90% sản lượng cà phê Khu vực Tây Bắc. Công suất chế biến của nhà máy cà phê ở Sơn La hàng năm cho sản lượng khoảng 1.000 tấn, cao nhất trong Khu vực. Nhà máy này mua hạt cà phê thô từ các nông dân địa phương trong Tỉnh. MARD đã ban hành chính sách ưu tiên cải thiện chất lượng cà phê. Theo chính sách này, tổng diện tích trồng cà phê của cả nước sẽ được duy trì ở 0,5 triệu ha trong khi giá trị gia tăng của cây cà phê sẽ được nâng lên. Đồng thời dự kiến sản xuất cây cà phê hữu cơ nhằm phát triển thị trường cà phê mới. Chuyển đổi các diện tích trồng cà phê kém hiệu quả sang trồng rừng cao su. Dựa trên sự tìm hiểu thấu đáo về nhu cầu thị trường, kế hoạch hành động này nhằm mở rộng các kênh thị trường cho cà phê sản xuất ở Khu vực Tây Bắc đồng thời chú trọng vào công tác cải thiện chất lượng.</p> <p>Tây Nguyên là khu vực sản xuất cà phê chính ở Việt Nam với sản phẩm cây cà phê vối (robusta). Ở Khu vực Tây Bắc, cây cà phê vối được thay bằng cà phê chè (Arabica) nhằm tạo ra một đặc sản địa phương. Tại một nhà máy chế biến cà phê tỉnh Sơn La, công tác sấy và xát vỏ đang được thực hiện để chế biến cà phê nhân. Hơn nữa, việc phân loại hạt thô (hạt xanh) và phơi nắng được lặp đi lặp lại để độ ẩm giảm xuống (tới 10-12%) nhờ thế chỉ những nhân cà phê xanh chất lượng tốt được phân phối cho các nhà buôn cà phê lớn. Vì thế mà cà phê sản xuất ở Sơn La chưa tạo ra được một thương hiệu riêng, và đây chính là một thách thức trong việc mở rộng các kênh thị trường.</p> <p>Bế tắc lớn nhất của ngành cà phê Sơn La là khối lượng mua cà phê nhân của các nhà máy không ổn định. Sự bất ổn định ấy khiến cho các nông dân cà phê bất an, lo lắng. Theo một nghiên cứu mới đây, khối lượng cà phê nhân được mua bởi nhà máy chỉ phục vụ cho 30% công suất hoạt động đầy đủ của nhà máy. Nguyên nhân là do nhà máy thiếu vốn mua cà phê nhân và chất lượng cà phê xanh trong tỉnh không đáp ứng được yêu cầu của thị trường.</p> <p>Kế hoạch hành động này rà soát lại ngành cà phê ở Khu vực Tây Bắc nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho cây cà phê thông qua việc cải thiện chất lượng và thiết lập một thương hiệu địa phương theo quan điểm mở rộng thị trường trong tương lai.</p>			

<p>Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La</p> <p>Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (2 huyện)</p> 	<p>Tổ chức</p>  <p>Phối hợp với các cơ quan hữu quan</p> <p>Thực hiện cùng các cơ quan hữu quan</p> <p>Hợp tác xã Trung tâm HTCD Các đoàn thể</p> <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>
--	--

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)				
Giá trị gia tăng của cà phê sản xuất ở Sơn La và thu nhập của hộ sản xuất cà phê được nâng lên		1. Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng cà phê thích hợp (các hoạt động thí điểm)				
Mục tiêu của Dự án		2. Thiết lập và trình diễn kỹ thuật chế biến cà phê thích hợp (các hoạt động thí điểm)				
Cà phê sản xuất ở Sơn La tạo lập được một thương hiệu nổi tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế như một sản phẩm đặc sản của tỉnh, đồng thời xây dựng hệ thống cung cấp ứng theo nhu cầu		3. Cải thiện chất lượng cà phê tại Tỉnh				
		4. Gia tăng khối lượng sản lượng cà phê tại Tỉnh.				
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê				1	2	3
1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn)						
1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của những người sản xuất cà phê		- Báo cáo nghiên cứu cơ sở				
1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi cà phê trên thị trường trong nước và quốc tế		- Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê				
1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục		- Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả				
1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và xây dựng sự nhất trí		- Đề xuất hoạt động thí điểm				
2. Triển khai đề án thí điểm sản xuất cà phê nhân						
2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv...		- Hướng dẫn cho chính quyền địa phương				
2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)		- Cây giống các loại giống thích hợp				
2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dung cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)		- Tài liệu hướng dẫn nông dân cà phê				
2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc sản xuất cà phê (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...)		- Sổ tay hướng dẫn về nông cụ				
2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế		- Nông trang trình diễn				
2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến)		- Chiến dịch, băng zôn				
2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu Tây Bắc		- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và năng suất				
2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động						
3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cà phê cho cán bộ khuyến nông, vv...						
3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện		- Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về năng suất cây trồng				
3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn các khuyến nông viên và nông dân chủ chốt thông qua việc vận hành và quản lý nông trang trình diễn		- Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến				
3-3 Chuyển giao các kỹ thuật nghiệp vụ chế biến cà phê thích hợp cho các kỹ sư chế biến						
4. Nhân rộng sang các huyện khác						
4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí về việc triển khai hoạt động		- Báo cáo hàng năm				
4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp canh tác, vv...						
4-3 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)						
4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dung cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)						
4-5 Củng cố tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính						
4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm thương mại						
4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu						
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm				
1-1 Cây công nghiệp (Cà phê)		2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật				
1-2 Kỹ thuật chế biến cà phê		2-2 Thiết bị chế biến				
1-3 Máy chế biến		2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn)				
1-4 Hệ thống thị trường/phân phối		3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...				
1-5 Hợp tác xã nông nghiệp		4. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo				
1-6 Giám sát và đánh giá						
Khuyến nghị						
1. Việc thiết lập trung tâm sản xuất cà phê không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vì thế, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không đưa được người nông dân vào tổ chức hay thay đổi được cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng.						
2. Mặc dù sản xuất cà phê đã và đang được tiến hành ở tỉnh Sơn La, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc.						
3. Hiện nay, việc cung ứng cây cà phê con cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường cà phê quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây con vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực còn thấp của các vườn ươm. Để khắc phục tình trạng này, các nông dân đang tự sản xuất cây con bằng kỹ thuật hom cây. Những cây con này không được đồng đều và đảm bảo chất lượng. Việc chuẩn bị cây giống con áp dụng các giống được khuyến cáo và phân phối cây giống đã trở nên bức bách.						

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Sản xuất và Marketing các Sản phẩm Bơ sữa Chất lượng Cao ở Tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Khu vực tư nhân và các nông dân sản xuất sữa có mục tiêu sản xuất và phân phối các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, DPI, FIRI
<p>Mục tiêu</p> <p>Phát triển kinh doanh nông nghiệp mà hợp phần chính của nó là chế biến nông sản là điều kiện tất yếu cho quá trình công nghiệp hóa Khu vực Tây Bắc đến năm 2020. Chương trình xúc tiến kinh doanh nông nghiệp đề xuất bởi Quy hoạch Tổng thể là chương trình đặt tiền đề cho việc đưa vốn tư nhân và các công ty khu vực tư nhân có động cơ đầu tư vào Khu vực Tây Bắc. Với sáng kiến đổi mới quản lý mạnh mẽ nhằm phát triển Khu vực Tây Bắc song song với việc chế hóa hệ thống pháp luật và thiết lập các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân, hy vọng một mô hình thành công sẽ sớm được xác định.</p> <p>Kế hoạch hành động này nhằm hỗ trợ tăng cường sản xuất và quản lý chất lượng cho các nông dân chăn nuôi bò sữa và các doanh nghiệp chế biến sản phẩm bơ sữa, những người đang có mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm bơ sữa như một đặc sản của tỉnh Sơn La, đồng thời tăng cường sản xuất sữa từ trâu nước - nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho các sản phẩm bơ sữa.</p> <p>Qua khảo sát thực chứng, các nông dân sản xuất sữa sẽ thấy được tầm quan trọng của việc quản lý chất lượng sữa nguyên liệu và sản phẩm sữa nguyên liệu chất lượng cao sẽ được chế biến thành các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao, tạo ra giá trị gia tăng mới. Trong khi tiến hành các hoạt động này, cán bộ của DARD và trung tâm khuyến nông sẽ trích giảng chủ đề hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp cải thiện chất lượng sữa. Trong khi đó, MPI-DPI tiến hành các dịch vụ hành chính cần thiết nhằm bảo đảm môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La		Tổ chức	
		 <p>DIT: Sở Công Thương DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn FIRI: Viện Nghiên cứu Công nghiệp Thực phẩm</p>	


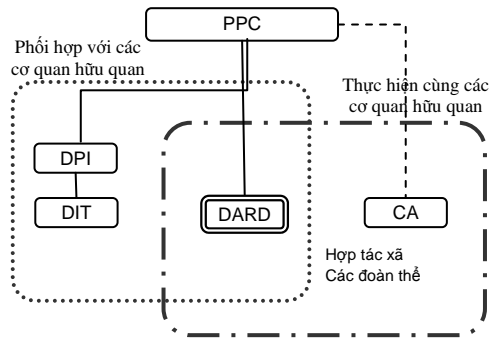
Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể <ol style="list-style-type: none"> Thu nhập của nông dân sẽ được đa dạng hóa, nâng cao và ổn định Đặc sản khác biệt được sản xuất bằng cách tận dụng những nguồn lực riêng có của khu vực Tây Bắc 		Kết quả Dự kiến (Thành quả) <ol style="list-style-type: none"> Với sự ưu đãi của các cơ quan chính quyền đối với người sản xuất sữa và các doanh nghiệp chế biến sản phẩm bơ sữa, họ sẽ hăng hái sản xuất và chế biến sữa. Bởi các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao sẽ được sản xuất nên thu nhập của cả người sản xuất cũng như các doanh nghiệp chế biến sản phẩm bơ sữa sẽ được tăng lên. Vì chất lượng và sự an toàn của sản phẩm sẽ được kiểm tra, giám sát bởi cơ quan chuyên môn, người tiêu dùng có thể an tâm về các sản phẩm bơ sữa an toàn chất lượng cao. Thực hiện nhất quán từ sản xuất sữa đến chế biến bơ sữa theo công nghệ thích hợp, giảm thiểu hao phí sản xuất và chế biến trong toàn quy trình. 							
Mục tiêu của Dự án Các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao sẽ được phát triển và sản xuất bởi các doanh nghiệp chế biến bơ sữa (khu vực tư nhân là chính). Thu nhập của các nông dân sản xuất sữa sẽ được tăng lên.									
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
1. Khảo sát thực chứng sản xuất và buôn bán sản phẩm bơ sữa chất lượng cao <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Khảo sát thị trường sản phẩm bơ sữa chất lượng cao 1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD và nông dân sản xuất sữa. 1-3 Sản xuất sản phẩm sữa nguyên liệu chất lượng cao (Cải thiện hệ thống vắt sữa, vv...) 1-4 Giới thiệu kho chứa sữa nguyên liệu hiện đại thí điểm 1-5 Chế biến và sản xuất các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao 1-6 Phát triển đóng gói 1-7 Xúc tiến bán hàng tại các cửa hiệu bán lẻ ở Hà Nội 1-8 Quảng cáo sản phẩm bơ sữa Sơn La chất lượng cao 		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu khách hàng - Ghi chép hội thảo - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay vận hành - Sản phẩm bơ sữa chất lượng cao - Đóng gói - Ghi chép bán hàng - Sách mỏng quảng cáo 		1	2	3	4	5	6
2. Đẩy mạnh đầu tư các cơ sở chế biến sản phẩm bơ sữa chất lượng cao tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI) <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Biện pháp hoàn thuế 2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp 2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp 2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường) 		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn - Tiêu chuẩn chất lượng 							
3. Cải thiện môi trường sản xuất cho nông dân sản xuất sữa <ol style="list-style-type: none"> 3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ sản xuất cho nông dân sản xuất sữa 3-2 Cung ứng ổn định giống và thiết bị nông nghiệp với giá thấp cho nông dân sản xuất sữa 3-3 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (cánh đồng, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...) 		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn 							
4. Hướng dẫn quản lý sản xuất sản phẩm bơ sữa chất lượng cao <ol style="list-style-type: none"> 4-1 Tăng cường nhận thức về chuỗi giá trị 4-2 Thống nhất chủng loại sản xuất 4-3 Hợp lý hóa công tác chăn nuôi, vắt sữa và cất giữ 4-4 Giám sát chất lượng và kiểm tra sự an toàn của các sản phẩm bơ sữa bởi cơ quan chuyên môn 4-5 Hợp đồng mua bán sữa giữa nông dân sản xuất sữa và nhà chế biến 4-6 Thu gom và tiếp nhận sữa nguyên liệu 		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay hướng dẫn - Sách mỏng quảng cáo 							
5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD <ol style="list-style-type: none"> 5-1 Hướng dẫn về công nghệ phát triển 5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng 5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng 5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể 		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn - Sổ tay hướng dẫn - Báo cáo thẩm định 							
Đầu vào									
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Chuyên gia chế biến bơ sữa 1-2 Chuyên gia chăn nuôi và thú y 1-3 Chuyên gia phân phối sản phẩm bơ sữa 1-4 Chuyên gia hệ thống pháp lý 1-5 Chuyên gia tài chính & thuế 1-6 Chuyên gia hợp tác xã nông nghiệp 1-7 Chuyên gia về sự tham gia của người dân 1-8 Chuyên gia thẩm định/giám sát dự án 		<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Phương tiện cất trữ sữa nguyên liệu 2-2 Xe tải 4 bánh chủ động thu gom bơ sữa (2tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, phụ kiện 							
Khuyến nghị <ol style="list-style-type: none"> Cải thiện hệ thống còn hạn chế về đầu tư và thuế để người nông dân sản xuất sữa và nhà chế biến các sản phẩm bơ sữa mong muốn tham gia thực hiện kế hoạch. Giống bò nuôi sẽ được lựa chọn từ các loại giống truyền thống để người nông dân có thể tiếp tục tiến hành hệ thống sản xuất truyền thống không gặp trở ngại nào. Trong việc sản xuất các sản phẩm bơ sữa chất lượng cao, nên áp dụng phương pháp sản xuất hữu cơ càng nhiều càng tốt và quảng cáo "Sữa An toàn", "Sản phẩm Bơ sữa An toàn" cho khách hàng tại các thành phố lớn. Hệ thống giám sát chất lượng và kiểm tra tính an toàn của các sản phẩm bơ sữa bởi cơ quan chuyên môn sẽ được thiết lập. Công tác quản lý chất lượng chặt chẽ cần được thực hiện để tạo ra những thành phẩm chiếm được lòng tin của khách hàng. Bí quyết sản xuất chế biến và tiêu chuẩn chất lượng cần được nghiên cứu với sự phối hợp của FIRI (Viện Nghiên cứu Công nghiệp Thực phẩm) để giành được sự tín nhiệm của khách hàng. Phía nhà chức trách chính quyền sẽ đóng vai trò như một cơ quan công bằng để người nông dân sản xuất sữa và khu vực tư nhân an tâm tham gia thực hiện kế hoạch này. 									

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây An toàn		
Kế hoạch Hành động	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) ở tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các hộ sản xuất rau ở tỉnh Sơn La		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Cục Trồng trọt (MARD), Trung tâm Khuyến nông, vv...
<p>Mục tiêu</p> <p>Dựa trên nhu cầu về thực phẩm an toàn, năm 2006 MARD bắt đầu triển khai hướng dẫn sản xuất rau an toàn trên 28 tỉnh thành của Việt Nam. Cũng từ đó công tác sản xuất rau an toàn và nông nghiệp hữu cơ được tiến hành. Kết quả là thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng – địa bàn sản xuất rau hàng đầu ở Việt Nam đã trở thành trung tâm sản xuất rau an toàn cho thị trường ngoài nước. Khối lượng xuất khẩu rau từ Đà Lạt đang mỗi năm một tăng lên. Thực tế những sản phẩm rau của Đà Lạt được bán ở thị trường nội địa như tại thành phố Hồ Chí Minh có giá 15% cao hơn thông thường cho thấy giá trị gia tăng của thực phẩm an toàn đang được công nhận ở Việt Nam. Sau khi gia nhập WTO, MARD đã và đang thực thi chính sách nhằm sản xuất cây an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn ASEANGAP (GAP: Thực hành Nông nghiệp Tốt) dành cho 10 nước ASEAN. MARD đang xây dựng tiêu chuẩn VIETGAP cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Theo đó, vấn đề cây an toàn đang ngày càng được chú trọng.</p> <p>Huyện Mộc Châu nằm ở cao độ lớn với khí hậu mát ẩm rất phù hợp cho việc sản xuất rau. Một số nhà đầu tư tư nhân đã tổ chức các nông trường mang tính thương mại, trồng rau, hoa, quả cung cấp cho thị trường Hà Nội. Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập trung tâm sản xuất cây trồng an toàn (đặc biệt là rau) với sự tham gia của các công ty tư nhân. Bởi việc trồng rau an toàn theo phương pháp nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi nhiều công sức quản lý ruộng đồng hơn (chẳng hạn, việc làm cỏ sẽ vất vả hơn nhiều khi không sử dụng thuốc trừ cỏ), những người nông dân cần có hiểu biết thấu đáo về ý nghĩa và tầm quan trọng của rau an toàn mới có thể tiến hành sản xuất bền vững. Chỉ khi những người nông dân nhận thức được nhu cầu thị trường về rau an toàn đang lên và thực sự được hưởng lợi thể giá cả từ sức lao động của mình thì động lực sản xuất của người nông dân mới được duy trì. Với việc sử dụng nông trường rau an toàn trên để hình thành kỹ năng sản xuất và hỗ trợ thiết lập các kênh thị trường, các tổ chức công nên phát triển sản xuất và marketing rau an toàn để rau an toàn có sức hút đối với cả người sản xuất và người tiêu dùng. Hơn thế, cần lưu ý rằng khả năng xúc tiến nông nghiệp hữu cơ bằng cách xử lý chất thải từ công tác nuôi bò, nuôi lợn là rất lớn. Phân tích hóa chất sẽ là một vấn đề quan trọng nhằm chứng minh hàm lượng dư chất hóa học thấp hoặc không có trong rau hữu cơ và phân hữu cơ.</p> <p>Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) tại nông trường rau an toàn để thực hiện nhiệm vụ nêu trên (phát triển sản xuất và marketing rau an toàn). Trung tâm này gồm 3 bộ phận: a) khuyến nông kỹ thuật, b) sản xuất phân hữu cơ và c) phân tích hóa chất. Bộ phận khuyến nông kỹ thuật sẽ xây dựng và phát triển công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Bộ phận sản xuất phân hữu cơ sẽ sản xuất phân hữu cơ tận dụng các phụ phẩm trong kinh doanh nông nghiệp và chăn nuôi để bán. Bộ phận phân tích hóa chất sẽ kiểm tra hàm lượng phân hữu cơ trong một thời gian nhất định. Về hệ thống triển khai hoạt động, DARD Sơn La và Trung tâm Khuyến Nông tỉnh sẽ cùng quản lý đồng thời với sự hỗ trợ của Cục Trồng trọt (MARD) - cơ quan chịu trách nhiệm xúc tiến tiêu chuẩn GAP.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La		Tổ chức	
<p>Khu vực mục tiêu sẽ là ngoài vi Mộc Châu</p>		<pre> graph TD DARD[DARD] --- CVC[Trung tâm Rau Sạch (CVC)] CVC --- ND[Nông dân đăng ký] CVC --- CA[CA] ND --- LM[Liên minh Hợp tác xã] CA --- LM </pre> <p>DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CVC: Trung tâm Rau Sạch CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu tổng thể Khu sản xuất rau an toàn được thiết lập ở Sơn La với sự tham gia của các công ty tư nhân (Sơn La trở nên nổi tiếng về công tác sản xuất rau với sự tham gia của các công ty tư nhân)		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Trung tâm Rau Sạch (CVC) được thiết lập 2. Kỹ thuật canh tác rau an toàn thích hợp được xây dựng và trình diễn 3. Số hộ sản xuất rau sử dụng phân hữu cơ tăng lên					
Mục tiêu của Dự án Kỹ thuật sản xuất rau an toàn được thực hành rộng rãi bởi người nông dân và thu nhập của các hộ sản xuất rau an toàn tăng lên							
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
1. Hình thành kế hoạch thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) và công tác xây dựng							
1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất rau ở ngoại vi huyện Mộc Châu	- Báo cáo nghiên cứu cơ sở	█					
1-2 Thăm quan khu sản xuất rau an toàn ở Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhằm quan sát, trao đổi thông tin	- Báo cáo chuyến thăm Đà Lạt	█					
1-3 Xem xét phạm vi thiết lập CVC và xây dựng sự đồng thuận với PPC	- Biên bản họp, ghi chép thảo luận (văn bản) - Văn bản thiết kế	█					
1-4 Soạn báo cáo lập kế hoạch thiết lập CVC							
1-5 Xây dựng cơ sở CVC và lắp đặt trang thiết bị							
2. Phát triển kỹ thuật trồng rau hữu cơ (năm đầu tiên)							
2-1 Hình thành và triển khai kế hoạch sản xuất	- Kế hoạch sản xuất rau an toàn	█					
2-2 Thiết lập trang trại trình diễn, xây dựng và phân phát tài liệu khuyến nông tiêu chuẩn GAP	- Tài liệu khuyến nông	█					
2-3 Lên danh sách hợp tác xã và các nông hộ muốn sản xuất rau hữu cơ	- Danh sách hộ sản xuất	█					
2-4 Mùa vật tư nông nghiệp theo nhóm (hạt giống, hóa chất)		█					
2-5 Trồng rau hữu cơ ở trang trại trình diễn, tiến hành bởi các nông hộ đã đăng ký (hồ sơ nông nghiệp)	- Ghi chép công tác làm đồng	█	█	█	█	█	█
2-6 Bán sản phẩm theo nhóm (ở CVC)	- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng ã năng suất	█	█	█	█	█	█
3. Xúc tiến sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ							
3-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân trộn/phân bón ở cấp nông hộ		█	█	█	█	█	█
3-2 Hướng dẫn hệ thống VAC	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
3-3 Sản xuất và phân phối dầu dấm, các loại vi sinh vật hữu hiệu	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
3-4 Xúc tiến trồng Neem và cỏ chanh như những biện pháp trừ sâu hữu hiệu	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
3-5 Giới thiệu cây trồng kèm	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
4. Sản xuất thử và phân phối phân hữu cơ bởi CVC							
4-1 Nghiên cứu mua nguyên liệu thô và tiến hành mua		█					
4-2 Sản xuất thử phân hữu cơ	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
4-3 Thử nghiệm dùng phân hữu cơ ở nông trường trình diễn	- Ghi chép công tác	█	█	█	█	█	█
5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến bán hàng							
5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về nhãn hiệu Tây Bắc							
5-2 Giám sát và thẩm định các hoạt động	- Bảng zon, sách mỏng quảng cáo	█	█	█			
Đầu vào							
1. Chuyên gia về 1-1 Trồng trọt 1-2 Phát triển cộng đồng 1-3 Nghiên cứu bệnh cây trồng 1-4 Marketing và phân phối 1-5 Giám sát và đánh giá		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật 2-2 Thiết bị chế biến 2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn) 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Chi phí cho hội thảo, tập huấn, v.v. 5. Máy tính cá nhân, AV và thiết bị tập huấn					
Khuyến nghị							
1. Nhất thiết phải chỉ dẫn cho nông dân cách sản xuất rau an toàn ở nông trường trình diễn bởi họ cần hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp hữu cơ (như thực phẩm an toàn và việc giảm chi phí sản xuất) trước khi có đầy đủ động lực sản xuất rau an toàn. Phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng ở đây là cần thiết.							
2. Trung tâm Trồng trọt Đa năng (MCC) thuộc Khoa Nông nghiệp Đại học Chiang Mai ở Bắc Thái Lan là một mô hình tốt về CVC. JICA đã tiến hành một dự án hỗ trợ kỹ thuật 3 năm kể từ năm 2003 mang tên “Dự án Công nghệ Thích Hợp Giảm Sử dụng Hóa chất Nông nghiệp ở miền Bắc Thái Lan (ATTRACT)” tại Đại học Chiang Mai. Những kinh nghiệm và bài học rút ra từ dự án này sẽ được tận dụng hiệu quả.							
3. Tại CVC, việc quản lý bộ phận sản xuất phân hữu cơ nên được chia sẻ với các công ty tư nhân để tận dụng bí quyết của họ vào vấn đề này.							
4. Tham vấn các cơ quan hữu quan của MARD và nghiên cứu marketing phải được thực hiện thấu đáo bởi việc lựa chọn cây trồng sẽ là yếu tố then chốt. Các cây triển vọng trong thời gian hiện nay là ngô con, măng tây, cải xanh, cà chua tiêu muối, bí, củ cải trắng, họ tây, tỏi, củ cải đỏ, khoai lang, vv...							
5. Không cần dùng thiết bị tưới cỡ lớn. Phương pháp tưới cơ bản sẽ là dùng bình tưới tay. Các hộ nông dân ở xa nguồn nước nên dùng thiết bị bơm đập chân.							

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới		
Kế hoạch Hành động	Phát triển Cơ sở hạ tầng ở Vùng Biên giới Tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Mộc Châu và Huyện Sông Mã Tỉnh Sơn La		
Cơ quan thực hiện	PPC	Cơ quan hữu quan	MIT, MARD
<p>Mục tiêu</p> <p>Tỉnh Sơn La có biên giới chung với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) với hai cửa khẩu. Một là cửa khẩu Pa Háng ở huyện Mộc Châu nơi được nối với quốc lộ số 6 qua quốc lộ 43. Hai là cửa khẩu Chiềng Khương ở huyện Sông Mã, nối với đường quốc lộ số 6 qua quốc lộ 4G. Tổng khối lượng thương mại năm 2006 đạt 1,5 triệu USD, còn rất nhỏ về quy mô.</p> <p>Để nâng cao buôn bán thương mại biên giới, các đặc sản địa phương vùng biên Trung Quốc và Lào cần được phát triển. Các nông sản sẽ được biến thành các đặc sản địa phương theo các chương trình đề xuất trong QH/TT như 1.1 Chương trình Tăng cường Phát triển Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương, 1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh nông nghiệp và 1.3 Chương trình Sản xuất Cây trồng An toàn. Một số trong các đặc sản địa phương này nên được phát triển thành các sản phẩm xuất khẩu thông lĩnh thương mại biên giới với Trung Quốc trong tương lai.</p> <p>Bên cạnh việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu, phát triển ổn định buôn bán thương mại biên giới đòi hỏi phải bảo vệ đời sống của những người sống ở vùng biên giới và xây dựng/phát triển các chương trình cộng đồng bền vững. So với các khu vực khác, các vùng biên giới ở khu vực Tây Bắc có tỷ lệ nghèo cao và môi trường sống kém phát triển. Bởi vậy, cần sắp xếp để việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được tiến hành ở các vùng biên giới trong sự phối kết hợp với chương trình 135 và các dự án giảm nghèo khác. Cải tạo nâng cấp đường và áp dụng phương tiện giao thông công cộng nên được ưu tiên với việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng về cấp nước nông thôn, giáo dục, y tế, truyền thông, v.v. Những cơ hội nhằm tăng nhận thức về phòng chống lây nhiễm và mắc bệnh (HIV-AIDS, sốt rét, bại liệt) và xoá bỏ thuốc phiện cần được gia tăng để bảo đảm cuộc sống lành mạnh của người dân địa phương. Kết hợp với 2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa, gia tăng sản xuất lương thực ở các địa phương sẽ được thúc đẩy. Nếu các động cơ cho việc đầu tư ở vùng biên giới còn thấp, việc xây dựng các nhà máy xay sát, xay bột mỳ, kho dự trữ ngũ cốc và chợ sẽ được xem như một phần dịch vụ công cộng của chính quyền địa phương (mặc dù việc xây dựng này do các công ty tư nhân thực hiện trong điều kiện thông thường). Việc cải thiện cơ sở vật chất biên giới cho mục đích an ninh biên giới, quản lý xuất nhập cảnh, dịch vụ hải quan và dịch vụ giám sát sức khỏe cây trồng, vật nuôi ở Pa Háng và Chiềng Khương cũng rất cần thiết.</p> <p>Buôn bán thương mại ở Vùng Tây Bắc bao gồm không chỉ các hoạt động kinh tế. Nó còn phục vụ cho trao đổi văn hoá của các nhóm dân tộc sống ở cả hai phía biên giới. Các hoạt động chia sẻ các giá trị cần được đưa ra xem xét đối với người dân địa phương, và bảo tồn các nguồn lực của địa phương và đó là cơ sở nền tảng của sự phát triển địa phương. Các vùng du lịch tiềm năng có thể được xem là các nguồn lực phát triển địa phương của Tây Bắc, nằm rải rác ở các vùng biên giới do đó việc thực hiện Chương trình Xúc tiến Buôn bán Thương mại Biên giới sẽ đóng góp cho việc phát triển thành công 3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn. Trong kế hoạch hành động này, cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn được tiến hành nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng cho việc phân phối như đường, giao thông công cộng, truyền thông, kho, trung tâm phân phối, v.v. ở huyện Mộc Châu và huyện Sông Mã. Ngoài ra, các hoạt động trợ giúp cần được tiến hành nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và nông sản chế biến của Vùng Tây Bắc bao gồm quảng cáo/xúc tiến các đặc sản địa phương của Vùng Tây Bắc sang Lào và nghiên cứu thị trường để phát triển các sản phẩm thương mại mới.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La		Tổ chức	
<p>Các huyện mục tiêu của Kế hoạch Hành động</p>		<pre> graph TD PPC[PPC] --> DARD[DARD] PPC --> DPI[DPI] PPC --> DIT[DIT] </pre> <p>DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư DIT: Sở Công Thương DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn</p>	

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)					
<p>Ở các vùng biên giới của Tỉnh Sơn La, tiến độ giảm nghèo và buôn bán thương mại với Lào tăng</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Khối lượng buôn bán thương mại với Lào tăng</p> <p>Tỷ lệ nghèo ở các huyện Mộc Châu và Sông Mã giảm</p>		<p>1. Các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc được nhìn nhận ở các chợ ở Lào</p> <p>2. Cơ sở vật chất và hạ tầng ở biên giới cho việc phân phối ở Pa Háng – Mộc Châu và Chiềng Khương – Sông Mã được nâng cấp cải tạo</p> <p>3. Việc cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn được nâng lên ở Huyện Mộc Châu và Huyện Sông Mã</p>					
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
<p>1. Gia tăng buôn bán thương mại biên giới</p> <p>1-1 Thiết lập trung tâm thông tin/quảng cáo để thúc đẩy buôn bán thương mại biên giới (trưng bày các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và thiết lập các cửa hàng)</p> <p>1-2 Chiến dịch xúc tiến buôn bán thương mại biên giới của chính phủ (Internet/HP (website), báo, TV, sổ sách nhỏ, tạp chí thông tin địa phương)</p> <p>1-3 Chuyên tài thông tin qua biên giới sang Trung Quốc (các chiến dịch cho sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc và bảo tồn môi trường)</p> <p>1-4 Hội trợ/Trung bày sản phẩm để khám phá các sản phẩm đặc sản địa phương (Hệ thống giải thưởng, Quan hệ Quần chúng (PR) với các công ty thương mại, v.v.)</p> <p>1-5 Các sự kiện để trao đổi với Trung Quốc (các sự kiện trao đổi văn hoá, bảo tồn môi trường)</p> <p>2. Cải thiện môi trường sống ở vùng biên giới</p> <p>2-1 Nghiên cứu cơ bản để hiểu điều kiện sống của người dân địa phương (Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS)</p> <p>2-2 Cải tạo các phương tiện giao thông (cải tạo đường có xét tới sự kết nối với cửa khẩu, hoạt động giao thông công cộng)</p> <p>2-3 Tăng điện khí hoá nông thôn (Đội hỏi duy trì an ninh/hoà bình, sử dụng năng lượng có thể thay mới cần được xem xét)</p> <p>2-4 Xây dựng trường học và xúc tiến giáo dục tiểu học và giáo dục người lớn (kết hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo)</p> <p>2-5 Cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất y tế và cải thiện y tế công cộng (kết hợp với Bộ Y tế)</p> <p>2-6 Cải tạo các phương tiện truyền thông (Mở rộng vùng dịch vụ điện thoại di động)</p> <p>2-7 Tiến hành các biện pháp nâng cao an ninh (Xóa bỏ thuốc phiện, ma tuý, cấm người lạ không có giấy tờ và di cư vào biên giới quốc gia)</p> <p>3. Bảo tồn môi trường ở vùng biên giới</p> <p>3-1 Cải tạo các công trình cơ sở ở vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên (tăng cường củng cố trung tâm du lịch)</p> <p>3-2 Tăng cường hệ thống theo dõi giám sát để ngăn chặn làm thiệt hại môi trường (kết hợp với tuần tra/công an biên giới)</p>							
<p>Đầu vào</p> <p>1. Chuyên gia về</p> <p>1-1 Phát triển Khu vực</p> <p>1-2 Cơ sở hạ tầng nông thôn</p> <p>1-3 Thị trường và phân phối</p> <p>1-4 Phát triển cộng đồng</p> <p>1-5 Giám sát và Đánh giá Dự án</p> <p>2. Thiết bị và nguyên vật liệu</p> <p>2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho giáo dục và tập huấn kỹ sư</p> <p>2-2 Thiết bị để quản lý trang trại trình diễn (thiết bị AV, v.v.)</p> <p>2-3 Công cụ nông nghiệp và thiết bị quản lý trang trại trình diễn</p> <p>3. Chi phí cho hội thảo và tập huấn</p> <p>4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...</p>							
<p>Khuyến nghị</p> <p>1. Để hai huyện có cửa khẩu biên giới không chỉ đóng vai trò như những tuyến thương mại (điểm giao cắt), mà còn làm thương mại biên giới ở đây đem lại những tác động tích cực tới nền kinh tế địa phương, cần cải thiện sinh kế cho người dân địa phương song song với việc tạo cơ hội cho họ tham gia vào các hoạt động kinh tế. Việc ổn định sinh kế của người dân đòi hỏi phải nâng cao an ninh lương thực, thực hiện tích cực 2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực Vùng sâu vùng xa sẽ mang lại hiệu quả.</p> <p>2. Xúc tiến phát triển sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường Lào là rất cần thiết. Việc xúc tiến như vậy có thể được tiến hành trong 1.1 Chương trình Tăng cường Phát triển Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương, 1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh nông nghiệp và 1.3 Chương trình Sản xuất Cây trồng An toàn trong vấn đề phát triển về Xúc tiến Nông nghiệp theo Định hướng Thị trường.</p> <p>3. Bởi có nhiều cơ quan khác nhau liên quan tới việc xúc tiến buôn bán thương mại biên giới, một hệ thống thực hiện hiệu quả và nhịp nhàng sẽ được thiết lập nếu 1) chương trình này bắt đầu dưới lãnh đạo của Sở Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 2) mỗi hợp phần chương trình có cơ quan thực hiện riêng để tiến hành các hoạt động.</p>							

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa		
Kế hoạch Hành động	Cải thiện Sản xuất Ngô ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các khu vực ở tỉnh Sơn La nơi chưa tự cung đủ lương thực, địa bàn ưu tiên là 2 huyện Thuận Châu, Mai Sơn. Các nông dân ở vùng sâu vùng xa, khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và các hợp tác xã nông nghiệp, công ty giống.		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, DPI
<p>Mục tiêu</p> <p>Tỉnh Sơn La có diện tích canh tác nhỏ trên bình địa thấp do những khó khăn về mặt địa hình. Diện tích canh tác lúa bình quân đầu người chỉ đạt 0,03ha. Ngược lại, Tỉnh có rất nhiều nơi xa xôi cách trở thuộc các khu vực miền núi nơi giao thông, vật tư nông nghiệp và các dịch vụ khuyến nông khó tiếp cận. Sản lượng lúa gạo trung bình chỉ đạt 3,5 – 4,5 tấn/ha và mức tự cung gạo chỉ đạt 50% tiêu chuẩn quốc gia. Trước đây, việc tự cung tự cấp gạo nhờ vào canh tác lúa nương trên các sườn núi. Tổng diện tích lúa nương là 15,000ha cho tổng sản lượng 17.000 tấn (1,2 tấn/ha).</p> <p>Những khu vực tiềm năng làm đồng lúa ở Sơn La rất hạn chế. Cũng như việc nâng cao năng suất các cánh đồng lúa hiện trạng đối mặt với rất nhiều khó khăn. Bởi thế, đề xuất tiếp tục những nỗ lực đang thực hiện về đa dạng hóa các cây trồng như ngô, cây cho củ và đậu nhằm giảm bớt các rủi ro thất bát mùa màng. Kế hoạch Hành động này tập trung tăng cường sản xuất ngô. Vì sản lượng lúa nương tiềm năng nhìn chung thấp hơn so với ngô, đề xuất từng bước thu hẹp tới mức tối thiểu diện tích lúa nương.</p> <p>Đối với sản xuất cây lương thực, các biện pháp sau đây nên được áp dụng 1) mở rộng các loại giống tiên tiến chất lượng tốt, 2) mở rộng kỹ thuật sử dụng vật tư nông nghiệp hợp lý, 3) tinh giản/hợp lý hóa công tác nông nghiệp, thâm canh hệ thống trồng trọt và 4) phát triển nông cụ thích hợp. Để cải thiện sản lượng ngô cần phải có nhiều giống đăng ký hơn. Hơn nữa, việc củng cố đất ruộng bằng cách tạo ruộng bậc thang và cung cấp thủy lợi thông qua việc khôi phục các hệ thống thủy lợi hiện trạng sẽ đóng góp lớn cho việc sản xuất lương thực ở Sơn La. Về công tác mở rộng kỹ thuật nông nghiệp, các khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và những người thuộc hợp tác xã, đoàn thành niên và các nhóm khác sẽ được hướng dẫn, tập huấn để giúp họ nâng cao năng lực kỹ thuật.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La		Tổ chức	
<p>Các khu vực ưu tiên trong Kế hoạch Hành động (2 Huyện)</p> 		 <p>Phối hợp với các cơ quan hữu quan</p> <p>Thực hiện cùng các cơ quan hữu quan</p> <p>Hợp tác xã Các đoàn thể</p> <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể Thiết lập hệ thống an ninh lương thực bền vững ở tỉnh Sơn La Mục tiêu của Dự án Sản lượng của các cây lương thực chính tăng lên ổn định Chất lượng sản phẩm thặng dư cho mục đích thương mại được cải thiện		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Tăng ổn định sản lượng ngô 2. Xóa sổ các xã thiếu lương thực bằng cách tăng sản xuất các cây lương thực và lúa 3. Thương mại hóa sản phẩm thặng dư thông qua việc cải tiến chất lượng							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
1. Nghiên cứu cơ sở cho các Hoạt động Thí điểm 1-1 Lựa chọn địa bàn bởi DARD 1-2 Nghiên cứu cơ sở các hoạt động hỗ trợ nông nghiệp, khuyến nông 1-3 Rà soát kỹ thuật trồng cây lương thực, xem xét kỹ thuật thích hợp 1-4 Nghiên cứu tổ chức của nông dân, hoạt động của các tổ chức này 1-5 Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm 1-6 Giải trình kế hoạch cho người dân ở các địa bàn lựa chọn và xây dựng sự nhất trí 2. Các hoạt động thí điểm nhằm tự cung đủ lương thực lấy cây ngô làm trung tâm 2-1 Tập huấn, hướng dẫn nhân viên khuyến nông ở tỉnh và các huyện 2-1-1 Lập kế hoạch thực hiện 2-1-2 Tập huấn và hướng dẫn cán bộ khuyến nông 2-1-3 Tăng cường phương tiện đi lại cho cán bộ khuyến nông và lập quỹ hoạt động cho họ 2-1-4 Thiết lập và quản lý ruộng trình diễn 2-2 Cung cố tổ chức của người nông dân (hợp tác xã nông nghiệp) và tăng cường các hoạt động của họ 2-2-1 Phát triển nhân lực về quản lý tổ chức (chương trình tập huấn và hướng dẫn) 2-2-2 Thiết lập hợp tác xã nông nghiệp 2-2-3 Mua nguyên liệu sản xuất và bán sản phẩm thặng dư 2-3 Biện pháp tăng cường sản xuất cây lương thực bao gồm cả ngô và các cây trồng cạn khác 2-3-1 Tạo ruộng bậc thang ngoài lúa (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 15 độ) 2-3-2 Giới thiệu/áp dụng và mở rộng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-3-3 Cải tiến phương pháp canh tác 2-3-4 Tinh giản và thâm canh hệ thống canh tác vùng đất cạn (ứng dụng canh tác hai vụ) 2-3-5 Mở rộng nông cụ canh tác phù hợp và thiết bị canh tác (cuốc cỏ, liềm, máy tuốt, v.v.) 2-4 Biện pháp tăng cường sản xuất lương thực bao gồm ngô và chế biến sau thu hoạch 2-4-1 Tạo ruộng bậc thang (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 7 độ) 2-4-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước) 2-4-3 Cải tiến phương pháp canh tác 2-4-4 Tinh giản hệ thống canh tác và thâm canh công tác nương rẫy (áp dụng hai vụ) 2-4-5 Phát triển nông cụ và thiết bị thích hợp (cuốc làm cỏ, liềm, máy tuốt hạt, ...) 2-4-6 Cải thiện chất lượng sấy và chế biến ngô (quản lý bời hợp tác xã) 3. Mở rộng kỹ thuật tăng cường sản xuất ngô ra các khu vực khác		- Danh sách địa bàn lựa chọn - Báo cáo nghiên cứu cơ sở - Sổ tay phương pháp canh tác thích hợp - Kế hoạch hoạt động thí điểm - Văn bản thỏa thuận thực hiện hoạt động - Văn bản kế hoạch thực hiện - Ghi chép tập huấn - Kế hoạch hoạt động - Sơ đồ tổ chức, văn bản bố trí nhân sự - Sổ tay hoạt động hợp tác xã - Văn bản lập kế hoạch hoạt động của hợp tác xã - Tiêu chí thiết kế cánh đồng bậc thang - Ghi chép việc phân phối hạt giống có chất lượng - Sổ tay thực hành nông nghiệp - Sổ tay về nông cụ - Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng ruộng bậc thang cho cây khác lúa - Sổ tay thực hành trồng ngô - Sổ tay nông nghiệp hữu cơ - Sổ tay về nông cụ - Nghiên cứu chất lượng ngô							
Đầu vào									
1. Chuyên gia về 1-1 Trồng cây nương 1-2 Thủy lợi, canh tác lúa 1-3 Hợp tác xã nông nghiệp 1-4 Phát triển có sự tham gia 1-5 Giám sát và đánh giá		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Thiết bị ruộng trình diễn kỹ thuật 2-2 Thiết bị tập huấn và hướng dẫn nhân viên kỹ thuật 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 4. Chi phí hội thảo, tập huấn, vv... 5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn, thiết bị tập huấn							
Khuyến nghị									
1. Đề xuất mở rộng các thửa ruộng bậc thang để duy trì độ màu mỡ của đất và ngăn chặn xói mòn. Điều này sẽ giúp người nông dân có thể áp dụng các biện pháp thâm canh mạnh hơn bằng cách giữ nước và trồng cây theo hàng.									

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương	
Chương trình	Chương trình xúc tiến lâm sản ngoài gỗ (NTFP)	
Kế hoạch Hành động	Quản lý Tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ cho tỉnh Sơn La	
Thời gian thực hiện	6 năm	
Mục tiêu / Khu vực	Các huyện Mai Sơn , Phù Yên và Sốp Cộp. Cán bộ Sở NN& PTNT (DARD) và huyện liên quan tới NTFP và các hợp tác xã liên quan tới quá trình sản xuất và chế biến lâm sản ngoài gỗ.	
Cơ quan thực hiện	DARD (Chi Cục lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan Trung tâm nghiên cứu NTFP, Liên minh hợp tác xã v.v.

Mục tiêu

Các lâm sản ngoài gỗ chính tại tỉnh Sơn La là tre, nứa, song, mây, cây gia vị. Các cây thuộc họ tre nứa không chỉ được dùng làm thực phẩm mà còn được sử dụng làm nguyên liệu thô cho xây dựng, làm hàng thủ công, làm giấy v.v.. Khối lượng sản xuất của các lâm sản ngoài gỗ được trồng trên đất canh tác và thu hoạch từ rừng tự nhiên khác không đủ xuất ra bên ngoài mà chỉ đủ tiêu dùng trong tỉnh. Mặc dù trước đây, cánh kiến và cây lấy dầu được trồng ở mức cao nhưng khối lượng sản xuất đã suy giảm vì thiếu thị trường. Theo kết quả trồng thử nghiệm các cây gỗ đa tác dụng và các loại thảo dược, các loại cây làm thuốc của Dự án RENFODA do JICA tài trợ tại tỉnh Hòa Bình (dự tính sẽ kết thúc vào cuối tháng 9 năm 2008) thì một số loại cây lâm sản ngoài gỗ mới nên được đưa vào trồng ở vùng Tây Bắc.

Theo hiện trạng sản xuất lâm sản ngoài gỗ ở tỉnh Sơn La và những kết quả trồng thử nghiệm của Dự án RENFODA nêu trên thì những hỗ trợ cho các hoạt động như: 1) Nắm bắt, đánh giá trữ lượng tài nguyên các lâm sản ngoài gỗ, 2) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, 3) Cải tiến các kỹ thuật chế biến, 4) Tìm thị trường tiêu thụ mới và 5) Xây dựng các hợp tác xã sản xuất, sẽ được thực hiện trên đối tượng những cây lâm sản ngoài gỗ dưới đây ở các huyện Mai Sơn, Phù Yên và Sốp Cộp.

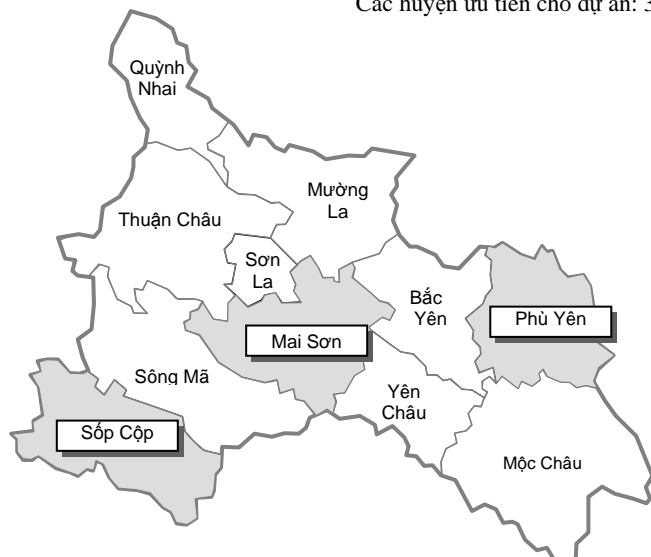
- Cây thuốc (Sa nhân, Thảo quả): Mai Sơn và Phù Yên
- Tre nứa, luồng: Mai Sơn và Phù Yên
- Song, mây: Mai Sơn và Phù Yên
- Cánh kiến: Sốp Cộp
- Cây lấy dầu (Trầu): Sốp Cộp

Đặc biệt, sự tăng lên về khối lượng sản xuất của một số loại lâm sản ngoài gỗ vốn bị suy giảm trước đây ở Sơn La sẽ được nghiên cứu bằng các hình thức như gia tăng giá trị mới vào sản phẩm, khai phá thị trường mới, thành lập các hợp tác xã sản xuất, v.v.

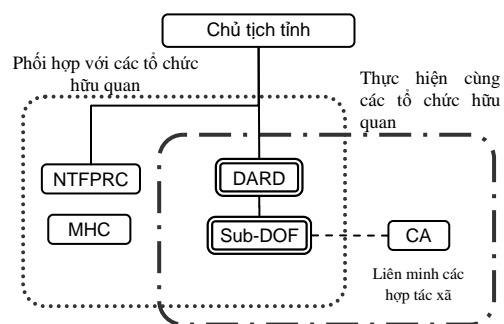
Liên quan tới nội dung 6) Đưa vào trồng các cây lâm sản ngoài gỗ mới, các cây đa tác dụng như sấu, trám (Trám chim, Trám trắng, Trám đen) và cây thuốc (Giỏi, Ba Kích) cũng cần được xem xét.

Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La

Các huyện ưu tiên cho dự án: 3 huyện



Tổ chức



- PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp thuộc DARD
- NTFPRC: Trung tâm Nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ của FSIV
- MHC: Bộ y tế
- CA: Liên minh hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng thu nhập cho người dân. Các sản phẩm tận dụng nguồn tài nguyên nội địa ở vùng Tây Bắc sẽ được tăng lên.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Phát triển các ngành liên quan tới lâm sản ngoài gỗ tại những vùng mục tiêu của dự án Phát triển và sản xuất các loại lâm sản ngoài gỗ mới tại vùng mục tiêu của dự án</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Nắm bắt trữ lượng hiện có và khối lượng sản xuất các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ Sản xuất ổn định sản phẩm lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện Chế biến lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện và thị trường dành cho lâm sản ngoài gỗ sẽ được đa dạng hóa. Các liên minh hợp tác xã về lâm sản ngoài gỗ sẽ được tổ chức. Kiểm thức/kỹ thuật của các cán bộ sẽ được nâng cao nhờ các khóa tập huấn Các cây lâm sản ngoài gỗ mới sẽ được đưa vào trồng
<p>Các hoạt động</p> <p>1. Nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-1 Nắm bắt nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện có 1-1-1 Hỗ trợ cho việc nắm bắt nguồn hiện có và khối lượng sử dụng 1-2 Giám sát việc điều tra, nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-2-1 Giám sát việc nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ</p> <p>2. Xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-1 Sản xuất cây giống 2-1-1 Phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ phù hợp với tỉnh Điện Biên 2-1-2 Xây dựng/ mở rộng vườn ươm cây giống 2-1-3 Sản xuất giống 2-1-4 Khoanh vùng trồng và vùng sản xuất 2-1-5 Trồng cây con 2-2 Sản xuất/ trữ kho nguyên liệu thô của lâm sản ngoài gỗ 2-2-1 Quản lý/ chăm sóc các vùng sản xuất hiện có 2-2-2 Quản lý và chăm sóc các vùng đang trồng 2-2-3 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/ trữ kho tại các vùng sản xuất hiện có 2-2-4 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/ trữ kho tại các vùng sản xuất mới 2-2-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 2-3 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-3-1 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ</p> <p>3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ và tiếp thị 3-1 Cải tiến các kỹ thuật chế biến lâm sản ngoài gỗ 3-1-1 Nắm bắt các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-2 Đòi hỏi các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-3 Phát triển các kỹ thuật chế biến mới 3-1-4 Đòi hỏi/ xây dựng mới các cơ sở chế biến 3-1-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-2 Đa dạng hóa thị trường lâm sản ngoài gỗ 3-2-1 Nắm bắt các thị trường hiện có 3-2-2 Khai phá các thị trường mới 3-2-3 Xây dựng mạng lưới với các công ty nội địa và nước ngoài. 3-2-4 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-3 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới 3-3-1 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới</p> <p>4. Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1 Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1-1 Mở rộng/ tăng tính cần thiết của các hợp tác xã 4-1-2 Thiết lập các tổ chức mới 4-2 Đảm bảo sự chất chẽ của các qui định về lâm sản ngoài gỗ 4-2-1 Nắm bắt các hệ thống pháp lý hiện hành về lâm sản ngoài gỗ 4-2-2 Các kiến nghị đề xuất đối với các hệ thống pháp lý về lâm sản ngoài gỗ 4-3 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ 4-3-1 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ</p> <p>5. Phát triển năng lực của các cán bộ ở tỉnh Điện Biên 5-1 Tập huấn cho các cán bộ làm công tác chuyên giao kỹ thuật 5-1-1 Tập huấn kỹ thuật về nắm bắt trữ lượng/ khối lượng sử dụng 5-1-2 Tập huấn kỹ thuật về sản xuất cây giống 5-1-3 Tập huấn kỹ thuật về quản lý sản xuất nguyên liệu thô 5-1-4 Tập huấn kỹ thuật về chế biến lâm sản ngoài gỗ 5-1-5 Tập huấn kỹ thuật về tiếp thị</p> <p>6. Đưa vào trồng các loài cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-1 Kiểm tra các loài mới, kê cả nghiên cứu tiềm năng thị trường 6-2 Sản xuất giống, chôn và chăm sóc cây con 6-3 Chế biến các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-4 Khai phá thị trường cho các cây lâm sản ngoài gỗ mới</p>	<p>Báo cáo và Tài liệu</p> <p>1 2 3 4 5 6</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Cơ sở dữ liệu/ sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Vườn ươm</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Khu vực trồng / sản xuất</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Các cơ sở chế biến</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Danh sách khách hàng</p> <p>- Mạng lưới</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Văn bản Phân hội</p> <p>- Sổ tay</p> <p>- Các tổ chức mới</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Các đề xuất</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Cơ sở dữ liệu, danh sách khách hàng</p>
<p>Đầu vào</p> <ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Chế biến sản phẩm/Chế biến thực phẩm 1-3 Lâm nghiệp/ lâm sản ngoài gỗ 1-4 Marketing 1-5 Xây dựng các tổ chức Lập kế hoạch đào tạo <ol style="list-style-type: none"> 1-6 Lập kế hoạch đào tạo 1-7 Lâm sản ngoài gỗ cụ thể (ngắn hạn) Nguyên liệu sản xuất <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Nguyên liệu cho trồng cây 2-2 Nguyên liệu cho sản xuất cây giống 2-3 Bảo quản/ chế biến lâm sản ngoài gỗ Các cơ sở, phương tiện (kể cả các cơ sở tạm) <ol style="list-style-type: none"> 3-1 Vườn ươm 3-2 Các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ Các nguyên vật liệu khác <ol style="list-style-type: none"> 4-1 Nghiên cứu trữ lượng lâm sản ngoài gỗ hiện có Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... <ol style="list-style-type: none"> 6. Máy tính cá nhân 	
<p>Khuyến nghị</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc hợp tác với các tổ chức và cán bộ liên quan cần được xem xét để có sự giúp đỡ tổng hợp cho dự án. Việc phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ bản địa và trồng mới các loại lâm sản ngoài gỗ mới nên được tiến hành nhằm đa dạng hóa các loại cây lâm sản ngoài gỗ. Phương pháp có sự tham gia nên được chú trọng để tiến hành dự án khi mà cần có sự đồng lòng cũng như độc lập của các hộ dân là cần thiết cho việc quản lý tài nguyên một cách bền vững. Các hoạt động sản xuất định hướng người sản xuất nên được xúc tiến bằng cách thành lập các hợp tác xã, tăng cường các tổ chức và nguồn nhân lực hiện trạng, tăng cường quan hệ với khách hàng. Sự hỗ trợ đầy đủ, ví dụ như cử chuyên gia về từng loài lâm sản ngoài gỗ, dựa trên đánh giá của chuyên gia, cũng như các phương pháp khác cần được áp dụng cho từng loài lâm sản ngoài gỗ trong canh tác, chăm sóc và chế biến. Nên xem xét sự gắn kết với Quy hoạch toàn quốc về Phát triển và Bảo tồn lâm sản ngoài gỗ (2005-2020) và kết quả của dự án RENFODA. 	

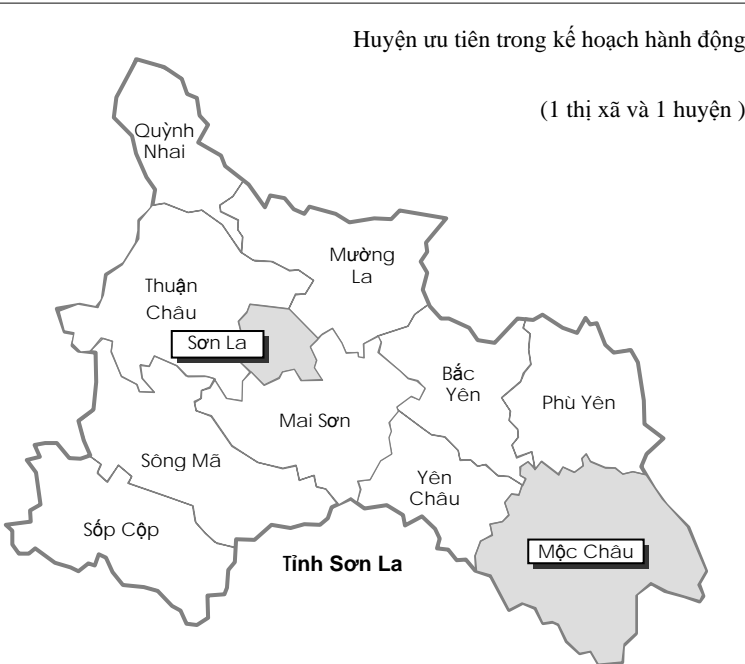
Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ		
Kế hoạch Hành động	Đẩy mạnh các Đặc Sản của tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	6 năm (Giai đoạn 1: Dự án Thí điểm; Giai đoạn 2: Mở rộng ra toàn khu vực)		
Mục tiêu / Khu vực	Các đơn vị kinh doanh/doanh nghiệp và các tổ chức ở địa phương (Các Hợp tác xã, Tổ chức quần chúng) sản xuất các mặt hàng thủ công và chế biến lương thực ở tỉnh Sơn La)		
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công nghiệp & Thương mại	Cơ quan hữu quan	Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Khuyến nông v.v.

Mục tiêu

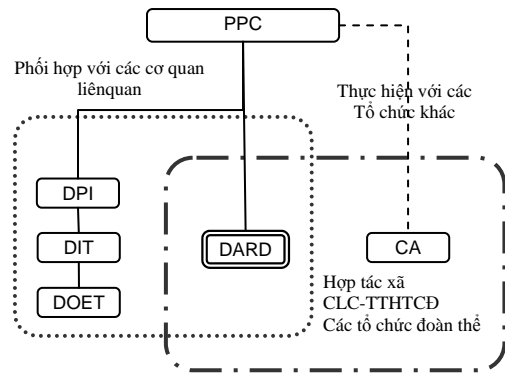
Kế hoạch hành động bao gồm hai giai đoạn 1 và 2 này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm trong đó lấy các đơn vị kinh doanh và các tổ chức hiện tại như các hợp tác xã, và tổ chức quần chúng làm đối tượng mục tiêu. Trọng tâm của Kế hoạch hành động là phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương và các cán bộ kỹ thuật khuyến nông.

Ở tỉnh Sơn La, phát triển các sản phẩm địa phương như rượu, mật ong, chè, các sản phẩm sữa v.v đã được thực hiện ở những vùng đặc biệt của Dự án “mỗi làng một sản phẩm” của Nhà nước. Trong giai đoạn I, các hoạt động như tăng cường cho các đơn vị kinh doanh của địa phương hiện tại ở huyện Mộc Châu và Thị xã Sơn La, hướng dẫn kỹ thuật để tăng tính cạnh tranh và thành lập cụm công nghiệp sẽ được thực hiện. Hỗ trợ cho tiếp thị và các hoạt động khác cũng sẽ được thực hiện. Trong giai đoạn II, việc mở rộng các tổ chức và giới thiệu/áp dụng các sản phẩm mới sẽ được thực hiện dựa trên các hoạt động mô hình của Giai đoạn I.

Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La



Tổ chức



- PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp & PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
- DIT: Sở Công nghiệp & Thương mại
- DOET: Sở Giáo dục & Đào tạo
- CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Đa dạng và tăng nguồn thu nhập bằng tiền của nông hộ</p> <p>Tăng thêm các sản phẩm đặc sản của Vùng Tây Bắc</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Phát triển công nghiệp địa phương trong các vùng của Chương trình</p> <p>Các sản phẩm đặc sản của các vùng chương trình được sản xuất và phát triển</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiến hành TOT (Đào tạo cho các giảng viên) nhằm phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương về hỗ trợ sản xuất, đẩy mạnh thị trường và củng cố các dịch vụ tại địa phương. Sản xuất của các đơn vị kinh doanh và các tổ chức ở địa phương được tăng cường. Các hoạt động được mở rộng bằng việc phát triển các thị trường. Thành lập cụm công nghiệp và các hoạt động mô hình đối với các sản phẩm đặc biệt được thực hiện Dựa trên các hoạt động mô hình, các hoạt động mới được phát triển/thực hiện.
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>[Phát triển năng lực cho các cán bộ 4 tỉnh vùng Tây Bắc]</p> <p>1 Đào tạo hướng dẫn cho các cán bộ kỹ thuật</p> <p>1-1 Phát triển năng lực về lập quy hoạch (hội thảo cho người dân địa phương)</p> <p>1-2 Hỗ trợ để marketing (trực tiếp từ người sản xuất)</p> <p>1-3 Thiết lập mạng lưới địa phương để đẩy mạnh bán hàng</p> <p>[Phát triển các đơn vị kinh doanh/tổ chức sản xuất hàng thủ công nghiệp và chế biến lương thực]</p> <p>2 Tăng cường sản xuất và các phương pháp sản xuất</p> <p>2-1 Cải tiến kỹ thuật để chế biến các sản phẩm trồng trọt, lâm sản ngoài gỗ, lương thực v.v...</p> <p>2-2 Đào tạo kỹ thuật về sản xuất hàng thủ công</p> <p>2-3 Áp dụng máy đóng gói, cải tiến thiết kế bao bì</p> <p>2-4 Tham quan học tập vùng phát triển</p> <p>2-5 Hội chợ/giới thiệu sản phẩm và tập hợp ý kiến dùng thử để cải tiến sản phẩm.</p> <p>3 Tăng cường các hoạt động thúc đẩy marketing và bán hàng. Nâng cao các kỹ năng kinh doanh.</p> <p>3-1 Thu thập các thông tin và phân tích thị trường về lương thực chế biến và hàng thủ công nghiệp</p> <p>3-2 Đào tạo để đẩy mạnh marketing và bán hàng (hướng dẫn dịch vụ khách hàng, kế toán, ngoại ngữ, sử dụng máy tính)</p> <p>3-3 Cải thiện môi trường marketing ở cộng đồng (internet, tham quan học tập v.v...)</p> <p>3-4 Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và tập hợp ý kiến dùng thử thực phẩm để thúc đẩy việc bán hàng</p> <p>4 Thành lập cụm công nghiệp để phát triển sản phẩm bán hàng</p> <p>4-1 Nghiên cứu để thành lập hệ thống nhãn mác sản phẩm</p> <p>4-2 Các đơn vị kinh doanh của nhà nước và tư nhân và các nông hộ hợp đồng để phát triển sản phẩm đặc biệt.</p> <p>4-3 Thành lập hệ thống phân phối và bao gói sản phẩm</p> <p>4-4 Thành lập mạng lưới giữa các doanh nghiệp của các ngành công nghiệp khác nhau ở nước ngoài</p> <p>4-5 Tổ chức cuộc họp để đưa các doanh nghiệp tư nhân vào vùng</p> <p>5 Mở rộng mô hình hoạt động đến các vùng khác</p> <p>5-1 Giới thiệu các mô hình và thăm vùng</p> <p>5-2 Thành lập cụm công nghiệp, phát triển sản xuất và hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>5-3 Đào tạo để đẩy mạnh marketing, bán hàng (hướng dẫn dịch vụ khách hàng, kế toán, ngoại ngữ, sử dụng máy tính)</p> <p>5-4 Cải thiện môi trường marketing ở cộng đồng (internet, tham quan học tập, v.v...)</p> <p>5-5 Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và tập hợp ý kiến dùng thử thực phẩm để thúc đẩy việc bán hàng</p> <p>5-6 Tổ chức cuộc họp để đưa các doanh nghiệp tư nhân vào vùng</p>	<p>- Sổ tay hướng dẫn</p> <p>- File dữ liệu về thị trường</p> <p>- Danh sách các khách hàng</p> <p>- Đào tạo cho nông dân</p> <p>- Mở rộng kỹ thuật truyền thống</p> <p>- Nâng cao kỹ thuật bao gói</p> <p>- Tăng cường việc thúc đẩy</p> <p>- Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và tập hợp thực phẩm</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Sổ tay, tài liệu kỹ thuật</p> <p>- HP, mở rộng PC-máy tính và internet</p> <p>- Product fair/show, gathering for food tasting</p> <p>- Thi thiết kế logo và nhãn mác</p> <p>- Thành lập nơi phát triển ý tưởng</p> <p>- Phát triển bao gói cho các sản phẩm đặc biệt</p> <p>- Mạng lưới</p> <p>- Giới thiệu vốn tư nhân</p> <p>- Hội thảo, Tham quan/quan sát</p> <p>- Các sản phẩm đặc biệt</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy.</p> <p>- HP, mở rộng PC-máy tính và internet</p> <p>- Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và tập hợp thực phẩm</p> <p>- Giới thiệu vốn tư nhân</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Nông nghiệp & chế biến lương thực 1-3 Hàng thủ công 1-4 Canh tác rau 1-5 Lâm nghiệp và NTFP 1-6 Nông sản, chế biến thực phẩm, thủ công, vv... 	<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho sản xuất <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho nghề dệt Thiết bị đóng gói (máy đóng gói chân không, máy in nhãn và ngày sản xuất) Sổ tay và tài liệu giảng dạy Máy tính cá nhân, thiết bị internet Chi phí đào tạo và quan sát.
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Các cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với các sở và các tổ chức liên quan để có sự trợ giúp toàn diện Đối với đa dạng hoá sản phẩm, các cơ quan thực hiện dự án nên cố gắng áp dụng và mở rộng phương pháp sản xuất mới sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương. Thông qua các hoạt động về tăng cường năng lực cho các tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, các cơ quan thực hiện dự án nên khuyến khích các hợp tác xã tiến hành các hoạt động sản xuất theo tư duy kinh doanh. Vì mỗi sản phẩm và mỗi hoạt động yêu cầu các phương pháp hỗ trợ khác nhau nên sự hỗ trợ phù hợp sẽ được quyết định theo ý kiến của chuyên gia Để đưa các doanh nghiệp tư nhân vào vùng, việc tạo ra các cơ hội, triển vọng, tiềm năng cần được thực hiện. 	

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Du lịch Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến Làng Du lịch ở Tỉnh Sơn La		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Cán bộ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST), Người dân thị xã Sơn La, các huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Phù Yên và Mường La.		
Cơ quan thực hiện	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST)	Cơ quan hữu quan	DIT, DPI, DARD, Liên minh Hợp tác xã, v.v.

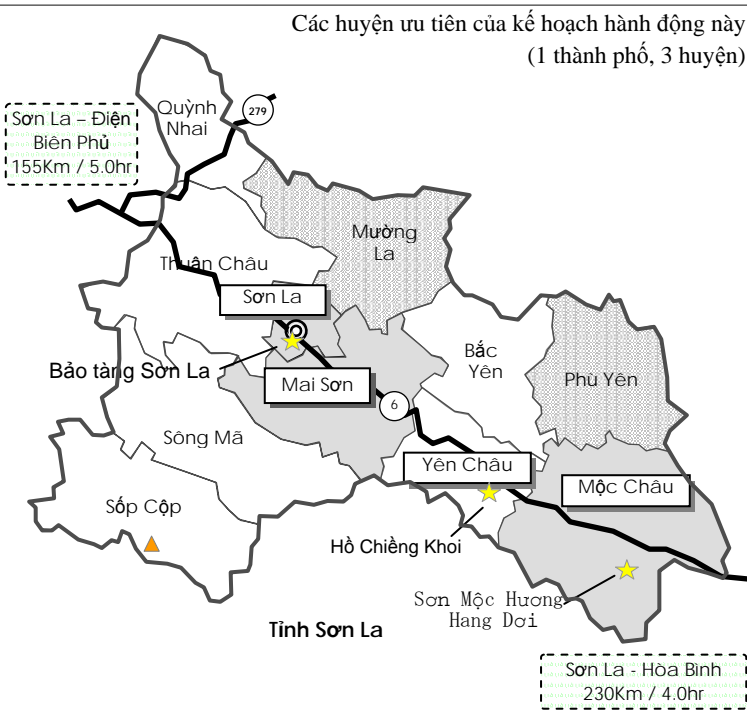
Mục tiêu

Dưới sự cơ cấu lại của Chính phủ Việt Nam, ngành du lịch của Bộ Thương mại và Du lịch được chuyển sang Bộ Văn hoá và Thể thao vào tháng 8 năm 2007. Như vậy là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh là tổ chức có trách nhiệm về phát triển du lịch ở cấp tỉnh. Sở VH TT & DL chưa phát triển đầy đủ về năng lực hành chính và quản lý về du lịch. Kế hoạch hành động này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm về phát triển du lịch tại từng tỉnh trong 4 tỉnh vùng Tây Bắc chú trọng tới tăng cường tổ chức của Sở VH TT & DL. Kế hoạch hành động chú trọng tới việc chuyển giao suôn sẻ những bí quyết và công nghệ của Sở Công Thương, Sở có nhiều kinh nghiệm với nghiên cứu quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia (2004) cho Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch. Đối với các hoạt động PR (Quan hệ Quần chúng) về du lịch, các hoạt động xúc tiến quảng cáo sẽ được tiến hành không chỉ bởi từng tỉnh mà sẽ bởi Vùng Tây Bắc để quảng cáo toàn vùng.

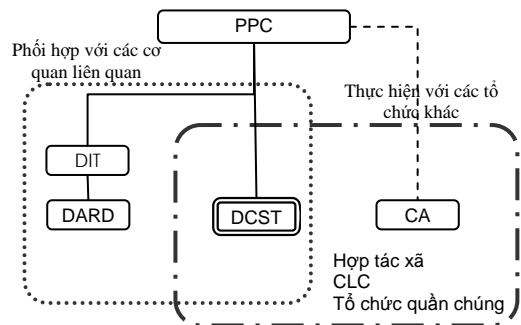
Tỉnh Sơn La nằm cách Hà Nội 315 km về phía tây bắc. Đường giao thông tới Tỉnh Sơn La chưa được phát triển tốt. Từ Hà Nội đến Tỉnh mất 6 tiếng bằng xe ô tô và từ tỉnh đi Sân bay Điện Biên Phủ mất 5 tiếng. Mặc dù Thị xã Sơn La, huyện Mộc Châu, Mai Sơn Phù Yên và Mường La có a) nguồn tài nguyên thiên nhiên như hồ và thác nước (Tiền Phong, Đại Yên, Tham Ta Toong), và hang động (Sơn Mộc Hương), b) các điểm lịch sử và văn hoá như Tháp Cien Vien và Làng Van Ho (Hmong và Dao), nhưng không nhiều khách du lịch tới thăm các điểm này. Để phát triển du lịch c) cải tạo cơ sở hạ tầng và các cơ sở như đường và nơi ăn nghỉ d) phát triển các dịch vụ du lịch ở các vùng lân cận, và e) các hoạt động PR (Quan hệ quần chúng)/quảng bá về du lịch rất cần thiết. Tại Mộc Châu nơi các trang trại chăn nuôi và sản xuất cây ăn quả và chè cần được tiến hành, việc phát triển các sản phẩm đặc sản có thể đóng góp cho phát triển du lịch. Tại các huyện này, việc gia tăng đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng du lịch (khách sạn, suối nước nóng) có thể sẽ rất hiệu quả. Việc đầu tư như vậy được dựa trên dự kiến về sự bùng nổ du lịch sau khi hoàn thành Đập Sơn La.

Phát triển du lịch ở Tỉnh Sơn La đòi hỏi phải có các chiến lược khác nhau đối với khách du lịch nội địa và khách ngoại quốc. Các chuyến du lịch như chuyến du lịch mang tính giáo dục và các chuyến trọn gói, mục tiêu là người dân ở mọi lứa tuổi và rất cần thiết đối với khách du lịch nội địa. Đối với khách du lịch ngoại quốc, những người thích du lịch xanh hơn thì việc cải tạo nâng cấp nhằm bảo đảm việc đi lại an toàn và thuận tiện là nhu cầu cấp bách. Các loại hình du lịch mới như các chuyến du lịch nông nghiệp/nông thôn bao gồm các trang trại du lịch, trang trại chăn nuôi và câu cá ở hồ đập nên được đề xuất. Kế hoạch hành động này kết hợp với Chương trình Xúc tiến Nghề Thủ công Mỹ nghệ và cố gắng để giúp người dân địa phương bước vào công nghiệp du lịch thông qua phát triển bán lẻ và công nghiệp dịch vụ. Kế hoạch này chú trọng vào các dân tộc thiểu số và tiến hành các hoạt động trợ giúp nhằm làm sâu sắc hơn nhận biết và mối quan tâm tới văn hoá truyền thống của họ. Để phát triển trong tương lai, việc gia tăng đầu tư vào khách sạn và nhà hàng thông qua kế hoạch PPP cần được nhắm tới.

Khu vực Dự án: Tỉnh Sơn La



Tổ chức



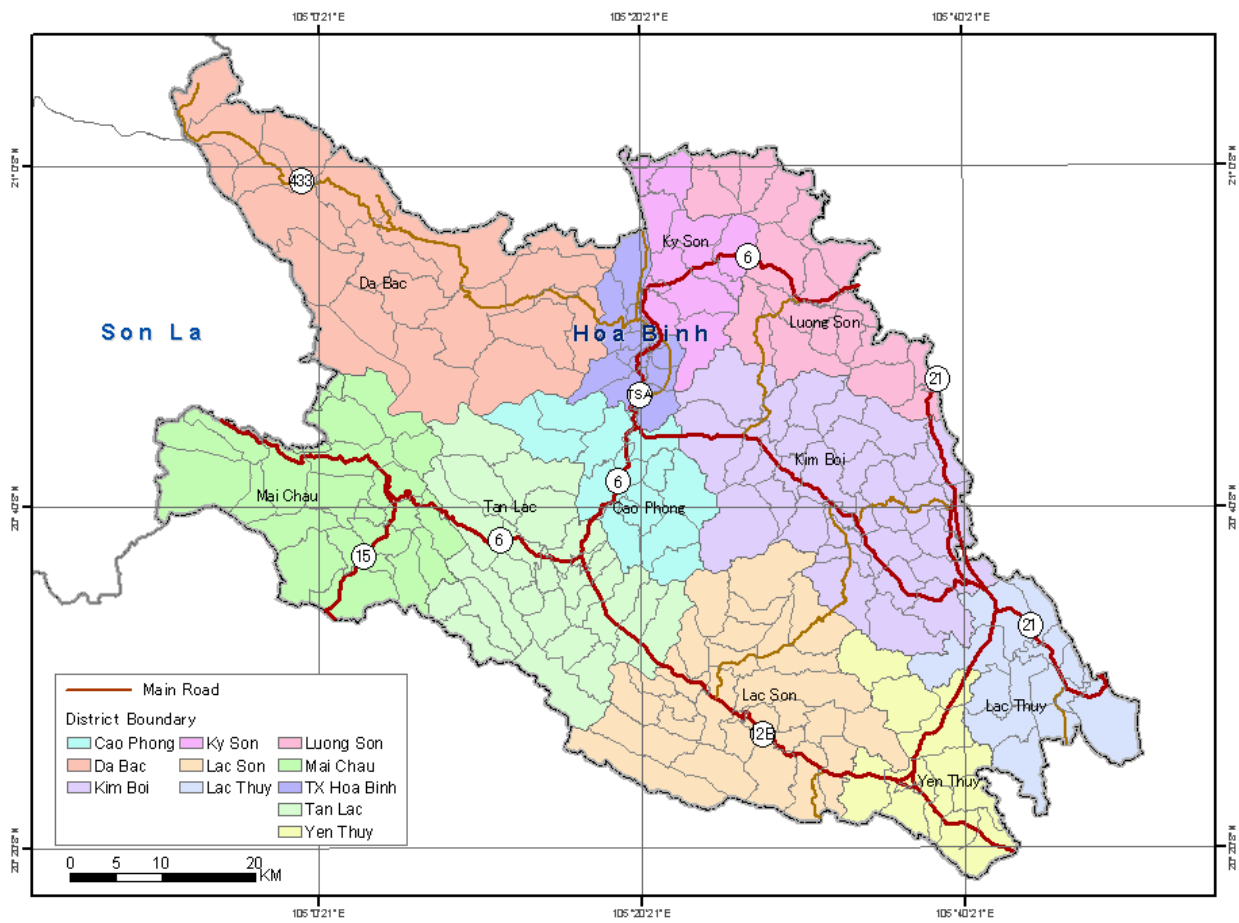
- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
- DCST: Sở VH TT & DL
- DIT: Sở Công Thương
- DARD: Sở NN và PTNT
- CA: Liên minh Hợp tác xã
- CLC: Trung tâm học tập cộng đồng

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)							
Khi du lịch ở Vùng Tây Bắc được kích hoạt, nguồn thu nhập của nông hộ được đa dạng hoá với thu nhập tăng.		1. Năng lực của Sở VH TT&DL về phát triển du lịch được nâng cao 2. Du lịch nông thôn và du lịch xanh được tiến hành (các hoạt động thí điểm) 3. Tiếp thị các khách du lịch mục tiêu được tiến hành 4. Du lịch ở Vùng Tây Bắc được thúc đẩy 5. Kế hoạch PPP nhằm phát triển cơ sở hạ tầng du lịch được nghiên cứu							
Mục tiêu của Dự án									
Du lịch được kích hoạt trong vùng mục tiêu của Chương trình. Lượng khách du lịch trong vùng mục tiêu của Chương trình tăng									
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
				1	2	3	4	5	6
1. Phát triển năng lực của cán bộ Sở VH TT&DL 1-1 Xây dựng hướng dẫn về phát triển du lịch nông thôn 1-2 Thu thập số liệu về phát triển du lịch trong tỉnh 1-3 Phát triển năng lực về du lịch nông thôn thông qua sự tham gia của người dân địa phương 1-4 Tăng cường sự hợp tác với các cơ quan khác (Sở Giao thông, Sở NN&PTNT, Sở Thương mại và Công nghiệp)		- Hướng dẫn cho các tỉnh - Báo cáo nghiên cứu cơ bản - Ghi chép đào tạo tập huấn - Biên bản cuộc họp tham vấn							
2. Phát triển nguồn nhân lực về du lịch nông thôn và du lịch xanh 2-1 Cuộc họp giải thích về du lịch nông thôn, và nghiên cứu nhận biết thông qua hội thảo 2-2 Lựa chọn vùng mục tiêu, và xây dựng sự đồng lòng giữa người dân địa phương liên quan tới việc thực hiện 2-3 Các bài học ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Việt) 2-4 Hướng dẫn về quản lý nhà khách, nhà hàng, v.v.. 2-5 Thiết lập tổ chức để bắt đầu kinh doanh về các món ăn dân tộc, nghệ thuật biểu diễn, v.v. và đào tạo tập huấn 2-6 Đào tạo tập huấn về các hướng dẫn cho du lịch xanh		- Ghi chép hội thảo - Bài học ngôn ngữ - Sổ tay, tài liệu giảng dạy - Sổ tay, tài liệu giảng dạy - Chương trình giảng dạy/tập huấn, sổ tay							
3. Tiếp thị du lịch nông thôn (phản hồi cho các chương trình khác) 3-1 Tạo bảng câu hỏi cho khách du lịch 3-2 Cuộc họp nghiên cứu của các nhà sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và lương thực chế biến 3-3 Thiết lập các hợp thư ý kiến/góp ý (làng du lịch, khách sạn, nhà hàng, sân bay) 3-4 Tổ chức các điểm bán hàng và tập trung để thử nếm lương thực		- Bảng câu hỏi - Ghi chép cuộc họp nghiên cứu - Hợp ý kiến/góp ý - Chiến dịch, áp phích quảng cáo							
4.4. Xúc tiến du lịch 4-1 Thiết lập trung tâm thông tin 4-2 Tạo lập thông tin quảng cáo, các cuốn sách nhỏ và bản đồ du lịch 4-3 Hội chợ triển lãm/trung bày sản phẩm và tập trung để thử nếm lương thực và xúc tiến bán hàng 4-4 Tổ chức các sự kiện dưới chủ đề văn hoá dân tộc 4-5 Thiết lập các bảng thông tin/giải thích		- Trung tâm thông tin - Sách nhỏ - Chiến dịch - Các sự kiện - Bảng thông tin cho du lịch							
5.5. Cải thiện cơ sở hạ tầng cho thúc đẩy du lịch 5-1 Điều tra để vận hành xe buýt nhằm tạo tuyến vòng tròn tới các điểm du lịch 5-2 Các cuộc họp giải thích và nghiên cứu về các kế hoạch PPP kinh doanh/đoanh nghiệp mục tiêu 5-3 Đào tạo tập huấn/ các khoá học về kế hoạch PPP		- Hướng dẫn - Hợp nghiên cứu - Thăm đề quan sát							
Đầu vào									
1. Chuyên gia về 1-1 Du lịch 1-2 Phát triển xã hội 1-3 Kinh tế xã hội. 1-4 Nghề thủ công và chế biến lương thực 1-5 Thị trường và phân phối		2. Trang thiết bị và nguyên liệu cho các hoạt động thí điểm 2-1 Thiết bị cho cải tạo cơ sở hạ tầng 3. Chi phí cho hội thảo và tập huấn 4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...							
Khuyến nghị									
1. Giám sát ý thức của người dân địa phương, sự tự nguyện và sự nhạy cảm của người dân địa phương rất cần thiết đối với phát triển du lịch nông thôn. Xây dựng sự đồng thuận và sự tham gia tích cực của người dân cũng rất cần thiết. Đối với các hoạt động này, cần thực hiện việc thúc đẩy các biện pháp có sự tham gia. 2. Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn dựa vào môi trường tự nhiên và những văn hoá độc đáo của các dân tộc thiểu số cần được thực hiện. Các mối liên kết với ngành nghề cơ bản cần được tăng cường. 3. Phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương là một mấu chốt của sự thành công trong phát triển du lịch nông thôn: sản phẩm lương thực từ sữa (kem, sữa chua), thịt và cá được chế biến (giăm bông, xúc xích, thịt hun khói), đồ uống có cồn (bia, rượu) 4. Phối hợp với các sở ban ngành và các cơ quan liên quan cũng như các tỉnh khác là rất cần thiết để tiến hành hoạt động PR một cách toàn diện của Vùng Tây Bắc. 5. Các kế hoạch PPP cần phải có một hệ thống trong đó các hoạt động mới về nơi nghỉ trọ, trang trại du lịch, trung tâm du lịch, bảng thông tin du lịch, v.v. có thể được đề xuất.									

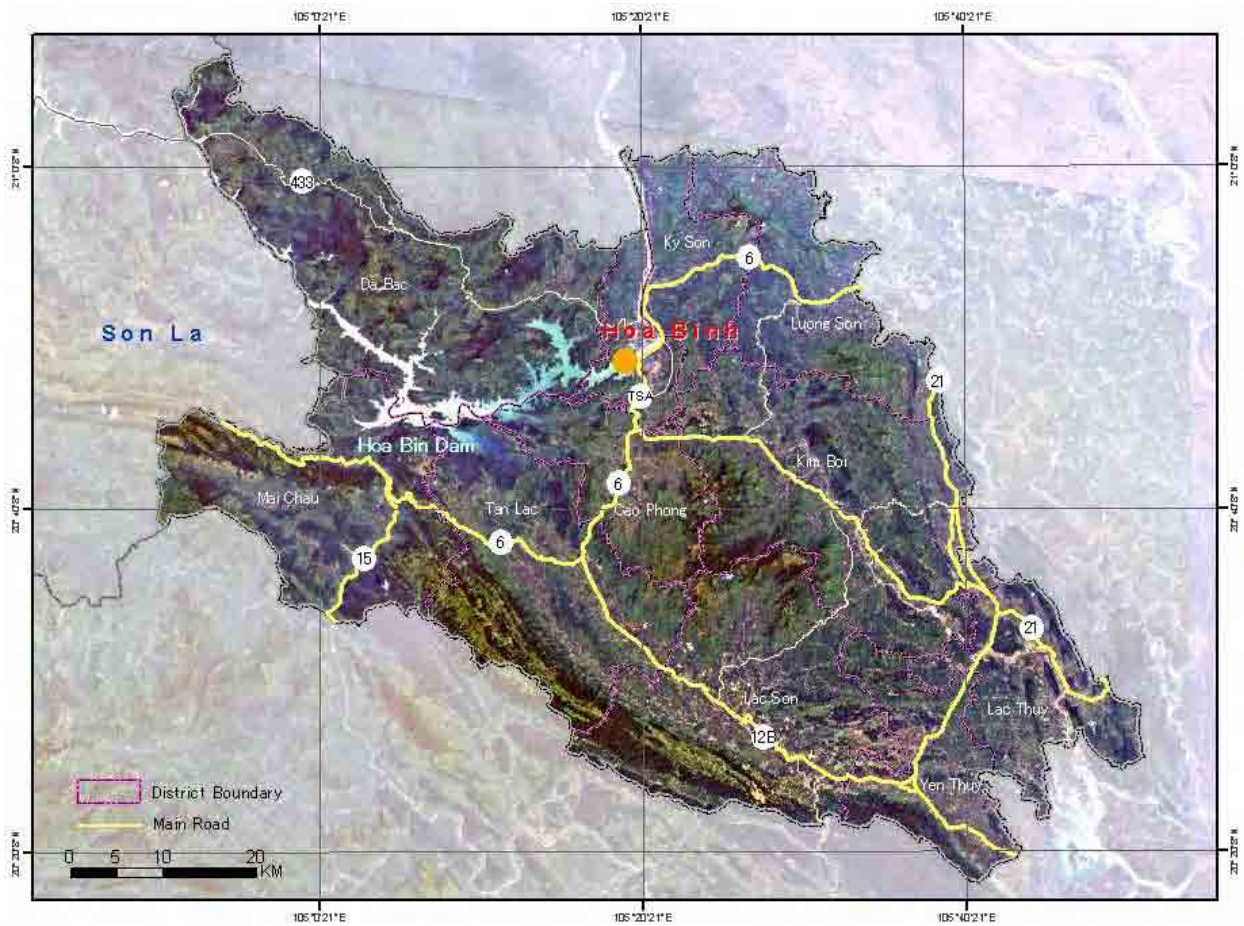
11.6 Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Hòa Bình

Tỉnh Hòa Bình

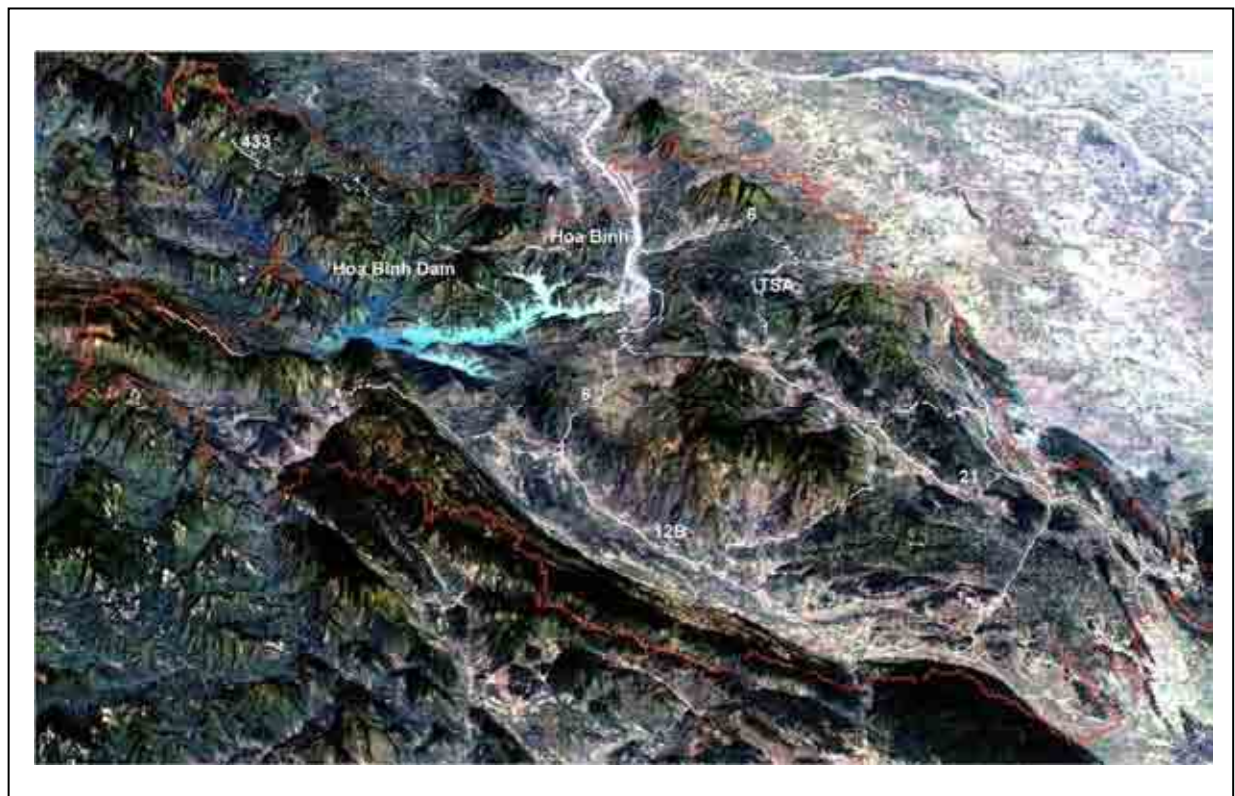
Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể Tỉnh
Các Kế hoạch Hành động(2010-2015)



Ranh giới Hành chính và Mạng lưới Đường Chủ yếu



Toàn Cảnh theo Phân chia Cao độ



Hình ảnh 3D Tỉnh Hòa Bình

Các Kế hoạch Hành động của Tỉnh Hòa Bình

1. Hiện trạng của tỉnh Hòa Bình

Hòa Bình có diện tích 4.684 km² tương đương 12% của toàn Vùng Tây Bắc. Dân số là 830.000 với mật độ dân số rất cao 177 người/km². (Mật độ dân số toàn Vùng là 71 người/km²). Dân tộc thiểu số trong tỉnh bao gồm Mường (63% dân số toàn tỉnh), Kinh (28%), Thái (3%), và Dao (2%). Tám mươi hai phần trăm (82%) lực lượng lao động làm nông nghiệp. GDP theo đầu người năm 2005 là 262 US\$.

Đường từ Hà Nội đi Hòa Bình dài 85 km (Quốc lộ 6). Đi ô tô mất 2 giờ tới Hòa Bình, tỉnh dự kiến sẽ phát triển thành các vùng vệ tinh của vùng kinh tế Hà Nội.

So với ba tỉnh khác trong Vùng thì Hòa Bình có độ cao thấp hơn. Bảy mươi bảy phần trăm (77%) diện tích tỉnh thuộc độ cao từ 101 tới 500m trên mực nước biển. Chỉ có 34% diện tích là đất dốc trên 30 độ, môi trường tự nhiên tại đây rất khác so với các tỉnh khác. Tỉnh có ba sông chính, sông Đà, sông Mã và sông Bôi. Tám mươi chín phần trăm (89%) diện tích tỉnh thuộc lưu vực sông Đà và phần còn lại thuộc lưu vực sông Hồng. Tỷ lệ rừng che phủ là 44 %, cao nhất trong các tỉnh thuộc Vùng. Tỉnh có 66.000 ha rừng nhân tạo (Tổng số diện tích rừng nhân tạo trong Vùng là 124.000 ha).

GDP của tỉnh năm 2005 là 3.389 tỷ VND, tương đương 32% tổng GDP toàn Vùng. Ngành công nghiệp cơ bản chiếm 46% GDP. Phụ thuộc vào nông nghiệp còn rất lớn. Đất canh tác dưới 8 độ chiếm 24% (113.000 ha) của toàn tỉnh. Diện tích canh tác hiện tại là 100.000 ha, chiếm 21% diện tích tỉnh. Như vậy, việc mở rộng đất nông nghiệp bị hạn chế. Trong diện tích canh tác ruộng nương 59.000 ha, ruộng lúa 20.000 ha và vườn 21.000 ha, tỷ lệ lần lượt là 59%, 20% và 21%. Tỷ lệ ruộng lúa và vườn là lớn.

Tổng lượng thóc và lúa nương của Hòa Bình năm 2005 là 192.000 tấn. Con số này tương đương 153 kg gạo , bằng 91% mức trung bình toàn quốc là 168 kg. Mía là cây trồng chủ yếu của Hòa Bình. Tổng lượng mía là 389.000 tấn bằng 71% tổng lượng mía toàn Vùng (549.000 tấn).

2. Các Kế hoạch Hành động được Đề xuất

Hỗ trợ nông nghiệp có định hướng lợi nhuận trong các vùng ngoại thành Hà Nội

Tại Hà Nội, mối quan tâm của người tiêu dùng về an toàn lương thực đang tăng lên. Tính an toàn của thực phẩm dễ hỏng càng không thể không lưu tâm ngay cả tại các khu vực sản xuất ra chúng. Nền nông nghiệp có định hướng lợi nhuận đang được triển khai tại các vùng ngoại ô Hà Nội. Trong ngành nông nghiệp này, việc canh tác bền vững trong nhà kính/có bảo vệ đang được thực hiện với mục đích sản xuất ra các loại rau sạch có chất lượng cao. Bộ Nông nghiệp PTNT đã bắt đầu những hướng dẫn kỹ thuật về trồng rau sạch để hình thành hệ thống quản lý quá trình rau an toàn thông qua việc áp dụng các Tập quán Nông nghiệp Tốt (GAP).

Dựa trên những bài học thu được từ Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, một kế hoạch hành động đề ra việc áp dụng hợp đồng canh tác rau an toàn tại Hòa Bình có liên quan tới sự tham gia của nông dân và các công ty tư nhân. Kế hoạch này khuyến khích phân bổ trực tiếp rau an toàn cho các khách sạn hạng nhất và siêu thị lớn tại Hà Nội. Do sự hình thành các vùng sản xuất, các hợp tác xã sẽ đóng vai trò chủ đạo trong sản xuất ra các loại rau đặc biệt riêng có của tỉnh và tạo ra các kênh tiếp thị riêng. Việc cam

kết của chính quyền là cần thiết đối với kế hoạch hành động này. Kế hoạch hành động cũng đưa ra hướng dẫn của chính quyền về công nghệ nông nghiệp và sản xuất phân bón hữu cơ.

Hỗ trợ kinh doanh nông nghiệp

Hòa Bình có triển vọng lớn về phát triển kinh doanh nông nghiệp, phát huy tối ưu lợi thế của tỉnh là có điều kiện tiếp cận tốt nhất như một phần trong vùng kinh tế Hà Nội. Công nghiệp chế biến nông sản đường và chè đã được hình thành. Trong tương lai, việc tìm ra và áp dụng các cây trồng công nghiệp có thể sử dụng như nguyên liệu thô cho chế biến nhằm là cần thiết để hình thành nên một ngành công nghiệp mới góp phần tích cực cho sự phát triển của địa phương.

Khuyến khích công nghiệp chăn nuôi chắc chắn sẽ làm giàu bữa ăn cho người dân địa phương và góp phần giảm nghèo cho tỉnh Hòa Bình. Dựa trên kinh nghiệm của Hà Tây, một kế hoạch hành động đề ra việc sản xuất các sản phẩm sữa cao cấp có hàm lượng béo cao thông qua sự áp dụng việc cải tạo đàn trâu có khả năng kháng bệnh cao và tạo ra lượng thịt và sữa lớn.

Như một phần của việc khuyến khích kinh doanh nông nghiệp, một kế hoạch hành động đề ra việc sản xuất các vật liệu và thiết bị cho canh tác nhà kính/có bảo vệ và nông nghiệp tại Hòa Bình. Việc mở rộng nông nghiệp nhà kính/có bảo vệ đòi hỏi các ống dẫn nước và lưới chống sâu bọ. Việc cải tạo các công cụ nông nghiệp là cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác nông nghiệp. Việc phát triển và sản xuất các công cụ nông nghiệp dựa trên việc nghiên cứu về nông dân và điều kiện đất chắc chắn sẽ là ngành kinh doanh nông nghiệp có hứa hẹn.

Gia tăng sản xuất lương thực và cải thiện bữa ăn

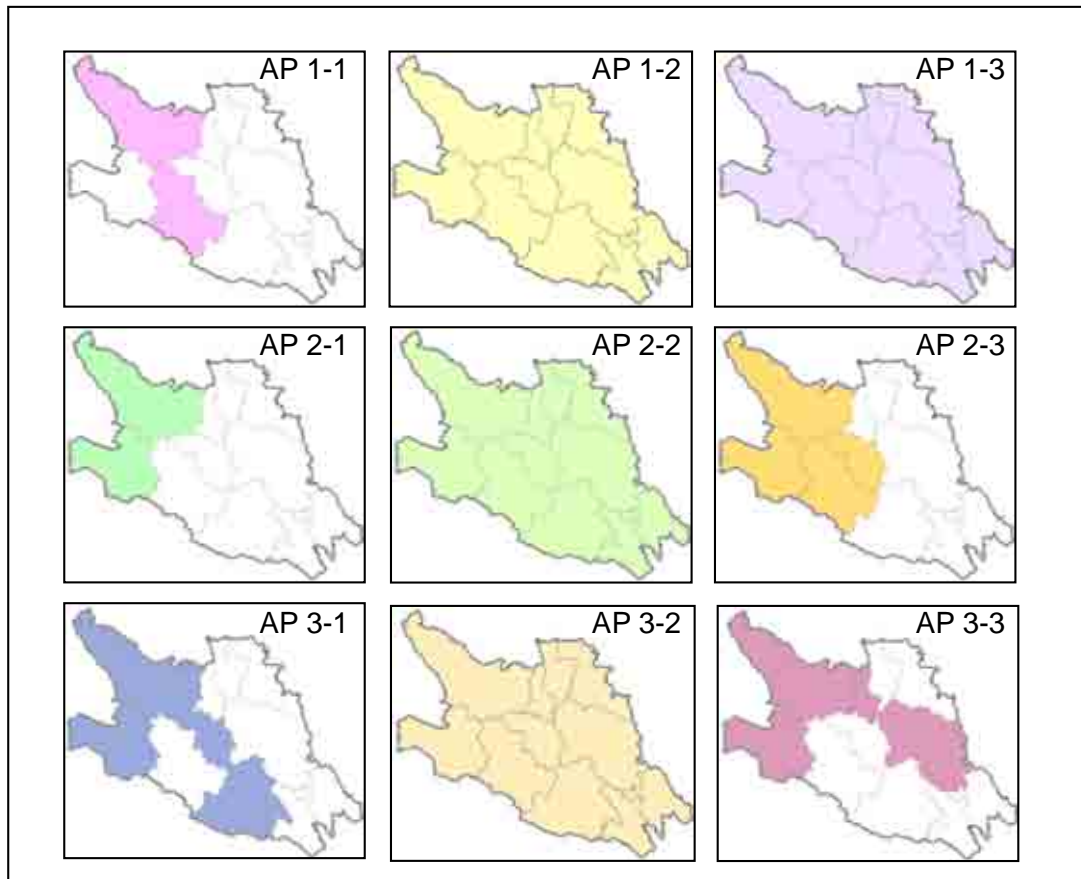
Mặc dù sự thiếu hụt gạo tại Hòa Bình được bù đắp từ các tỉnh/vùng khác, nhưng việc tự túc gạo trong tỉnh đang tiếp tục giảm đi. Gia tăng sản xuất gạo là một vấn đề cơ bản đối với chính sách nông nghiệp của Tỉnh. Để thực hiện điều này, việc gia tăng sản lượng, tỷ lệ canh tác (tăng diện tích và nhân vụ) và cải tạo các phương tiện thủy lợi là cần thiết.

Do yêu cầu phân phối trôi chảy lương thực đòi hỏi sự cải tiến khả năng tiếp cận, như vậy việc cải tiến và vận hành-duy tu (O&M) các đường nông thôn là cần thiết. Việc phát triển nông nghiệp theo chủ đề “sản xuất địa phương phục vụ tiêu dùng địa phương” cũng là rất quan trọng. Một kế hoạch hành động đề ra việc tăng cường sản xuất lương thực tại các khu vực hẻo lánh thông qua kết hợp phát triển thủy lợi quy mô nhỏ và cung cấp giống có chất lượng.

Bảo tồn nguồn thủy sinh

Các điều kiện cơ bản để mở rộng nuôi trồng thủy sản tại Hòa Bình đã được đáp ứng vì họ đã có những trại ương giống. Một kế hoạch hành động đề xuất việc nâng cao nhận thức về các hoạt động nuôi trồng cho ngư dân và phát triển hệ thống pháp luật nhằm bảo tồn nguồn thủy sinh và cải tiến năng lực quản lý hành chính. Cấm đánh bắt cá trái phép và hạn chế bắt cá thông qua việc hình thành vùng không bắt cá và thời gian/mùa vụ quy định là những thách thức lớn. Để thực hiện kế hoạch hành động có kết quả cần có sự phối hợp với tỉnh Sơn La.

Lĩnh vực	Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động	Trang
Quy hoạch Tổng thể Tỉnh Hòa Bình			
1. Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường	1.1 Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp	AP1.1 Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè	11-88
	1.2 Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp	AP1.2 Sản xuất Thiết bị và Công cụ Nông nghiệp	11-90
	1.3 Chương trình Sản xuất Cây An toàn	AP1.3 Thiết lập Trung tâm Rau Sạch	11-92
	1.4 Chương trình Xúc tiến Thương mại Biên giới	AP1.4	
2. Cải thiện An ninh Lương thực	2.1 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	AP2.1 Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa	11-94
	2.2 Chương trình Cải thiện Thú y và Chăn nuôi	AP2.2 Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi	11-110
		AP2.2 Giới thiệu Giống Trâu Nước Cải tiến	11-96
	2.3 Chương trình Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt	AP2.3 Quản lý Nguồn lực Thủy sản ở Hồ Đập Hòa Bình	11-98
3. Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn Thu nhập Địa	3.1 Chương trình Xúc tiến Lâm sản Ngoài gỗ	AP3.1 Xúc tiến các Cây Đa mục đích và Cây thuốc	11-100
	3.2 Chương trình Xúc tiến Thủ công Mỹ nghệ	AP3.2 Chiến dịch Xúc tiến Bán hàng ở các Vị trí Ven đường	11-102
	3.3 Chương trình Du lịch Nông thôn	AP3.3 Xúc tiến Làng Du lịch	11-104
Quy hoạch Tổng thể Khu vực			
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	AP4.1 Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp	11-112
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	AP4.2 Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới	11-114
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	AP4.3 Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối	11-116
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	AP5.1 Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	11-118
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	AP5.2 Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi	11-120
6. Phát triển Đường Nông	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	AP6.1 Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn	11-122
7. Điện khí hoá Nông	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	AP7.1 Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng Tái tạo	11-124
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	AP8.1 Lập Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 5 năm	11-126
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	AP8.2 Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc	11-128



Bản đồ Kế hoạch Hành động

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Sản xuất Cây Công nghiệp Địa phương		
Kế hoạch Hành động	Cải tiến Chất lượng và Năng suất Chè tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm Pha I: Thực hiện Đề án Thí điểm, Pha II: Mở rộng các đề án phát triển ra toàn tỉnh		
Mục tiêu / Khu vực	Địa bàn mục tiêu là toàn tỉnh Hòa Bình với các khu vực ưu tiên là huyện Đà Bắc và huyện Tân Lạc. Các nông dân sản xuất chè, cán bộ khuyến nông về kỹ thuật có liên quan, đơn vị chế biến chè, vv...		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Trung tâm Khuyến nông, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc (Trung tâm Nghiên cứu Chè Việt Nam)

Mục tiêu

Tỉnh Hòa Bình nằm trên vị trí cao độ lớn với khí hậu thường mát và ẩm nên trồng giống chè Shan tuyết là thích hợp nhất. Trước đây, nông trường quốc doanh làm công tác sản xuất kinh doanh chè theo đó chè là một cây hàng hóa, lá chè được chế biến rồi đem bán. Hiện nay, tại Tỉnh có một vài công ty chế biến chè, đa số các công ty này tiến hành sơ chế búp chè rồi bán búp chè đã chế biến cho các công ty lớn hơn ở các khu vực khác hoàn thiện sản phẩm chè. Cần phải có những nỗ lực hơn nữa để nhãn hiệu được chấp nhận rộng rãi hơn như một đặc sản của Vùng.

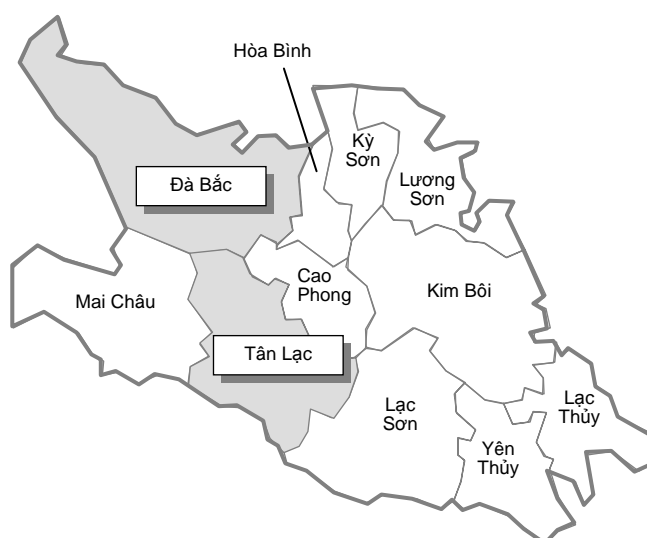
Không kể cánh đồng chè là bộ phận cốt lõi của nông trường và các cơ sở chế biến, đa số các nông trường chè do nhà nước quản lý được chia thành những lô nhỏ và giao cho các hộ sản xuất. Theo đó, công tác trồng và sản xuất chè hiện nay được hợp đồng cho các hộ này. Bởi vậy, việc sản xuất đợt chè bây giờ được thực hiện theo các thửa ruộng quy mô nhỏ (0,1-0,2ha) bởi các nông hộ cá thể. Về kỹ thuật canh tác chè, các phương pháp canh tác truyền thống được áp dụng và với mức độ chín muộn thấp của các cây chè (ít năm), sản lượng chè trung bình chỉ vào khoảng 1,2 tấn/ha. Đến nay, việc cải tiến chất lượng cũng còn chậm chạp.

Nhằm cải thiện năng suất trồng chè, theo đó ổn định sinh kế cho các hộ sản xuất chè về lâu dài, nhất thiết phải cải thiện các phương pháp canh tác như một biện pháp để tăng cường năng suất đơn vị. Tương tự, dáng ngọn kiểu thân thấp cắt phẳng hiện nay nên chuyển sang dáng ngọn kiểu thân cao tán tròn.

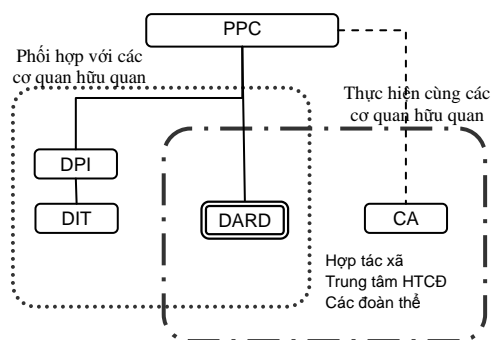
Bởi nhu cầu sử dụng lá chè làm thức uống và thuốc đang tăng lên trên thị trường quốc tế, chè có thể được xem như một cây trồng thương mại hứa hẹn. Về tiềm năng xúc tiến ngành chè ở Vùng Tây Bắc, đây là ngành có thể phát triển quy mô lớn bởi chè có thể được trồng trên các sườn núi dốc từ 20 đến 22 độ. Phát triển công tác trồng chè còn góp phần cải thiện thảm thực vật cho những khu vực đất yếu do tập quán canh tác du mục diễn ra trong một thời gian dài. Bởi lý do này, phát triển công tác trồng chè là đóng góp quan trọng cho công tác bảo tồn vùng đầu nguồn.

Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình

Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (2 huyện)



Tổ chức



- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
DIT: Sở Công Thương
DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Năng suất ngành chè và thu nhập của hộ sản xuất chè đều được nâng lên.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Chè sản xuất tại tỉnh Hòa Bình được xây dựng thành một thương hiệu nổi tiếng ở thị trường trong nước, một đặc sản địa phương của Tỉnh. Thiết lập hệ thống cung cấp chè đáp ứng theo nhu cầu ngay cả đối với thị trường quốc tế.</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết lập và trình diễn kỹ thuật trồng chè thích hợp (các hoạt động thí điểm) Cải thiện chất lượng sản phẩm chè trên toàn Tỉnh Gia tăng sản lượng chè trên toàn Tỉnh
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>Đề án cải thiện năng suất trồng cà phê</p> <p>1. Nghiên cứu cơ sở và quy hoạch các đề án thí điểm (50ha x 2 địa bàn)</p> <p>1-1 Nghiên cứu cơ sở về điều kiện nông nghiệp (kỹ thuật trồng trọt và kinh tế hộ) của những người sản xuất chè</p> <p>1-2 Nghiên cứu việc mua bán, trao đổi chè trên thị trường trong nước và quốc tế</p> <p>1-3 Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu thô, thiết lập chất lượng và giá cả, kỹ thuật sản xuất và các vấn đề cần khắc phục</p> <p>1-4 Lựa chọn các khu vực làm đề án thí điểm, thiết kế đề án và xây dựng sự nhất trí với các nông dân hưởng lợi (người tham gia)</p> <p>2. Triển khai đề án thí điểm trồng chè</p> <p>2-1 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/tập quán canh tác, vv...</p> <p>2-2 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>2-3 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>2-4 Các biện pháp cải thiện và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ thể chế cho việc trồng chè (bao gồm tổ chức của người nông dân, tài chính thể chế, vv...)</p> <p>2-5 Cải tiến các cơ sở sơ chế</p> <p>2-6 Thiết lập trung tâm sản xuất (cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu thô và chế biến)</p> <p>2-7 Chính phủ vận động thiết lập các kênh thị trường và phổ biến thương hiệu chè Tây Bắc (Chè Hòa Bình)</p> <p>2-8 Giám sát và đánh giá các hoạt động</p> <p>3. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất chè búp tươi cho cán bộ khuyến nông, vv...</p> <p>3-1 Chuyển giao kỹ thuật và tập huấn thực tế cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện</p> <p>3-2 Tập huấn thực tế và hướng dẫn các khuyến nông viên và nông dân trồng chè chủ chốt thông qua việc vận hành và quản lý nông trang trình diễn</p> <p>3-3 Chuyển giao các kỹ thuật cho các kỹ sư chế biến chè</p> <p>4. Khuyến nông kỹ thuật/Nhân rộng đề án chè sang các huyện khác</p> <p>4-1 Lựa chọn khu vực mục tiêu và xây dựng sự nhất trí với người hưởng lợi về hoạt động tham gia thực hiện đề án chè</p> <p>4-2 Áp dụng các giống thích hợp, cung ứng cây con chất lượng tốt, hướng dẫn phương pháp/tập quán canh tác, vv...</p> <p>4-3 Thiết lập và quản lý trang trại mẫu (trình diễn các phương pháp/tập quán canh tác thích hợp, tập huấn kỹ thuật, vv...)</p> <p>4-4 Giới thiệu các nông cụ thích hợp (dụng cụ xén/kéo cắt tia, bình phun thuốc trừ sâu, vv...)</p> <p>4-5 Cung cấp tổ chức của người nông dân và thúc đẩy áp dụng các thể chế tài chính</p> <p>4-6 Cải thiện cơ sở sơ chế và thiết lập cơ sở chế biến sản phẩm chè thương mại</p> <p>4-7 Thiết lập trung tâm sản xuất với một thương hiệu</p>	<p>- Báo cáo nghiên cứu cơ sở</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu thị trường cà phê</p> <p>- Số liệu về tiêu chuẩn chất lượng và giá cả</p> <p>- Đề xuất hoạt động thí điểm</p> <p>- Hướng dẫn cho chính quyền địa phương</p> <p>- Cây con các loại giống thích hợp</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn nông dân cà phê</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn về nông cụ</p> <p>- Nông trang trình diễn</p> <p>- Chiến dịch, băng zôn</p> <p>- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng</p> <p>- Ghi chép hoạt động nông trang, số liệu về sản lượng hoa màu</p> <p>- Ghi chép tập huấn, ghi chép công tác của nhà máy chế biến</p> <p>- Báo cáo hàng năm</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Cây công nghiệp (Chè) Kỹ thuật chế biến chè Máy chế biến Hệ thống thị trường/phân phối Phát triển cơ sở tham gia Giám sát và đánh giá 	<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật Thiết bị chế biến Xe (trọng tải: 2 tấn) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và thiết bị đào tạo
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Việc thiết lập trung tâm sản xuất không nên tiến hành theo phương thức “từ trên xuống”. Thay vì thế, nó nên được thực hiện song song với việc người nông dân nắm bắt về nhu cầu của thị trường. Các kết quả kỳ vọng sẽ không thể đạt được nếu không đưa được người nông dân vào tổ chức hay thay đổi được cách nghĩ của họ về việc họ tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền địa phương. Điều này tất yếu đòi hỏi sự áp dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng. Mặc dù sản xuất chè búp tươi đã và đang được tiến hành ở tỉnh Hòa Bình, việc tích lũy các bí quyết từ nghiên cứu cơ sở đến thực nghiệm thực tế hầu như không có. Chính vì vậy, việc triển khai đề án chè thí điểm này sẽ được tiến hành tại các huyện ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc. Hiện nay, việc cung ứng cây chè con cho nông dân được thực hiện như một trong những chức năng của nông trường chè quốc doanh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp cây giống vẫn chưa đáp ứng đủ do năng lực trong những chức năng của các vườn ươm còn thấp. Để khắc phục tình trạng này, các nông dân đang tự sản xuất cây con bằng kỹ thuật hom cây. Những cây con này không được đồng đều và đảm bảo chất lượng. Việc chuẩn bị cây giống con áp dụng các loại giống có chất lượng/ được khuyến cáo và phân phối cây giống đã trở nên cấp thiết. 	

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Xúc tiến Kinh doanh Nông nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Sản xuất Thiết bị và Công cụ Nông nghiệp ở tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các nhà sản xuất nông cụ tư nhân và các hội nông dân ở tỉnh Hòa Bình		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT

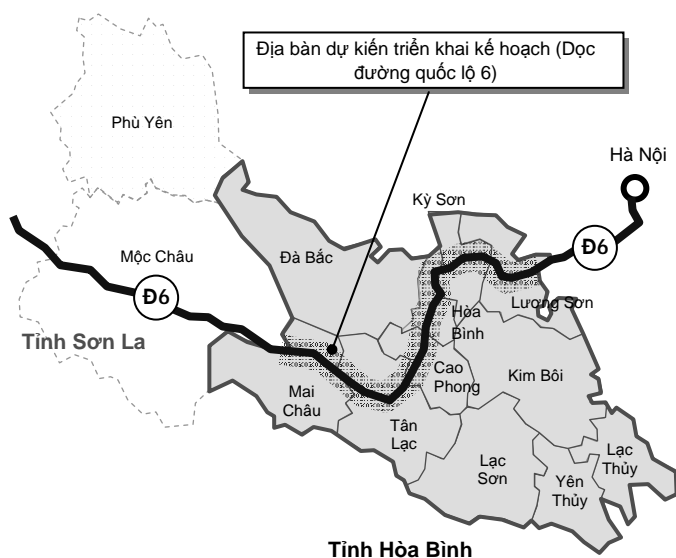
Mục tiêu

Phát triển kinh doanh nông nghiệp mà hợp phần chính của nó là chế biến nông sản là điều kiện tất yếu cho quá trình công nghiệp hóa Vùng Tây Bắc đến năm 2020. Chương trình xúc tiến kinh doanh nông nghiệp đề xuất bởi Quy hoạch Tổng thể là chương trình đặt tiền đề cho việc đưa vốn tư nhân và các công ty khu vực tư nhân có động cơ đầu tư vào Vùng. Với sáng kiến đổi mới quản lý mạnh mẽ nhằm phát triển Vùng song song với việc chế hóa hệ thống pháp luật và thiết lập các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân, hi vọng một mô hình thành công sẽ sớm được xác định.

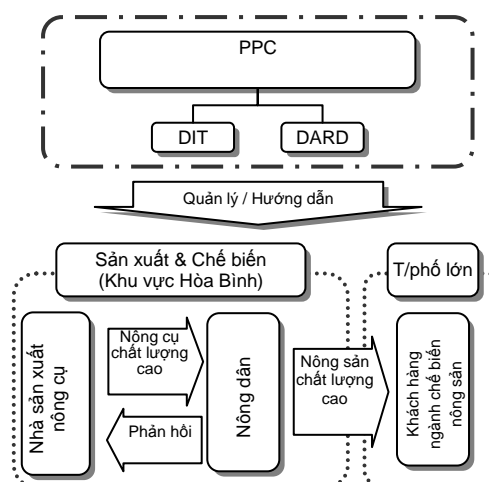
Chủ đề của kế hoạch hành động này là chứng minh thực tế về các dịch vụ quản lý cho các nhà sản xuất nông cụ, những người đang góp phần thúc đẩy kinh doanh nông nghiệp. Tại tỉnh Hòa Bình, chính sách ưu đãi về thuế và tài chính đang được thúc đẩy cho các nhà sản xuất nông cụ, những người tích cực tham gia tăng cường sản xuất và phát triển nông cụ mới, việc mở rộng quy mô và cải tiến công nghệ trong các nhà sản xuất nông cụ tư nhân cũng được xúc tiến. Cùng với đó, các nông cụ được cải tiến linh hoạt theo nhu cầu của người nông dân, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất nông nghiệp, cũng là bảo đảm ổn định nông sản, thúc đẩy kinh doanh nông nghiệp.

Qua khảo sát thực chứng, các nhà sản xuất nông cụ sẽ thấy nông cụ được chế tạo độc đáo tạo ra giá trị gia tăng lớn như thế nào, và các nông dân nhận thức được rằng các nông cụ thực chất có thể cải tiến theo ý họ, và việc sử dụng những nông cụ thiết kế theo ý muốn của họ sẽ cải thiện năng suất như thế nào. Trong khi tiến hành các hoạt động này, cán bộ của DARD và trung tâm khuyến nông sẽ trích giảng chủ đề hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp cải thiện chất lượng nông cụ. Trong khi đó, MPI-DPI tiến hành các dịch vụ hành chính cần thiết nhằm bảo đảm môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân.

Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình



Tổ chức



DIT: Sở Công Thương

DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																											
Mục tiêu tổng thể <ol style="list-style-type: none"> Thu nhập của nông dân sẽ được đa dạng hóa, nâng cao và ổn định Các đặc sản được sản xuất thông qua sử dụng các nguồn tài nguyên của Vùng Mục tiêu của Dự án <ol style="list-style-type: none"> Những nông cụ thiết thực tạo năng suất cao được phát triển và sản xuất qua việc tăng cường hợp tác giữa nhà sản xuất nông cụ và nông dân. Thu nhập của nhà sản xuất nông cụ và các nông dân được tăng lên. 	Kết quả Dự kiến (Thành quả) <ol style="list-style-type: none"> Với sự ưu đãi của các cơ quan chính quyền đối với nhà sản xuất nông cụ tư nhân, họ sẽ hăng hái phát triển và sản xuất. Bồi nông cụ chất lượng cao sẽ được sản xuất nên thu nhập của cả người sản xuất nông cụ và nông dân đều sẽ tăng lên. 																																																																																																																																																																																																										
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2"></th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nông cụ chất lượng cao</td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1 Khảo sát thị trường nông cụ chất lượng cao</td> <td>■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD, nhà sản xuất nông cụ và nông dân</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-3 Phân tích các nông cụ hiện trạng và các điểm cần cải tiến</td> <td>■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-4 Sản xuất công cụ thử nghiệm</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-5 Nông dân dùng thử và gợi ý những điểm cần cải thiện</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-6 Sản xuất công cụ cải tiến chất lượng cao</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-7 Xúc tiến bán hàng tại các cửa hiệu đồ sắt</td> <td></td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-8 Quảng cáo công cụ chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-9 Thảo luận nhằm cải tiến công cụ hơn nữa</td> <td></td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-10 Sửa đổi mẫu mã</td> <td></td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận thợ rèn tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1 Biện pháp hoãn thuế</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Cải thiện môi trường sử dụng nông cụ cho nông dân</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa nông cụ</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Hướng dẫn quản lý nông cụ chất lượng cao</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1 Chuẩn hóa nông cụ. Quản lý bán vẽ thiết kế.</td> <td>■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-2 Quản lý ghi chép sản xuất.</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng</td> <td></td> <td>■■■■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>■■</td> </tr> </tbody> </table>		Năm						1	2	3	4	5	6	1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nông cụ chất lượng cao	■■■■						1-1 Khảo sát thị trường nông cụ chất lượng cao	■■						1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD, nhà sản xuất nông cụ và nông dân		■■■■					1-3 Phân tích các nông cụ hiện trạng và các điểm cần cải tiến	■■						1-4 Sản xuất công cụ thử nghiệm		■■■■					1-5 Nông dân dùng thử và gợi ý những điểm cần cải thiện		■■■■					1-6 Sản xuất công cụ cải tiến chất lượng cao		■■■■					1-7 Xúc tiến bán hàng tại các cửa hiệu đồ sắt			■■■■				1-8 Quảng cáo công cụ chất lượng cao			■■■■				1-9 Thảo luận nhằm cải tiến công cụ hơn nữa			■■■■				1-10 Sửa đổi mẫu mã			■■■■				2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận thợ rèn tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)							2-1 Biện pháp hoãn thuế		■■■■					2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp		■■■■					2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp		■■■■					2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)		■■■■					3. Cải thiện môi trường sử dụng nông cụ cho nông dân							3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa nông cụ		■■■■					3-2 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)		■■■■					4. Hướng dẫn quản lý nông cụ chất lượng cao							4-1 Chuẩn hóa nông cụ. Quản lý bán vẽ thiết kế.	■■						4-2 Quản lý ghi chép sản xuất.		■■■■					5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD							5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt		■■■■					5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng		■■■■					5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng		■■■■					5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể						■■
	Năm																																																																																																																																																																																																										
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																																					
1. Khảo sát thực chứng việc sản xuất và buôn bán nông cụ chất lượng cao	■■■■																																																																																																																																																																																																										
1-1 Khảo sát thị trường nông cụ chất lượng cao	■■																																																																																																																																																																																																										
1-2 Tăng cường nhận thức về công tác cải thiện chất lượng cho cán bộ DARD, nhà sản xuất nông cụ và nông dân		■■■■																																																																																																																																																																																																									
1-3 Phân tích các nông cụ hiện trạng và các điểm cần cải tiến	■■																																																																																																																																																																																																										
1-4 Sản xuất công cụ thử nghiệm		■■■■																																																																																																																																																																																																									
1-5 Nông dân dùng thử và gợi ý những điểm cần cải thiện		■■■■																																																																																																																																																																																																									
1-6 Sản xuất công cụ cải tiến chất lượng cao		■■■■																																																																																																																																																																																																									
1-7 Xúc tiến bán hàng tại các cửa hiệu đồ sắt			■■■■																																																																																																																																																																																																								
1-8 Quảng cáo công cụ chất lượng cao			■■■■																																																																																																																																																																																																								
1-9 Thảo luận nhằm cải tiến công cụ hơn nữa			■■■■																																																																																																																																																																																																								
1-10 Sửa đổi mẫu mã			■■■■																																																																																																																																																																																																								
2. Đẩy mạnh đầu tư bộ phận thợ rèn tư nhân (cần nghiên cứu ở cấp MPI)																																																																																																																																																																																																											
2-1 Biện pháp hoãn thuế		■■■■																																																																																																																																																																																																									
2-2 Xúc tiến áp dụng vay vốn dài hạn, chi phí thấp		■■■■																																																																																																																																																																																																									
2-3 Hỗ trợ thu hồi đất công nghiệp		■■■■																																																																																																																																																																																																									
2-4 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng cơ sở (điện, đường)		■■■■																																																																																																																																																																																																									
3. Cải thiện môi trường sử dụng nông cụ cho nông dân																																																																																																																																																																																																											
3-1 Xúc tiến áp dụng vốn vay lãi suất thấp của quỹ trồng trọt cho nông dân trồng lúa nông cụ		■■■■																																																																																																																																																																																																									
3-2 Xúc tiến bảo dưỡng hạ tầng nông nghiệp (đồng lúa, đường đồng, thiết bị thủy lợi, vv...)		■■■■																																																																																																																																																																																																									
4. Hướng dẫn quản lý nông cụ chất lượng cao																																																																																																																																																																																																											
4-1 Chuẩn hóa nông cụ. Quản lý bán vẽ thiết kế.	■■																																																																																																																																																																																																										
4-2 Quản lý ghi chép sản xuất.		■■■■																																																																																																																																																																																																									
5. Tăng cường năng lực của DPI và DARD																																																																																																																																																																																																											
5-1 Hướng dẫn về công nghệ trồng trọt		■■■■																																																																																																																																																																																																									
5-2 Hướng dẫn về công nghệ sản xuất, chế biến và kiểm tra chất lượng		■■■■																																																																																																																																																																																																									
5-3 Hướng dẫn xây dựng và mở rộng mạng lưới bán hàng		■■■■																																																																																																																																																																																																									
5-4 Thẩm định giám sát dự án tổng thể						■■																																																																																																																																																																																																					
Đầu vào	<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia phát triển/thiết kế công cụ Chuyên gia công nghệ sản xuất/gia công máy Chuyên gia hệ thống pháp lý Chuyên gia tài chính & thuế Chuyên gia về sự tham gia của người dân Chuyên gia thẩm định/giám sát dự án Thiết bị cho các hoạt động thí điểm <ol style="list-style-type: none"> Thiết bị thiết kế máy Phương tiện gia công máy Xe tải hai cầu vận chuyển nguyên vật liệu (2tấn) Chi phí cho hội thảo và tập huấn, v.v... Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... 																																																																																																																																																																																																										
Khuyến nghị	<ol style="list-style-type: none"> Cải thiện hệ thống đầu tư và thuế hiện còn hạn chế để nhà sản xuất nông cụ và người nông dân mong muốn tham gia thực hiện kế hoạch. Nhà sản xuất nỗ lực phát triển và sản xuất công cụ mới trên cơ sở trao đổi ý kiến với nông dân đồng thời vẫn tiếp tục sản xuất các công cụ truyền thống. Người nông dân có thể hợp tác tích cực vào việc phát triển công cụ mới. Tổ chức hội thảo thường kỳ giữa nhà sản xuất công cụ và nông dân nhờ thế những điểm cần cải tiến hay đề nghị về mẫu mã mới được tiếp nhận linh hoạt. Tại trung tâm quốc tế JICA Tsukuba, khóa học tập huấn về “Phát triển Máy Nông cụ cho Nông hộ Quy mô Nhỏ” hiện đang được tiến hành liên tục mỗi năm. Vì thế, để thực hiện hiệu quả kế hoạch này, đề xuất kết hợp chặt chẽ với các chuyên gia, giảng viên đang hoạt động tại trung tâm Tsukuba vừa nêu bên cạnh các chuyên gia được đề nghị trong Kế hoạch Hành động nhằm trao đổi quan điểm và thông tin về việc phát triển/kỹ thuật sản xuất thiết bị và công cụ nông nghiệp. Khi cần, có thể xem xét cử chuyên gia của Tsukuba sang xúc tiến kế hoạch này trong thời gian ngắn hạn. Chính quyền sẽ đóng vai trò như một cơ quan công bằng để người nông dân và bộ phận tư nhân an tâm tham gia thực hiện kế hoạch này. Hiện tại khu vực nằm dọc đường Quốc lộ 6, nơi có khả năng về các nguyên vật liệu gia công, được xem xét làm địa bàn đề xuất cho kế hoạch này. Kế hoạch sẽ được khởi động ở tỉnh Hòa Bình rồi phát triển từng bước sang các khu vực khác của Tây Bắc khi kết quả được công nhận. 																																																																																																																																																																																																										

Lĩnh vực	Xúc tiến Nông nghiệp theo định hướng Thị trường		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây An toàn		
Kế hoạch Hành động	Thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) ở tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các hộ sản xuất rau ở tỉnh Hòa Bình		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	Cục Trồng trọt (MARD), Trung tâm Khuyến nông

Mục tiêu

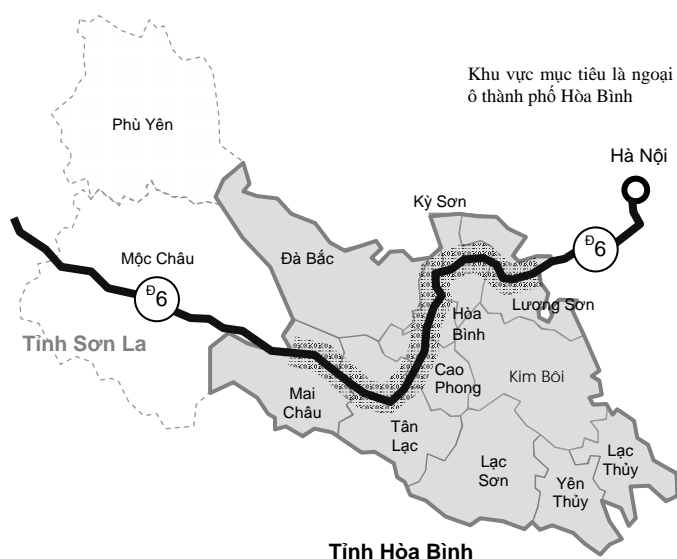
Dựa trên nhu cầu về thực phẩm an toàn, năm 2006 MARD bắt đầu triển khai hướng dẫn sản xuất rau an toàn trên 28 tỉnh thành của Việt Nam. Cũng từ đó công tác sản xuất rau an toàn và nông nghiệp hữu cơ được tiến hành. Kết quả là thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng – địa bàn sản xuất rau hàng đầu ở Việt Nam đã trở thành trung tâm sản xuất rau an toàn cho thị trường ngoài nước. Khối lượng xuất khẩu rau từ Đà Lạt đang mỗi năm một tăng lên. Thực tế những sản phẩm rau của Đà Lạt được bán ở thị trường nội địa như tại thành phố Hồ Chí Minh có giá 15% cao hơn thông thường cho thấy giá trị gia tăng của thực phẩm an toàn đang được công nhận ở Việt Nam. Sau khi gia nhập WTO, MARD đã và đang thực thi chính sách nhằm sản xuất cây an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn ASEANGAP (GAP: Thực hành Nông nghiệp Tốt) dành cho 10 nước ASEAN. MARD đang xây dựng tiêu chuẩn VIETGAP cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Theo đó, vấn đề cây an toàn đang ngày càng được chú trọng.

Các nông dân sản xuất rau ở Hòa Bình trồng rất nhiều loại rau và cung cấp ra thị trường quanh năm như những nhà sản xuất rau ở khu vực nông thôn thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, ngay cạnh Hà Nội. Về vấn đề phân phối, Hòa Bình có lợi thế vị trí địa lý nằm gần Hà Nội, chỉ cách 85km. Những người sản xuất và buôn rau cũng có thể vận chuyển sản phẩm của họ ra cảng Hải Phòng, cảng Cái Lân và biên giới Trung Quốc thông qua các con đường quốc lộ. Theo đó họ sẽ có những kênh phân phối tiềm năng hơn.

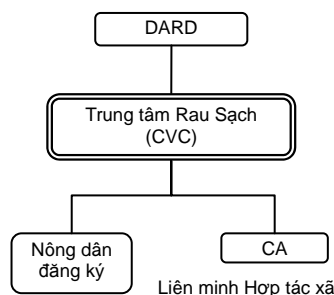
Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập trung tâm sản xuất cây trồng an toàn (đặc biệt là rau) với sự tham gia của các công ty tư nhân. Bởi việc trồng rau an toàn theo phương pháp nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi nhiều công sức quản lý ruộng đồng hơn (chẳng hạn, việc làm cỏ sẽ vất vả hơn nhiều khi không sử dụng thuốc trừ cỏ), những người nông dân cần có hiểu biết thấu đáo về ý nghĩa và tầm quan trọng của rau an toàn mới có thể tiến hành sản xuất bền vững. Chỉ khi những người nông dân nhận thức được nhu cầu thị trường về rau an toàn đang tăng lên và thực sự được hưởng lợi thế giá cả từ sức lao động của mình thì động lực sản xuất của người nông dân mới được duy trì. Với việc sử dụng nông trường rau an toàn trên để hình thành kỹ năng sản xuất và hỗ trợ thiết lập các kênh thị trường, các tổ chức công nên phát triển sản xuất và marketing rau an toàn để rau an toàn có sức hút đối với cả người sản xuất và người tiêu dùng.

Kế hoạch hành động này nhằm thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) tại nông trường rau an toàn để thực hiện nhiệm vụ nêu trên (phát triển sản xuất và marketing rau an toàn). Trung tâm này gồm 3 bộ phận: a) khuyến nông kỹ thuật, b) sản xuất phân hữu cơ và c) phân tích hóa chất. Bộ phận khuyến nông kỹ thuật sẽ xây dựng và phát triển công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Bộ phận sản xuất phân hữu cơ sẽ sản xuất phân hữu cơ tận dụng các phụ phẩm trong kinh doanh nông nghiệp và chăn nuôi để bán. Bộ phận phân tích hóa chất sẽ kiểm tra hàm lượng phân hữu cơ trong một thời gian nhất định. Về hệ thống triển khai hoạt động, DARD Hòa Bình và Trung tâm Khuyến Nông tỉnh sẽ cùng quản lý đồng thời với sự hỗ trợ của Cục Trồng trọt (MARD) - cơ quan chịu trách nhiệm xúc tiến tiêu chuẩn GAP.

Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình



Tổ chức



DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
 CVC: Trung tâm Rau Sạch
 CA: Liên minh Hợp tác xã


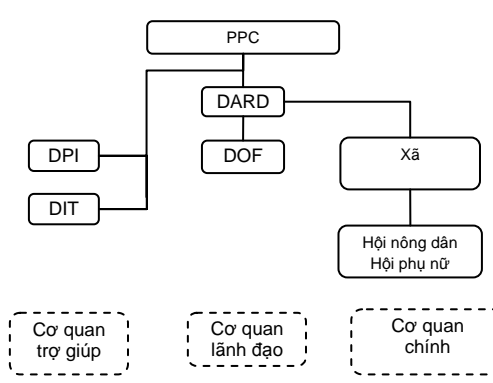
Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)				
Khu sản xuất rau an toàn được thiết lập ở Hòa Bình với sự tham gia của các công ty tư nhân (Hòa Bình trở nên nổi tiếng về công tác sản xuất rau với sự tham gia của các công ty tư nhân)		1. Trung tâm Rau Sạch (CVC) được thiết lập				
Mục tiêu của Dự án		2. Kỹ thuật canh tác rau an toàn thích hợp được xây dựng và trình diễn				
Kỹ thuật sản xuất rau sạch được thực hành rộng rãi bởi người nông dân và thu nhập của các hộ sản xuất rau an toàn tăng lên		3. Số hộ sản xuất rau sử dụng phân hữu cơ tăng lên				
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
				1	2	3
1. Hình thành kế hoạch thiết lập Trung tâm Rau Sạch (CVC) và công tác xây dựng						
1-1 Nghiên cứu cơ sở về các hộ sản xuất rau ở ngoại vi Hòa Bình		- Báo cáo nghiên cứu cơ sở				
1-2 Thẩm quan khu sản xuất rau an toàn ở Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhằm quan sát, trao đổi thông tin		- Báo cáo chuyến thăm Đà Lạt				
1-3 Xem xét phạm vi thiết lập CVC và xây dựng sự đồng thuận với PPC		- Biên bản họp, ghi chép thỏa thuận (văn bản)				
1-4 Soạn báo cáo lập kế hoạch thiết lập CVC		- Tài liệu thiết kế				
1-5 Xây dựng cơ sở CVC và lắp đặt trang thiết bị						
2. Phát triển kỹ thuật trồng rau hữu cơ (năm đầu tiên)						
2-1 Hình thành và triển khai kế hoạch sản xuất		- Kế hoạch sản xuất rau an toàn				
2-2 Thiết lập trang trại trình diễn, xây dựng và phân phát tài liệu khuyến nông tiêu chuẩn GAP		- Tài liệu khuyến nông				
2-3 Lên danh sách hợp tác xã và các nông hộ muốn sản xuất rau hữu cơ		- Danh sách hộ sản xuất				
2-4 Mua vật tư nông nghiệp theo nhóm (hạt giống, hóa chất)		- Ghi chép công tác làm đồng				
2-5 Trồng rau hữu cơ ở trang trại trình diễn, tiến hành bởi các nông hộ đã đăng ký (hồ sơ nông nghiệp)		- Ghi chép nghiên cứu về chất lượng và sản lượng				
2-6 Bán sản phẩm theo nhóm (ở CVC)						
3. Xúc tiến sản xuất và sử dụng phân hữu cơ và thuốc trừ sâu ở cấp nông hộ						
3-1 Hướng dẫn chuẩn bị phân trộn/phân bón ở cấp nông hộ		- Ghi chép công tác				
3-2 Hướng dẫn hệ thống VAC		- Ghi chép công tác				
3-3 Sản xuất và phân phối dầu dấm, các loại vi sinh vật hữu hiệu		- Ghi chép công tác				
3-4 Xúc tiến trồng Neem và cỏ chanh như những biện pháp trừ sâu hữu hiệu		- Ghi chép công tác				
3-5 Giới thiệu cây trồng kèm		- Ghi chép công tác				
4. Sản xuất thử và phân phối phân hữu cơ bởi CVC						
4-1 Nghiên cứu mua nguyên liệu thô và tiến hành mua		- Ghi chép công tác				
4-2 Sản xuất thử phân hữu cơ		- Ghi chép công tác				
4-3 Thử nghiệm áp dụng phân hữu cơ ở nông trường trình diễn		- Ghi chép công tác				
5. Hỗ trợ thiết lập kênh thị trường và xúc tiến bán hàng						
5-1 Thiết lập kênh thị trường, chiến dịch của chính phủ để phổ biến về nhãn hiệu Tây Bắc		- Bảng zon, sách mỏng quảng cáo				
5-2 Giám sát và đánh giá các hoạt động		- Báo cáo giám sát				
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm				
1-1 Trồng trọt		2-1 Thiết bị cho nông trang trình diễn kỹ thuật				
1-2 Phát triển cộng đồng		2-2 Thiết bị chế biến				
1-3 Nghiên cứu bệnh cây trồng		2-3 Xe (trọng tải: 2 tấn)				
1-4 Marketing và phân phối		3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...				
1-5 Giám sát và đánh giá		4. Chi phí cho hội thảo, tập huấn, v.v...				
		5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và tập huấn				
Khuyến nghị						
1. Nhất thiết phải chỉ dẫn cho nông dân cách sản xuất rau an toàn ở trang trại trình diễn bởi họ cần hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp hữu cơ (như thực phẩm an toàn và việc giảm chi phí sản xuất) trước khi có đầy đủ động lực sản xuất rau an toàn. Phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng ở đây là cần thiết.						
2. Trung tâm Trồng trọt Đa năng (MCC) thuộc Khoa Nông nghiệp Đại học Chiang Mai ở Bắc Thái Lan là một mô hình tốt về CVC. JICA đã tiến hành một dự án hỗ trợ kỹ thuật 3 năm kể từ năm 2003 mang tên “Dự án Công nghệ Thích Hợp Giảm Sử dụng Hóa chất Nông nghiệp ở miền Bắc Thái Lan (ATRACT)” tại Đại học Chiang Mai. Những kinh nghiệm và bài học rút ra từ dự án này sẽ được tận dụng hiệu quả.						
3. Tại CVC, việc quản lý bộ phận sản xuất phân hữu cơ nên được chia sẻ với các công ty tư nhân để tận dụng bí quyết của họ vào vấn đề này.						
4. Tham vấn các cơ quan hữu quan của MARD và nghiên cứu marketing phải được thực hiện thấu đáo bởi việc lựa chọn cây trồng sẽ là yếu tố then chốt. Các cây triển vọng trong thời gian hiện nay là ngô con, măng tây, cải xanh, cà chua tiêu muối, bí, củ cải trắng, họ tây, tỏi, củ cải đỏ, khoai lang, vv...						
5. Không cần dùng thiết bị tưới cỡ lớn. Phương pháp tưới cơ bản sẽ là dùng bình tưới tay. Các hộ nông dân ở xa nguồn nước nên dùng thiết bị bơm đập chân.						

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa		
Kế hoạch Hành động	Cải thiện Sản xuất Gạo ở các Khu vực Vùng sâu vùng xa Tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các khu vực ở tỉnh Hòa Bình nơi chưa tự cung đủ gạo, địa bàn ưu tiên là 2 huyện Đà Bắc, Mai Châu		
Cơ quan thực hiện	DARD	Cơ quan hữu quan	DIT, DPI
<p>Mục tiêu</p> <p>Tại tỉnh Hòa Bình sức ép dân số đối với diện tích đất trồng rất cao, diện tích trồng lúa trung bình đầu người của Tỉnh chỉ đạt 0,03ha. Mặc dù diện tích trồng nhỏ như vậy, năng suất lúa gạo bình quân ở Hòa Bình đạt 5 tấn/ha, một con số rất cao, nhờ có mạng lưới đường, vật tư nông nghiệp và khuyến nông kỹ thuật tốt trên toàn Tỉnh. Hòa Bình đạt tiêu chuẩn tự cung tự cấp gạo như loại lương thực chính. (Tỉnh đạt 95% mức bình quân quốc gia về khả năng tự cung gạo). Sản xuất các cây lương thực hàng năm bao gồm gạo, ngô, sắn và khoai lang đã và đang tăng lên. Việc đa dạng hóa cây trồng cũng rất đáng kể. Khả năng cung cấp lương thực của Tỉnh đạt tới 400kg/đầu người. Cán cân lương thực của Tỉnh nhờ thế được bảo đảm và đạt tiêu chuẩn tự cung tự cấp xét tổng thể. Tuy nhiên, những khu vực vùng sâu vùng xa vẫn chịu cảnh thiếu lương thực. Một số huyện và xã có thể không bảo đảm được an ninh lương thực. Tăng cường sản xuất lương thực vì vậy là vô cùng quan trọng cho Tỉnh.</p> <p>Về công tác sản xuất lương thực ở Hòa Bình, tăng cường sản xuất gạo, loại lương thực chủ đạo, nên là mục tiêu chính nhưng đồng thời cũng phải nghiên cứu để cân bằng cung lương thực thông qua việc đa dạng hóa các loại cây trồng và xem xét kỹ thuật trồng ngô, khoai, sắn, đậu đỗ...</p> <p>Để tăng bền vững sản lượng lương thực cần những nỗ lực phát triển cải tiến các phương pháp canh tác hiện nay. Các biện pháp có thể áp dụng ngay là thay đổi các phương pháp canh tác truyền thống bằng cách 1) mở rộng các loại giống tiên tiến chất lượng tốt, 2) mở rộng kỹ thuật sử dụng vật tư nông nghiệp hợp lý, 3) tinh giản/hợp lý hóa công tác nông nghiệp, thâm canh hệ thống trồng trọt và 4) phát triển nông cụ thích hợp. Về công tác mở rộng kỹ thuật nông nghiệp, các khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và những người thuộc hợp tác xã, đoàn thành niên... sẽ được tập huấn để nâng cao năng lực kỹ thuật cho đội ngũ này và thiết lập hệ thống chuyên giao kỹ thuật nhịp nhàng, hiệu quả.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình		Tổ chức	
<p>Các khu vực ưu tiên trong Kế hoạch Hành động (2 Huyện)</p>		<p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DIT: Sở Công Thương DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CA: Liên minh Hợp tác xã</p>	

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)				
Thiết lập hệ thống an ninh lương thực bền vững ở tỉnh Hòa Bình		1. Tăng ổn định sản lượng gạo				
Mục tiêu của Dự án		2. Xóa các xã thiếu lương thực bằng cách tăng sản xuất các cây lương thực khác ngoài gạo				
1. Sản lượng của các cây lương thực chính tăng lên ổn định		3. Thương mại hóa sản phẩm thặng dư thông qua việc cải tiến chất lượng				
2. Chất lượng sản phẩm thặng dư cho mục đích thương mại được cải thiện						
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu	Năm			
1. Nghiên cứu cơ sở cho các Hoạt động Thí điểm			1	2	3	4
1-1 Lựa chọn địa bàn bởi DARD		- Danh sách địa bàn lựa chọn	█			
1-2 Nghiên cứu cơ sở các hoạt động hỗ trợ nông nghiệp, khuyến nông		- Báo cáo nghiên cứu cơ sở	█			
1-3 Rà soát kỹ thuật trồng cây lương thực, xem xét kỹ thuật thích hợp		- Sổ tay phương pháp canh tác thích hợp	█			
1-4 Nghiên cứu tổ chức của nông dân, hoạt động của các tổ chức này		- Kế hoạch hoạt động thí điểm	█			
1-5 Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm		- Văn bản thỏa thuận thực hiện hoạt động	█			
1-6 Giải thích kế hoạch cho người dân ở các địa bàn lựa chọn và xây dựng sự nhất trí						
2. Các hoạt động thí điểm nhằm tự cung đủ lương thực lấy cây lúa làm trung tâm						
2-1 Tập huấn, hướng dẫn nhân viên khuyến nông ở tỉnh và các huyện		- Văn bản kế hoạch thực hiện	█	█		
2-1-1 Lập kế hoạch thực hiện		- Ghi chép tập huấn	█	█		
2-1-2 Tập huấn và hướng dẫn cán bộ khuyến nông		- Văn bản ngân sách	█	█		
2-1-3 Tăng cường phương tiện đi lại cho cán bộ khuyến nông và lập quỹ hoạt động cho họ		- Sơ đồ tổ chức, văn bản bố trí nhân sự	█	█		
2-1-4 Thiết lập và quản lý ruộng trình diễn		- Sổ tay hoạt động hợp tác xã	█	█		
2-2 Cùng cố tổ chức của người nông dân (hợp tác xã nông nghiệp) và tăng cường các hoạt động của họ		- Văn bản lập kế hoạch hoạt động của hợp tác xã	█	█		
2-2-1 Phát triển nhân lực về quản lý tổ chức (chương trình tập huấn và hướng dẫn)		- Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng ruộng lúa bậc thang	█	█		
2-2-2 Thiết lập hợp tác xã nông nghiệp		- Sổ tay thực hành trồng lúa	█	█		
2-2-3 Mua nguyên liệu sản xuất và bán sản phẩm thặng dư		- Sổ tay nông nghiệp hữu cơ	█	█		
2-3 Biện pháp tăng cường sản xuất gạo và chế biến sau thu hoạch		- Sổ tay sử dụng nông cụ	█	█		
2-3-1 Tạo ruộng lúa bậc thang (trên dốc nghiêng nhỏ hơn 7 độ)		- Nghiên cứu chất lượng gạo chế biến	█	█		
2-3-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước)		- Canh tác an toàn và hiệu quả của việc bảo tồn tiềm năng của đất	█	█		
2-3-3 Cải tiến phương pháp canh tác, tính gián và thâm canh hệ thống canh tác		- Phân phối hạt giống lai thể hệ thứ nhất	█	█		
2-3-4 Giới thiệu/áp dụng và phát triển nông nghiệp hữu cơ		- Hợp lý hóa quản lý độ màu của đất và hiệu quả của việc tăng cường sản xuất	█	█		
2-3-5 Phát triển nông cụ thích hợp (thuốc cây lúa, máy quay trừ cỏ, máy tuốt lúa...)		- Cải thiện năng suất đất và đa dạng hóa các loại cây trồng	█	█		
2-3-6 Cải tiến máy sấy thóc và các đơn vị chế biến gạo (quản lý bởi hợp tác xã)		- Hiệu quả của việc cải thiện năng suất lao động	█	█		
2-4 Biện pháp tăng cường sản xuất lương thực bao gồm ngô và các cây nương khác						
2-4-1 Tạo ruộng lúa bậc thang (trên dốc nhỏ hơn 15 độ)						
2-4-2 Giới thiệu/áp dụng các giống tốt (bao gồm tăng cường kỹ thuật cho các công ty giống nhà nước)						
2-4-3 Cải tiến phương pháp canh tác						
2-4-4 Tình gián hệ thống canh tác và thâm canh công tác nương rẫy (áp dụng hai vụ)						
2-4-5 Phát triển nông cụ và thiết bị thích hợp (cuốc làm cỏ, liềm, máy tuốt hạt, ...)						
3. Chuyên giao kỹ thuật tăng cường sản xuất lúa ra các khu vực khác						
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị				
1-1 Công tác thủy lợi, trồng lúa nước		2-1 Thiết bị cho các trang trại trình diễn				
1-2 Trồng cây trồng cạn		2-2 Thiết bị tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật				
1-3 Hợp tác xã nông nghiệp		3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...				
1-4 Phát triển có sự tham gia		4. Chi phí cho hội thảo, tập huấn, v.v...				
1-5 Giám sát và đánh giá		5. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và tập huấn				
Khuyến nghị						
1. Mặc dù một số nông dân đã sử dụng các giống lúa lai từ Trung Quốc, các giống này rất đắt, là gánh nặng tài chính đối với các nông hộ. Việc trồng các giống lúa lai chỉ nên triển khai khi các giống này được sản ngay trong nước và hệ thống marketing hạt giống giá rẻ thuận tiện đã được xây dựng. Trong thời điểm hiện nay, các biện pháp tăng cường sản lượng nên bắt đầu bằng việc chọn các giống thích hợp từ các giống thường đã được cải tiến đồng thời cải thiện phương pháp canh tác.						
2. Để cải tiến phương pháp canh tác như một cách thức nhằm tăng sản lượng lúa, phương pháp gieo xạ hiện tại sẽ được thay đổi sang phương pháp cấy. Đối với phương pháp cấy hiện nay, mật độ trồng cây cần thay đổi từ dày sang mức độ thích hợp. Cây mạ mang cấy nên ở độ tuổi 18-20 ngày với 4,5 lá. Thông qua các biện pháp này, việc quản lý tổng thể công tác trồng lúa sẽ được hợp lý hóa.						
3. Thâm canh trồng lúa đòi hỏi việc cải thiện cơ sở hạ tầng, là việc cần được thực hiện chu đáo đồng thời lưu ý một thực tế rằng đầu tư phát triển sẽ tập trung vào các nông hộ trồng lúa và hiệu quả chi phí của công tác xây dựng cũng như số nông dân hưởng lợi là có giới hạn. Đặc điểm địa hình của Vùng Tây Bắc đòi hỏi các hệ thống thủy lợi quy mô rất nhỏ. Những hệ thống này nên được xây dựng theo phương pháp tiếp cận từ dưới lên trong đó các hộ hưởng lợi đóng vai trò trung tâm						

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Thú Y và Chăn Nuôi		
Kế hoạch Hành động	Giới thiệu Giống Trâu Nước Cải tiến ở Tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân sản xuất sữa ở Tỉnh Hòa Bình		
Cơ quan thực hiện	MARD	Cơ quan hữu quan	NIAH, Ngành Sữa Việt Nam (Khối Liên kết Sản xuất Sữa)
<p>Mục tiêu</p> <p>Mặc dù sản xuất sữa tươi ở Việt Nam tăng liên tục trong 10 năm qua, khả năng tự đáp ứng sữa trong nước mới đạt 20% (DARD, 2005). Việt Nam vẫn phải phụ thuộc các nước khác về sữa. Chính phủ Việt Nam đã cắt giảm thuế quan cho sữa nguyên liệu (Quyết định 86/2007/QĐ-BTC) nhiều lần để điều chỉnh giá cho các sản phẩm sữa nội địa. Hầu như toàn bộ sữa tươi trong nước được sử dụng như nguyên liệu thô làm sữa chế biến nên sữa tươi chiếm thị phần rất nhỏ. Các công ty sữa trong nước, xuất khẩu (chủ yếu sang Campuchia) và bán sữa đã qua chế biến, đang bắt đầu sử dụng sữa nguyên liệu nội địa nhằm cắt giảm chi phí.</p> <p>Trong khi khả năng tự cung cấp sữa của các nước Đông Nam Á bao gồm Thái Lan nhìn chung thấp, Việt Nam có tiềm năng trở thành cơ sở cung cấp các sản phẩm bơ sữa cho khu vực Đông Dương. Với vị trí nằm cạnh Campuchia, Lào và Trung Quốc là các thị trường thương mại lớn, Việt Nam có các cảng biển nơi sữa nguyên liệu phục vụ sản xuất bơ sữa có thể được nhập khẩu. Theo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội (2005-2010), Việt Nam đặt mục tiêu a) tăng số lượng bò sữa từ 113.000 con (2006) lên 200.000 con (2010) và b) tăng sản lượng sữa thô từ 216.000 tấn (2006) lên 350.000 tấn (2010). Theo đó, khả năng tự cung cấp sữa trong nước sẽ tăng lên 40%.</p> <p>Tại tỉnh Hòa Bình, các nông dân chăn nuôi bò sữa tiến hành quản lý trên cơ sở hợp tác xã. Trong khi đó, Huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La, nằm ngay cạnh tỉnh Hòa Bình, có nông trường bò sữa tập thể rộng một nghìn héc ta (1.000ha), do Cu Ba giúp đỡ trong thập kỷ 60, đã được giao cho 8 hộ sản xuất sữa. Có nhiều hộ chăn nuôi bò sữa quy mô nhỏ, mỗi hộ sở hữu từ 5-10 con bò sữa, sống gần nông trường tập thể này. Khối lượng sữa tươi sản xuất ở Mộc Châu vào khoảng 30 tấn/ngày. Số lượng bò sữa ở Mộc Châu xấp xỉ 2.500 con (Tổng Cục Thống kê, 2007), chiếm 4,2% số lượng bò sữa Việt Nam.</p> <p>Số lượng trâu ở Vùng chiếm 16% tổng số đàn trâu ở Việt Nam (MARD, 2006) nhưng trâu không được dùng như bò sữa. Ấn Độ là nước lớn thứ hai về sản lượng sữa thô (2007). Trên 50% sữa thô được sản xuất ở Ấn Độ có nguồn gốc từ trâu nước. Trâu nước là động vật thuần tính và rất dễ thích nghi với các điều kiện địa lý. Chúng cũng có khả năng chống chịu dịch bệnh cao. Một con trâu nước Muller ở Ấn Độ sản xuất được 1.000-2.000 kg sữa mỗi năm. Hàm lượng béo trong sữa trâu Muller cao hơn so với sữa bò (sữa bò: 3%; sữa trâu nước 8-10%) nên sữa trâu Muller rất thích hợp cho việc sản xuất kem, pho mát và sữa chua. Trâu nước Muller là những động vật kéo tuyệt hảo trên đồng ruộng bởi chúng có bộ móng lớn. Trâu nước ở Việt Nam là loại trâu đầm lầy thường được sử dụng làm động vật cày kéo ở Đông Nam Á. Trong chương trình này, trâu nước (trâu sông), loại trâu sữa được nuôi phổ biến ở Ấn Độ, sẽ được đưa vào nhằm tăng sản lượng sản xuất sữa.</p>			
Khu vực Mục tiêu: Tỉnh Hòa Bình		Sơ đồ Tổ chức	
		<pre> graph TD NIAH --> BPNCT[Bộ phận N.C. Trâu] BPNCT --> DARD[ĐARD Hòa Bình] DARD --> DOT[Đoàn Dự án Tỉnh] </pre> <p>MARD: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn NIAR: Viện Chăn nuôi Quốc gia DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn</p>	

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu Tổng thể		Kết quả					
Sữa Trâu được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam		1. Trâu nước cho sữa được chấp nhận bởi ngành sữa					
Mục tiêu Dự án		2. Sản xuất sữa ở khu vực mục tiêu tăng lên					
Gia tăng các sản phẩm bơ sữa làm từ sữa của loài trâu nước có sức chống chịu kham khổ lớn		3. Các sản phẩm bơ sữa mới được phát triển					
		4. Thu nhập của hộ sản xuất sữa tăng lên					
Hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm					
		1	2	3	4	5	6
1. Chuẩn bị dịch vụ để sử dụng trâu cho sữa 1-1 Tổ chức đoàn đi khảo sát việc sử dụng trâu nước cho sữa 1-1-1 Lập bộ phận nghiên cứu trâu nước ở NIAH 1-1-2 Xem xét môi trường chăn nuôi và lựa chọn khu vực mẫu 1-1-3 Phát triển kỹ thuật gây giống 1-1-4 Kho chứa và quản lý tinh đông lạnh 1-1-5 Cử thành viên đoàn đi tập huấn kỹ thuật ở một nước thứ ba 1-1-6 Nhập khẩu trâu nước giống/sinh sản 1-1-7 Lựa chọn trâu nước đực làm giống 1-2 Đào tạo giảng viên 1-2-1 Đào tạo phương pháp phát triển có sự tham gia 1-2-2 Đào tạo kỹ thuật quản lý gây giống 1-3 Hướng dẫn nông dân ngành sữa 1-3-1 Giải thích về chăn nuôi trâu nước cho sữa 1-3-2 Đào tạo kỹ thuật quản lý gây giống 1-3-3 Biên soạn sổ tay nâng cao kỹ thuật quản lý 2. Hỗ trợ nông dân 2-1 Đào tạo nông dân nuôi trâu nước lấy sữa 2-1-1 Tổ chức nông dân và nông dân quản lý 2-1-2 Soạn thảo một hướng dẫn về các hoạt động và công tác quản lý 2-1-3 Cho Tổ chức nông dân mượn thiết bị phân tích sữa 2-2 Hỗ trợ phát triển sản phẩm 2-2-1 Nghiên cứu thị trường 2-2-2 Tập huấn phát triển thực phẩm chế biến 2-3 Hỗ trợ của chính quyền địa phương 2-3-1 Giới thiệu hoạt động cho các công ty tư nhân và thu hút đầu tư	- Cơ sở dữ liệu - Cơ sở dữ liệu - Hướng dẫn - Ghi chép quản lý - Ghi chép tập huấn - Ghi chép nuôi dưỡng & quản lý - Ghi chép nuôi dưỡng & quản lý - Ghi chép tập huấn - Ghi chép tập huấn - Thuyết trình - Ghi chép tập huấn - Bộ thiết bị - Danh sách tổ chức - Hướng dẫn - Thiết bị - Báo cáo Nghiên cứu - Sổ tay - Báo cáo hoạt động bởi MARD						
Đầu vào							
1. Chuyên gia về 1-1 Gây giống vật nuôi 1-2 Di truyền vật nuôi 1-3 Chế biến thực phẩm		2. Thiết bị và vật liệu 2-1 Thiết bị thụ tinh nhân tạo 2-2 Máy phân tích thành phần sữa 2-3 Máy chế biến sữa 3. Chi phí hội thảo và đào tạo 4. Sổ tay và tài liệu giảng dạy 5. Đào tạo ở nước ngoài					
Khuyến nghị							
1. Có rất ít nông dân người dân tộc thiểu số làm công tác sản xuất sữa. Kỹ thuật nuôi trâu nước cho sữa nên được mở rộng đến các vùng xa. 2. Hiện nay, trâu chủ yếu được nuôi để cung cấp thịt. Sữa trâu không được bán. Việc xúc tiến sữa trâu làm nguyên liệu thô cho các sản phẩm bơ sữa là cần thiết. 3. Dự án nên xem xét áp dụng các giống mới với các cơ quan hữu quan. 4. Đào tạo ở nước ngoài có thể được tiến hành ở Phi líp pin nơi có một dự án phát triển trâu nước từ Ấn Độ.							

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Hỗ trợ Thủy sản Nước ngọt		
Kế hoạch Hành động	Quản lý Nguồn lực Thủy sản ở hồ Hoà Bình		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Ngư dân ở dọc vùng bờ hồ Hoà Bình (các huyện Đà Bắc, Tân Lạc, Cao Phong, Mai Châu)		
Cơ quan thực hiện	Phòng thủy sản, DARD	Cơ quan hữu quan	Hội nông dân; hội phụ nữ
<p>Mục tiêu</p> <p>Đập Hoà Bình được xây dựng trên sông Đà năm 1990 với nhiều mục đích như chỉnh trị lũ lụt, tạo năng lượng điện. Độ sâu trung bình mực nước trong hồ là 60m (sâu nhất 120m) và tổng diện tích khu vực chứa nước 208 km². Dọc theo 2 bên lòng hồ những người tái định cư có cuộc sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, quỹ đất ở đó quá nhỏ để có đủ sản phẩm và người dân gặp khó khăn khi bị nước sông Đà ảnh hưởng.</p> <p>Có rất nhiều người đánh cá sống dọc ven hồ để bắt các loài cá có vây, cá da trơn và cá quả sống trong hồ. Điều đó dẫn đến những quan ngại về nghề cá trong lòng hồ. Đầu tiên là số người đánh bắt cá ngày càng tăng. Thứ hai là do thiếu biện pháp quản lý nghề cá dẫn đến nhiều hoạt động khai thác bất hợp lý như: đánh bắt cá bằng chất nổ, xung điện, chất độc. Hơn nữa, mực nước trong lòng hồ dao động giữa mùa mưa và mùa khô là 40m, vì vậy rất khó cho người đánh cá ở dọc 2 bên bờ hồ xây nhà trên bờ và thích nghi với sự thay đổi mực nước này. Đây cũng là hạn chế cho việc cải thiện điều kiện sinh kế của người đánh bắt cá.</p> <p>Với các vấn đề nêu trên, DANIDA đang lập kế hoạch quản lý nghề cá thông qua dự án SCRFA (Củng cố nghề khai thác thủy sản). Dự án này nhằm đánh giá tài nguyên thủy sản một cách chính xác để việc hướng dẫn liên quan về khai thác thủy sản nhanh chóng được ban hành. Thông qua các công tác cụ thể, các chủ đề khác nhau, việc quản lý đánh bắt (thời gian cấm đánh bắt, vùng cấm đánh bắt, giới hạn mắt lưới, TAC), quản lý môi trường, quản lý thị trường và xây dựng năng lực cho cán bộ thủy sản được tiến hành nhằm củng cố hệ thống giám sát nguồn tài nguyên thủy sản, thực hiện chương trình đào tạo và trao đổi thông tin kiến thức.</p> <p>Trong kế hoạch hành động này, để thành lập kế hoạch quản lý thủy sản trong hồ Hoà Bình, hoạt động thực tế sẽ bắt đầu cùng với dự án SCRFA sau khi nghiên cứu chi tiết về điều kiện vật lý và sinh học của hồ. Trước tiên, cần chỉ đạo việc khảo sát bao gồm việc đánh giá nguồn tài nguyên thủy sản để đưa ra quy hoạch tổng thể duy trì điều kiện hệ sinh thái cũng như nguồn tài nguyên thủy sản. Sau đó, thực hiện các chương trình tập huấn và trao đổi kiến thức khác nhau cho người đánh cá để hạn chế việc đánh bắt quá mức và khai thác bất hợp pháp để xác định mức độ khai thác bền vững.</p> <p>Việc củng cố công tác quản lý nghề cá và cấm khai thác bất hợp pháp có thể làm giảm nguồn thu nhập của người đánh cá. Theo đó, hoạt động khai thác thủy sản có thể không mang lại sự ổn định và tăng thu nhập cho người đánh bắt thủy sản. Vì vậy, dự án thí điểm này nên kết hợp thêm với chương trình ngành nghề thủ công tăng thu nhập (3.2) và chương trình du lịch xanh, thăm quan bản làng (3.3) để tạo thêm thu nhập cho người đánh cá.</p>			
Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình		Tổ chức	
<p>Các huyện ưu tiên trong kế hoạch hành động này (4 huyện)</p>  <p>Tỉnh Hòa Bình</p>		 <p>DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn DOF: Chi cục thủy sản DPI: Sở kế hoạch Đầu tư DIT: Sở Công Thương</p>	

Tóm tắt Dự án								
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)						
Nghề khai thác thủy sản nước ngọt ở tỉnh Hoà Bình được phát triển Mục tiêu của Dự án Quản lý nguồn tài nguyên thủy sản ở hồ Hoà Bình một cách đúng đắn và nhận thức rõ được nghề cá bền vững. Giảm nghèo đói cho người đánh cá dọc bờ hồ		1. Đánh giá được tầm quan trọng của nguồn tài nguyên thủy sản. 2. Nâng cao kỹ thuật và kiến thức quản lý thủy sản cho các cán bộ thủy sản. 3. Thành lập kế hoạch quản lý nghề cá trong hồ. 4. Giới thiệu và ứng dụng rộng rãi kỹ thuật khai thác thủy sản. 5. Thu nhập của người đánh cá đa dạng hơn. 6. Thành lập kế hoạch quản lý môi trường hồ.						
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu	Năm					
			1	2	3	4	5	6
1. Điều tra nguồn tài nguyên thủy sản trong hồ 1-1 Xác định loài cá mục tiêu và nghiên cứu đặc tính sinh học của loài đó. 1-2 Đánh giá năng suất sơ cấp trong hồ. 1-3 Khảo sát chất lượng nước, đặc điểm địa lý 1-4 Số người đánh bắt cá, sinh kế của họ, phương pháp đánh bắt, ... 1-5 Quy định mang tính pháp lý nghề cá (vùng bảo vệ, giấy phép) 1-6 Thành lập hệ thống cơ sở dữ liệu chính xác về sản lượng đánh bắt 2. Tăng cường năng lực cho cán bộ thủy sản 2-1 Hội nghị chuyên đề quản lý nghề cá 2-2 Rà soát dự án SCRFA 2-3 Xây dựng năng lực cho công tác khuyến ngư 2-4 Hoàn thành kế hoạch cho việc khảo sát thực địa 3. Thành lập quản lý nghề cá 3-1 Thực hiện hướng dẫn cho khả năng quản lý 3-2 Mùa vụ và cấm đánh bắt và tránh khai thác bất hợp pháp 3-3 Chuẩn bị sách hướng dẫn giới thiệu các phương pháp khai thác 3-4 Cải tiến các ngư cụ khai thác 4. Tập huấn cho người đánh cá 4-1 Thành lập nhóm hội 4-2 Hội nghị chuyên đề và tập huấn kỹ thuật nghề cá 4-3 Thành lập hội những người đánh bắt cá và tạo lập hệ thống quan trắc 4-4 Sự phân bố các ngư cụ khai thác có liên quan 5. Dự án thí điểm hướng dẫn về đa dạng nguồn thu nhập 5-1 Hỗ trợ cho mùa vụ cấm đánh bắt (tận dụng nghề nông) 5-2 Thành lập nghề phụ để khai thác thực vật thủy sinh (cho chăn nuôi, và nghề thủ công) 5-3 Thực hiện chương trình du lịch xanh		- Báo cáo thực địa - Báo cáo điều tra cơ bản - Báo cáo thực địa - Báo cáo thực địa - Báo cáo điều tra cơ bản - Kế hoạch hàng năm - Báo cáo hội thảo - Báo cáo nhận xét - Danh sách cán bộ được lựa chọn - Bộ công cụ khảo sát thực địa - Hướng dẫn - Cuộc vận động/áp phích - Sách hướng dẫn - Mô hình loại ngư cụ khai thác - Biên bản cuộc họp - Ghi chép các hội nghị chuyên đề và bài học - Dữ liệu thống kê - Danh sách những người đánh cá - Hướng dẫn - Hướng dẫn - Tàu thuyền du lịch, ngư cụ đánh bắt cá cho giải trí						
Đầu vào								
1. Chuyên gia về 1-1 Thủy sản 1-2 Bảo tồn môi trường 1-3 Phát triển xã hội 1-4 Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng 1-5 Đánh giá và giám sát		2. Thiết bị cho các hoạt động thí điểm 2-1 Ngư cụ 2-2 Tài liệu tập huấn và quảng cáo 3. Hội thảo và tập huấn 4. Tài liệu về quản lý thủy sản 4. Máy tính cá nhân, thiết bị nghe nhìn và tập huấn						
Khuyến nghị								
		1. Đánh bắt cá trên cơ sở quản lý thủy sản thích hợp, thu hoạch cá ở các tầng dinh dưỡng khác nhau sẽ góp phần to lớn cho nghề cá bền vững. Đối với chính phủ, việc đánh bắt cá bền vững còn có thể mang lại hiệu quả chi phí và tính bền vững cao hơn hoạt động nuôi trồng thủy sản. Dự án này đòi hỏi rất cao về tính bền vững, những hiệu quả chi phí và những ảnh hưởng to lớn của nó đối với nghề cá trong tương lai ở những tỉnh khác. 2. Các loại cá mục tiêu trong đánh bắt thủy sản cần được lựa chọn sau khi tiến hành khảo sát thực địa và tài liệu nghiên cứu. Số liệu sinh học của các loài này (tuổi, sinh trưởng, vòng đời, thuần thực, sinh sản, tập quán ăn uống, tầng dinh dưỡng, ...) cần được nghiên cứu để phản ánh vào kế hoạch quản lý nghề cá. 3. Quy định về phương pháp đánh bắt phải được thực hiện một cách nghiêm túc bởi tính chất sinh học của các loài cá rất đa dạng ngay cả trong những diện tích hạn chế. Đặc biệt việc đánh bắt cá nhắm tới các loài cá ăn thịt phải được quản lý tốt. 4. Hiệu quả của dự án sẽ trở nên mạnh mẽ hơn khi người dân địa phương được tổ chức chặt chẽ thành hội người đánh cá và các tổ chức có liên quan khác. Việc lập ra một cơ quan trung ương uy tín chịu trách nhiệm cho dự án này cũng rất quan trọng. Đồng thời cần hỗ trợ hội người đánh cá bằng nhiều cách khác nhau để họ triển khai làm ăn kinh tế ngoài nghề cá. 5. Việc thiết lập đập thủy điện Sơn La vào năm 2012 sẽ có các tác động tới điều kiện tự nhiên, môi trường và tài nguyên thủy sản trong hồ Hoà Bình. Vì vậy cần có sự giám sát nguồn tài nguyên thủy sản trong hồ Hoà Bình sau khi hoàn thành đập thủy điện Sơn La vào năm 2012.						

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình xúc tiến lâm sản ngoài gỗ (NTFPs)		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến các Cây đa tác dụng và Cây thuốc ở tỉnh Hòa Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Huyện Cao Phong, Đà Bắc, Lạc Sơn và Mai Châu Cán bộ Sở NN& PTNT (DARD), chính quyền cấp huyện liên quan tới chương trình và các cơ quan phối hợp liên quan tới quá trình sản xuất và chế biến lâm sản ngoài gỗ.		
Cơ quan thực hiện	DARD (Chi Cục lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan	Trung tâm nghiên cứu NTFP, Liên minh hợp tác xã v.v.
Mục tiêu			
<p>Các lâm sản ngoài gỗ được sản xuất tại tỉnh Hòa Bình gồm tre, nứa, cỏ chỉt. Các cây thuộc họ tre nứa không chỉ được dùng làm thực phẩm mà còn được sử dụng làm nguyên liệu thô cho xây dựng, làm hàng thủ công, làm giấy. Tre, nứa, song mây được vận chuyển sang tỉnh khác dưới dạng nguyên liệu thô cho sản xuất hàng thủ công và tre nứa được dùng làm bột giấy ở tỉnh Hòa Bình. Khối lượng sản xuất của các lâm sản ngoài gỗ được trồng trên đất canh tác và thu hoạch từ rừng tự nhiên khác không đủ xuất ra bên ngoài mà chỉ đủ tiêu dùng trong tỉnh. Theo kết quả trồng thử nghiệm các cây gỗ đa tác dụng và các loại thảo dược, các loại cây làm thuốc của Dự án RENFODA do JICA tài trợ tại tỉnh Hòa Bình (dự tính sẽ kết thúc vào cuối tháng 9 năm 2008) thì một số loại cây lâm sản ngoài gỗ mới nên được đưa vào trồng ở vùng Tây Bắc.</p> <p>Theo hiện trạng sản xuất lâm sản ngoài gỗ ở tỉnh Hòa Bình và những kết quả trồng thử nghiệm của Dự án RENFODA nêu trên thì những hỗ trợ cho các hoạt động như: 1) Năm bắt, đánh giá trữ lượng tài nguyên các lâm sản ngoài gỗ, 2) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, 3) Cải tiến các kỹ thuật chế biến, 4) Tìm thị trường tiêu thụ mới và 5) Xây dựng các hợp tác xã sản xuất, sẽ được thực hiện trên đối tượng những cây lâm sản ngoài gỗ dưới đây ở các huyện Cao Phong, Đà Bắc, Lạc Sơn và Mai Châu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tre nứa, luồng: Đà Bắc, Lạc Sơn và Mai Châu - Song, mây: Đà Bắc, Lạc Sơn và Mai Châu - Xạ đen: Cao Phong - Trâm Hương: Đà Bắc <p>Liên quan tới nội dung 6) Đưa vào trồng các cây lâm sản ngoài gỗ mới, các cây đa tác dụng như sấu, trám (Trám chim, Trám trắng, Trám đen) và cây thuốc (Giổi, Ba Kích) cũng cần được xem xét.</p>			

<p>Khu vực Dự án: Tỉnh Hòa Bình</p> <p>Các huyện ưu tiên cho dự án: 4 huyện</p> <p>Tỉnh Hòa Bình</p>	<p>Tổ chức</p> <p>PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh DARD: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp thuộc DARD NTFPRC: Trung tâm Nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ của FSIV MHC: Bộ y tế CA: Liên minh hợp tác xã</p>
--	--

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng thu nhập cho người dân. Các sản phẩm tận dụng nguồn tài nguyên nội địa ở vùng Tây Bắc sẽ được tăng lên.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Phát triển các ngành liên quan tới lâm sản ngoài gỗ tại những vùng mục tiêu của dự án Phát triển và sản xuất các loại lâm sản ngoài gỗ mới tại vùng mục tiêu của dự án</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Nắm bắt trữ lượng hiện có và khối lượng sản xuất các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ Sản xuất ổn định sản phẩm lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện Chế biến lâm sản ngoài gỗ sẽ được thực hiện và thị trường dành cho lâm sản ngoài gỗ sẽ được đa dạng hóa. Các liên minh hợp tác xã về lâm sản ngoài gỗ sẽ được tổ chức. Kiến thức/kỹ thuật của các cán bộ sẽ được nâng cao nhờ các khóa tập huấn Các cây lâm sản ngoài gỗ mới sẽ được đưa vào trồng
<p>Các hoạt động</p> <p>1. Nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ</p> <p>1-1 Nắm bắt nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện có 1-1-1 Hỗ trợ cho việc nắm bắt nguồn hiện có và khối lượng sử dụng 1-2 Giám sát việc điều tra, nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ 1-2-1 Giám sát việc nắm bắt khối lượng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ</p> <p>2. Xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ</p> <p>2-1 Sản xuất cây giống 2-1-1 Phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ phù hợp với tỉnh Hòa Bình 2-1-2 Xây dựng/ mở rộng vườn ươm cây giống 2-1-3 Sản xuất giống 2-1-4 Khoanh vùng trồng và vùng sản xuất 2-1-5 Trồng cây con 2-2 Sản xuất/ trữ kho nguyên liệu thô của lâm sản ngoài gỗ 2-2-1 Quản lý/ chăm sóc các vùng sản xuất hiện có 2-2-2 Quản lý và chăm sóc các vùng đang trồng 2-2-3 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/ trữ kho tại các vùng sản xuất hiện có 2-2-4 Tập huấn về kỹ thuật sản xuất/ trữ kho tại các vùng sản xuất mới 2-2-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 2-3 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ 2-3-1 Giám sát việc xúc tiến sản xuất lâm sản ngoài gỗ</p> <p>3. Chế biến lâm sản ngoài gỗ và tiếp thị</p> <p>3-1 Cải tiến các kỹ thuật chế biến lâm sản ngoài gỗ 3-1-1 Nắm bắt các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-2 Đòi hỏi các kỹ thuật chế biến hiện có 3-1-3 Phát triển các kỹ thuật chế biến mới 3-1-4 Đòi hỏi/ xây dựng mới các cơ sở chế biến 3-1-5 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-2 Đa dạng hóa thị trường lâm sản ngoài gỗ 3-2-1 Nắm bắt các thị trường hiện có 3-2-2 Khai phá các thị trường mới 3-2-3 Xây dựng mạng lưới với các công ty nội địa và nước ngoài. 3-2-4 Khảo sát địa bàn tại các vùng làm tốt 3-3 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới 3-3-1 Giám sát việc cải tiến các kỹ thuật chế biến và khai phá thị trường mới</p> <p>4. Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ</p> <p>4-1 Thành lập các hợp tác xã để sản xuất, chế biến và tiếp thị lâm sản ngoài gỗ 4-1-1 Mở rộng/ tăng tính cần thiết của các hợp tác xã 4-1-2 Thiết lập các tổ chức mới 4-2 Đảm bảo sự chất chẽ của các qui định về lâm sản ngoài gỗ 4-2-1 Nắm bắt các hệ thống pháp lý hiện hành về lâm sản ngoài gỗ 4-2-2 Các kiến nghị đề xuất đối với các hệ thống pháp lý về lâm sản ngoài gỗ 4-3 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ 4-3-1 Giám sát việc thành lập các hợp tác xã chuyên trách về lâm sản ngoài gỗ</p> <p>5. Phát triển năng lực của các cán bộ của tỉnh Hòa Bình</p> <p>5-1 Tập huấn cho các cán bộ làm công tác chuyên giao kỹ thuật 5-1-1 Tập huấn kỹ thuật về nắm bắt khối lượng sử dụng và có khả năng thu mua 5-1-2 Tập huấn kỹ thuật về sản xuất cây giống 5-1-3 Tập huấn kỹ thuật về quản lý sản xuất nguyên liệu thô 5-1-4 Tập huấn kỹ thuật về chế biến lâm sản ngoài gỗ 5-1-5 Tập huấn kỹ thuật về tiếp thị</p> <p>6. Đưa vào trồng các loài cây lâm sản ngoài gỗ mới</p> <p>6-1 Kiểm tra các loài mới, kê cả nghiên cứu tiềm năng thị trường 6-2 Sản xuất giống, chõng và chăm sóc cây con 6-3 Chế biến các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới 6-4 Khai phá thị trường cho các cây lâm sản ngoài gỗ mới</p>	<p>Báo cáo và Tài liệu</p> <p>1 2 3 4 5 6</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Cơ sở dữ liệu/ sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Vườn ươm</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Khu vực trồng / sản xuất</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Các cơ sở chế biến</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Danh sách khách hàng</p> <p>- Mạng lưới</p> <p>- Báo cáo thăm quan thực tế</p> <p>- Văn bản Phân hội</p> <p>- Sổ tay</p> <p>- Các tổ chức mới</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Các đề xuất</p> <p>- Báo cáo giám sát</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Sổ tay tập huấn</p> <p>- Các loại cây lâm sản ngoài gỗ mới</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Cơ sở dữ liệu, danh sách khách hàng</p>
<p>Đầu vào</p> <p>1. Chuyên gia về</p> <p>1-1 Phát triển xã hội</p> <p>1-2 Chế biến sản phẩm/Chế biến thực phẩm</p> <p>1-3 Lâm nghiệp/ lâm sản ngoài gỗ</p> <p>1-4 Marketing</p> <p>1-5 Xây dựng các tổ chức</p> <p>1-6 Lập kế hoạch đào tạo</p> <p>1-7 Lâm sản ngoài gỗ cụ thể (ngắn hạn)</p> <p>2. Nguyên liệu sản xuất</p> <p>2-1 Nguyên liệu cho trồng cây</p> <p>2-2 Nguyên liệu cho sản xuất cây giống</p> <p>2-3 Bảo quản/ chế biến lâm sản ngoài gỗ</p> <p>3. Các cơ sở, phương tiện (kể cả các cơ sở tạm)</p> <p>3-1 Vườn ươm</p> <p>3-2 Các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ</p> <p>4. Các nguyên vật liệu khác</p> <p>4-1 Nghiên cứu trữ lượng lâm sản ngoài gỗ hiện có</p> <p>5. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...</p> <p>6. Máy tính cá nhân</p>	
<p>Khuyến nghị</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc hợp tác với các tổ chức và cán bộ liên quan cần được xem xét để có sự giúp đỡ tổng hợp cho dự án. Việc phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ bản địa và trồng mới các loại lâm sản ngoài gỗ mới nên được tiến hành nhằm đa dạng hóa các loại cây lâm sản ngoài gỗ. Phương pháp có sự tham gia nên được chú trọng để tiến hành dự án khi mà cần có sự đồng lòng cũng như độc lập của các hộ dân là cần thiết cho việc quản lý tài nguyên một cách bền vững. Các hoạt động sản xuất định hướng người sản xuất nên được xúc tiến bằng cách thành lập các hợp tác xã, tăng cường các tổ chức và nguồn nhân lực hiện trạng, tăng cường quan hệ với khách hàng. Sự hỗ trợ đầy đủ, ví dụ như cử chuyên gia về từng loài lâm sản ngoài gỗ, dựa trên đánh giá của chuyên gia, cũng như các phương pháp khác cần được áp dụng cho từng loài lâm sản ngoài gỗ trong canh tác, chăm sóc và chế biến. Nên xem xét sự gắn kết với Quy hoạch toàn quốc về Phát triển và Bảo tồn lâm sản ngoài gỗ (2005-2020) và kết quả của dự án RENFODA. 	

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Đẩy mạnh nghề Tiểu thủ công nghiệp		
Kế hoạch Hành động	Chiến dịch Đẩy mạnh việc bán hàng ở các Vị trí Ven đường ở tỉnh Hoà Bình		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha 1: Dự án Thí điểm; Pha 2: Mở rộng ra toàn khu vực)		
Mục tiêu / Khu vực	Tỉnh Hoà Bình, toàn tỉnh (công nghiệp địa phương sản xuất các mặt hàng thủ công và chế biến lương thực)		
Cơ quan thực hiện	DARD, DIT	Cơ quan hữu quan	Liên minh Hợp tác xã , Trung tâm Khuyến Nông v.v...

Mục tiêu

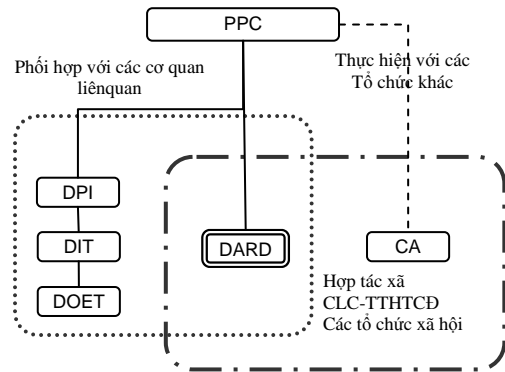
Kế hoạch hành động bao gồm hai pha 1 và 2 này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm trong đó lấy các đơn vị kinh doanh và các tổ chức hiện tại như các hợp tác xã, các đoàn thể làm đối tượng mục tiêu. Trọng tâm của Kế hoạch hành động là phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương và các cán bộ kỹ thuật khuyến nông.

“Nghiên cứu Quy hoạch Tổng thể các Trạm nghỉ ven đường” đang diễn ra ở tỉnh Hoà Bình. Trong Quy hoạch Tổng thể, các Trạm nghỉ ven đường được xây dựng ở các vùng dự án thí điểm. Chương trình đẩy mạnh việc bán hàng ở các vị trí ven đường này nhằm hỗ trợ các hoạt động sử dụng các trung tâm marketing (tiếp cận thị trường). Pha I, khuyến cáo việc trình diễn marketing ở các vị trí ven đường của các cơ sở kinh doanh địa phương gần các vị trí ven đường và hỗ trợ đẩy mạnh việc bán hàng. Những khuyến cáo và hỗ trợ này nhằm tăng khối lượng bán sản phẩm của họ. Pha II, hỗ trợ để tăng cường hệ thống sản xuất và các hoạt động quan hệ quản chúng hiện trạng với tầm nhìn ra các thị trường bên ngoài Tây Bắc (như Hà Nội, thương mại quốc tế, hải ngoại).

Khu vực Dự án: Tỉnh Hoà Bình



Tổ chức



- PPC: Ủy ban nhân dân tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp & PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch & Đầu tư
- DIT: Sở Công Thương
- DOET: Sở Giáo dục & Đào tạo
- CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án	
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Đa dạng và tăng nguồn thu nhập bằng tiền của nông hộ</p> <p>Tăng thêm các đặc sản của Vùng Tây Bắc</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Phát triển công nghiệp địa phương trong các vùng của Chương trình</p> <p>Sản xuất và phát triển các đặc sản của vùng</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiến hành TOT (Đào tạo cho các giảng viên) nhằm phát triển năng lực cho các cán bộ địa phương về hỗ trợ sản xuất, đẩy mạnh thị trường và củng cố các dịch vụ tại địa phương. Tăng cường thúc đẩy việc bán các sản phẩm đặc biệt Các hoạt động sản xuất của các cơ sở kinh doanh và các tổ chức (các hợp tác xã, v.v...) được mở rộng Cơ sở kinh doanh mẫu các đặc sản được thực hiện để mở rộng các kênh thị trường.
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
<p>[Phát triển năng lực cho các cán bộ tỉnh Hoà Bình]</p> <p>1 Đào tạo hướng dẫn cho các cán bộ kỹ thuật khuyến nông.</p> <p>1-1 Hỗ trợ để thiết lập các kênh thị trường.</p> <p>1-2 Hỗ trợ để marketing (trực tiếp từ người sản xuất)</p> <p>1-3 Thiết lập mạng lưới địa phương để đẩy mạnh việc bán hàng</p> <p>[Đẩy mạnh việc bán hàng thông qua việc sử dụng các Trạm nghỉ Ven đường ở tỉnh Hoà Bình.]</p> <p>2 Marketing, các hoạt động thúc đẩy, nâng cao các kỹ năng kinh doanh.</p> <p>2-1 Phân tích thị trường lương thực, thực phẩm đã qua chế biến, hàng tiêu thụ công nghiệp v.v... thu thập các thông tin.</p> <p>2-2 Đào tạo để thúc đẩy marketing/bán hàng (hướng dẫn về phục vụ khách hàng, kế toán, ngoại ngữ, sử dụng máy tính)</p> <p>2-3 Cải thiện môi trường marketing (Internet, du lịch tham quan v.v...)</p> <p>2-4 Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và thu thập ý kiến dùng thử sản phẩm để xúc tiến bán hàng</p> <p>2-5 Chiến dịch tại các trung tâm bán hàng</p> <p>3-1 Thiết lập cụm công nghiệp để phát triển sản xuất</p> <p>3-1 Nghiên cứu để thiết lập hệ thống nhãn mác sản phẩm</p> <p>3-2 Phát triển sản phẩm đặc biệt thông qua hợp đồng của địa phương, cơ sở kinh doanh tư nhân và các nông hộ.</p> <p>3-3 Thiết lập hệ thống phân chia sản xuất & đóng gói sản phẩm</p> <p>4 Thúc đẩy các hoạt động bán hàng để mở rộng các kênh thị trường</p> <p>4-1 Thiết lập mạng lưới giữa các ngành công nghiệp và các cơ sở kinh doanh nước ngoài khác nhau.</p> <p>4-2 Hợp với các cơ sở kinh doanh nước ngoài để thiết lập các kênh thị trường</p> <p>4-3 Tham quan-nghiên cứu các vùng phát triển</p> <p>4-4 Thúc đẩy các hoạt động bán hàng đến các khách du lịch.</p> <p>5 Mở rộng mô hình hoạt động đến các vùng khác</p> <p>5-1 Giới thiệu các mô hình và thăm vùng</p> <p>5-2 Thành lập cụm công nghiệp, phát triển sản xuất và hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>5-3 Đào tạo để đẩy mạnh marketing, bán hàng (hướng dẫn dịch vụ khách hàng, kế toán, ngoại ngữ, sử dụng máy tính)</p> <p>5-4 Cải thiện môi trường marketing ở cộng đồng (internet, tham quan học tập, v.v...)</p> <p>5-5 Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và tập hợp nếm/dùng thử thực phẩm để thúc đẩy việc bán hàng</p> <p>5-6 Tổ chức cuộc họp để đưa các doanh nghiệp tư nhân vào vùng</p>	<p>- Sổ tay hướng dẫn</p> <p>- File Dữ liệu về các thị trường</p> <p>- Danh sách các khách hàng</p> <p>- Cơ sở dữ liệu</p> <p>- Sổ tay, tài liệu kỹ thuật</p> <p>- HP, tài liệu về PC (máy tính) và Internet</p> <p>- Hội chợ/giới thiệu sản phẩm., thu mua thực phẩm.</p> <p>- Bán hàng vào những dịp đặc biệt</p> <p>- Thi sáng tác Logo, nhãn mác ...</p> <p>- Thiết lập nơi để phát triển ý tưởng.</p> <p>- Phát triển việc đóng gói những sản phẩm đặc biệt.</p> <p>- Mạng lưới</p> <p>- Các hoạt động bán hàng</p> <p>- Đào tạo</p> <p>- PR những sản phẩm đem bán</p> <p>- Hội thảo, Tham quan/ quan sát</p> <p>- Các sản phẩm đặc biệt</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy.</p> <p>- HP, chuyển giao kỹ thuật máy tính và internet</p> <p>- Hội chợ sản phẩm/giới thiệu sản phẩm và nếm thử thực phẩm</p> <p>- Giới thiệu vốn tư nhân</p>
Đầu vào	
<ol style="list-style-type: none"> Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Chế biến nông nghiệp & lương thực, thực phẩm 1-3 Tiêu thụ công nghiệp v.v... 1-4 Các SP nông nghiệp, chế biến lương thực, tiểu công nghiệp 1-5 Marketing and phân phối sản phẩm 1-6 Hệ thống sở hữu trí tuệ 	<ol style="list-style-type: none"> Thiết bị cho sản xuất <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu cho nghề dệt Thiết bị đóng gói (máy đóng gói chân không, máy in nhãn và ngày sản xuất) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv... Máy tính cá nhân, thiết bị internet Chi phí đào tạo và quan sát.
Khuyến nghị	
<ol style="list-style-type: none"> Cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với các sở và các tổ chức liên quan thì sẽ được hỗ trợ toàn diện. Đối với việc đa dạng hoá sản phẩm, các cơ quan thực hiện dự án nên cố gắng áp dụng và mở rộng sản xuất những sản phẩm mới sử dụng nguyên liệu tại chỗ của địa phương. Thông qua việc tăng cường tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, các cơ quan thực hiện dự án nên khuyến khích các hợp tác xã tiến hành các hoạt động sản xuất theo tư duy kinh doanh. Vì mỗi sản phẩm và hoạt động yêu cầu một phương pháp hỗ trợ khác nhau, việc hỗ trợ nên phù hợp theo ý kiến tư vấn của các chuyên gia. Các cơ quan thực hiện dự án nên phối hợp với ngành công nghiệp du lịch để tạo cơ hội cho người dân địa phương bắt đầu công việc kinh doanh. 	

Lĩnh vực	Hồi sinh và Đa dạng hóa các Nguồn thu nhập Địa phương		
Chương trình	Chương trình Du lịch Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Xúc tiến Làng Du lịch ở Tỉnh Hoà Bình		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Cán bộ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Người dân các huyện Mai Châu, Kim Bôi và Đà Bắc		
Cơ quan thực hiện	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (DCST)	Cơ quan hữu quan	DPI, DIT, DARD, Liên minh Hợp tác xã, vv...

Mục tiêu

Dưới sự cơ cấu lại của Chính phủ Việt Nam, ngành du lịch của Bộ Thương mại và Du lịch được chuyển sang Bộ Văn hoá và Thể thao vào tháng 8 năm 2007. Như vậy là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh là tổ chức có trách nhiệm về phát triển du lịch ở cấp tỉnh. Sở VHTT&DL chưa phát triển đầy đủ về năng lực hành chính và quản lý về du lịch. Kế hoạch hành động này sẽ tiến hành một hoạt động thí điểm về phát triển du lịch tại từng tỉnh trong 4 tỉnh vùng Tây Bắc chú trọng tới tăng cường tổ chức của Sở VHTT&DL. Kế hoạch hành động chú trọng tới việc chuyển giao suôn sẻ những bí quyết và công nghệ của Sở Công Thương, Sở có nhiều kinh nghiệm với nghiên cứu quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia (2004) cho Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch. Đối với các hoạt động PR (Quan hệ Công chúng) về du lịch, các hoạt động xúc tiến quảng cáo sẽ được tiến hành không chỉ bởi từng tỉnh mà sẽ bởi Vùng Tây Bắc để quảng cáo toàn vùng.

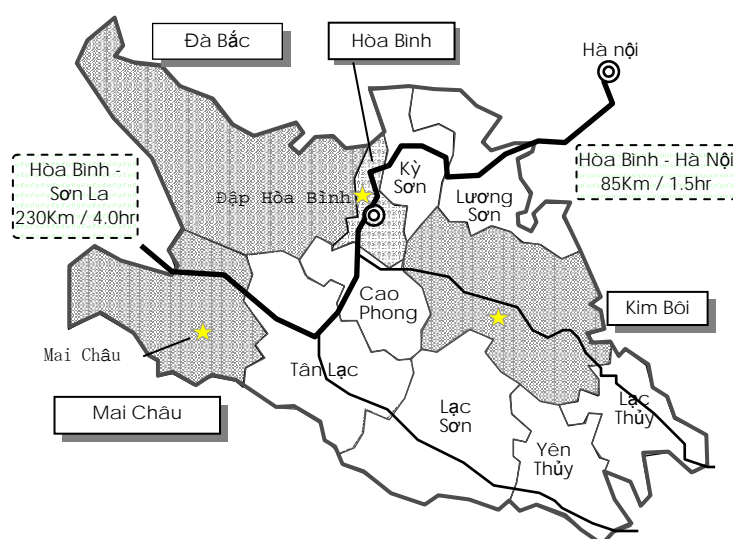
Tỉnh Hoà Bình có mạng lưới giao thông tốt, từ Hà Nội tới Tỉnh Hoà Bình chỉ mất 1,5 giờ bằng xe ô tô. Huyện Mai Châu, nổi tiếng với các làng du lịch và là một mô hình thành công về du lịch xanh, nơi khách du lịch thường tới thăm các làng của người dân tộc thiểu số. Các cán bộ chính quyền địa phương ở các vùng khác cũng tới thăm huyện để nghiên cứu và học về du lịch bằng cách quan sát Công ty Du lịch Hoà Bình (doanh nghiệp nhà nước cũ), các nhà khách của nhà nước. Tỉnh Hoà Bình còn có các điểm du lịch khác bao gồm a) công trình phát điện ở Đập Hoà Bình, b) đảo Ba Khan trên hồ thủy điện, c) vườn quốc gia Ba Vì và Cúc Phương, và d) Khu Bảo tồn rừng tự nhiên Pà Cò-Hang Kia, Thượng Tiến, và Suối Ngọc. Các nỗ lực mang đến nhiều khách du lịch hơn tới các điểm này có thể mong đợi.

Tỉnh đã nhận được sự hỗ trợ về phát triển du lịch xanh từ các nhà tài trợ quốc tế và các tổ chức phi chính phủ, tỉnh đã tích lũy được những bí quyết và công nghệ phát triển làng du lịch ở chừng mực nào đó. Nâng cao năng lực quản lý rất cần thiết để sử dụng các bí quyết và công nghệ này một cách tốt nhất và mở rộng phát triển du lịch trong tỉnh. Kiểm soát/quy định về môi trường tự nhiên và cảnh quan, và tăng cường hệ thống pháp lý cũng rất cần thiết để duy trì giá trị của các nguồn du lịch trong tỉnh và tiến hành thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

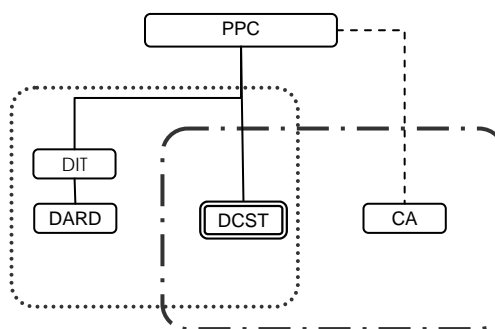
Các loại hình du lịch mới nên được đề xuất bao gồm câu cá, đốt lửa trại trong rừng, thử làm nông nghiệp trong các vườn cây và trại chăn nuôi, v.v. Kết hợp với Chương trình Xúc tiến Nghề Thủ công Mỹ nghệ, các làng du lịch nơi người dân có kinh nghiệm dệt thổ cẩm và làm đồ gốm thủ công cần được thiết lập, khi đó các sản phẩm thủ công mỹ nghệ trang trọng với các mẫu mã truyền thống của các nhóm dân tộc thiểu số sẽ được phát triển. Đồng thời, các cơ hội cho người dân địa phương bước vào công nghiệp du lịch sẽ được tạo ra bao gồm mở nhà hàng các món ăn dân tộc địa phương và các cửa hàng đồ lưu niệm. Các hoạt động làm sâu sắc hơn nhận biết của khách du lịch về các dân tộc thiểu số ở trong vùng và góp phần bảo tồn văn hoá truyền thống của họ cũng sẽ được bao gồm trong kế hoạch hành động. Trong tương lai việc xây dựng khách sạn, nhà hàng để đáp ứng nhu cầu của số khách du lịch gia tăng là rất cần thiết trong khi đó cũng cần cải thiện điều kiện kinh doanh nhằm thúc đẩy sự đầu tư từ bên ngoài tỉnh.

Khu vực Dự án: Tỉnh Hoà Bình

Các huyện ưu tiên của kế hoạch hành động này
(1 thành phố, 3 huyện)



Tổ chức



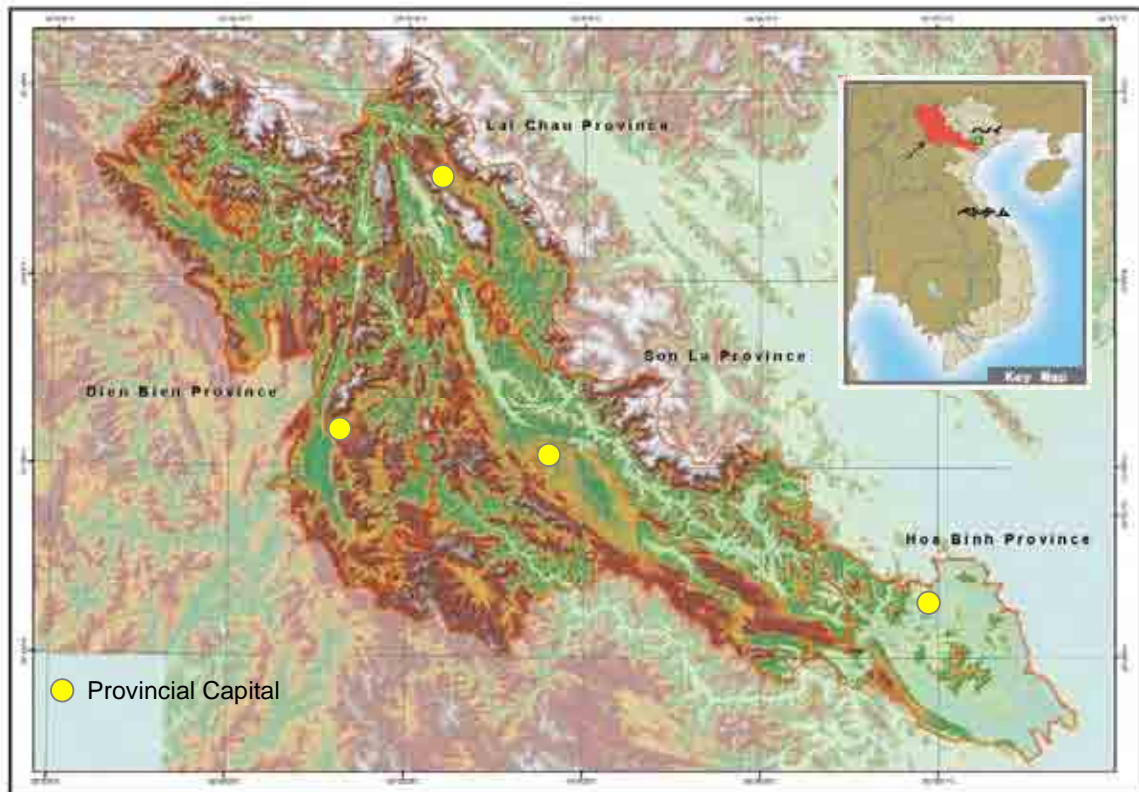
PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
DCST: Sở VH TT & DL
DIT: Sở Công Thương
DARD: Sở NN và PTNT
CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án								
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)						
<p>Khi du lịch ở Vùng Tây Bắc được kích hoạt, nguồn thu nhập của nông hộ được đa dạng hoá với thu nhập tăng.</p>		<p>1. Năng lực của Sở VH TT&DL về phát triển du lịch được nâng cao</p> <p>2. Du lịch nông thôn và du lịch xanh được tiến hành (các hoạt động thí điểm)</p> <p>3. Tiếp thị hướng đến khách du lịch mục tiêu được tiến hành</p> <p>4. Du lịch ở Vùng Tây Bắc được thúc đẩy</p> <p>5. Kế hoạch Quan hệ đối tác Nhà nước-tư nhân (PPP) nhằm phát triển cơ sở hạ tầng du lịch được nghiên cứu</p>						
Mục tiêu của Dự án								
<p>Du lịch được kích hoạt trong vùng mục tiêu của Chương trình.</p> <p>Lượng khách du lịch trong vùng mục tiêu của Chương trình tăng</p>								
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu	Năm					
			1	2	3	4	5	6
<p>1. Phát triển năng lực của cán bộ Sở VH TT&DL</p> <p>1-1 Xây dựng hướng dẫn về phát triển du lịch nông thôn</p> <p>1-2 Thu thập số liệu về phát triển du lịch trong tỉnh</p> <p>1-3 Phát triển năng lực về du lịch nông thôn thông qua sự tham gia của người dân địa phương</p> <p>1-4 Tăng cường sự hợp tác với các cơ quan khác (Sở Giao thông, Sở NN&PTNT, Sở Công Thương)</p> <p>2. Phát triển nguồn nhân lực về du lịch nông thôn và du lịch xanh</p> <p>2-1 Các cuộc họp giải thích về du lịch nông thôn và nghiên cứu về nhận thức thông qua hội thảo</p> <p>2-2 Lựa chọn vùng mục tiêu, đạt được sự đồng thuận giữa những người dân địa phương về việc thực hiện</p> <p>2-3 Các bài học về ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Việt)</p> <p>2-4 Hướng dẫn về quản lý nhà khách, nhà hàng, v.v..</p> <p>2-5 Thiết lập tổ chức để bắt đầu kinh doanh về các món ăn dân tộc, biểu diễn nghệ thuật, v.v. và đào tạo tập huấn</p> <p>2-6 Đào tạo tập huấn về các hướng dẫn cho du lịch xanh</p> <p>3. Tiếp thị du lịch nông thôn (phản hồi cho các chương trình khác)</p> <p>3-1 Xây dựng bảng câu hỏi cho khách du lịch</p> <p>3-2 Cuộc họp nghiên cứu của các nhà sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và lương thực chế biến</p> <p>3-3 Thiết lập các hộp thư ý kiến /góp ý (làng du lịch, khách sạn, nhà hàng, sân bay)</p> <p>3-4 Tổ chức các điểm bán hàng và tập trung để thử nếm lương thực, thực phẩm</p> <p>4. Xúc tiến du lịch</p> <p>4-1 Tạo lập thông tin quảng cáo, các cuốn sách nhỏ và bản đồ du lịch</p> <p>4-2 Hội chợ triển lãm/trưng bày sản phẩm và tập trung để thử nếm lương thực để xúc tiến bán hàng</p> <p>4-3 Tổ chức các sự kiện dưới chủ đề văn hoá dân tộc</p> <p>4-4 Thiết lập các bảng thông tin/giải thích</p> <p>5. Cải thiện cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch</p> <p>5-1 Kiểm tra để vận hành xe buýt theo tuyến vòng quanh các điểm du lịch</p> <p>5-2 Các cuộc họp giải thích và nghiên cứu về các kế hoạch PPP hướng tới kinh doanh/doanh nghiệp mục tiêu</p> <p>5-3 Đào tạo tập huấn các khoá học về kế hoạch PPP</p>		<p>- Hướng dẫn cho các tỉnh</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu cơ bản</p> <p>- Ghi chép đào tạo tập huấn</p> <p>- Biên bản cuộc họp tham vấn</p> <p>- Bài học ngôn ngữ</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy</p> <p>- Sổ tay, tài liệu giảng dạy</p> <p>- Chương trình giảng dạy/tập huấn, sổ tay</p> <p>- Bảng câu hỏi</p> <p>- Ghi chép cuộc họp nghiên cứu</p> <p>- Hợp ý kiến/góp ý</p> <p>- Chiến dịch, áp phích quảng cáo</p> <p>- Sách nhỏ</p> <p>- Chiến dịch</p> <p>- Các sự kiện</p> <p>- Bảng thông tin cho du lịch</p> <p>- Hướng dẫn</p> <p>- Hợp nghiên cứu</p> <p>- Thăm để quan sát</p>						
Đầu vào								
<p>1. Chuyên gia về</p> <p>1-1 Du lịch</p> <p>1-2 Phát triển xã hội</p> <p>1-3 Kinh tế xã hội.</p> <p>1-4 Nghề thủ công và chế biến lương thực, thực phẩm</p> <p>1-5 Thị trường và phân phối</p>		<p>2. Trang thiết bị và nguyên liệu cho các hoạt động thí điểm</p> <p>2-1 Thiết bị cho cải tạo cơ sở hạ tầng</p> <p>3. Chi phí cho hội thảo và tập huấn</p> <p>4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn trồng cây, vv...</p>						
Khuyến nghị								
<p>1. Giám sát ý thức của người dân địa phương, sự tự nguyện và sự nhạy cảm của người dân địa phương rất cần thiết đối với phát triển du lịch nông thôn. Xây dựng sự đồng thuận và sự tham gia tích cực của người dân cũng rất cần thiết. Đối với các hoạt động này, cần thực hiện việc thúc đẩy các biện pháp có sự tham gia.</p> <p>2. Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn dựa vào môi trường tự nhiên và những văn hoá độc đáo của các dân tộc thiểu số cần được thực hiện. Các mối liên kết với ngành nghề cơ bản cần được tăng cường.</p> <p>3. Phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương là một mấu chốt của sự thành công trong phát triển du lịch nông thôn: sản phẩm lương thực từ sữa (kem, sữa chua), thịt và cá được chế biến (giăm bông, xúc xích, thịt hun khói), đồ uống có cồn (bia, rượu)</p> <p>4. Phối hợp với các sở ban ngành và các cơ quan liên quan cũng như các tỉnh khác là rất cần thiết để tiến hành hoạt động PR một cách toàn diện của Vùng Tây Bắc.</p> <p>5. Các kế hoạch PPP cần phải có một hệ thống trong đó các hoạt động mới về nơi nghỉ trọ, trang trại du lịch, trung tâm du lịch, bảng thông tin du lịch, v.v. có thể được đề xuất.</p>								

11.7 Các Kế hoạch Hành động của Khu vực Tây Bắc

Khu vực Tây Bắc

Các Chương trình Quy hoạch Tổng thể
Các Kế hoạch Hành động (2010-2015)



Lĩnh vực	Chương trình Quy hoạch Tổng thể	Kế hoạch Hành động	Trang
Quy hoạch Tổng thể Khu vực			
2. Cải thiện An ninh Lương thực	2.2 Chương trình Sản xuất Cây Lương thực ở Vùng sâu vùng xa	AP2.2 Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi	11-110
4. Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối	4.1 Chương trình Quản lý Vùng Đầu nguồn Sông Đà	AP4.1 Trồng rừng bằng cây Cao su, các cây hữu ích khác và Xúc tiến Công Nông nghiệp	11-112
	4.2 Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên	AP4.2 Quản lý rừng đặc dụng và Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới	11-114
	4.3 Chương trình Xúc tiến Năng lượng Sinh khối	AP4.3 Áp dụng sản xuất năng lượng sinh khối	11-116
5. Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước	5.1 Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	AP5.1 Dự án Thí điểm Củng cố Hội Người Sử dụng Nước	11-118
	5.2 Chương trình Sử dụng Nước Suối Núi	AP5.2 Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi	11-120
6. Phát triển Đường Nông thôn	6.1 Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn	AP6.1 Dự án Thí điểm Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn	11-122
7. Điện khí hoá Nông thôn	7.1 Chương trình Điện khí hóa Nông thôn bằng Năng lượng Tái tạo	AP7.1 Dự án Thí điểm Phát triển Năng lượng Tái tạo	11-124
8. Tăng cường Năng lực	8.1 Chương trình Tập huấn Lập Kế hoạch 5 năm cho Cán bộ Tỉnh	AP8.1 Lập Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 5 năm	11-126
	8.2 Chương trình Thiết lập Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn	AP8.2 Dự án Thiết lập Hệ thống thông tin địa lý ở Khu vực Tây Bắc	11-128

Các Kế hoạch Hành động của Khu vực Tây Bắc

1. Các Nguyên tắc Cơ bản về Lựa chọn Kế hoạch Hành động

Diện tích Vùng Tây Bắc là 37.000 km², trải theo biên giới với Trung quốc, Lào tới vùng kinh tế của Hà Nội. Vùng gồm 4 tỉnh có điều kiện tự nhiên tương tự nhau. Hơn 40% kinh tế trong vùng phụ thuộc vào nông nghiệp. Hơn 80% dân số trong 2,65 triệu người chia thành 23 các nhóm dân tộc thiểu số mà cuộc sống của họ lệ thuộc vào nông nghiệp. Sự lệ thuộc vào nông nghiệp cho sinh kế và kinh tế hộ có lẽ còn cao hơn những số liệu thống kê đã nêu.

Kỳ vọng vào công nghiệp hóa, mà đó là một trong các mục tiêu của kinh tế quốc dân tới năm 2020, là rất lớn tại Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế trong vùng vẫn còn lệ thuộc vào nông nghiệp trong nhiều năm. Dựa trên những quan sát về kết cấu nền công nghiệp và xu thế trước đây, thì việc mở rộng thương mại và công nghiệp cùng công nghiệp dịch vụ trong một thời gian ngắn, là một điều khó khăn.

Quốc lộ 6 là huyết mạch trong Vùng, chạy dọc theo sông Đà theo hướng tây bắc-đông nam và nối với Hà Nội và biên giới quốc gia. Việc lưu thông người, hàng hóa và thông tin trong vùng phụ thuộc vào con đường này. Nếu như Vùng Tây Bắc được xem như một khu vực mà có trục phát triển là Quốc lộ 6, và tài nguyên vùng được xem xét theo các mục tiêu và chiến lược cụ thể, thì những nhiệm vụ chung cho phát triển vùng sẽ trở nên rõ ràng. Quy hoạch Tổng thể tập trung vào những vấn đề chung xuyên suốt các ranh giới chính quyền địa phương và kết hợp thành 5 vấn đề phát triển; 7 chương trình. Những chương trình này chắc chắn làm tăng hiệu quả và hiệu lực vì những vấn đề này được giải quyết theo quy mô vùng, thay vì quy mô tỉnh đơn lẻ.

Trong Quy hoạch Tổng thể, các chương trình mà chúng loại bỏ những nhân tố thực thi cho phát triển và thỏa mãn nhu cầu phát triển thì không được liệt kê. Các dự án phát triển khác nhau hiện đang triển khai tại Việt Nam như Chương trình 135 giảm nghèo quy mô toàn quốc và Chương trình Khôi phục 5-triệu ha Rừng, đều là chương trình quốc gia về bảo tồn rừng và môi trường. Quy hoạch Tổng thể này không có ý định trùng lặp với các chương trình hiện thời. Thay vì đó, Quy hoạch Tổng thể cố gắng phối hợp và bổ sung cho các chương trình này. Các chương trình dựa trên các khái niệm mới với nhận thức về tầm nhìn theo vùng như đã đề ra.

2. Các Kế hoạch Hành động Đề xuất

Bảo tồn môi trường toàn vùng

Các kế hoạch hành động đề ra nhằm thúc đẩy a) bảo tồn lưu vực sông Đà, b) phát triển năng lượng sinh khối và c) bảo tồn rừng đặc dụng. Cả ba vấn đề quan trọng này đều được ưu tiên trong Quy hoạch Tổng thể.

Trồng rừng và nông-lâm kết hợp là vấn đề cấp thiết để gia tăng thu nhập cho các hộ nông dân và bảo tồn lưu vực sông Đà (giảm dòng chảy bùn cát vào đập Hòa Bình và Sơn La). Sau này, việc nhập khẩu cao su tự nhiên của Trung quốc, sẽ có tác động tích cực trong Vùng. Việc trồng cao su dự kiến mang lại hiệu quả lớn

về thúc đẩy kinh doanh nông nghiệp và buôn bán biên giới.

Trong Vùng, đồng bào dân tộc sử dụng cây Trầu là nguyên liệu thô để lấy dầu. Nhu cầu về dầu sinh học đang tăng lên do việc gia tăng giá dầu thô. Jatropha được dự kiến sử dụng rất nhiều trong các hoạt động lâm nghiệp vì lợi ích giảm nghèo và bảo tồn lưu vực. Bộ Nông nghiệp PTNT và một số trường đại học đang có nghiên cứu về Jatropha. Tham khảo các kết quả nghiên cứu này, một kế hoạch hành động đề ra dự án thí điểm trồng cây Jatropha.

Các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, và hỗ trợ - phối hợp

Các kế hoạch hành động về hạ tầng cơ sở chủ yếu bao gồm các dự án thí điểm thủy lợi, nước nông thôn, điện và đường nông thôn.

Đối với thủy lợi, việc chuyển giao kỹ thuật về phần mềm thủy lợi được diễn ra trong các dự án thủy lợi ưu tiên mà chắc chắn sẽ sớm được thực hiện. Theo cách hỗ trợ cho các hợp tác xã, việc chuyển giao kỹ thuật này nhằm chuyển giao các công trình thủy lợi cho hợp tác xã một cách thuận lợi, và nâng cao năng lực nông dân trong công tác vận hành và duy tu. Trong Vùng, việc phát triển thủy lợi chủ yếu được thực hiện tại các vùng đất thấp nằm giữa các ngọn núi. Quan tâm về các con suối, có một kế hoạch hành động đề ra việc sử dụng đa mục tiêu các con suối thông qua việc kết hợp cung cấp a) nước thủy lợi cho ruộng bậc thang trên núi và b) nước sinh hoạt cho các bản bằng các ống dẫn.

Đối với các con đường, các dự án dựa trên quy hoạch đường quốc gia đã được thực hiện liên tục. Một kế hoạch hành động đề ra dự án thí điểm về vận hành và duy tu đường mà sẽ hỗ trợ cho các hoạt động/dự án hiện tại về cải tạo mạng lưới đường. Việc điện khí hóa nông thôn có lẽ sẽ cho hiệu quả-chi phí thấp vì chi phí cho phân phối điện dự kiến sẽ cao do mật độ dân số trong Vùng quá thấp. Có một kế hoạch hành động xem xét việc hình thành các công trình về phân phối và phát điện tại chỗ.

Tăng cường năng lực cho cán bộ lãnh đạo địa phương

Chương trình phát triển nguồn nhân lực được tiến hành nhằm quy hoạch, thực hiện, quản lý và giám sát các hoạt động/dự án phát triển nông thôn và nông nghiệp một cách trôi chảy. Vì chương trình phát triển kinh tế-xã hội 5-năm tiếp theo của Việt Nam bắt đầu từ năm 2011, có một kế hoạch hành động đề ra việc chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ Sở Nông nghiệp PTNT từng tỉnh để họ có thể đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng các kế hoạch theo ngành nông nghiệp cho Chương trình PTKTXH.

Việc giám sát các hoạt động sẽ không được dành ưu tiên do bản thân việc giám sát không tạo ra lợi nhuận trực tiếp. Việc thu thập và tổ chức thông tin cơ bản về phát triển nông nghiệp và nông thôn là vấn đề căn bản trong việc thực hiện các dự án khác nhau mà không bị trùng lặp. Một kế hoạch hành động đề ra việc thành lập cơ sở dữ liệu thông qua sử dụng GIS và đào tạo ứng dụng các số liệu trong giám sát dự án.

Lĩnh vực	Cải thiện An ninh Lương thực ở Khu vực Tây Bắc		
Chương trình	Chương trình Cải thiện Thú Y và Chăn Nuôi		
Kế hoạch Hành động	Kiểm soát Sức khỏe Vật nuôi		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Nông dân chăn nuôi và các doanh nghiệp chăn nuôi ở Vùng Tây Bắc		
Cơ quan thực hiện	Viện Chăn nuôi (NIAH)	Cơ quan hữu quan	Cục Thú Y

Mục tiêu

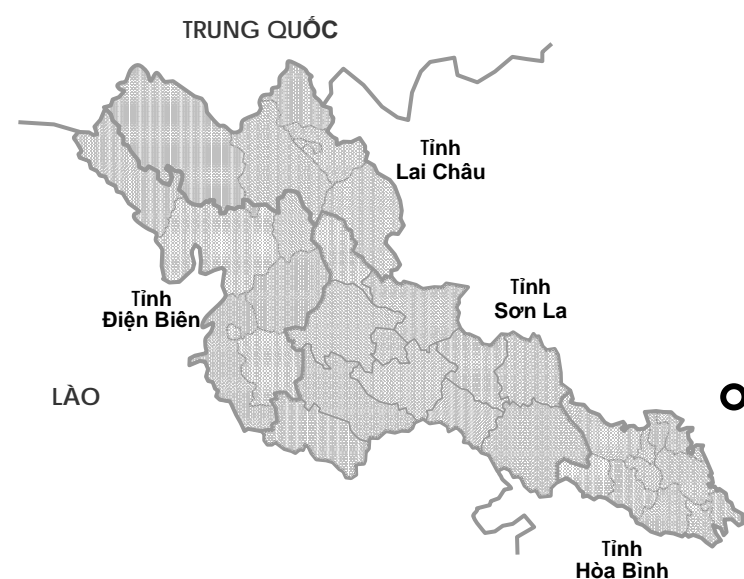
Tháng 1/2008, Chính phủ Việt Nam ban hành Chiến lược Phát triển Chăn nuôi đến năm 2020 (Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg). Với quan điểm tăng trưởng kinh tế nhanh, Chiến lược đặt mục tiêu tăng tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành chăn nuôi lên 42%, đồng thời nỗ lực áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh và cải thiện an toàn vệ sinh thực phẩm. Trên 50 người ở Việt Nam được xác nhận là đã tử vong do nhiễm cúm gia cầm chủng H5N1 (AI). Việt Nam đang tiếp tục nằm dưới sự giám sát của Tổ chức Thú Y Thế giới (OIE) và các cơ quan quốc tế khác.

Hệ thống hỗ trợ ngành chăn nuôi chưa được phát triển tốt ở Vùng. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi là vô cùng cần thiết ở đây. Nếu một trường hợp mắc bệnh cúm gia cầm xảy ra ở Vùng, nó có thể hủy diệt đàn gà chỉ trong vòng 4-5 ngày. Bởi các mẫu xét nghiệm bệnh lý phải gửi lên tận Hà Nội, nguy cơ lan rộng và thiệt hại của cúm gia cầm càng lớn. Các tác nhân gây bệnh đã biến đổi nên nguy cơ dịch bệnh lớn rất đáng lo ngại. Biện pháp chống cúm gia cầm hiện nay là tiêu hủy hàng loạt gà và gia cầm, gây thiệt hại vô cùng lớn cho các hộ chăn nuôi. Việc này cũng có thể gây thiệt hại cho nền kinh tế quốc gia.

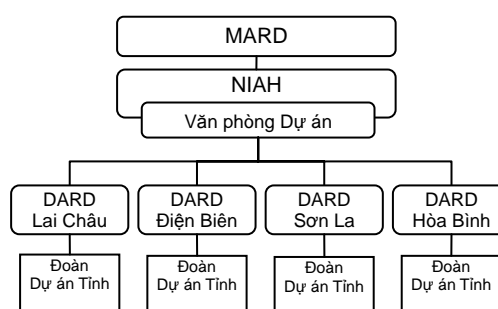
Vắc xin cúm gia cầm đã được sản xuất tại Việt Nam nhưng WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) và các cơ quan khác vẫn còn hoài nghi về hiệu quả của chúng. (Các vắc xin cho vật nuôi nhìn chung được sản xuất ở trong nước nhưng các loại thuốc của Trung Quốc và Hà Lan vẫn thường xuyên được sử dụng). Các bệnh dịch được chính thức công nhận là bệnh truyền nhiễm ở Nhật, thí dụ bệnh than, có tính lan tràn cực nhanh. Sự lan tràn của bệnh lở mồm long móng (FMD), theo đó các động vật có móng (trong Vùng chiếm 5,5% loại vật nuôi này của cả nước) dễ dàng bị lây nhiễm, còn nghiêm trọng hơn. Các nông dân chăn nuôi dường như không chẩn đoán sớm được bệnh lở mồm long móng vì họ không biết về căn bệnh này. Đây chính là nguyên nhân khiến bệnh lan rộng. Mỗi tình đều đang nỗ lực phòng bệnh bằng cách tiêm vắc xin định kỳ cho vật nuôi. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác phòng bệnh này chưa được nhận thấy do những khó khăn riêng của các khu vực biên giới quốc gia và việc không tiếp cận được đến đàn vật nuôi ở các khu vực vùng sâu vùng xa. Tin tức về dịch bệnh vật nuôi gần đây đã bắt đầu được truyền phát để người dân dần nhận thức được nhiều hơn về chúng. Mặc dù vậy, các nông dân chăn nuôi dường như chưa nắm được đầy đủ về tình hình thiệt hại kinh tế kéo theo do các dịch bệnh như vậy gây ra.

Diện tích đất của Vùng chiếm 11,2% diện tích đất quốc gia. Theo Thống kê Nông Lâm nghiệp Việt Nam 2005, có 4,4% đàn bò Việt Nam sống ở Tây Bắc; tương tự cho các vật nuôi khác là lợn 4,8%; trâu nước 14,9% và gia cầm/gà 3,6%. Không kể trâu thì tỷ lệ các vật nuôi ở Vùng đều khá thấp. Mật độ dân số tại đây là 69 người/km², thấp nhất ở Việt Nam. Kế hoạch hành động này nhằm mở rộng/phổ biến ngành chăn nuôi an toàn thông qua việc thiết lập khu vực không có dịch bệnh (EFA) như một biện pháp phòng chống dịch bệnh trên toàn Vùng.

Khu vực Mục tiêu: Khu vực Tây Bắc



Sơ đồ Tổ chức



MARD: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn

NIAH: Viện Chăn nuôi Quốc gia

DARD: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn

Tóm tắt Dự án	
Mục tiêu Tổng thể Cải thiện sự an toàn thực phẩm của các sản phẩm chăn nuôi thông qua giảm bớt tỷ lệ dịch bệnh ở vật nuôi	Kết quả 1. Các cơ sở và phương tiện phòng dịch bệnh được thiết lập ở tất cả các tuyến dẫn đến khu vực mục tiêu 2. Nhóm biện pháp vệ sinh/phòng dịch bệnh cho Vùng được tổ chức 3. Kiến thức và kỹ năng quản lý phòng dịch bệnh và vệ sinh của nông dân chăn nuôi được nâng cao 4. Vùng sẽ được chứng nhận như khu vực thanh toán dịch bệnh (lở mồm long móng) đầu tiên bởi tổ chức quốc tế tại Việt Nam. 5. Giá trị gia tăng cho các sản phẩm vật nuôi ở vùng được đánh giá theo quan điểm an toàn thực phẩm.
Mục tiêu Dự án Khu vực Không nhiễm Dịch bệnh (EFA) được thiết lập nơi các sản phẩm chăn nuôi an toàn được sản xuất Thu nhập của các hộ chăn nuôi được tăng lên	
Hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
1. Đánh giá thực trạng các cơ sở phòng chống dịch bệnh và công tác quản lý ở các cơ sở này 1-1 Đánh giá thực trạng hệ thống phòng chống dịch bệnh trong Vùng 1-1-1 Xem xét các tuyến đường vào Vùng 1-1-2 Năm bắt về cơ sở kiểm dịch và hệ thống kiểm soát 1-2 Rà soát lại và tiến hành cải thiện quản lý cơ sở phòng chống dịch bệnh 1-2-1 Soạn thảo hướng về phương tiện và công tác quản lý phòng chống dịch bệnh 1-2-2 Rà soát việc quản lý bởi người hưởng lợi 1-2-3 Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ quản lý 1-2-4 Triển khai công tác quản lý các cơ sở phòng chống dịch bệnh	- Bản đồ GIS - Cơ sở dữ liệu - Hướng dẫn - Hướng dẫn - Tài liệu giảng dạy tập huấn - Sách ghi chép công tác duy trì
2. Thiết lập nhóm thực hiện biện pháp vệ sinh / phòng chống dịch bệnh 2-1 Thiết lập nhóm và rà soát chính sách hành động 2-1-1 Lựa chọn nhân sự chuyên trách cho nhóm hành động và thiết lập văn phòng địa phương ở các Sở NN-PTNT 2-1-2 Xem xét lại công tác phòng chống dịch bệnh, các luật định và hướng dẫn liên quan về vệ sinh sản phẩm vật nuôi 2-1-3 Xây dựng hướng dẫn hoạt động, quản lý 2-2 Các biện pháp phòng chống bệnh lây nhiễm 2-2-1 Nghiên cứu sự bùng phát bệnh lây nhiễm và các biện pháp phòng chống sự bùng phát này 2-2-2 Cải tiến công tác truyền thông vào thời điểm bùng phát dịch, các biện pháp chống bùng phát dịch, thông báo cho các cơ quan hữu quan 2-2-3 Tập huấn cho các nông dân ở vùng sâu vùng xa đóng vai trò như những phụ tá về thú y 2-2-4 Giải thích các tác động tích cực của chương trình cho những người nông dân 2-2-5 Phân phối thiết bị nghe nhìn và phổ biến tài liệu nhằm phát hiện bệnh sớm 2-3 Sự hỗ trợ và phối hợp của chính quyền địa phương 2-3-1 Giám sát các hoạt động 2-3-2 Báo cáo và yêu cầu xác nhận tới các tổ chức quốc tế 2-3-3 Giới thiệu hoạt động tới các công ty tư nhân và thu hút đầu tư 2-4 Cải thiện lò mổ. Phát triển các sản phẩm chăn nuôi và các thiết bị liên quan về vệ sinh 2-4-1 Phát triển luật và điều chỉnh lại hệ thống thuế liên quan đến các lò mổ, cải tiến quản lý các lò mổ 2-4-2 Phát triển phân phối thiết bị nhằm cải thiện vệ sinh trong quá trình bán hàng 2-4-3 Đào tạo phương pháp chế biến thực phẩm có thời hạn sử dụng dài và phân phối sản phẩm	- Danh sách cán bộ - Cơ sở dữ liệu - Hướng dẫn - Cơ sở dữ liệu - Bộ thiết bị - Ghi chép tập huấn - Thuyết trình - Tài liệu và thiết bị tuyên truyền kiến thức - Ghi chép bảo dưỡng thiết bị - Báo cáo công tác của MARD - Tạo trang WEB - Cơ sở dữ liệu - Bộ thiết bị - Sổ tay kỹ thuật
Đầu vào	
1. Chuyên gia về 1-1 Vệ sinh chăn nuôi (cộng đồng) 1-2 Phòng dịch bệnh vật nuôi 1-3 Thú y 1-4 Chế biến thực phẩm	2. Thiết bị và vật liệu 2-1 Thiết bị và vật liệu phòng dịch bệnh 2-2 Thiết bị sản xuất vắc xin 2-3 Thiết bị chế biến thực phẩm 3. Chi phí hội thảo, tập huấn, vv... 4. Sổ tay, tài liệu tập huấn.
Khuyến nghị	
1. Như là thử nghiệm đầu tiên tại Việt Nam, chương trình này nhằm giúp các cơ quan hữu quan hiểu được các nội dung của chương trình, bao gồm các hoạt động trình diễn. 2. Việc phối hợp nhịp nhàng với các bộ đôi hỏi có sự phân chia trách nhiệm rõ ràng và trao đổi chặt chẽ. 3. Để dễ hiểu hơn, tình hình bùng phát các dịch bệnh cần được phản ánh bằng trực quan sinh động. 4. Các hoạt động Quan hệ công chúng (PR) sẽ được tiến hành để tuyên truyền về khu vực không có dịch bệnh. 5. Trước khi thực hiện chương trình, cần báo cáo các nội dung (hoạt động) của chương trình cho OIE (Tổ chức Thú Y Thế giới) và đề nghị các tổ chức quốc tế khác phối hợp cùng hoạt động.	

Lĩnh vực	Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối		
Chương trình	Bảo tồn Vùng Đầu nguồn Sông Đà		
Kế hoạch Hành động	Trồng rừng bằng cây cao su và các loại cây hữu ích khác và xúc tiến nông lâm kết hợp		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Toàn bộ vùng đầu nguồn đập thủy điện Sơn La ở tỉnh Điện Biên, Lai Châu và Sơn La và vùng đầu nguồn đập thủy điện Hòa Bình thuộc tỉnh Sơn La và Hòa Bình		
Cơ quan thực hiện	Sở NN & PTNT (Chi Cục lâm nghiệp) dưới sự điều hành của Bộ NN & PTNT (Cục Lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan	Các công ty cao su cấp tỉnh (PRC), DAFPPSI, NTFPRC, Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Đà (MBWPDR), NIAPP...

Mục tiêu

Nhiều đập thủy điện được xây dựng ở lưu vực sông Đà như đập Hòa Bình, đập Sơn La. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng sự bồi lắng là nguyên nhân dẫn đến thiếu nước cho sản xuất điện của các đập này. Hiện tượng trên là hậu quả của việc chặt rừng đầu nguồn. Vì vậy, để có được sự phát điện ổn định thì cần thiết phải bảo vệ rừng đầu nguồn dọc lưu vực sông Đà. Đối với người dân sống ở vùng rừng đầu các đập thủy điện, thu nhập của người dân sẽ phải tăng lên đồng bộ với việc rừng được bảo vệ.

Kế hoạch hành động này thuộc Pha I (2010 - 2015) của Chương trình bảo tồn lưu vực sông Đà. Theo đó, các biện pháp quản lý tổng hợp dựa trên cộng đồng sẽ được tiến hành đồng bộ với các biện pháp tạo thu nhập cho người dân địa phương để bảo vệ rừng đầu nguồn của đập thủy điện Hòa Bình và Sơn La.

- 1) Các biện pháp tạo thu nhập dài hạn cho người dân đối với rừng sản xuất.
Cây cao su và các loài cây có ích khác như Lát hoa, Dó trâm, và Sưa Bắc Bộ sẽ được trồng tại các vùng mục tiêu. Chương trình này sẽ được thực thi gắn với các kế hoạch hiện có về trồng cây cao su của từng tỉnh. Đối với việc chế biến nhựa khô từ mù cao su, cây cao su đã được trồng thử nghiệm tại mỗi tỉnh sẽ được dùng để chế biến nhựa khô. Sự cải tiến năng lực hành chính và các cán bộ kỹ thuật làm công tác khuyến lâm cũng sẽ được xúc tiến.
- 2) Các biện pháp tạo thu nhập ngắn hạn cho người dân tại vùng rừng sản xuất
Vì phải mất tới 7 năm mới bắt đầu khai thác được mù cao su và tận thu gỗ sau khai thác mù nên việc trồng các cây nông lâm nghiệp dưới tán rừng cao su sẽ được phát triển nhằm tạo thêm thu nhập cho người dân.
Các cây được tiến cử đưa vào canh tác dưới tán rừng là các cây lương thực như lúa, ngô nương.... cây gia vị như hạt tiêu, gừng.... cây ăn quả như chuối, mít, chôm chôm.... cây nguyên liệu cho xây dựng/thủ công như mây, tre nứa... tham khảo các trường hợp thực tế ở Việt Nam và các nước láng giềng.
- 3) Các biện pháp quản lý rừng đầu nguồn dành cho vùng rừng phòng hộ
Các cây bản địa và nội địa sẽ được trồng tại các cánh rừng phòng hộ.
- 4) Cải tiến các kỹ thuật chế biến sản phẩm
Đào tạo kỹ năng kiến thức cho việc chế biến sản phẩm sẽ được tiến hành cho việc khai thác mù cao su và gỗ từ các loại cây hữu ích khác.
- 5) Khai phá thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm
Các khảo sát tình hình thị trường sẽ được tiến hành và các thị trường mới sẽ được phát triển.

<p>Khu vực Dự án: Vùng đầu nguồn đập thủy điện Sơn La và Hòa Bình trong khu vực Tây Bắc</p> <p>TRUNG QUỐC</p> <p>Nậm Na</p> <p>Lai Châu</p> <p>Nậm Mu</p> <p>Điện Biên</p> <p>Nậm Mực</p> <p>Đập Sơn La</p> <p>Sông Đà</p> <p>Hà Nội</p> <p>Đập Hòa Bình</p> <p>Sơn La</p> <p>Hòa Bình</p> <p>Vùng đầu nguồn dọc lưu vực sông Đà của đập thủy điện Hòa Bình và Sơn La</p>	<p>Tổ chức</p> <p>Phối hợp với các tổ chức hữu quan</p> <p>MARD (DOF)</p> <p>PRC</p> <p>DAFPPS</p> <p>NTFPRC</p> <p>MBWPDR</p> <p>NIAPP</p> <p>DARD</p> <p>Sub-DOF</p> <p>Thực hiện cùng các tổ chức hữu quan</p> <p>CA</p> <p>Hợp tác xã</p> <p>MARD: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn DOF: Cục Lâm nghiệp DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp PRC: Công ty cao su cấp tỉnh DAFPPSI: Cục Chế biến Nông lâm sản và Nghề muối NTFPRC: Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp MBWPDR: BQL rừng đầu nguồn sông Đà CA: Liên minh Hợp tác xã</p>
--	--

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																																																																																										
<p>Mục tiêu tổng thể</p> <p>Sản xuất thủy điện bền vững sẽ được thực hiện ở lưu vực sông Đà. Các nguồn thu nhập của người dân địa phương sẽ được đa dạng hóa và gia tăng về số lượng.</p> <p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Đất rừng ở các khu vực mục tiêu sẽ được bảo tồn và khối lượng đất xói mòn sẽ được giảm bớt.</p> <p>Sinh kế của người dân địa phương ở các khu vực mục tiêu sẽ được cải thiện.</p>	<p>Kết quả Dự kiến (Thành quả)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các biện pháp quản lý vùng đầu nguồn hồ đập sẽ được hình thành. Thiết lập và trình diễn các kỹ thuật phù hợp đối với chế biến cà phê (các hoạt động thí điểm) 2. Việc tái trồng rừng trên các lưu vực đập và việc bố trí/xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ được thực hiện. 3. Thu nhập ngắn hạn của người dân địa phương được cải thiện bằng cách áp dụng phương pháp nông lâm kết hợp. 4. Các kỹ thuật chế biến sản phẩm sẽ được cải tiến 5. Thị trường mới của các sản phẩm sẽ được khai phá. 																																																																																																																																																																																																																																																																									
Các hoạt động	<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Báo cáo và Tài liệu</th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1 Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1-1 Khảo sát điều kiện thực địa</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1-2 Xây dựng các biện pháp bảo tồn lưu vực hồ đập, bao gồm các kế hoạch nông lâm và giám sát</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1-3 Tiến hành các khảo sát cơ bản (bao gồm dòng trầm tích)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Tập huấn cán bộ đào tạo về chuyên giao các kỹ thuật</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2-1 Hỗ trợ xây dựng kế hoạch bảo tồn lưu vực</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2-2 Hỗ trợ chuyên giao kỹ thuật bảo tồn lưu vực</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2-3 Hỗ trợ giám sát</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Triển khai Trồng rừng Bảo tồn Lưu vực</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1 Khuyến nông và triển khai kỹ thuật trồng rừng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1-1 Hỗ trợ kỹ thuật nhận biết các điểm trồng rừng thích hợp và phân định ranh giới</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1-2 Khuyến nông và hướng dẫn các phương pháp trồng rừng và chăm sóc rừng thích hợp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1-3 Trồng rừng ở các khu vực rừng sản xuất và phòng hộ</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2-1 Hướng dẫn thu mua cây giống tốt, hợp với khu vực mục tiêu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2-2 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2-3 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Thúc đẩy Nông Lâm nghiệp kết hợp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1 Phát triển, tìm tòi và cải tạo cây giống thích hợp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-1 Tập huấn kỹ thuật đối với các giống truyền thống</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-2 Phát triển và tìm các giống mới thích hợp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-3 Trồng các giống thích hợp bên dưới cây trồng chính</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-4 Tập huấn kỹ thuật sản xuất/ chế biến các giống thích hợp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-5 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2-1 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Thúc đẩy Kỹ thuật Chế biến</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1 Tập huấn kỹ thuật chế biến mù cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-3 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Marketing và Thúc đẩy Bán hàng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1 Khảo sát thị trường đích cho sản phẩm cao su và các sản phẩm khác</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-2 Hỗ trợ xúc tiến bán hàng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Báo cáo và Tài liệu	Năm						1	2	3	4	5	6	1. Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập							1-1 Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập							1-1-1 Khảo sát điều kiện thực địa							1-1-2 Xây dựng các biện pháp bảo tồn lưu vực hồ đập, bao gồm các kế hoạch nông lâm và giám sát							1-1-3 Tiến hành các khảo sát cơ bản (bao gồm dòng trầm tích)							1-2 Tập huấn cán bộ đào tạo về chuyên giao các kỹ thuật							1-2-1 Hỗ trợ xây dựng kế hoạch bảo tồn lưu vực							1-2-2 Hỗ trợ chuyên giao kỹ thuật bảo tồn lưu vực							1-2-3 Hỗ trợ giám sát							2. Triển khai Trồng rừng Bảo tồn Lưu vực							2-1 Khuyến nông và triển khai kỹ thuật trồng rừng							2-1-1 Hỗ trợ kỹ thuật nhận biết các điểm trồng rừng thích hợp và phân định ranh giới							2-1-2 Khuyến nông và hướng dẫn các phương pháp trồng rừng và chăm sóc rừng thích hợp							2-1-3 Trồng rừng ở các khu vực rừng sản xuất và phòng hộ							2-1-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt							2-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu							2-2-1 Hướng dẫn thu mua cây giống tốt, hợp với khu vực mục tiêu							2-2-2 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt							2-2-3 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống							3. Thúc đẩy Nông Lâm nghiệp kết hợp							3-1 Phát triển, tìm tòi và cải tạo cây giống thích hợp							3-1-1 Tập huấn kỹ thuật đối với các giống truyền thống							3-1-2 Phát triển và tìm các giống mới thích hợp							3-1-3 Trồng các giống thích hợp bên dưới cây trồng chính							3-1-4 Tập huấn kỹ thuật sản xuất/ chế biến các giống thích hợp							3-1-5 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt							3-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu							3-2-1 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt							3-2-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống							4. Thúc đẩy Kỹ thuật Chế biến							4-1 Tập huấn kỹ thuật chế biến mù cao su							4-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến							4-3 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt							5. Marketing và Thúc đẩy Bán hàng							5-1 Khảo sát thị trường đích cho sản phẩm cao su và các sản phẩm khác							5-2 Hỗ trợ xúc tiến bán hàng						
Báo cáo và Tài liệu	Năm																																																																																																																																																																																																																																																																									
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																																																																																																				
1. Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-1 Xây dựng các Biện pháp Bảo tồn Lưu vực Hồ Đập																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-1-1 Khảo sát điều kiện thực địa																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-1-2 Xây dựng các biện pháp bảo tồn lưu vực hồ đập, bao gồm các kế hoạch nông lâm và giám sát																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-1-3 Tiến hành các khảo sát cơ bản (bao gồm dòng trầm tích)																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-2 Tập huấn cán bộ đào tạo về chuyên giao các kỹ thuật																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-2-1 Hỗ trợ xây dựng kế hoạch bảo tồn lưu vực																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-2-2 Hỗ trợ chuyên giao kỹ thuật bảo tồn lưu vực																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-2-3 Hỗ trợ giám sát																																																																																																																																																																																																																																																																										
2. Triển khai Trồng rừng Bảo tồn Lưu vực																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-1 Khuyến nông và triển khai kỹ thuật trồng rừng																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-1-1 Hỗ trợ kỹ thuật nhận biết các điểm trồng rừng thích hợp và phân định ranh giới																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-1-2 Khuyến nông và hướng dẫn các phương pháp trồng rừng và chăm sóc rừng thích hợp																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-1-3 Trồng rừng ở các khu vực rừng sản xuất và phòng hộ																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-1-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-2-1 Hướng dẫn thu mua cây giống tốt, hợp với khu vực mục tiêu																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-2-2 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-2-3 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống																																																																																																																																																																																																																																																																										
3. Thúc đẩy Nông Lâm nghiệp kết hợp																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1 Phát triển, tìm tòi và cải tạo cây giống thích hợp																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1-1 Tập huấn kỹ thuật đối với các giống truyền thống																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1-2 Phát triển và tìm các giống mới thích hợp																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1-3 Trồng các giống thích hợp bên dưới cây trồng chính																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1-4 Tập huấn kỹ thuật sản xuất/ chế biến các giống thích hợp																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-1-5 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-2 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-2-1 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt																																																																																																																																																																																																																																																																										
3-2-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở sản xuất cây giống																																																																																																																																																																																																																																																																										
4. Thúc đẩy Kỹ thuật Chế biến																																																																																																																																																																																																																																																																										
4-1 Tập huấn kỹ thuật chế biến mù cao su																																																																																																																																																																																																																																																																										
4-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến																																																																																																																																																																																																																																																																										
4-3 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt																																																																																																																																																																																																																																																																										
5. Marketing và Thúc đẩy Bán hàng																																																																																																																																																																																																																																																																										
5-1 Khảo sát thị trường đích cho sản phẩm cao su và các sản phẩm khác																																																																																																																																																																																																																																																																										
5-2 Hỗ trợ xúc tiến bán hàng																																																																																																																																																																																																																																																																										
Đầu vào	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>1. Chuyên gia về</td> <td>2-2 Vườn ươm cây giống cho nông lâm</td> <td>3-3 Nguyên vật liệu trồng rừng</td> </tr> <tr> <td>1-1 Qui hoạch bảo tồn vùng đầu nguồn</td> <td>2-3 Xe tải (tải trọng 2 tấn)</td> <td>3-4 Nguyên vật liệu cho trồng cây nông lâm</td> </tr> <tr> <td>1-2 Trồng rừng</td> <td>2-4 Các cơ sở chế biến mù cao su</td> <td>4. Các Nguyên vật liệu/thiết bị liên quan khác</td> </tr> <tr> <td>1-3 Chế biến/ sử dụng mù cao su</td> <td>2-4 Các cơ sở chế biến mỗi loại cây</td> <td>4-1 Nguyên vật liệu/ thiết bị chế biến mù</td> </tr> <tr> <td>1-4 Nông lâm kết hợp</td> <td>3. Nguyên vật liệu sản xuất</td> <td>4-2 Nguyên vật liệu/thiết bị chế biến của mỗi loại cây</td> </tr> <tr> <td>1-5 Phân phối/ tiếp thị sản phẩm</td> <td>3-1 Nguyên vật liệu cho vườn ươm cao su giống</td> <td>5. Sổ tay, hướng dẫn kỹ thuật, vv...</td> </tr> <tr> <td>1-6 Các loại giống cụ thể (ngắn hạn)</td> <td>3-2 Nguyên vật liệu cho vườn ươm giống cây trồng cho nông lâm kết hợp</td> <td>6. Máy tính cá nhân</td> </tr> <tr> <td>2. Cơ sở vật chất (bao gồm các cơ sở tạm thời)</td> <td></td> <td>7. Đào tạo tập huấn, thăm quan</td> </tr> <tr> <td>2-1 Vườn ươm cây cao su giống</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	1. Chuyên gia về	2-2 Vườn ươm cây giống cho nông lâm	3-3 Nguyên vật liệu trồng rừng	1-1 Qui hoạch bảo tồn vùng đầu nguồn	2-3 Xe tải (tải trọng 2 tấn)	3-4 Nguyên vật liệu cho trồng cây nông lâm	1-2 Trồng rừng	2-4 Các cơ sở chế biến mù cao su	4. Các Nguyên vật liệu/thiết bị liên quan khác	1-3 Chế biến/ sử dụng mù cao su	2-4 Các cơ sở chế biến mỗi loại cây	4-1 Nguyên vật liệu/ thiết bị chế biến mù	1-4 Nông lâm kết hợp	3. Nguyên vật liệu sản xuất	4-2 Nguyên vật liệu/thiết bị chế biến của mỗi loại cây	1-5 Phân phối/ tiếp thị sản phẩm	3-1 Nguyên vật liệu cho vườn ươm cao su giống	5. Sổ tay, hướng dẫn kỹ thuật, vv...	1-6 Các loại giống cụ thể (ngắn hạn)	3-2 Nguyên vật liệu cho vườn ươm giống cây trồng cho nông lâm kết hợp	6. Máy tính cá nhân	2. Cơ sở vật chất (bao gồm các cơ sở tạm thời)		7. Đào tạo tập huấn, thăm quan	2-1 Vườn ươm cây cao su giống																																																																																																																																																																																																																																																
1. Chuyên gia về	2-2 Vườn ươm cây giống cho nông lâm	3-3 Nguyên vật liệu trồng rừng																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-1 Qui hoạch bảo tồn vùng đầu nguồn	2-3 Xe tải (tải trọng 2 tấn)	3-4 Nguyên vật liệu cho trồng cây nông lâm																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-2 Trồng rừng	2-4 Các cơ sở chế biến mù cao su	4. Các Nguyên vật liệu/thiết bị liên quan khác																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-3 Chế biến/ sử dụng mù cao su	2-4 Các cơ sở chế biến mỗi loại cây	4-1 Nguyên vật liệu/ thiết bị chế biến mù																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-4 Nông lâm kết hợp	3. Nguyên vật liệu sản xuất	4-2 Nguyên vật liệu/thiết bị chế biến của mỗi loại cây																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-5 Phân phối/ tiếp thị sản phẩm	3-1 Nguyên vật liệu cho vườn ươm cao su giống	5. Sổ tay, hướng dẫn kỹ thuật, vv...																																																																																																																																																																																																																																																																								
1-6 Các loại giống cụ thể (ngắn hạn)	3-2 Nguyên vật liệu cho vườn ươm giống cây trồng cho nông lâm kết hợp	6. Máy tính cá nhân																																																																																																																																																																																																																																																																								
2. Cơ sở vật chất (bao gồm các cơ sở tạm thời)		7. Đào tạo tập huấn, thăm quan																																																																																																																																																																																																																																																																								
2-1 Vườn ươm cây cao su giống																																																																																																																																																																																																																																																																										
Khuyến nghị																																																																																																																																																																																																																																																																										
<ol style="list-style-type: none"> 1. Việc phối hợp với các cơ quan/tổ chức hữu quan nên được xem xét để có được sự hỗ trợ hợp nhất. 2. Nên tránh trồng quy mô lớn một loài đơn nhất để phòng ngừa những nguy hại do côn trùng, điều kiện khí tượng thủy văn, v.v. gây ra. Tuy nhiên, việc phân bố và bố trí các diện tích trồng hợp lý cần được cân nhắc để tiện cho công tác thu hoạch và vận chuyển 3. Nên đẩy mạnh phát triển các giống đã có trong địa phương đồng thời đưa vào các giống mới nhằm đa dạng hóa các thể loại sản phẩm. Các phương pháp có sự tham gia của cộng đồng cần được thúc đẩy trong quá trình tiến hành dự án vì sự đồng thuận và tính độc lập của người dân rất cần thiết cho việc quản lý nguồn lực bền vững. 4. Cung cấp hỗ trợ đầy đủ, như cử chuyên gia riêng đối với mỗi loại cây nông lâm nghiệp trên cơ sở đánh giá của các chuyên gia vì mỗi loại cây trồng đòi hỏi áp dụng các phương pháp gieo trồng, chăm sóc và chế biến khác nhau. 																																																																																																																																																																																																																																																																										

Lĩnh vực	Bảo tồn Môi trường và Phát triển Năng lượng Sinh khối		
Chương trình	Chương trình Bảo tồn Rừng Tự nhiên		
Kế hoạch Hành động	Hỗ trợ kỹ thuật cho Quản lý Rừng Đặc dụng và Thiết lập các Khu Bảo tồn Thiên nhiên Mới		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Các khu rừng đặc dụng ở Tây Hoàng Liên (Khu đề xuất), Lai Châu; Mường Nhé (Khu bảo tồn), Điện Biên; Sốp Cộp (Khu bảo tồn), Sơn La; Hang Kia – Pà Cò (Khu bảo tồn), Hòa Bình; và rừng phòng hộ ở Nậm Cuối, Tủa Sín Chải và Bình Lư (Khu đề xuất bảo tồn loài/sinh cảnh), Lai Châu; Mường La ((Khu đề xuất bảo tồn loài/sinh cảnh), Sơn La. Cán bộ của Chi cục lâm nghiệp, Chi cục kiểm lâm, cán bộ xã có liên quan, dân địa phương sống bên trong và gần vùng dự án.		
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi Cục Kiểm Lâm và Chi cục Lâm nghiệp)	Cơ quan hữu quan	FPD, DCST, FSIV, NGO, v.v.

Mục tiêu

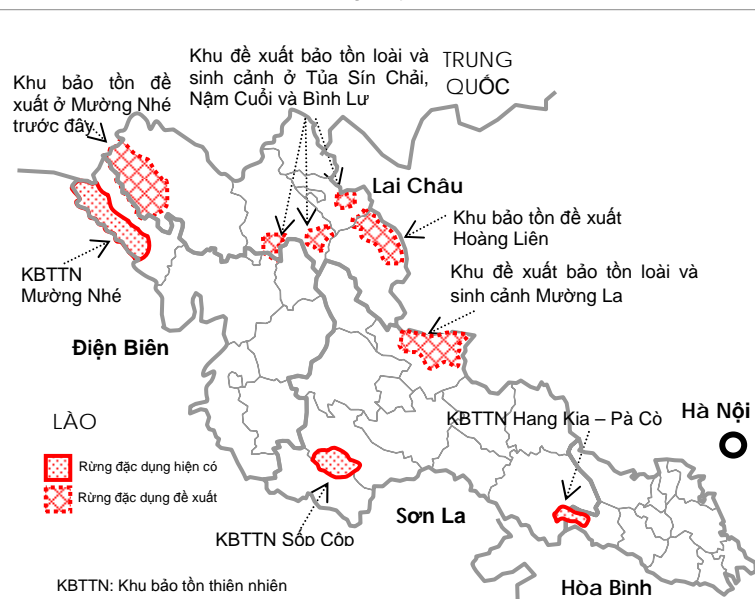
Có 12 khu rừng đặc dụng (SUFs) ở vùng Tây Bắc. Tuy nhiên, do người dân đang sống và canh tác ở hầu hết các khu rừng này dưới hình thức phát nương làm rẫy nên sự đa dạng sinh học bị suy giảm. Trong các cánh rừng phòng hộ có nhiều loài động thực vật quý, hiếm và đặc hữu. Vì vậy, một số khu vực xác định sẽ được đề xuất thành rừng đặc dụng để bảo vệ các loài quý hiếm đó. Do động thực vật sống trong tự nhiên không có ranh giới nên sự bảo vệ và quản lý tổng thể cần được tính đến.

Kế hoạch hành động này nằm trong Pha I (2010 - 2015) thuộc Chương trình bảo vệ rừng tự nhiên. Các dự án thí điểm sẽ được tiến hành đối với các cánh rừng đặc dụng đã được công nhận và đề xuất. Cải thiện năng lực hành chính và kiến thức cho cán bộ kỹ thuật khuyến nông/ lâm cũng sẽ được xúc tiến. Các khu rừng đặc dụng sẽ được quản lý có sự tham gia của cộng đồng địa phương.

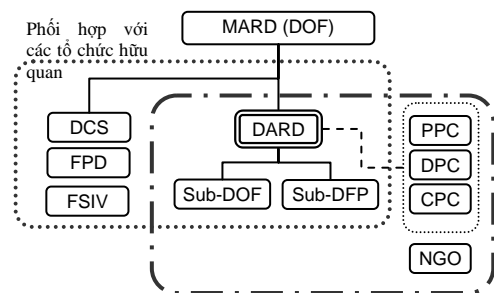
Trong chương trình hành động này, các vùng đệm xung quanh vùng lõi của các khu rừng đặc dụng hiện có được đưa vào vùng dự án như các khu rừng đặc dụng.

- (1) Xây dựng kế hoạch quản lý tổng thể rừng đặc dụng ở vùng Tây Bắc
- (2) Tăng cường hệ thống quản lý các khu rừng đặc dụng hiện có
- (3) Hỗ trợ thành lập các khu rừng đặc dụng mới
- (4) Phát triển năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật
- (5) Nghiên cứu tiềm năng và khả năng phát triển đối với các điểm du lịch mới

Khu vực Dự án: 4 tỉnh thuộc vùng Tây Bắc



Tổ chức



- DOF: Cục Lâm nghiệp của Bộ NN & PTNT
- PPC: Ủy Ban Nhân dân tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sub-DPF: Chi Cục kiểm lâm của Sở NN & PTNT
- Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp của Sở NN & PTNT
- DCST: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- FPD: Cục kiểm lâm của Bộ NN & PTNT
- DPC: Ủy Ban Nhân dân huyện
- CPC: Ủy Ban Nhân dân xã
- FSIV: Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam
- NGO: Tổ chức phi chính phủ

Tóm tắt Dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
Mục tiêu tổng thể Các loài động thực vật quý hiếm sẽ được bảo vệ. Các cánh rừng đặc dụng và người dân địa phương cùng tồn tại Mục tiêu của Dự án Quản lý thích hợp rừng đặc dụng sẽ được tiến hành ở vùng mục tiêu. Sinh kế của người dân ở vùng mục tiêu sẽ được cải thiện.	Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng ở vùng Tây Bắc sẽ được xây dựng. 2. Quản lý hiệu quả rừng đặc dụng sẽ được tiến hành đối với các rừng đặc dụng hiện có. 3. Các khu rừng đặc dụng mới sẽ được thành lập. 4. Các kỹ năng quản lý của kỹ sư, nhà quản lý sẽ được cải thiện. 5. Vùng mục tiêu sẽ được xem xét và sử dụng làm điểm du lịch.																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2"></th> <th colspan="6">Năm</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng trong vùng</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Tăng cường quản lý cho các khu rừng đặc dụng hiện có</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng hiện có, kể cả việc phân ranh giới</td> <td>■</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2 Thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng tại các rừng đặc dụng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-2-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-2-2 Tiến hành quản lý đầy đủ, bao gồm trồng bổ sung cây rừng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-2-3 Xây dựng các cuốn sổ tay quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-2-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở phục vụ cho quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-3 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-3-1 Giúp đỡ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-3-2 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-3-3 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-4 Thực hiện bảo tồn rừng đặc dụng dựa vào cộng đồng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2-4-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-4-2 Thực hiện các hoạt động bảo tồn, ví dụ tuần tra ngăn ngừa cháy rừng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-4-3 Xây dựng sách hướng dẫn bảo vệ rừng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-4-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở bảo vệ</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>2-5 Xây dựng cơ sở vật chất cho việc mở rộng rừng đặc dụng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3. Hỗ trợ thành lập các khu rừng đặc dụng mới</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1 Thành lập các cơ quan quản lý rừng đặc dụng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-1-1 Xác minh hiện trạng các cơ quan quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-1-2 Các lớp đào tạo kỹ thuật cho các cơ quan quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-1-3 Thành lập các cơ quan quản lý</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-2-1 Lập kế hoạch để xây dựng kế hoạch dựa vào cộng đồng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-2-2 Tiến hành điều tra kiểm kê tài nguyên</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-2-3 Xây dựng các kế hoạch quản lý dựa vào cộng đồng.</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-2-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>3-3 Phê duyệt là rừng đặc dụng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3-3-1 Các thủ tục tiếp theo để được phê duyệt là rừng đặc dụng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>4. Tập huấn về quản lý rừng đặc dụng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1 Xây dựng các kế hoạch tập huấn</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4-1-1 Đánh giá nhu cầu về các lớp tập huấn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>4-1-2 Xây dựng kế hoạch tập huấn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>4-1-3 Tiến hành mở các lớp tập huấn</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>5. Sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1 Kiểm tra việc sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-1-1 Nghiên cứu tình hình quản lý rừng đặc dụng</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>5-1-2 Nghiên cứu khả năng làm nguồn lực du lịch mới</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>5-1-3 Kế hoạch quản lý rừng đặc dụng dưới dạng tài nguyên du lịch</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> <tr> <td>5-1-4 Xây dựng cơ sở vật chất tạo nguồn cho du lịch</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> <td>■</td> </tr> </tbody> </table>		Năm						1	2	3	4	5	6	1. Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng							1-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng trong vùng	■						1-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng	■						2. Tăng cường quản lý cho các khu rừng đặc dụng hiện có							2-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng hiện có, kể cả việc phân ranh giới	■						2-2 Thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng tại các rừng đặc dụng							2-2-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý	■	■	■	■	■	■	2-2-2 Tiến hành quản lý đầy đủ, bao gồm trồng bổ sung cây rừng	■	■	■	■	■	■	2-2-3 Xây dựng các cuốn sổ tay quản lý	■	■	■	■	■	■	2-2-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở phục vụ cho quản lý	■	■	■	■	■	■	2-3 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu							2-3-1 Giúp đỡ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt	■	■	■	■	■	■	2-3-2 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống	■	■	■	■	■	■	2-3-3 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống	■	■	■	■	■	■	2-4 Thực hiện bảo tồn rừng đặc dụng dựa vào cộng đồng							2-4-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý	■	■	■	■	■	■	2-4-2 Thực hiện các hoạt động bảo tồn, ví dụ tuần tra ngăn ngừa cháy rừng	■	■	■	■	■	■	2-4-3 Xây dựng sách hướng dẫn bảo vệ rừng	■	■	■	■	■	■	2-4-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở bảo vệ	■	■	■	■	■	■	2-5 Xây dựng cơ sở vật chất cho việc mở rộng rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■	3. Hỗ trợ thành lập các khu rừng đặc dụng mới							3-1 Thành lập các cơ quan quản lý rừng đặc dụng							3-1-1 Xác minh hiện trạng các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■	3-1-2 Các lớp đào tạo kỹ thuật cho các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■	3-1-3 Thành lập các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■	3-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý							3-2-1 Lập kế hoạch để xây dựng kế hoạch dựa vào cộng đồng	■	■	■	■	■	■	3-2-2 Tiến hành điều tra kiểm kê tài nguyên	■	■	■	■	■	■	3-2-3 Xây dựng các kế hoạch quản lý dựa vào cộng đồng.	■	■	■	■	■	■	3-2-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt	■	■	■	■	■	■	3-3 Phê duyệt là rừng đặc dụng							3-3-1 Các thủ tục tiếp theo để được phê duyệt là rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■	4. Tập huấn về quản lý rừng đặc dụng							4-1 Xây dựng các kế hoạch tập huấn							4-1-1 Đánh giá nhu cầu về các lớp tập huấn	■	■	■	■	■	■	4-1-2 Xây dựng kế hoạch tập huấn	■	■	■	■	■	■	4-1-3 Tiến hành mở các lớp tập huấn	■	■	■	■	■	■	5. Sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch							5-1 Kiểm tra việc sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch							5-1-1 Nghiên cứu tình hình quản lý rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■	5-1-2 Nghiên cứu khả năng làm nguồn lực du lịch mới	■	■	■	■	■	■	5-1-3 Kế hoạch quản lý rừng đặc dụng dưới dạng tài nguyên du lịch	■	■	■	■	■	■	5-1-4 Xây dựng cơ sở vật chất tạo nguồn cho du lịch	■	■	■	■	■	■
	Năm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
	1	2	3	4	5	6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
1. Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
1-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng trong vùng	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
1-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng đặc dụng cho toàn vùng	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
2. Tăng cường quản lý cho các khu rừng đặc dụng hiện có																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
2-1 Khảo sát hệ thống quản lý rừng đặc dụng hiện có, kể cả việc phân ranh giới	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
2-2 Thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng tại các rừng đặc dụng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
2-2-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-2-2 Tiến hành quản lý đầy đủ, bao gồm trồng bổ sung cây rừng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-2-3 Xây dựng các cuốn sổ tay quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-2-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở phục vụ cho quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-3 Cải thiện việc thu mua nguyên vật liệu																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
2-3-1 Giúp đỡ kỹ thuật sản xuất cây giống tốt	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-3-2 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-3-3 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-4 Thực hiện bảo tồn rừng đặc dụng dựa vào cộng đồng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
2-4-1 Giải thích về tính cấp thiết của quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-4-2 Thực hiện các hoạt động bảo tồn, ví dụ tuần tra ngăn ngừa cháy rừng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-4-3 Xây dựng sách hướng dẫn bảo vệ rừng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-4-4 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở bảo vệ	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
2-5 Xây dựng cơ sở vật chất cho việc mở rộng rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3. Hỗ trợ thành lập các khu rừng đặc dụng mới																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
3-1 Thành lập các cơ quan quản lý rừng đặc dụng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
3-1-1 Xác minh hiện trạng các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-1-2 Các lớp đào tạo kỹ thuật cho các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-1-3 Thành lập các cơ quan quản lý	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-2 Xây dựng các kế hoạch quản lý																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
3-2-1 Lập kế hoạch để xây dựng kế hoạch dựa vào cộng đồng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-2-2 Tiến hành điều tra kiểm kê tài nguyên	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-2-3 Xây dựng các kế hoạch quản lý dựa vào cộng đồng.	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-2-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
3-3 Phê duyệt là rừng đặc dụng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
3-3-1 Các thủ tục tiếp theo để được phê duyệt là rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
4. Tập huấn về quản lý rừng đặc dụng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
4-1 Xây dựng các kế hoạch tập huấn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
4-1-1 Đánh giá nhu cầu về các lớp tập huấn	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
4-1-2 Xây dựng kế hoạch tập huấn	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
4-1-3 Tiến hành mở các lớp tập huấn	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
5. Sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
5-1 Kiểm tra việc sử dụng rừng đặc dụng như là các điểm du lịch																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
5-1-1 Nghiên cứu tình hình quản lý rừng đặc dụng	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
5-1-2 Nghiên cứu khả năng làm nguồn lực du lịch mới	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
5-1-3 Kế hoạch quản lý rừng đặc dụng dưới dạng tài nguyên du lịch	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
5-1-4 Xây dựng cơ sở vật chất tạo nguồn cho du lịch	■	■	■	■	■	■																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
Đầu vào																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
1. Chuyên gia về 1-1 Bảo vệ rừng 1-2 Quy hoạch và xây dựng tổ chức 1-3 Lập kế hoạch đào tạo 1-4 Sản xuất cây giống và trồng rừng	2. Cơ sở vật chất (bao gồm các cơ sở tạm thời) 2-1 Vườn ươm trồng bổ sung 2-2 Cơ sở vật chất phục vụ quản lý 3. Nguyên vật liệu/ thiết bị cho vườn ươm để trồng bổ sung và cơ sở vật chất phục vụ quản lý	4. Các khảo sát điều tra 5. Sổ tay, hướng dẫn kỹ thuật, vv... 6. Máy tính cá nhân 7. Tập huấn, thăm quan																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
Khuyến nghị																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
1. Việc phối hợp với các cơ quan/tổ chức hữu quan nên được xem xét để có được sự hỗ trợ hợp nhất. 2. Vì một số vùng trong khu vực rừng đặc dụng sẽ được sử dụng với các mục đích khác ngoài việc trồng rừng nên việc phân định ranh giới và cắm mốc nên được xem xét và tiến hành kết hợp với các cơ quan hữu quan khác trong vấn đề sử dụng đất, chẳng hạn như trong sử dụng đất cho nông nghiệp. 3. Theo nguyện vọng của người dân đang sống trong rừng đặc dụng, chương trình này nên có kế hoạch triển khai mô hình cùng sống chung với rừng đặc dụng của nhân dân, cần nhắc vai trò của họ trong quy hoạch. 4. Đối với nhân dân địa phương đang sống bên trong rừng đặc dụng cần được tái định cư ra bên ngoài vùng đệm xung quanh khu vực rừng đặc dụng tuân theo các quy định của tỉnh, sự đền bù khi di dời (chẳng hạn như đảm bảo đủ ruộng làm nông nghiệp) phải được xác định rõ trước khi thực hiện dự án. 5. Phối hợp chặt chẽ với các quy hoạch phát triển của Ủy ban Nhân dân các tỉnh thành khi xem xét các hoạt động tại vùng đệm của các khu rừng đặc dụng. 6. Do sự phối kết hợp giữa Chi cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm tại các tỉnh còn ít nên cần tăng cường hợp tác, phối hợp trong các kế hoạch thực hiện của dự án. 7. Các quy định và hướng dẫn của Việt Nam và quốc tế về các loài quý hiếm (ví dụ như Sách Đỏ Việt Nam và Sách Đỏ IUCN) cần được xem xét. 8. Các hoạt động và động thái của các nhà tài trợ khác cũng cần được xem xét, ví dụ như dự án phát triển do GTZ tài trợ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Copia, Tà Sùa và Xuân Nha ở tỉnh Sơn La, hay dự án tăng cường và phát triển du lịch sinh thái của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) đang tài trợ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn – Ngọc Luông ở tỉnh Hòa Bình.																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

Lĩnh vực	Bảo tồn môi trường và phát triển năng lượng sinh khối		
Chương trình	Chương trình phát triển năng lượng sinh khối		
Kế hoạch Hành động	Hỗ trợ kỹ thuật triển khai sản xuất năng lượng sinh khối		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Toàn bộ khu vực Tây Bắc. Cán bộ của các Sở NN & PTNT, dân địa phương sống trong và xung quanh rừng sản xuất và đất trồng.		
Cơ quan thực hiện	Sở NN & PTNT, Bộ NN & PTNT	Cơ quan hữu quan	CBF, NTFPRC, Đại học Thành Tây MOIT, v.v

Mục tiêu

Theo kế hoạch hành động là một phần của Pha I (2010 - 2015) trong Chương trình phát triển năng lượng sinh khối, nhiên liệu sinh học sẽ được giới thiệu và sản xuất như là nguồn năng lượng thay thế. Đối với Việt Nam, việc sản xuất còn có những hạn chế như đất canh tác nông nghiệp có hạn, làm tăng sự khó khăn trong việc mở rộng các diện tích trồng là những cây lương thực chính làm cây nhiên liệu sinh học và các thực vật làm nguyên liệu cho cồn sinh học, vì có liên quan tới an ninh lương thực. Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang bắt đầu cố gắng xem xét sớm nhất việc trồng cây Cọc rào (*Jatropha curcas* L.) làm nguyên liệu thô để sản xuất dầu diesel sinh học trong toàn quốc, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2007 về việc phê duyệt “Đề án phát triển năng lượng sinh học đến 2015, tầm nhìn đến 2025” và Quyết định của Bộ trưởng NN-PTNT số 1842/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 6 năm 2008 liên quan tới việc phê duyệt “Chương trình nghiên cứu, phát triển và sử dụng sản phẩm của cây *Jatropha curcas* L. tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn 2025”.

Jatropha curcas L., có thể trồng được cả trên vùng đất trồng và đất cằn ở vùng Tây Bắc và ít bị vật nuôi, côn trùng phá hại vì có chứa chất độc trong thân, lá và hạt. Trên phương diện nghiên cứu, Trung tâm Công nghệ sinh học lâm nghiệp (CBF) thuộc Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam (FSIV) và Trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm của trường đại học Thành Tây (ERCTTU) đang bắt đầu tiến hành nghiên cứu về cây *Jatropha* bao gồm các khâu: trồng thí điểm, thử nghiệm các loại hạt giống để xác định các giống phù hợp nhất.

Mặc dù Chương trình trồng năm triệu hecta rừng đang được thực hiện trên đất lâm nghiệp nhưng sự phát triển còn hạn chế vì thiếu sự quan tâm của nhân dân địa phương. Vì cây *Jatropha* có thể là đối tượng trồng mới giúp tăng thu nhập cho nông dân toàn vùng Tây Bắc nên việc trồng cây này có thể được đưa vào trồng ở những vùng núi cao. Hơn nữa, các sản phẩm phụ sau khi lấy dầu có thể được dùng vào nhiều mục đích như làm phân hữu cơ, vỏ quả làm biogas. Cây trẩu lấy dầu (loài vốn đã được trồng ở vùng này) là một đối tượng trồng khác để sản xuất dầu sinh học.

(1) Giới thiệu các loài thích hợp và cung cấp giống tốt để trồng cây lấy dầu trong đó có cây cọc rào (*Jatropha*) và trẩu

Các loài thích hợp để lấy dầu sẽ được nghiên cứu, lấy kết quả trồng thử nghiệm (cây cọc rào của Trung tâm Công nghệ sinh học lâm nghiệp CBF) v.v. Các cơ sở sản xuất giống tốt sẽ được bố trí trong vùng. Những cây trồng lấy dầu khác ngoài cây cọc rào sẽ được xem xét, sau đó sẽ sản xuất cây giống.

(2) Các kế hoạch trồng một số cây bao gồm cọc rào, trẩu sẽ được xây dựng và các phương pháp trồng thích hợp sẽ được nhân rộng.

Các kế hoạch trồng sẽ được xây dựng gắn liền với điều kiện từng vùng và từng loại cây (gồm có cây *Jatropha* và trẩu). Các phương pháp thích hợp để trồng và chăm sóc sẽ được hướng dẫn cho người dân địa phương.

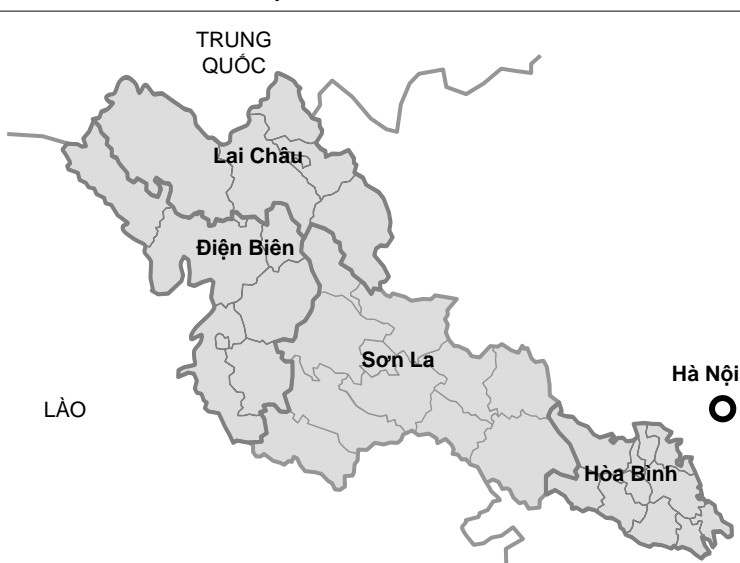
(3) Phát triển và cải tiến cơ sở vật chất và các phương pháp tách chiết dầu

Các phương pháp chiết dầu từ hạt, trong đó có cây cọc rào, sẽ được phát triển trong quá trình cộng tác với CBF, NTFPRC, ERCTTU và DAFPPRSI. Các cơ sở chiết dầu sẽ được phát triển và xây dựng gắn với các kết quả nghiên cứu đã đề cập ở trên. Các phương pháp tận dụng sản phẩm phụ từ quá trình tách chiết sẽ được phát triển đồng thời. Các cơ sở chiết dầu thủ công sẽ được phân bố tại mỗi làng để tạo điều kiện cho việc sử dụng dầu chiết thô cho các hộ gia đình.

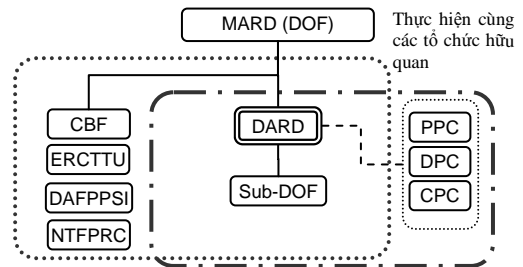
(4) Khuyến khích khu vực tư nhân

Dầu diesel sinh học sẽ được khu vực tư nhân sản xuất. Các hội thảo và hội nghị về dầu sinh học sẽ được tổ chức cho khối doanh nghiệp tư nhân có sự hợp tác với MOIT, việc đưa tư nhân vào sản xuất dầu sinh học sẽ được xúc tiến.

Khu vực Dự án: 4 tỉnh Tây Bắc



Tổ chức



- DOF: Cục Lâm nghiệp
- PPC: Ủy Ban nhân dân tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sub-DOF: Chi Cục lâm nghiệp thuộc Sở NN & PTNT
- CBF: Trung tâm công nghệ sinh học lâm nghiệp
- ERCTTU: Trung tâm nghiên cứu Đại học Thành Tây
- DAFPPSI: Cục chế biến nông lâm sản và nghề muối
- NTFPRC: Trung tâm Nghiên cứu Lâm đặc sản của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
- DPC: Ủy ban nhân dân huyện
- CPC: Ủy ban nhân dân xã

Tóm tắt Dự án							
Mục tiêu tổng thể Nhiên liệu sinh học (BDF) sẽ được sản xuất bền vững. Nguồn thu nhập của dân địa phương sẽ được đa dạng hóa và tăng lên.		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Các kế hoạch sản xuất dầu diesel sinh học sẽ được xây dựng. 2. Cây giống để trồng cây làm nhiên liệu sinh học sẽ được sản xuất. 3. Các cây làm nhiên liệu sinh học sẽ được trồng và quản lý. 4. Các kỹ thuật chiết lọc dầu sẽ được cải tiến và phát triển, do đó khả năng sản xuất dầu diesel sinh học sẽ được cải thiện và đầu chi sẽ được từng hộ gia đình sử dụng. 5. Các cơ sở tư nhân sẽ được xúc tiến và tham gia vào hoạt động sản xuất dầu diesel sinh học.					
Mục tiêu của Dự án Nền móng đảm bảo năng lượng tái tạo sẽ được phát triển ở vùng Tây Bắc, bao gồm các vùng mục tiêu. Sinh kế của người dân địa phương tại vùng dự án sẽ được cải thiện.							
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm			
		1	2	3	4	5	6
1. Xây dựng kế hoạch sản xuất nhiên liệu sinh học 1-1 Xây dựng kế hoạch sản xuất nhiên liệu sinh học 1-1-1 Năm bắt tình hình sản xuất nhiên liệu sinh học của Việt Nam 1-1-2 Xây dựng kế hoạch sản xuất nhiên liệu sinh học, trong đó có sản xuất giống, chiết dầu 1-1-3 Giám sát quá trình khảo sát tình hình sản xuất nhiên liệu sinh học 1-2 Tập huấn cho người hưởng dẫn các kỹ thuật khuyến nông/lâm 1-2-1 Hỗ trợ sản xuất cây trồng làm nhiên liệu sinh học 1-2-2 Hỗ trợ kỹ thuật chiết dầu từ cây trồng làm nhiên liệu sinh học 1-2-3 Hỗ trợ giám sát 2. Phát triển và sản xuất các loài cây làm nhiên liệu sinh học 2-1 Phát triển và cải tiến các loài thích hợp 2-1-1 Phát triển các loài cây thích hợp 2-1-2 Tập huấn kỹ thuật về sản xuất các cây trồng thích hợp 2-1-3 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt 2-2 Cải thiện điều kiện sản xuất 2-2-1 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất giống tốt 2-2-2 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống 3. Tiến hành trồng và quản lý cây nhiên liệu sinh học 3-1 Thực hiện và nhân rộng các kỹ thuật trồng cây 3-1-1 Giúp đỡ kỹ thuật xác định điểm canh tác phù hợp và lập ranh giới 3-1-2 Trồng các cây làm nhiên liệu sinh học 3-1-3 Hướng dẫn, nhân rộng các kỹ thuật trồng và chăm sóc thích hợp 3-1-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt 3-2 Cải thiện điều kiện sản xuất 3-2-1 Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất giống tốt 3-2-2 Nâng cấp và mở rộng cơ sở phục vụ sản xuất giống 4. Phát triển các kỹ thuật chiết dầu từ hạt 4-1 Phát triển, đẩy mạnh các kỹ thuật chiết dầu từ hạt 4-1-1 Nghiên cứu, phát triển các kỹ thuật chiết dầu từ hạt 4-1-2 Nâng cấp và mở rộng các cơ sở chiết dầu từ hạt 4-1-3 Tập huấn kỹ thuật về các kỹ thuật chiết dầu 4-1-4 Khuyến khích tiêu thụ dầu chiết bằng cách phân phối cơ sở chiết dầu thủ công 4-1-5 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt 4-2 Phát triển, khuyến khích việc tiêu thụ các sản phẩm phụ sau khi chiết dầu 4-2-1 Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm phụ sau khi chiết dầu từ hạt 4-2-2 Nâng cấp, mở rộng các sản phẩm phụ sau khi chiết dầu từ hạt 4-2-3 Đào tạo kỹ thuật về việc sử dụng các sản phẩm phụ 4-2-4 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt 5. Mở rộng hoạt động sản xuất nhiên liệu sinh học 5-1 Tiếp thị và xúc tiến bán hàng 5-1-1 Khảo sát thị trường mục tiêu của nhiên liệu sinh học và sản phẩm phụ 5-1-2 Hỗ trợ hoạt động xúc tiến bán hàng 5-1-3 Thăm quan thực tế các khu vực làm tốt 5-2 Khuyến khích và đưa khối tư nhân vào sản xuất nhiên liệu sinh học 5-2-1 Hội thảo dành cho khu vực tư nhân 5-2-2 Khuyến khích đối với khu vực tư nhân		- Báo cáo khảo sát - Kế hoạch sản xuất, bản đồ cây được trồng cây - Báo cáo giám sát, phản hồi - Sổ tay, tài liệu tập huấn - Sổ tay, tài liệu tập huấn - Sổ tay, tài liệu tập huấn - Các loài cây thích hợp - Các kỹ thuật được cải tiến - Báo cáo thăm quan thực tế - Sản xuất cây giống - Vườn ươm - Các điểm trồng cây - Các vùng trồng cây phát triển - Sổ tay, tài liệu tập huấn - Báo cáo thăm quan thực tế - Sản xuất cây giống - Vườn ươm - Các kỹ thuật được phát triển - Các cơ sở chiết lấy dầu - Sự cải tiến các kỹ thuật - Báo cáo về việc tiêu thụ dầu - Cải thiện động cơ phát triển - Các kỹ thuật được phát triển - Các cơ sở chế biến - Sự cải tiến các kỹ thuật - Báo cáo thăm quan thực tế - Hồ sơ số liệu thị trường - Sổ tay, tài liệu tập huấn - Cải thiện động cơ phát triển - Nguồn vốn tư nhân - Khả năng của khu vực tư nhân					
Đầu vào 1. Chuyên gia về 1-1 Trồng rừng/ Quản lý rừng 1-2 Nhiên liệu sinh học 1-3 Các cơ sở/ kỹ thuật chiết dầu 1-4 Phân phối/ tiếp thị sản phẩm 1-5 Khu vực tư nhân 2. Cơ sở vật chất 2-1 Vườn ươm, Cơ sở chiết dầu 3. Nguyên vật liệu cho ươm giống, trồng và chăm sóc cây Jatropha 4. Các Nguyên vật liệu/thiết bị liên quan khác 4-1 Nguyên vật liệu, thiết bị cho các cơ sở chiết dầu 4-2 Phân chia các đơn vị chiết dầu thủ công 5. Sổ tay, Hướng dẫn kỹ thuật, vv... 6. Tập huấn, thăm quan							
Khuyến nghị 1. Việc phối hợp với các cơ quan/tổ chức hữu quan nên được xem xét để có được sự hỗ trợ hợp nhất. 2. Các loại cây không cạnh tranh với cây lương thực, cây làm thức ăn gia súc nên được xem xét đưa vào trồng. Các điểm trồng cây nên được phân bổ, có xem xét các cây lương thực và cây làm thức ăn gia súc. 3. Các phương pháp có sự tham gia nhiều bên nên được thúc đẩy để thực hiện dự án, xây dựng sự đồng lòng và độc lập của người dân địa phương cũng cần thiết đối với việc quản lý nguồn tài nguyên bền vững. Việc tiêu thụ dầu chiết sẽ được xúc tiến bằng hình thức phân bổ các cơ sở chiết dầu thô sơ tới từng làng để mở rộng hiệu quả của cây lấy dầu. 4. Chương trình này nên được lập kế hoạch, thực hiện, và tính toán nhất quán với “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học tới năm 2015 và tầm nhìn 2025” cùng Quyết định về “chương trình nghiên cứu, phát triển và sử dụng sản phẩm cây cọc rào (Jatropha curcas L.) ở Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn 2025”. Hơn nữa, sự trao đổi thông tin với các trung tâm nghiên cứu như CBF, NTFPRC và ERCTTU sẽ tránh trùng lặp trong nghiên cứu và lập kế hoạch. 5. Mặc dù trên quan điểm đa dạng sinh học và ngăn chặn thiên tai, không nên trồng các diện tích lớn rừng thuần loại đơn nhất, tuy nhiên khuyến nghị mở rộng một số khoảnh trồng cây đơn nhất và áp dụng trồng rừng hỗn giao với các loại cây có dầu khác để thuận tiện cho việc vận chuyển quả đến các cơ sở chế biến. 6. Sự tham gia của các khu vực tư nhân sẽ được xem xét trong lĩnh vực chế biến và chiết dầu.							

Lĩnh vực	Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước		
Chương trình	Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước (WUO)		
Kế hoạch Hành động	Chương trình Củng cố Hội Người Sử dụng Nước (WUO)		
Thời gian thực hiện	3 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Bốn dự án thủy lợi quy mô trung bình với mỗi vùng có diện tích trên 30ha sẽ được lựa chọn là vùng mục tiêu trong số 35 dự án đề xuất theo chương trình thực hiện của SPL-VI. Hiện nay, các điểm dự án thí điểm được thiết lập ở Tỉnh Lai Châu - Huyện Sìn Hồ, Tỉnh Điện Biên -Huyện Tuần Giáo, Tỉnh Sơn La - Huyện Mộc Châu, Tỉnh Hòa Bình- Huyện Lạc Sơn.		
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (cần điều chỉnh với UBND Tỉnh)	Cơ quan hữu quan	Công ty Thủy nông, Trung tâm Khuyến Nông, v.v.

Mục tiêu

Quản lý thủy lợi với các hệ thống thủy lợi quy mô lớn và trung bình là trách nhiệm của Công ty Thủy nông, được thành lập tại mỗi tỉnh. Tuy nhiên, các tổ chức như vậy đã được giải thể theo Nghị định Số 154/2007/NĐ-CP năm 2007 với điều khoản về việc miễn thu thủy lợi phí, và do vậy chính sách quy định về quản lý thủy lợi đã được chuyển từ Công ty Thủy nông sang những người được hưởng lợi, những người sẽ có toàn bộ trách nhiệm về Vận hành và Bảo dưỡng. Trước quyết định như vậy, Bộ NN-PTNT đã ban hành hướng dẫn về việc thiết lập, củng cố và phát triển Hội Người Sử dụng Nước. Về lĩnh vực này, Chính phủ Nhật Bản đang giúp Bộ NN-PTNT thông qua một dự án hợp tác kỹ thuật “Phát triển Năng lực của Hệ thống Quản lý Thủy lợi có sự Tham gia để Tăng cường Hiệu quả Sản xuất Nông nghiệp”.

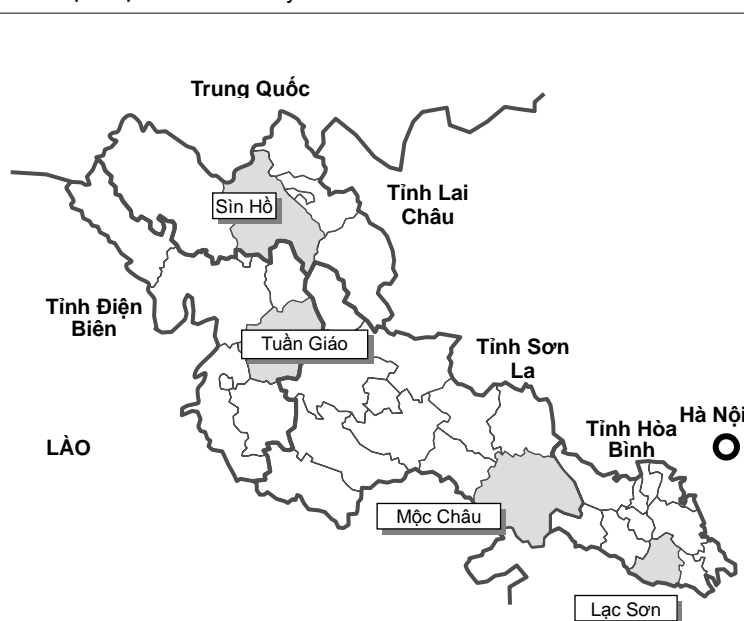
Nhằm duy trì và giữ vững phát triển thủy lợi, việc thiết lập và tăng cường củng cố Hội Người Sử dụng Nước là rất quan trọng trong việc tiến hành các công tác vận hành và bảo dưỡng thích hợp các công trình thủy lợi với phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Các dự án phát triển thủy lợi ở vùng Tây Bắc đã được thực hiện dưới sự trợ giúp của EU hoặc Chương trình 135, những công trình thủy lợi của các dự án này không được quản lý tốt so với các vùng khác. Để phát triển thủy lợi bền vững, cần phải có những hỗ trợ đa dạng để củng cố các chân ruộng rãnh và xộp cũng như cung cấp các trang thiết bị và các tổ chức quản lý nước, ngoài ra những hỗ trợ này cần được đưa ra sớm. Trong Quy hoạch Tổng thể này, Chương trình Tăng cường Hội Người Sử dụng Nước được đề xuất nhằm bổ sung cho phát triển thủy lợi hiện nay chú trọng tới các cánh đồng khó khăn.

Kế hoạch hành động này nhằm mục đích chứng minh và trình bày việc thiết lập Hội Người Sử dụng Nước tối ưu thông qua việc quản lý thủ của các tổ chức này trong các hệ thống thủy lợi quy mô trung bình với mỗi vùng từ 30 đến 100 ha sẽ được lựa chọn làm các dự án thí điểm cho chương trình này. Chương trình sẽ hỗ trợ các hoạt động đang làm của Hội Người Sử dụng Nước đối với các hệ thống thủy lợi mà sẽ được bàn giao cho những người được hưởng lợi sau khi hoàn thành công tác xây dựng trong dự án SPL-VI, khởi công năm 2009. Đào tạo tại chỗ sẽ được tiến hành cho cán bộ Sở NNN-PTNT trong thời hạn chương trình và các tổ chức duy trì dịch vụ quản lý hành chính cho các hệ thống thủy lợi quy mô trung bình sẽ được thiết lập.

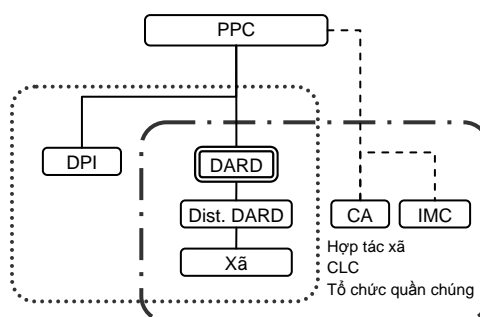
Đào tạo tại chỗ sẽ được thực hiện không chỉ cho các cán bộ hành chính về bảo dưỡng các công trình thủy lợi mà còn cho cả những người nông dân được hưởng lợi về cách quản lý nông nghiệp theo quan điểm tổng thể. Ví dụ, (1) tăng cường năng lực về phát triển có sự tham gia, lên chương trình thiết lập WUO và tăng cường năng lực cho cán bộ Sở NN-PTNT, (2) chuyển giao kỹ thuật cho Hội Người Sử dụng Nước liên quan tới vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi, (3) chuyển giao kỹ thuật liên quan tới quản lý đồng ruộng và kỹ thuật canh tác, (4) hỗ trợ hình thành thị trường nông sản.

Hướng dẫn quản lý nông nghiệp chú trọng tới người dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi vô cùng quan trọng trong chương trình này.

Khu vực Dự án: 4 Tỉnh Tây Bắc



Tổ chức



- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
DARD: Sở NN- PTNT
Dist. DARD: Phòng NN-PTNT Huyện
DPI: Sở Kế hoạch và đầu tư
IMC: Công ty Quản lý Thủy lợi
CA: Liên minh Hợp tác xã

Tóm tắt Dự án						
Mục tiêu tổng thể Cải thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi để tăng sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống.		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Xây dựng chương trình thiết lập, thúc đẩy, cơ cấu tổ chức, hoạt động và phát triển có sự tham gia cho WUO 2. Nâng cao năng lực của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thông qua đào tạo tập huấn về quản lý và vận hành & bảo dưỡng các hệ thống thủy lợi 3. Thực hiện việc vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi có sự tham gia của người dân 4. Thực hiện canh tác có tưới phù hợp 5. Cải thiện động lực kinh doanh nông nghiệp				
Mục tiêu của Dự án 1. Tăng cường quản lý, vận hành & bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong các vùng mục tiêu của Chương trình. 2. Củng cố các hoạt động canh tác nông nghiệp có tưới trong các vùng mục tiêu của chương trình.						
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm		
1. Nâng cao năng lực của lãnh đạo sở NN & PTNT				1	2	3
1-1 Thu thập số liệu thủy lợi của khoảng 200 vùng thủy lợi hiện có		- Cơ sở dữ liệu		[Bar chart: 1-1 starts at year 1, ends at year 1]		
1-2 Nâng cao năng lực phát triển có sự tham gia của người dân		- Hướng dẫn		[Bar chart: 1-2 starts at year 1, ends at year 1]		
1-3 Chuẩn bị các hướng dẫn về cách thức hoạt động để thiết lập và xúc tiến Hội Người Sử dụng Nước (WUO)		- Hướng dẫn		[Bar chart: 1-3 starts at year 1, ends at year 1]		
1-4 Hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ hành chính cho sự phát triển của người dân		- Hướng dẫn		[Bar chart: 1-4 starts at year 1, ends at year 1]		
1-5 Tập huấn các cán bộ của Sở NN&PTNT và huyện về xây dựng chương trình Vận hành & Bảo dưỡng hàng năm		- Chương trình hàng năm		[Bar chart: 1-5 starts at year 1, ends at year 1]		
2. Hỗ trợ thiết lập và xúc tiến chương trình Hội Người Sử dụng Nước				1	2	3
2-1 Hội thảo để tăng thêm kiến thức cho các thành viên Hội Người Sử dụng Nước		- Bản ghi nhớ		[Bar chart: 2-1 starts at year 1, ends at year 1]		
2-2 Soạn thảo các điều khoản của các thành viên Hội Người Sử dụng Nước, các tổ chức và hoạt động		- Điều khoản		[Bar chart: 2-2 starts at year 1, ends at year 1]		
2-3 Soạn thảo chương trình hành động của Hội Người Sử dụng Nước		- Chương trình hoạt động		[Bar chart: 2-3 starts at year 1, ends at year 1]		
2-4 Phát triển có sự tham gia trong Vận hành và Bảo dưỡng và các nội quy thu tiền nước		- Hội thảo cho nông dân		[Bar chart: 2-4 starts at year 1, ends at year 1]		
3. Chuyển giao kỹ thuật Vận hành và Bảo dưỡng thông qua đào tạo tại chỗ				1	2	3
3-1 Soạn thảo số tay hướng dẫn và tập huấn về Vận hành và Bảo dưỡng và phát triển canh tác		- Sổ tay hướng dẫn		[Bar chart: 3-1 starts at year 1, ends at year 1]		
3-2 Thực hiện quản lý và Vận hành và Bảo dưỡng có sự tham gia và phát triển canh tác		- Ghi chép hội thảo		[Bar chart: 3-2 starts at year 1, ends at year 1]		
3-3 Cải tạo các công trình bằng cách thực hiện quản lý (sửa chữa công trình kênh)				[Bar chart: 3-3 starts at year 1, ends at year 1]		
4. Hướng dẫn về quản lý canh tác				1	2	3
4-1 Lựa chọn cây trồng (đa dạng hoá cây màu) và chuẩn bị lịch canh tác nông nghiệp		- Lịch mùa vụ		[Bar chart: 4-1 starts at year 1, ends at year 1]		
4-2 Cân đối nguyên liệu đầu vào và giá đầu bỏ		- Chương trình quản lý		[Bar chart: 4-2 starts at year 1, ends at year 1]		
4-3 Phân tích dịch vụ hành chính và các nhu cầu khác		- Yêu cầu trợ giúp		[Bar chart: 4-3 starts at year 1, ends at year 1]		
4-4 Hướng dẫn về quản lý canh tác		- Ghi chép hướng dẫn		[Bar chart: 4-4 starts at year 1, ends at year 1]		
5. Trợ giúp liên quan tới hình thành thị trường				1	2	3
5-1 Nghiên cứu thị trường và tiêu dùng		- Báo cáo nghiên cứu thị trường		[Bar chart: 5-1 starts at year 1, ends at year 1]		
5-2 Hỗ trợ việc gửi hàng bởi các nhóm Hội Người Sử dụng Nước		- Ghi chép bán hàng		[Bar chart: 5-2 starts at year 1, ends at year 1]		
Đầu vào						
1. Chuyên gia về		2. Thiết bị và nguyên vật liệu				
1-1 Hội người sử dụng nước/thủy lợi		2-1 Vật liệu xây dựng (Tấm bê tông)				
1-2 Phát triển có sự tham gia		3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn, vv...				
1-3 Quản lý canh tác		4. Trang thiết bị và vật liệu cho Máy tính cá nhân và Internet				
1-4 Cơ sở hạ tầng						
1-5 Canh tác-phân phối-marketing						
Khuyến nghị						
1. Lịch trình thực hiện kế hoạch hành động này sẽ được điều chỉnh gắn chặt với tiến độ của công tác xây dựng. Kế hoạch hành động sẽ triển khai sau khi bàn giao xong các công trình thủy lợi được hoàn công.						
2. Kinh nghiệm và bài học thu được từ hỗ trợ kỹ thuật đang thực hiện của JICA về “Phát triển Năng lực của Hệ thống Quản lý Thủy lợi có sự Tham gia để Tăng cường Hiệu quả Sản xuất Nông nghiệp rất đáng được áp dụng trong chương trình này.						
3. Để duy trì dự án, điều quan trọng là phải phối hợp với các tổ chức Phi Chính phủ để bổ sung các dịch vụ hành chính.						
4. Xét đến sự phát triển hơn nữa trong tương lai, các chương trình thủy lợi quy mô vừa tốt hơn nên theo hướng “từ dưới lên”. Trong việc thực hiện kế hoạch hành động, phát triển có sự tham gia nhất thiết phải được đưa vào quá trình thực hiện.						

Lĩnh vực	Phát triển Thủy lợi và Cấp Nước		
Chương trình	Chương trình Sử dụng Đa mục đích Nước Suối Núi		
Kế hoạch Hành động	Dự án Thí điểm Sử dụng Đa mục đích Suối Núi		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha 1: Dự án Thí điểm; Pha 2: Mở rộng trên toàn vùng)		
Mục tiêu / Khu vực	Chương trình bao gồm toàn bộ vùng Tây Bắc. Những ưu tiên để lựa chọn các dự án sẽ dành cho các xã có tỷ lệ cấp nước thấp, mặc dù các đề xuất dự án bởi người dân sẽ được đánh giá cơ bản để lựa chọn vùng mục tiêu. Tám vùng thí điểm (mỗi tỉnh 2 vùng) sẽ được thực hiện trong Pha I và 40 vùng (10 vùng mỗi tỉnh) sẽ được thực hiện trong Pha II.		
Cơ quan thực hiện	Sở NN&PTNT, (Cần phải điều chỉnh với UBND Tỉnh)	Cơ quan hữu quan	Công ty Thủy nông, Trung tâm Khuyến Nông, Công ty Cấp nước, v.v.

Mục tiêu

Trong diện tích thủy lợi ở Tây Bắc có 80% công trình thủy lợi hiện có là các công trình quy mô nhỏ dưới 30ha (phần lớn là 5ha) do những hạ chế về địa hình. Các công trình thủy lợi nhỏ này cũng sử dụng nguồn nước phục vụ cho cấp nước nông thôn. Hầu hết các công trình cấp nước do người dân xây dựng rất đơn giản nhưng không được củng cố vững chắc và đang xuống cấp. Theo Kế hoạch Phát triển Xã (CDP), thiếu kiến thức về vệ sinh là nguyên nhân của các bệnh liên quan đến nguồn nước. Ô nhiễm nước tại các nguồn nước trong các kênh tưới do chăn nuôi đang là vấn đề nghiêm trọng.

Dự án cấp nước nông thôn, Chương trình 135 nhìn chung đều có mục đích là khai thác nước ngầm như một nguồn nước chính được dự trữ gần các thung lũng, do vậy tỷ lệ cấp nước giảm ở miền núi và gây ra một khoảng cách phát triển lớn giữa miền núi và đồng bằng. Nhiều công trình cấp nước đã bị cạn nguồn nước hoặc bị hỏng trong một vài năm sau khi xây dựng. Lý do chính của sự cạn nguồn nước hay hỏng hóc là do không đủ số liệu về nguồn nước ngầm và thiếu vận hành và bảo dưỡng. Do vậy, tốt hơn là nên tìm nguồn nước mặt ổn định và nghiên cứu phương thức sử dụng tối ưu nhất đối với nguồn nước này.

Chương trình sử dụng đa mục tiêu suối núi nhằm tăng tỷ lệ người dân được cấp nước, đặc biệt là người dân tộc thiểu số sinh sống ở miền núi, xem xét những khó khăn phát triển đề cập ở trên. Đồng thời, nuôi cá, thủy điện quy mô nhỏ và các sử dụng khác được xem xét trong các yếu tố đa mục đích nhằm phát triển các dự án sử dụng có hiệu quả các nguồn nước có hạn và sử dụng nước bền vững.

Chương trình sẽ được xây dựng dựa trên phương pháp phát triển từ dưới lên nhằm đáp ứng các yêu cầu của người dân địa phương và bảo đảm cho họ các cơ hội việc làm, cụ thể là phát triển có sự tham gia sẽ được đưa vào trong quá trình phát triển.

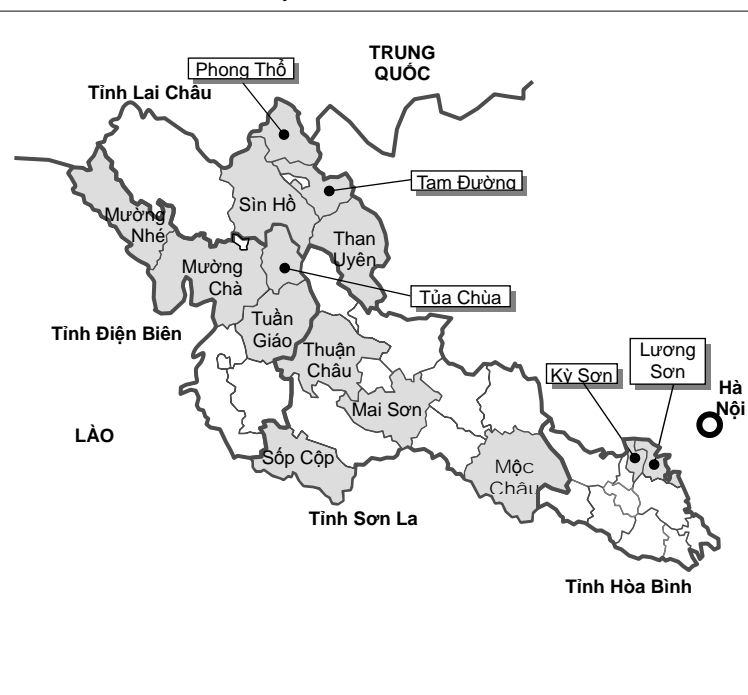
Chương trình sẽ được triển khai khi cơ quan quản lý thông báo nhận tờ trình đề cương dự án và đề xuất của người dân về các vùng ưu tiên cao cần phát triển sau khi đã huy động được quỹ phát triển.

Các cơ quan quản lý và NGO sẽ lựa chọn các vùng dự án ưu tiên dựa trên các đề xuất của người dân, nâng cao nhận thức của người nông dân. Tiếp theo việc lựa chọn, quá trình dự án sẽ được thực hiện theo các bước sau: (1) tổ chức nhóm người nông dân được hưởng lợi (xây dựng và thống nhất các nội quy), (2) lập kế hoạch, (3) thi công xây dựng (một phần các công trình sẽ được tiến hành với sự tham gia của người dân), (4) giám sát và đánh giá. Ngoài quá trình này, đào tạo tập huấn cho các tổ chức chính như Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Cấp nước và Vệ sinh Môi trường Nông thôn cũng là một vấn đề quan trọng của chương trình.

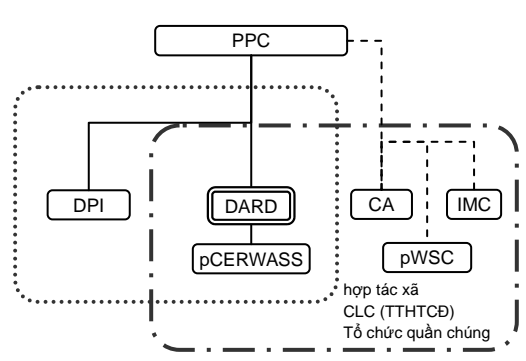
Kế hoạch hành động này nhằm mục đích tăng cường sản xuất lương thực ổn định nhằm khắc phục tình trạng thiếu lương thực ở vùng sâu vùng xa. Khả năng giới thiệu và đưa vào các cây hàng hoá sẽ được nghiên cứu và nếu cần thiết, các hợp phần mềm như hướng dẫn quản lý canh tác và hình thành thị trường sẽ được hỗ trợ trong kế hoạch hành động này.

Các dự án thí điểm sẽ được tiến hành trong giai đoạn 1 (2010-2012) nhằm tối ưu hoá quy trình dự án. Dựa trên các kết quả đầu ra đạt được trong giai đoạn một, các dự án sẽ được mở rộng cho các vùng khác.

Khu vực Dự án: 4 Tỉnh Tây Bắc



Tổ chức



- PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh
- DARD: Sở Nông nghiệp và PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- pCERWASS: Trung tâm Nước sạch và VSMT tỉnh
- IMC: Công ty Quản lý Thủy lợi
- CA: Liên minh Hợp tác xã
- pWSC: Công ty Cấp nước tỉnh

Tóm tắt Dự án	
Mục tiêu tổng thể	Kết quả Dự kiến (Thành quả)
Tăng tỷ lệ canh tác có tưới và tỷ lệ cấp nước sinh hoạt	1. Xây dựng chương trình phát triển có sự tham gia về cấp nước nông thôn đa mục đích
Mục tiêu của Dự án	2. Nâng cao năng lực hành chính thông qua đào tạo tập huấn của chương trình cấp nước đa mục tiêu
Xây dựng một quá trình phát triển cho cấp nước nông thôn đa mục đích quy mô nhỏ và sử dụng nước bền vững	3. Thực hiện việc xây dựng có sự tham gia đối với các hệ thống thủy lợi và cấp nước nông thôn
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
Pha I Dự án thí điểm ở các vùng ưu tiên (mỗi tỉnh 2 vùng, tổng số 8 vùng)	
1. Nghiên cứu về xây dựng quá trình cấp nước đa mục đích và lựa chọn vùng ưu tiên	
1-1 Soạn thảo luồng vận hành của các hệ thống cấp nước sinh hoạt và thủy lợi quy mô nhỏ cho những nơi có nước được lấy từ suối trên núi.	- Chương trình thực hiện
1-2 Xây dựng hướng dẫn cho soạn thảo được chuẩn bị bởi chính người dân	- Hướng dẫn cho Đề xuất
1-3 Thúc đẩy và hướng dẫn người dân chuẩn bị các đề xuất	- Hướng dẫn cho nông dân
1-4 Đánh giá các đề xuất và lựa chọn các vùng	
2. Xây dựng phát triển các công trình đa mục tiêu (Việc xây dựng sẽ được hoàn thành trong 2 tháng)	- Danh sách dự án ưu tiên
2-1 Xây dựng các tổ chức của người dân ở các vùng thí điểm	- Nhận biết về phát triển có sự tham gia
2-2 Xây dựng các tổ chức người sử dụng nước	- Dự thảo chương trình xây dựng
2-3 Nghiên cứu sơ bộ về chương trình xây dựng và chi phí dự án	- Nhận thức
2-4 Giải thích cho người dân, lắng nghe mong muốn của người dân và hình thành nhận thức	- Chương trình xây dựng
2-5 Rà soát chương trình xây dựng (nếu cần thiết)	
2-6 Dự toán chi phí và ngân sách	
3. Chuẩn bị Xây dựng (Việc xây dựng sẽ được hoàn thành trong 2 tháng.)	
3-1 Giải thích chương trình xây dựng cho người dân địa phương	- Hồ sơ xây dựng
3-2 Một phần của các kết cấu công trình (bể chứa nước, kênh và đường tránh) được xây dựng bởi nhà thầu	- Hồ sơ xây dựng
3-3 Xây dựng có sự tham gia	
4. Hướng dẫn về quản lý canh tác	
4-1 Lựa chọn cây trồng (đa dạng hoá đối với cây màu), chuẩn bị lịch canh tác nông nghiệp	- Chương trình canh tác
4-2 Bảng cân đối nguyên liệu đầu vào và giá đầu bờ	
4-3 Phân tích các dịch vụ hành chính và các nhu cầu khác	- Chương trình quản lý
4-4 Hướng dẫn về quản lý canh tác	- Yêu cầu trợ giúp
5. Trợ giúp liên quan tới hình thành thị trường	- Ghi chép hướng dẫn
5-1 Nghiên cứu thị trường và tiêu dùng	
5-2 Hỗ trợ việc gửi hàng bởi các nhóm Hội Sử dụng nước	- Báo cáo nghiên cứu thị trường
	- Ghi chép bán hàng
Pha 2 Mở rộng ra các vùng khác (Mỗi tỉnh 10 vùng, Tổng số 40 vùng)	
1. Rà soát quá trình phát triển và lựa chọn các vùng ưu tiên	
2. Xây dựng phát triển công trình đa mục đích (Việc xây dựng sẽ được hoàn thành trong 2 tháng.)	
3. Xây dựng có sự tham gia (Việc xây dựng sẽ được hoàn thành trong 2 tháng)	
4. Trợ giúp liên quan tới hướng dẫn quản lý canh tác và hình thành thị trường	
Đầu vào	
1. Chuyên gia về	2. Thiết bị và nguyên vật liệu
1-1 Hội người sử dụng nước/thủy lợi	3. Hội thảo và tập huấn
1-2 Phát triển có sự tham gia	4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn, vv...
1-3 Quản lý canh tác	5. Trang thiết bị và vật liệu cho Máy tính cá nhân và Internet
1-4 Canh tác-phân phối-marketing	
Khuyến nghị	
1. Cần tiến hành nghiên cứu trước về cách quản lý nước truyền thống, giới thiệu công nghệ mới và phân phối nguồn lực ở những nơi có sự đối lập.	
2. Các dự án phát triển đa mục tiêu về sử dụng thủy lợi và cấp nước đòi hỏi phải có sự phối hợp tốt với các cơ quan liên quan và nhận được hỗ trợ từ các cơ quan này.	
3. Cần tăng cường năng lực và tập huấn cho các chuyên gia về thủy lợi và phát triển có sự tham gia. Một học viên về thủy lợi phải có khái niệm cơ bản về phát triển có sự tham gia và những kiến thức cơ bản về nông nghiệp tưới.	
4. Cần có những xem xét cụ thể cần để quản lý phân phối công bằng nguồn nước có hạn dựa trên các đề xuất phát triển do những người dân tộc thiểu số còn thiếu kinh nghiệm xây dựng. Ví dụ, phom mẫu của đề xuất càng đơn giản càng tốt và cộng đồng nào không hiểu tiếng Việt sẽ được hỗ trợ trong việc lập và soạn thảo đề xuất.	
5. Cần xây dựng đề án huy động quỹ phát triển để quản lý chương trình đã định.	

Lĩnh vực	Phát triển Đường Nông thôn		
Chương trình	Chương trình Bảo dưỡng Đường Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Quản lý Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn		
Thời gian thực hiện	6 năm (Pha 1: Dự án thí điểm; Pha 2: Mở rộng ra toàn Vùng)		
Mục tiêu / Khu vực	Vùng mục tiêu: Lai Châu-Huyện Phong Thổ, Điện Biên-huyện Tủa Chùa, Sơn La- Huyện Mai Sơn, Hòa Bình-Huyện Kỳ Sơn Nhóm Mục tiêu: Người dân các xã hưởng lợi		
Cơ quan thực hiện	Sở Giao thông, UBND huyện, UBND xã	Cơ quan hữu quan	Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở NN & PTNT

Mục tiêu

Mạng lưới đường nông thôn đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người thông qua việc cung cấp các kết nối tốt hơn tới các chợ, cơ sở giáo dục, y tế. Mạng lưới đường giúp đến được các chợ bên ngoài các vùng sâu vùng xa và tạo cơ hội việc làm. Mạng lưới đường góp phần phát triển công nghiệp nông thôn và tăng thu nhập của người dân. Do vậy, nhất thiết phải xây dựng mạng lưới đường nông thôn hiệu quả

Diện tích vùng Tây bắc chủ yếu là núi, nơi mà rất nhiều đường giao thông nông thôn không thể kết nối tới huyện lỵ và tỉnh lỵ. Ngoài ra, hầu hết các đường này không thể sử dụng trong mùa mưa. Do vậy rất nhiều thôn bản trở nên bị cô lập bởi không có đường giao thông kết nối. Mặc dù việc cải tạo và bảo dưỡng đường nông thôn do Sở Giao thông, Ủy ban Nhân dân huyện, Ủy ban Nhân dân xã và người dân địa phương tiến hành song chất lượng bảo dưỡng đường cũng như tỷ lệ cải tạo rất thấp do nguồn vốn địa phương cho các công việc này rất nhỏ.

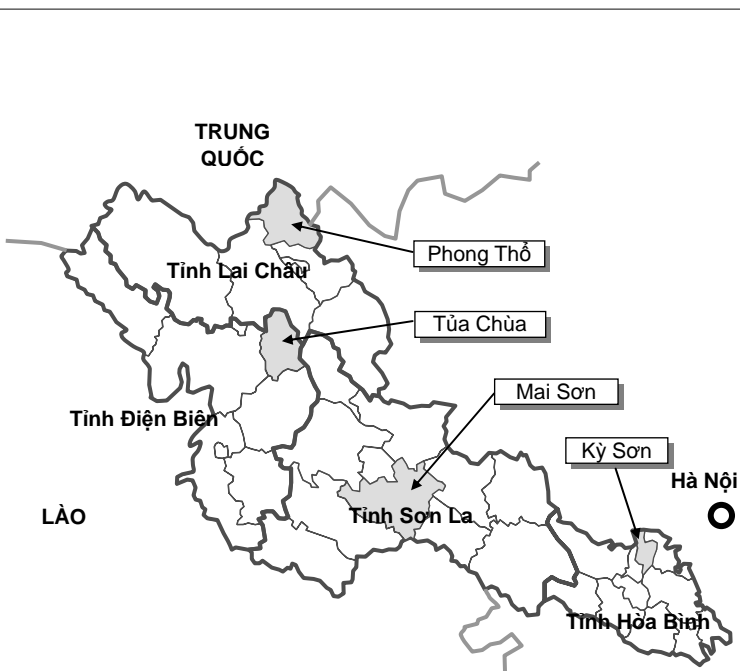
Xây dựng và cải tạo đường giao thông được Sở Giao thông thực hiện theo quy hoạch tổng thể đường của tỉnh, sử dụng vốn trong nước và nước ngoài bao gồm cả vốn từ SPL của JBIC. Kế hoạch hành động này không bao gồm các công việc này.

Mục tiêu của chương trình "Quản lý Vận hành và Bảo dưỡng Đường Nông thôn" (2010-2015) nhằm thiết lập một hệ thống quản lý, thúc đẩy sự tham gia của người dân và khai thác, quản lý các nguồn vốn một cách tối ưu để vận hành và bảo dưỡng các mạng lưới đường nông thôn bao gồm huyện lỵ, đường cấp xã, đường liên xã và đường liên thôn. Cụ thể các mục tiêu này là:

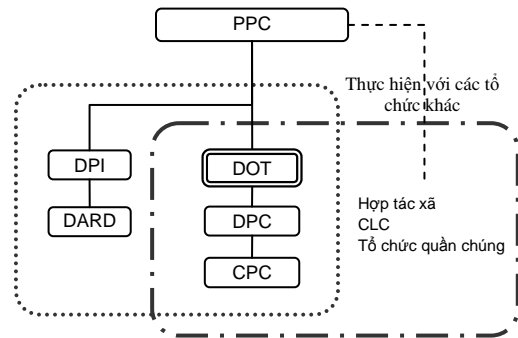
- 1) Nâng cao năng lực cán bộ chính quyền địa phương ở bốn tỉnh
- 2) Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin đường nông thôn và thiết lập mạng lưới các tổ chức liên quan như Sở Giao thông, UBND Huyện và UBND Xã để chia sẻ và trao đổi cơ sở dữ liệu
- 3) Soạn thảo hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng kết hợp với cán bộ và người dân địa phương
- 4) Tăng cường vận hành và bảo dưỡng đường với sự tham gia của người dân

Để lựa chọn các vùng mục tiêu, ưu tiên sẽ được dành cho các huyện và xã cần thực hiện ngay việc cải tạo đường theo xếp hạng của Sở Giao thông. Ưu tiên cũng sẽ được giành cho các xã đã đề xuất phát triển đường trong các Kế hoạch Phát triển Xã của họ hoặc các vùng nơi hiệu quả được phát huy thông qua sự phối hợp với các chương trình phát triển khác như sản xuất nông nghiệp, ngành nghề thủ công trong đó có lâm sản ngoài gỗ, du lịch nông thôn.

Khu vực Dự án: 4 Tỉnh Tây Bắc



Tổ chức



- PPC: UBND tỉnh
- DARD: Sở NN và PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch và đầu tư
- DOT: Sở Giao thông
- DPC: UBND Huyện
- CPC: UBND Xã
- WUO: Hội Người sử dụng Nước

Tóm tắt Dự án	
Mục tiêu tổng thể Cải tạo đường, gia tăng cơ hội việc làm và tạo thu nhập	Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Phát triển năng lực hành chính thông qua tập huấn về Vận hành và Bảo dưỡng đường nông thôn 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các đường hiện có và đường đề xuất 3. Soạn thảo hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng 4. Thực hiện các công việc sửa chữa đường với sự tham gia của người dân và thành lập tổ chức Vận hành và Bảo dưỡng
Mục tiêu của Dự án 1. Cải tạo hệ thống vận hành và bảo dưỡng đường nông thôn ở các vùng mục tiêu 2. Tăng cường mối quan tâm của người dân trong vận hành và bảo dưỡng đường nông thôn ở các vùng mục tiêu	
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu
	Năm
	1 2 3 4 5 6
1. Nâng cao năng lực của cán bộ hành chính ở các tỉnh TB 1-1 Tập huấn Quản lý cho các lãnh đạo về bảo dưỡng đường 1-1-1 Thu thập số liệu để lập kế hoạch Vận hành & Bảo dưỡng đường nông thôn 1-1-2 Kế hoạch bảo dưỡng đường hàng tháng và hàng năm do cán bộ chịu trách nhiệm 1-1-3 Hướng dẫn kỹ thuật cho giám sát và thiết bị xây dựng 1-1-4 Liệt kê các nhà thầu địa phương và thiết bị xây dựng 1-1-5 Tập huấn để thúc đẩy sự tham gia của người dân (hội thảo)	- Bản đồ đường nông thôn - Kế hoạch - Bài giảng - Danh sách - Hội thảo
2. Xây dựng cơ sở dữ liệu và mạng lưới điện tử (e-Networks) 2-1 Thu thập, xử lý và trao đổi thông tin 2-1-1 Cơ sở dữ liệu (địa điểm, thời gian xây dựng, tỷ lệ cải tạo, ghi chép Vận hành và Bảo dưỡng) 2-1-2 Giải thích về cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của huyện và xã 2-1-3 Mạng lưới cơ sở dữ liệu sẽ được chia sẻ và trao đổi bởi xã, huyện và tỉnh 2-1-4 Chuyên tạo các thông tin mới nhất tới người dân	- Cơ sở dữ liệu về bảo dưỡng đường - Cuộc họp giải thích - Hệ thống mạng lưới chung - Chia sẻ thông tin về đường
3. Soạn thảo Hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng 3-1 Thiết lập Hệ thống Vận hành và Bảo dưỡng và Soạn thảo Hướng dẫn 3-1-1 Các công tác chuẩn bị trước khi thiết lập Vận hành và Vào đường 3-1-2 Hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng kết hợp với cán bộ hành chính và người dân 3-1-3 Các hệ thống Vận hành và Bảo dưỡng thông qua thảo luận giữa các cán bộ và hội thảo 3-1-4 Nghiên cứu điều tra các nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương cho xây dựng đường 3-1-5 Thiết lập hệ thống huy động vốn 3-1-6 Xây dựng hệ thống giám sát	- Tăng cường kiến thức của cán bộ - Hướng dẫn - Hội thảo - Tài liệu - Hệ thống huy động vốn - Xây dựng cơ sở dữ liệu
4. Vận hành và Bảo dưỡng đường với sự Tham gia của người dân 4-1 Hội thảo và các Công tác Vận hành và Bảo dưỡng 4-1-1 Sự nhạy cảm của người dân đối với Vận hành và Bảo dưỡng đường 4-1-2 Soạn thảo sổ tay hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng (hàng ngày, khẩn cấp) 4-1-3 Tập huấn kỹ thuật về Vận hành và Bảo dưỡng 4-1-4 Trình diễn các công tác sửa chữa bởi người dân 4-1-5 Xây dựng bia kỹ niệm và trồng cây lưu niệm	- Tăng cường mối quan tâm của người dân - Sổ tay hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng - Năm vững kỹ thuật bởi người dân - Sửa chữa đường nông thôn - Bia kỹ niệm và trồng cây
Đầu vào	
1. Chuyên gia về 1-1 Phát triển xã hội 1-2 Cơ sở hạ tầng đường 1-3 Về cơ sở dữ liệu 1-4 Môi trường 1-5 Phát triển có sự tham gia 1-6 Giám sát và đánh giá dự án	2. Thiết bị và nguyên vật liệu 2-1 Thiết bị và nguyên vật liệu xây dựng 2-2 Biển báo và lan can 2-3 Bia kỹ niệm và trồng cây 3. Chi phí cho hội thảo 4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn kỹ thuật, vv...
Khuyến nghị	
1. Để nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương, việc tập huấn cho các cán bộ UBND Huyện và UBND xã chịu trách nhiệm về đường nông thôn được xếp hạng ưu tiên cao. 2. Số liệu cơ bản về đường nông thôn sẽ được chuyển sang các file điện tử sử dụng GIS, và sẽ được chia sẻ bằng mạng internet giữa các cán bộ của Sở Giao thông, UBND Huyện và UBND xã chịu trách nhiệm về Vận hành và Bảo dưỡng đường Nông thôn. 3. Sự tham gia của người dân địa phương không thể thiếu trong việc thiết lập tổ chức Vận hành và Bảo dưỡng đường nông thôn ở vùng núi. Để soạn thảo các hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng, ý kiến của người dân địa phương sẽ được lắng nghe trong các hội thảo. 4. Ở các vùng núi, chi phí xây dựng trên 1 km sẽ cao hơn ở các vùng đồng bằng. Vật liệu tại địa phương sẽ được sử dụng tối đa để làm đường. 5. Về yêu cầu vốn thường xuyên và khi khẩn cấp, hệ thống huy động quỹ đường nông thôn tại cấp cộng đồng sẽ được thiết lập. Thủ tục đơn giản và giải pháp nhanh nên được đưa vào hệ thống này.	

Lĩnh vực	Điện khí hoá Nông thôn		
Chương trình	Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo cho Điện khí hoá Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Dự án Thí điểm Áp dụng Năng lượng Tái tạo cho Điện khí hoá Nông thôn		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Mục tiêu: Lai Châu- Huyện Mường Tè, Điện Biên- Huyện Mường Nhé, Sơn La- Huyện Sông Mã Nhóm mục tiêu: các xã không có điện		
Cơ quan thực hiện	Sở Công thương, UBND huyện, UBND xã	Cơ quan hữu quan	Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở NN & PTNT

Mục tiêu

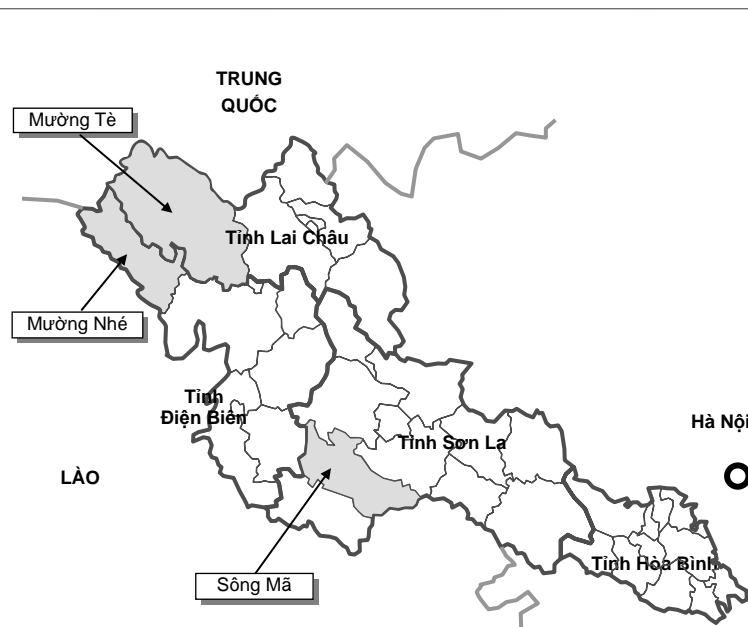
Những khó khăn thách thức trong phát triển điện khí hoá nông thôn ở các khu vực miền núi vùng sâu vùng xa bao gồm địa hình phức tạp, dân số thưa thớt, các xã nằm cách xa mạng lưới điện quốc gia. Việc thiết lập các đường dây chuyển tải điện và xây dựng các cơ sở phân phối đòi hỏi đầu tư rất lớn. EVN đưa ra các ưu tiên đầu tư cho a) các vùng nông thôn chưa có điện mà có thể dễ dàng tiếp cận các mạng lưới điện quốc gia hiện có b) các vùng đã có điện nơi mà thất thoát năng lượng điện đang ngày càng gia tăng do sự xuống cấp về thiết bị. Sở Công Thương các tỉnh đang thực hiện các dự án ưu tiên sử dụng vốn của nhà nước và của nước ngoài theo các tiêu chí trên.

Điện khí hoá ngoài điện lưới đã được thực hiện kết hợp với các dự án thủy lợi bởi các UBND Tỉnh, dưới sự cấp vốn và giám sát của Bộ NN và PTNT. Từ năm 1999, điện khí hóa ngoài mạng lưới điện quốc gia được thực hiện độc lập dưới sự chỉ đạo của UBND Tỉnh. Tuy nhiên, việc thiết lập hệ thống điện ngoài mạng lưới điện quốc gia do UBND Tỉnh thực hiện không được suôn sẻ do năng lực của cán bộ địa phương thấp trong việc xây dựng kế hoạch, huy động vốn và thực hiện dự án.

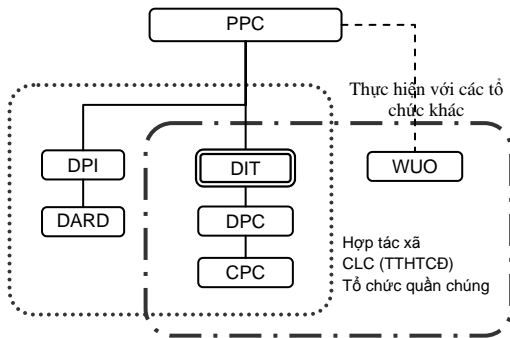
Mục đích của chương trình này là điện khí hoá cho các xã cách xa mạng lưới điện quốc gia bằng cách sử dụng năng lượng tái tạo. Trong dự án thí điểm, điện khí hoá dạng ngoài mạng lưới điện quốc gia sẽ được thực hiện bằng cách sử dụng các nguồn điện độc lập ở địa phương như thủy điện nhỏ, năng lượng mặt trời, năng lượng từ gió và biogas.

Để lựa chọn các vùng mục tiêu cho dự án thí điểm, ưu tiên sẽ được dành cho các xã cần có điện ngay (theo đề xuất của Sở Công Thương). Các xã này có tỷ lệ có điện khí hóa rất thấp, đã đề xuất điện khí hoá trong Kế hoạch Phát triển Xã (CDP), hoặc nằm ở những nơi có thể phát huy hiệu quả cao thông qua sự kết hợp với các chương trình phát triển khác như sản xuất nông nghiệp, ngành nghề thủ công trong đó có lâm sản ngoài gỗ và du lịch nông thôn.

Khu vực Dự án: 3 Tỉnh Vùng Tây Bắc



Tổ chức



- DARD: Sở NN và PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch và đầu tư
- DIT: Sở Công Thương
- DPC: UBND Huyện
- CPC: UBND Xã
- WUO: Hội Người sử dụng Nước

Tóm tắt Dự án								
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)						
<p>1. Mở rộng điện khí hoá nông thôn ở các vùng sâu vùng xa và nâng cao mức sống cho người dân tộc thiểu số</p> <p>2. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và vệ sinh công cộng</p>		<p>1. Tăng cường năng lực hành chính qua tập huấn, hội thảo</p> <p>2. Tiến bộ trong phát triển điện qua điện khí hoá dạng ngoài mạng lưới điện quốc gia</p> <p>3. Thực hiện các dự án mẫu về điện khí hoá nông thôn dưới sự lãnh đạo của Sở Công Thương và UBND Huyện</p> <p>4. Soạn thảo hướng dẫn về Vận hành và Bảo dưỡng các công trình điện có sự tham gia</p> <p>5. Góp phần làm giảm thải khí CO2 thông qua sử dụng năng lượng tái tạo</p>						
Mục tiêu của Dự án								
<p>1. Tăng tỷ lệ điện khí hoá ở các vùng mục tiêu</p> <p>2. Nâng cao năng lực xây dựng các dự án điện khí hoá</p>								
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu	Năm					
			1	2	3	4	5	6
<p>Nâng cao năng lực của hành chính ở 4 tỉnh TB</p> <p>1 Tập huấn cán bộ về xây dựng dự án điện khí hoá nông thôn</p> <p>1-1-1 Thu thập số liệu về chương trình điện khí hoá nông thôn</p> <p>1-1-2 Thu thập thông tin về huy động vốn cho chương trình điện khí hoá nông thôn</p> <p>1-1-3 Phát triển nguồn nhân lực về quản lý và giám sát việc nghiên cứu, thực hiện công trình và kiểm tra giám sát</p> <p>1-1-4 Nghiên cứu điều tra về các nhà thầu tại địa phương và trang thiết bị, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương</p> <p>1-1-5 Tập huấn để tăng cường sự tham gia của người dân (thông qua hội thảo)</p> <p>Điều tra và Phân tích Điện khí hoá Nông thôn dạng ngoài mạng lưới điện quốc gia</p> <p>2-1 Nghiên cứu về phát triển điện bằng cách áp dụng năng lượng tái tạo</p> <p>2-1-1 Tiềm năng về thủy điện quy mô nhỏ (nguồn nước, địa điểm, công suất)</p> <p>2-1-2 Khả năng về năng lượng mặt trời, gió và biogas</p> <p>2-1-3 Giải thích về điện khí hoá nông thôn cho cán bộ huyện và xã</p> <p>2-1-4 ước tính chi phí về lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng</p> <p>2-1-5 Tư vấn cho các cán bộ của Sở Công nghiệp và Thương mại về quản lý số liệu về các nguồn điện dạng ngoài mạng lưới điện quốc gia</p> <p>Xây dựng Dự án cho Điện khí hoá xã</p> <p>3-1 Xây dựng và thực hiện dự án</p> <p>3-1-1 Tập huấn về lập kế hoạch dự án (tư vấn bởi các chuyên gia, điều tra khảo sát vị trí)</p> <p>3-1-2 Giải thích về tạo năng lượng tái tạo bởi Sở Công nghiệp và Thương mại, UBND Huyện và UBND Xã</p> <p>3-1-3 Thành lập ban điều hành (cán bộ chính quyền địa phương và người dân địa phương)</p> <p>3-1-4 Soạn thảo các đề xuất về điện khí hoá bằng cách sử dụng năng lượng tái tạo</p> <p>3-1-5 Lắp đặt trang thiết bị và chuyển giao kỹ thuật vận hành và bảo dưỡng</p> <p>3-1-6 Thiết lập vận hành và bảo dưỡng và giáo sát</p> <p>Vận hành và Bảo dưỡng Nguồn Điện ngoài mạng lưới điện quốc gia với sự tham gia của người dân</p> <p>4-1 Thiết lập các Hệ thống vận hành và bảo dưỡng và soạn thảo hướng dẫn</p> <p>4-1-1 Hội thảo về vận hành và bảo dưỡng được tiến hành bởi người dân địa phương</p> <p>4-1-2 Soạn thảo sổ tay hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng (hàng ngày, khẩn cấp)</p> <p>4-1-3 Hội thảo kỹ thuật về vận hành và bảo dưỡng</p> <p>4-1-4 Tiết kiệm để sửa chữa bởi người dân địa phương (thiết lập hệ thống cộng tác)</p> <p>4-1-5 Xây dựng các tiện nghi bảo vệ và củng cố trang thiết bị</p>		<p>- Liệt kê các hộ chưa có điện</p> <p>- Danh sách các nhà tài trợ và NGOs</p> <p>- Nâng cao năng lực về lập kế hoạch và thực hiện</p> <p>- Các danh sách</p> <p>- Hội thảo</p> <p>- Lựa chọn địa điểm</p> <p>- Số liệu phân tích</p> <p>- Hợp giải thích</p> <p>- Dự toán chi phí</p> <p>- Thiết lập cơ sở dữ liệu</p> <p>- Nâng cao năng lực viết đề xuất dự án</p> <p>- Nâng cao nhận thức của người dân</p> <p>- Hội thảo</p> <p>- Đề xuất</p> <p>- Thiết bị dạng ngoài mạng lưới quốc gia</p> <p>- Nâng cao hiệu quả Vận hành và Bảo dưỡng</p> <p>- Hội thảo</p> <p>- Sổ tay hướng dẫn Vận hành và Bảo dưỡng</p> <p>- Nắm vững kỹ thuật</p> <p>- Thay thế thiết bị do người dân</p> <p>- Phương tiện để bảo vệ khỏi gió và mưa</p>						
Đầu vào								
<p>1. Chuyên gia về</p> <p>1-1 Phát triển xã hội</p> <p>1-2 Tạo năng lượng tái tạo</p> <p>1-3 Về soạn thảo sổ tay hướng dẫn O&M</p> <p>1-4 Môi trường</p> <p>1-5 Phát triển có sự tham gia</p> <p>1-6 Giám sát và đánh giá dự án</p>		<p>2. Thiết bị và nguyên vật liệu</p> <p>2-1 Thiết bị và vật liệu cho phát điện và phân phối điện</p> <p>2-2 Chi phí cho bảo vệ khỏi gió và mưa</p> <p>2-3 Bia ký niệm và trồng cây</p> <p>3. Chi phí hội thảo</p> <p>4. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn kỹ thuật, vv...</p>						
Khuyến nghị								
<p>1. Phát triển điện ngoài lưới điện quốc gia thông qua việc dùng năng lượng tái tạo sẽ được bàn bạc và phối hợp chặt chẽ với cán bộ chịu trách nhiệm tại từng tỉnh, có xét tới thực trạng mỗi tỉnh có cách xử lý năng lượng tái tạo riêng.</p> <p>2. Các nguồn điện ngoài điện lưới quốc gia sẽ được phát triển độc lập ở các vùng chưa được điện khí hóa nằm xa lưới điện quốc gia. Nhiệm vụ chính của dự án này là chú trọng khai thác và áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo sẵn có trong các thôn mục tiêu.</p> <p>3. Nghiên cứu sản xuất thủy điện quy mô cực nhỏ sẽ có giá trị lớn; ví dụ nghiên cứu khả năng thực hiện một dự án đa mục tiêu kết hợp với thủy lợi và cấp nước.</p> <p>4. Việc lựa chọn hình thức ngoài điện lưới phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tài chính, tính tự nguyện trả tiền điện của người dân địa phương cũng như các giới hạn về mặt kỹ thuật. Trước khi lựa chọn, người dân cần được giải thích về dự án để khẳng định rằng họ sẵn sàng chi trả các chi phí điện.</p>								

Lĩnh vực	Tăng cường Năng lực cho Quản lý hành chính Công		
Chương trình	Chương trình Tăng cường Năng lực Quản lý Phát triển Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Tăng cường Năng lực cho việc Xây dựng Kế hoạch 5 năm về Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn		
Thời gian thực hiện	1 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Một người/cán bộ từ mỗi phòng ban của bộ phận hành chính (bao gồm 5 phòng: hành chính, kế hoạch và đầu tư, v.v.) và bộ phận dịch vụ (bao gồm 6 phòng: khuyến nông, lâm nghiệp, thủy lợi và nước sạch, v.v.) ở 4 Sở NN và PTNT ở vùng Tây Bắc. 11 người/cán bộ mỗi tỉnh x 4 tỉnh = tổng số là 44 người/cán bộ		
Cơ quan thực hiện	Sở NN-PTNT, Sở KHĐT 4 tỉnh Tây Bắc	Cơ quan hữu quan	Sở NN-PTNT, Sở KHĐT

Mục tiêu

Xây dựng Kế hoạch Phát triển Cộng đồng (CDP) đã được thực hiện tại 32 xã lựa chọn ở tất cả các huyện trong 4 tỉnh theo kế hoạch của JICA. Sau khi hoàn thành xây dựng tất cả các Kế hoạch Phát triển Xã, Hội thảo rà soát Kế hoạch Phát triển xã đã được thực hiện tại mỗi tỉnh, các cán bộ NN và PTNT của tỉnh và huyện và cán bộ của Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham gia. Trong hội thảo này, sự đồng thuận đã được đưa ra về 1) tầm quan trọng của việc xây dựng kế hoạch phát triển áp dụng phương pháp có sự tham gia và 2) thúc đẩy chương trình phát triển nguồn nhân lực trong phát triển có sự tham gia.

Trên cơ sở đó, chương trình này nhằm mục đích phát triển năng lực của những người quản lý các dự án phát triển với một nhận thức toàn diện. Sau khi được phát triển năng lực, họ sẽ sử dụng các phương pháp có sự tham gia trong việc xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh, thực hiện các hoạt động của kế hoạch đó, và giám sát các hoạt động theo phương thức dân chủ, phản ánh rõ quan điểm của người dân địa phương. Bốn (4) dạng phát triển năng lực sẽ được thực hiện; 1) nhận thức toàn diện về các hoạt động phát triển trong tỉnh, 2) xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh mà sẽ là cơ sở của Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDP), 3) giám sát và đánh giá các dự án phát triển và 4) các phương pháp phát triển có sự tham gia trong lập kế hoạch phát triển nông nghiệp. Phát triển năng lực trong chương trình này không tiến hành trong phòng học, nơi những người tham gia cần phải nhớ các lý thuyết được viết trong sách giáo khoa. Thay vào đó, những người tham gia sẽ học thông qua kinh nghiệm bằng cách tham gia vào công việc thực tế trong một năm. Các hoạt động của kế hoạch hành động này được tóm tắt như sau:

- 1) Mặc dù rất nhiều dự án phát triển đang được chính phủ Việt Nam, các Tổ chức Phi Chính Phủ và các cơ quan quốc tế đang thực hiện trong tỉnh, không có văn phòng/cơ quan địa phương nào giữ và quản lý thông tin tổng hợp trong tất cả các hoạt động dự án phát triển được thực hiện trong tỉnh. Việc thu thập và tổ chức thông tin về các hoạt động phát triển trong tỉnh là một nhiệm vụ rất có giá trị và có thể đặt nền tảng cho lập kế hoạch phát triển nông nghiệp.
- 2) Sau khi nhận thức thông suốt rõ ràng và phân tích lĩnh vực nông nghiệp trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2006-2010, các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho 5 năm tiếp theo sẽ được thiết lập. Các mục tiêu sẽ mang tính thực tế và gắn chặt với các điều kiện nông nghiệp thực tế của tỉnh. Dựa trên các mục tiêu đó, các kế hoạch phát triển tiểu lĩnh vực, kế hoạch cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp, dịch vụ khuyến nông, công nghiệp địa phương, tổ chức nông dân, ngân sách và nhân sự tương ứng sẽ được thiết lập.
- 3) Giám sát và đánh giá, một nhiệm vụ quan trọng trong quản lý dự án, là một trong những giai đoạn của chu kỳ dự án. Khuôn khổ giám sát được xây dựng để kiểm tra tiến độ thực hiện và kiểm tra tính hiệu quả của các dự án được xây dựng ở mục 2) trên. Bởi GIS đã được thừa nhận rộng rãi là một trong những công cụ hiệu quả cho việc giám sát, có thể phối hợp với chương trình 8.2 Chương trình Quản lý Thông tin Nông thôn.
- 4) Ở Việt Nam, các dự án phát triển được cho là được thực hiện theo sự phân quyền của chính phủ với sự tham gia của người dân địa phương. Mặc dù vậy, phát triển có sự tham gia vẫn chưa được xây dựng tốt bởi nó chưa được quán triệt sâu sắc bởi những người làm công tác phát triển.

Trong chương trình này, các phương pháp có sự tham gia được sử dụng trong việc lập kế hoạch phát triển nông nghiệp và các cuộc họp tham vấn chung. Trong cuộc họp tham vấn, những người nông dân chủ chốt, cán bộ huyện và xã, những người từ các cơ quan tài trợ và tổ chức Phi Chính phủ, v.v. đều đưa ra ý kiến trong dự thảo kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh. Kết quả của các cuộc họp tham vấn được trình bày trong dự thảo cuối cùng.

<p>Khu vực Dự án: 4 Tỉnh Tây Bắc</p>	<p>Tổ chức</p> <p>Phối hợp với các cơ quan liên quan</p> <p>Thực hiện với các tổ chức khác</p> <p>Nhóm người sử dụng nước Hợp tác xã</p> <p>PPC: Ủy ban Nhân dân Tỉnh DARD: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư DOT: Sở Giao thông DPC: UBND Huyện CPC: UBND Xã</p>
---	---

Tóm tắt Dự án		
Mục tiêu tổng thể Cán bộ Sở NN và PTNT quản lý các dự án phát triển nông nghiệp trong tỉnh theo cách bền vững và toàn diện cùng với sự nhận thức rõ ràng một dự án được tạo nên qua các giai đoạn lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá.		Kết quả Dự kiến (Thành quả) 1. Các dự án phát triển tại mỗi tỉnh được tổ chức/hệ thống hoá 2. Kế hoạch phát triển nông nghiệp cho Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDP) 2011-2015 được xây dựng 3. Khuôn khổ giám sát kế hoạch phát triển nông nghiệp được thiết lập 4. Kế hoạch phát triển nông nghiệp được xây dựng áp dụng phương pháp có sự tham gia
Mục tiêu của Dự án 1. Cán bộ Sở NN và PTNT hiểu các hoạt động phát triển nông thôn trong tỉnh một cách toàn diện 2. Năng lực của cán bộ Sở NN và PTNT về lập kế hoạch phát triển nông nghiệp được tăng cường 3. Kiến thức của cán bộ Sở NN và PTNT về giám sát và đánh giá các dự án phát triển được tăng cường/củng cố 4. Cán bộ Sở NN và PTNT quán triệt phát triển có sự tham gia		
Các hoạt động	Báo cáo và Tài liệu	Năm 1
1. Phát triển Năng lực về nhận thức toàn diện các dự án/hoạt động phát triển trong một tỉnh 1-1 Thiết lập một danh sách các dự án/hoạt động phát triển trong một tỉnh 1-1-1 Nghiên cứu cơ bản về các dự án phát triển của chính phủ Việt Nam, các Tổ chức Phi Chính phủ và các tổ chức quốc tế 1-1-2 Tổ chức các dự án phát triển thực hiện trong một tỉnh 2. Phát triển năng lực về lập kế hoạch phát triển nông nghiệp 2-1 Nhận biết về xây dựng các biện pháp lập kế hoạch phát triển nông nghiệp 2-1-1 Rà soát và đánh giá lĩnh vực nông nghiệp trong SEDP 2006-2010 (phân tích cơ cấu vấn đề) 2-1-2 Hình thành các mục tiêu phát triển để xây dựng SEDP 2011-2015 2-1-3 Hình thành các mục tiêu phát triển cho mỗi tiểu ngành (trồng trọt, chăn nuôi, ngư nghiệp và lâm nghiệp) 2-1-4 Xây dựng kế hoạch cơ sở hạn tăng nông nghiệp (thuỷ lợi, nước sạch nông thôn, điện khí hoá nông thôn thông qua sử dụng năng lượng có thể thay mới, thị trường) 2-1-5 Xây dựng kế hoạch thực hiện dịch vụ trợ giúp nông nghiệp (mở rộng kỹ thuật nông nghiệp, thử nghiệm và nghiên cứu, dịch vụ tài chính, thông tin thị trường và phân phối, thú y, nuôi cá, v.v..) 2-1-6 Xây dựng kế hoạch thúc đẩy công nghiệp địa phương 2-1-7 Xây dựng kế hoạch tăng cường/củng cố tổ chức nông dân 2-1-8 Xây dựng các kế hoạch khác về phát triển nông nghiệp 2-1-9 Tính toán/đánh giá ngân sách đầu tư phát triển và ngân sách hoạt động cho kế hoạch phát triển nông nghiệp 2-1-10 Xây dựng các kế hoạch tổ chức và bố trí nhân sự cho kế hoạch phát triển nông nghiệp 2-1-11 Soạn thảo dự thảo cuối cùng kế hoạch phát triển nông nghiệp 3. Phát triển Năng lực giám sát và đánh giá 3-1 Thiết lập khuôn khổ giám sát 3-1-1 Rà soát/không định việc giám sát trong một chu kỳ dự án 3-1-2 Thiết lập khuôn khổ giám sát cho kế hoạch phát triển nông nghiệp 2011-2015 4. Xây dựng năng lực về phương pháp phát triển có sự tham gia trong lập kế hoạch phát triển nông nghiệp 4-1 Xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp thông qua áp dụng các phương pháp có sự tham gia 4-1-1 Rà soát/không định phương pháp lập kế hoạch phát triển có sự tham gia 4-1-2 Rà soát các kế hoạch phát triển nông nghiệp huyện trong một tỉnh 4-1-3 Tổ chức các cuộc họp tham vấn về dự thảo kế hoạch phát triển nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các dự án, báo cáo phát triển - Tổ chức các dự án phát triển, nhận biết tầm quan trọng của nó - Hướng các dự án phát triển, nhận biết toàn diện - Kế hoạch, báo cáo phát triển - Nhận biết lĩnh vực nông nghiệp trong SEDP; vị trí và nội dung của lĩnh vực này - Khẳng định hướng phát triển nông nghiệp trong tỉnh - Tổ chức và công nhận các cách thức để thực hiện các mục tiêu phát triển - nhận thức sự kết nối và cân bằng giữa kế hoạch, ngân sách và bố trí nhân sự - Nhận biết phương pháp xây dựng dân chủ đối với lập kế hoạch phát triển (bao gồm kết quả của cuộc họp tham vấn) - Khuôn khổ giám sát, báo cáo - Thừa nhận tầm quan trọng của giám sát - Thiết lập các hạng mục giám sát kế hoạch phát triển - Báo cáo và ghi chép của cuộc họp tham vấn - Nhận biết và công nhận phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia - Nhận biết toàn diện kế hoạch phát triển của huyện - Kinh nghiệm sử dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia 	
Đầu vào	1. Chuyên gia về 1-1 Lập kế hoạch phát triển nông nghiệp/quản lý dự án 1-2 Phát triển có sự tham gia 1-3 Giám sát và đánh giá	2. Chi phí cho hội thảo và tập huấn 3. Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn kỹ thuật, vv... 4. Máy tính cá nhân, thiết bị Internet 5. Chi phí cho nghiên cứu và phân tích
Khuyến nghị		
1. Tư vấn địa phương, những người chuyên về đào tạo hỗ trợ phát triển và quản lý dự án sẽ được thuê làm chuyên gia cho phía nhà tài trợ, nếu có thể. 2. Các kế hoạch phát triển cần được lập xây dựng một cách kỹ lưỡng, đặc biệt chú ý phải phù hợp với kế hoạch quốc gia. 3. Phát triển năng lực giám sát chú trọng vào các lý thuyết như tầm quan trọng của việc giám sát và mối quan hệ của nó với kế hoạch phát triển. Các phương pháp giám sát thực tế sẽ được dạy trong Chương trình Quản lý Thông tin Nông thôn. 4. Vùng Tây Bắc đặc trưng bởi tính chất đa dạng về dân tộc và văn hóa, nên thành phần người dân tham gia họp tham vấn cộng đồng cũng rất đa dạng (về dân tộc, giới, nông dân vùng cao, nông dân vùng thấp, già làng/trưởng bản...) Cuộc họp nên được sắp xếp chu đáo, tránh để cán bộ và nam giới lấn át cuộc thảo luận.		

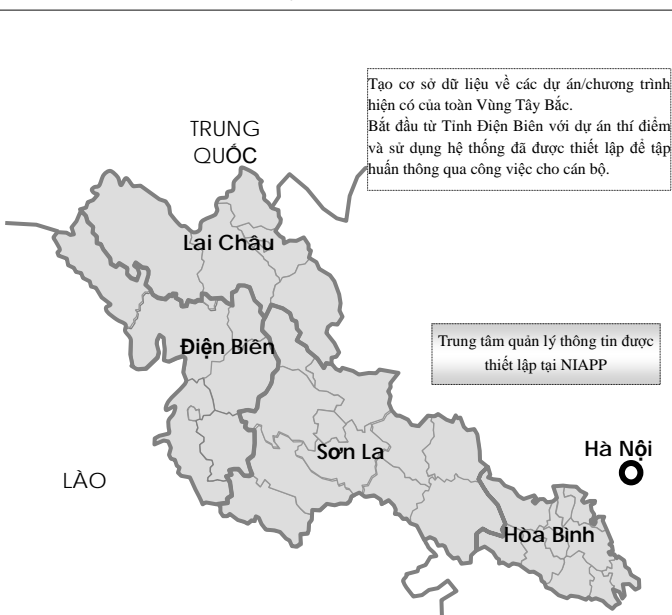
Lĩnh vực	Tăng cường Năng lực cho Quản lý hành chính Công		
Chương trình	Chương trình Nâng cao Năng lực Quản lý Phát triển Nông thôn		
Kế hoạch Hành động	Chương trình Xây dựng Cơ sở Dữ liệu Thông tin Nông thôn ở Vùng Tây Bắc		
Thời gian thực hiện	6 năm		
Mục tiêu / Khu vực	Pha I: Tỉnh Điện Biên Pha II: 3 Tỉnh Tây Bắc (Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu) Nhóm mục tiêu: Người dân và Cán bộ chính quyền của Vùng Tây Bắc.		
Cơ quan thực hiện	NIAPP	Cơ quan hữu quan	Bộ NN & PTNT, Bộ Kế hoạch và DT, Bộ LĐTB&XH, Ủy ban Dân tộc Miền Núi và các nhà tài trợ (UNDP, AusAID, WB (Ngân hàng Thế giới, v.v.)

Mục tiêu

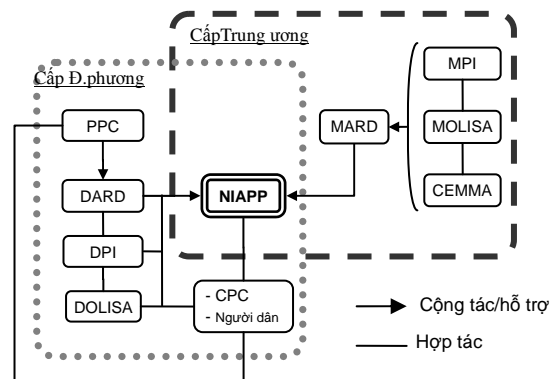
Kế hoạch hành động này được chia thành Pha I (2010-2012) và Pha II (2013-2015) là Nâng cao Năng lực Giám sát và Đánh giá trong Chương trình Giảm nghèo ở Vùng Tây Bắc. Kế hoạch này nhằm mục đích thiết lập một hệ thống thông tin thống nhất để giám sát và đánh giá chương trình, xây dựng phương pháp Quản lý Chu kỳ Dự án (PCM) từ giai đoạn lập kế hoạch dự án đến giai đoạn đánh giá, và phát triển nguồn nhân lực để quản lý và duy trì hệ thống. Pha I lấy Tỉnh Điện Biên là vùng dự án thí điểm để thiết lập hệ thống và mở rộng sang 3 tỉnh còn lại trong nghiên cứu Pha II. Kế hoạch hành động này được thực hiện thông qua các quá trình sau:

- 1. Điều tra Chương trình Giảm Nghèo hiện có (Giai đoạn I-1):** Do thiếu hệ thống giám sát và đánh giá nhằm quản lý tốt thông tin cơ bản về các chương trình nên tác động và hiệu quả của các chương trình đã không được đánh giá đầy đủ và phù hợp, mặc dù có rất nhiều chương trình giảm nghèo đã và đang được thực hiện. Trong giai đoạn I, thông tin cơ bản của các chương trình đã và đang được thực hiện sẽ được thu thập và quản lý thông qua việc tạo lập một cơ sở dữ liệu chương trình tập trung ở tỉnh Điện Biên như một dự án thí điểm, với các bước như sau: Xem xét phương pháp điều tra, Tập huấn điều tra viên thực địa, Thu thập số liệu thực địa và từ các nhà tài trợ khác, và Thẩm tra các số liệu thu thập được.
- 2. Xây dựng Phương pháp Giám sát và Đánh giá Chương trình (Giai đoạn I-2):** Việc chưa có tiêu chuẩn về quản lý, giám sát và đánh giá sau khi thực hiện chương trình dường như khiến cho một số công trình không thể được khai thác bởi những người hưởng lợi. Trong giai đoạn I-2, biện pháp PCM sẽ được giới thiệu nhằm quản lý các chương trình từ lập kế hoạch đến giám sát và đánh giá trong giai đoạn sau khi thực hiện chương trình. Trong giai đoạn II, một hệ thống thông tin tập trung về chương trình giảm nghèo sẽ được thiết lập sử dụng GIS. Hệ thống này nhằm giám sát và đánh giá hiệu quả các chương trình thông qua việc tập huấn vận hành, bảo dưỡng sử dụng hệ thống.
- 3. Nâng cao Năng lực Quản lý Chương trình Giảm Nghèo (Giai đoạn I-3):** Hiện chưa có khung thể chế cho việc điều phối giữa các bộ và tỉnh trong các nhiệm vụ hoạt động, giám sát và đánh giá. Thêm vào đó, hiệu quả và tác động của các chương trình cũng không được đánh giá đầy đủ do thiếu hệ thống giám sát và đánh giá cũng như năng lực còn hạn chế của cán bộ. Bởi thế, khung hệ thống quản lý theo cách tiếp cận có tổ chức sẽ được xem xét và thiết lập. Kế đó, việc hỗ trợ tăng cường năng lực (đào tạo nhân lực) sẽ được cung cấp cho đơn vị quản lý hệ thống (NIAPP) và đơn vị sử dụng hệ thống (DARD).
- 4. Mở rộng ở 3 tỉnh còn lại (Pha II):** Hệ thống được thiết lập trong Pha I cho Tỉnh Điện Biên được mở rộng sang 3 tỉnh còn lại. Ngoài ra, việc thẩm tra và cải thiện hệ thống sẽ được thực hiện trong giai đoạn này.

Khu vực Dự án: 4 Tỉnh Tây Bắc



Tổ chức



- NIAPP: Viện QH và TKNN
- PPC: UBND Tỉnh
- DARD: Sở NN & PTNT
- DPI: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- DOLISA: Sở LĐTB & XH
- CPC: UBND Xã
- CEMMA: Ủy ban Dân tộc & Miền núi

Tóm tắt Dự án									
Mục tiêu tổng thể		Kết quả Dự kiến (Thành quả)							
<ul style="list-style-type: none"> - Các Chương trình Giảm Nghèo ở Vùng Tây Bắc được vận hành và quản lý hợp lý. - Năng lực quản lý của cán bộ nhà nước được nâng cao. 		<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu các chương trình giảm nghèo được tạo lập, theo đó, hiện trạng về các dự án đã được Chính phủ và các nhà tài trợ thực hiện được nêu rõ. 2. Hệ thống thông tin tập trung của Chương trình Giảm Nghèo được thiết lập. 3. Phương pháp Quản lý Chu kỳ Dự án được áp dụng trong quản lý dự án từ giai đoạn lập kế hoạch đến đánh giá dự án. 4. Năng lực quản lý hành chính của các cán bộ Vùng Tây Bắc được nâng cao. 							
Mục tiêu của Dự án									
<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống Giám sát và Đánh giá cho các Chương trình Giảm Nghèo được thiết lập tại NIAPP ở cấp cơ quan trung ương. - Hệ thống thông tin tập trung của các Chương trình Giảm Nghèo được thiết lập và quản lý thích hợp từ khâu lập kế hoạch đến đánh giá dự án. 									
Các hoạt động		Báo cáo và Tài liệu		Năm					
				1	2	3	4	5	6
1. Điều tra Chương trình Giảm Nghèo Hiện có 1-1 Xem xét biện pháp điều tra 1-2 Tập huấn điều tra thực địa 1-3 Thu thập số liệu của các dự án/chương trình giảm nghèo đang thực hiện 1-4 Thu thập thông tin từ các tổ chức tài trợ 1-5 Thẩm tra các số liệu thu thập 2. Giám sát và Đánh giá Chương trình Giảm Nghèo 2-1 Thiết lập Hệ thống Quản lý Chương trình Giảm Nghèo (Pha I) 2-1-1 Xem xét khuôn khổ quản lý Chương trình Giảm Nghèo 2-1-2 Tập huấn Quản lý Chương trình Giảm Nghèo 2-1-3 Làm số tay hướng dẫn Quản lý Chương trình Giảm Nghèo 2-2 Thiết lập Hệ thống Vận hành và Bảo dưỡng (O&M) Chương trình Giảm Nghèo (GIS) (Pha I & II) 2-2-1 Xem xét Hệ thống Vận hành và Bảo dưỡng (O&M) Chương trình Giảm Nghèo 2-2-2 Thiết lập Hệ thống Vận hành và Bảo dưỡng (O&M) Chương trình Giảm Nghèo 2-2-3 Tập huấn sử dụng Hệ thống O&M Chương trình Giảm Nghèo 2-2-4 Làm số tay hướng dẫn hệ thống O&M Chương trình Giảm Nghèo 3. Nâng cao năng lực Quản lý Chương trình Giảm Nghèo 3-1 Nâng cao năng lực quản lý dự án: Nhà Quản lý hệ thống (NIAPP) (Pha I) 3-1-1 Thiết lập phương pháp Quản lý Chu kỳ Dự án 3-1-2 Tập huấn về sử dụng hệ thống 3-1-3 Tập huấn về vận hành và bảo dưỡng hệ thống 3-2 Nâng cao năng lực quản lý dự án: Người sử dụng hệ thống (Sở NN & PTNT) (Pha I & II) 3-2-1 Tập huấn về Quản lý Chu kỳ Dự án 3-2-2 Tập huấn về sử dụng hệ thống 4. Nâng cấp hệ thống và mở rộng hệ thống sang 3 tỉnh còn lại 4-1 Nâng cao kỹ năng về Chương trình Giảm Nghèo, PCM (Quản lý Chu kỳ Dự án) (Pha I & II) 4-1-1 Tạo cơ sở dữ liệu bằng cách sử dụng hệ thống đã được thiết lập 4-1-2 Lập kế hoạch và rà soát các chương trình giảm nghèo mới 4-1-3 Giám sát và đánh giá chương trình hiện có bằng cách sử dụng hệ thống đã được thiết lập 4-1-4 Xem xét khuôn khổ giám sát và đánh giá 4-1-5 Thẩm tra và cài tạo Hệ thống Quản lý Chương trình Giảm Nghèo		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay điều tra - Hội thảo/tập huấn - Chương trình Giảm Nghèo D/B (ODA và chương trình của chính phủ) - Khởi động ban nghiên cứu - Hội thảo/tập huấn - Sổ tay, sách giáo khoa - Khởi động ban nghiên cứu - Hệ thống Quản lý Giảm Nghèo - Tập huấn cán bộ - Sổ tay, sách giáo khoa - Khởi động ban nghiên cứu - Khuyến khích sử dụng rộng rãi hệ thống - Sổ tay, sách giáo khoa - Khuyến khích sử dụng rộng rãi hệ thống - Sổ tay, sách giáo khoa - Cải thiện hệ thống - Chỉ tiêu đánh giá dự án - Tiêu chuẩn thẩm định chương trình - Giám sát/đánh giá - Hệ thống Quản lý Vận hành 							
Đầu vào									
<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyên gia về <ol style="list-style-type: none"> 1-1 Trưởng đoàn/chuyên gia phát triển nông thôn 1-2 Chuyên gia GIS/Giám sát 1-3 Chuyên gia kinh tế/tài chính 1-4 Chuyên gia phát triển có sự tham gia 1-5 Chuyên gia về thể chế 		<ol style="list-style-type: none"> 2. Nguyên vật liệu <ol style="list-style-type: none"> 2-1 Nguyên vật liệu thu thập số liệu các chương trình hiện có 2-2 Nguyên vật liệu cho phát triển cơ sở dữ liệu 2-3 Nguyên vật liệu cho vận hành và bảo dưỡng hệ thống 3. Hệ thống GIS (thiết lập trên cơ sở hợp đồng phụ) 4. Chi phí tập huấn (hội thảo, thực địa, v.v...) 5. Chi phí điều tra về các chương trình giảm nghèo hiện nay 							
Khuyến nghị									
<ol style="list-style-type: none"> 1. Cần có sự hỗ trợ tổng thể với sự phối kết hợp của các bộ ngành hữu quan. 2. Ban nghiên cứu cần được thiết lập trong giai đoạn đầu của chương trình này nhằm xác định bố trí thể chế, về vai trò, trách nhiệm của mỗi tổ chức. 3. Phương pháp Quản lý Chu kỳ Dự án cần được giới thiệu và đưa vào trong dự án để thiết lập hệ thống thông tin tập trung nhằm cung cấp khung quản lý dự án toàn diện. 4. Cần phải tiến hành một cuộc điều tra tìm hiểu thực tế về các chương trình giảm nghèo được thực hiện ở vùng Tây Bắc có xét đến việc tạo lập cơ sở dữ liệu với ứng dụng GIS. Cần đánh giá điều kiện vật chất/hạ tầng cơ sở để thiết lập các kênh thông tin để nhờ đó người dân trong xã có thể đánh giá và báo cáo điều kiện hiện tại. 5. Hệ thống nên được thiết lập thông qua tham vấn chặt chẽ với người xây dựng hệ thống, người quản lý và người sử dụng hệ thống. Theo đó hệ thống có thể được vận hành và quản lý bởi chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc. 									